

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE



(Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 12 năm 2020)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 125 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 8 năm 2021)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

TECHCOMSECURITIES



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ____ tháng ____ năm 2021 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6256 3862 Fax: +84 28 3827 4115

Website: <https://masanmeatlife.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3944 6368 Fax: +84 24 3944 6583

Website: www.tcbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đỗ Thị Thu Nga

Chức vụ: Giám đốc Pháp chế của Tổ Chức Phát Hành

Số điện thoại: +84 28 6256 3862

CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN
MEATLIFE

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
DN: E=TAMNT47@VIETTEL.COM.VN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0311224517, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
MEATLIFE, L=TPHCM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2021.08.06 20:13:39+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

(Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 12 năm 2020)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Dưới đây là các thông tin tóm tắt về các điều khoản và điều kiện chính của các trái phiếu được chào bán theo bản cáo bạch này (sau đây gọi là “**Bản Cáo Bạch**”), có thời hạn 60 (sáu mươi) tháng dự kiến phát hành trong Quý III năm 2021. Để biết thêm các thông tin chi tiết liên quan đến các điều khoản và điều kiện của từng loại Trái Phiếu, vui lòng xem Phần VI có tiêu đề “**THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**” của Bản Cáo Bạch này.

Tên trái phiếu	: Trái Phiếu MMLB2126001 (“ Trái Phiếu ”)
Loại trái phiếu	: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.
Lãi suất	: Theo Điều 7 Phần VI – Thông Tin Về Đợt Chào Bán của Bản Cáo Bạch này
Mệnh giá	: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
Kỳ hạn trái phiếu	: mỗi Trái Phiếu có kỳ hạn là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày phát hành của Trái Phiếu đó
Tổng số lượng trái phiếu chào bán	: 19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm) Trái Phiếu
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	: 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:**Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương**

- Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3944 6368
- Fax: (84-4) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

(sau đây gọi là “**Tổ Chức Tư Vấn**” hoặc “**Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành**”)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**Công Ty TNHH KPMG**

- Địa chỉ: Tầng 46, Tòa Nhà Keangnam, Landmark Tower, E6, Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 3946 1600
- Website: <https://home.kpmg.com>

TỔ CHỨC LƯU KÝ**Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương**

- Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3944 6368
- Fax: (84-24) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ (trong giai đoạn trước khi đăng ký lưu ký tập trung Trái Phiếu tại VSD và niêm yết):

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

- Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3944 6368
- Fax: (84-24) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương**

- Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3944 6368
- Fax: (84-24) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1.	Tổ Chức Phát Hành	6
2.	Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn	6
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi Ro Về Kinh Tế	7
2.	Rủi Ro Về Luật Pháp	9
3.	Rủi Ro Đặc Thủ	9
3.	Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu Và Đợt Chào Bán	14
4.	Rủi Ro Quản Trị Công Ty	15
5.	Rủi Ro Khác	16
III.	CÁC KHÁI NIỆM	17
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	20
1.	Thông Tin Chung Về Tổ Chức Phát Hành	20
2.	Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Tổ Chức Phát Hành	20
3.	Cơ Cấu Tổ Chức Của Tổ Chức Phát Hành	22
4.	Cơ Cấu Quản Trị Và Bộ Máy Quản Lý Của Tổ Chức Phát Hành	24
5.	Thông Tin Về Công Ty Mẹ, Công Ty Con Của Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Mà Tổ Chức Phát Hành Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần, Phần Vốn Góp Chi Phối	29
6.	Thông Tin Về Quá Trình Tăng, Giảm Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Phát Hành	30
7.	Thông Tin Về Chứng Khoán Đang Lưu Hành	31
8.	Hoạt Động Kinh Doanh	32
9.	Thông Tin Về Cổ Đông Sở Hữu Từ 10% Vốn Điều Lệ Trở Lên	46
10.	Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Giám Đốc, Kế Toán Trưởng	47
11.	Chính Sách Chia Lợi Nhuận Hoặc Trả Cổ Tức	57
12.	Tình Hình Thanh Toán Gốc Và Lãi Trái Phiếu Đã Phát Hành Trong 03 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại (Nếu Có)	57
13.	Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Phát Hành	57
14.	Các Thông Tin, Nghĩa Vụ Nợ Tiềm Tàng, Tranh Chấp, KIỆN TỤNG Liên Quan Tới Tổ Chức Phát Hành Có Thể Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Kinh Doanh, Tình Hình Tài Chính Của Tổ Chức Phát Hành, Đợt Chào Bán, Dự Án Sử Dụng Vốn Thu Được Từ Đợt Chào Bán	58
15.	Thông Tin Về Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành Không Thuộc Trường Hợp Đang Bị Truy Cứu Trách Nhiệm Hình Sự Hoặc Đã Bị Kết Án Về Một Trong Các Tội Xâm Phạm Trật Tự Quản Lý Kinh Tế Mà Chưa Được Xóa Án Tích	58
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	58
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	70

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	82
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	82
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	85
X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	86
XI. PHỤ LỤC.....	87

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ Chức Phát Hành****CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Ông Danny Le Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT

Ông Phạm Trung Lâm Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Bé Chức vụ: Kế Toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT (“TCBS”)**

Ông Nguyễn Xuân Minh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền Chức vụ: Tổng Giám đốc (văn bản ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Hiền thực hiện một số công việc liên quan đến hoạt động của TCBS số 010/2018/UQ-CT ngày 14/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do TCBS tham gia lập trên cơ sở Hợp Đồng Tư Vấn Chào Bán Chứng Khoán, Bảo Lãnh Phát Hành Và Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu số 01/2021/BLPHTVNY/MML-TCBS ngày 1 tháng 6 năm 2021 với Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Cáo Bạch này, nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro dưới đây trước khi mua Trái Phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều sự kiện được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và có thể ảnh hưởng đến khả năng Tổ Chức Phát Hành thanh toán tiền gốc và tiền lãi của Trái Phiếu. Ngoài ra, có thể có những vấn đề cần quan tâm và những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu nhưng Tổ Chức Phát Hành hiện nay chưa biết đến hoặc được cho là không trọng yếu.

1. Rủi Ro Về Kinh Tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của MML

Phần lớn doanh thu của MML đều phát sinh từ Việt Nam, và phần lớn hoạt động kinh doanh của Công Ty nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của MML phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn xét trên các khía cạnh quan trọng, bao gồm cả mức độ can thiệp của nhà nước, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu. Mặc dù kể từ cuối những năm 1980, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp chú trọng đến việc sử dụng tác động thị trường để cải cách kinh tế, việc giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước đối với tư liệu sản xuất và việc thiết lập bộ máy quản lý cải tiến trong các doanh nghiệp, nhưng một phần đáng kể tư liệu sản xuất ở Việt Nam vẫn thuộc sở hữu của Nhà nước. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của MML có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi về chính sách và biện pháp đó.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý lẫn giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số biện pháp có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có thể tác động bất lợi đến MML. Ví dụ, việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Nhà nước có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao gồm cả thay đổi cơ chế kiểm soát lương và giá cả, quản lý vốn và ngoại hối và hạn chế đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu. Các thay đổi chính sách đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của MML.

Tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của MML. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm những đợt bùng phát dịch bệnh Ebola, Mers-CoV, dịch cúm gia cầm A (H5N1), dịch tả lợn châu Phi (ASF) và dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 gần đây hoặc các bệnh dịch truyền nhiễm khác xảy ra gần đây và có khả năng xảy ra trong tương lai; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc NHNN tăng lãi suất; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; việc tăng giá dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến

những đợt điều chỉnh trên thị trường bất động sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

MML không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Tuy nhiên, MML luôn cam kết nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của MML

Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2018, NHNN đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014, 0,6% năm 2015, 4,74% năm 2016, 3,53% cho năm 2017 và 3,54% cho năm 2018. Mức lạm phát của năm 2018 tăng 1,48% so với năm 2017 và nằm trong giới hạn mục tiêu 4% mà Quốc hội đã đề ra. Mặt bằng lãi suất huy động năm 2018 duy trì ổn định trong nửa đầu năm, tuy nhiên đã tăng 0,3%~0,5% trong nửa cuối năm; lãi suất cho vay trung bình hầu như không đổi nhưng một số tổ chức tín dụng đã có chính sách tăng lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực có mức rủi ro cao. Cũng theo Tổng Cục thống kê, mức lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với cùng kỳ năm 2018, là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong nhiều năm. Trong năm 2020, lạm phát ở mức 3,23% và tiếp tục trong tầm kiểm soát so với mục tiêu 4% được đề ra trong năm của NHNN.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong thời gian tới khi giá dầu có xu hướng tăng dần trở lại và nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí của Công Ty, bao gồm cả chi phí nguyên liệu thô, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng. Nếu MML không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và niềm tin của người tiêu dùng nói chung, và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn phải chịu các rủi ro gắn liền với một nền kinh tế mới nổi

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Các nhà đầu tư tại các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, trong một số trường hợp bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Hơn thế nữa, những thay đổi chính sách quản lý của nhà nước cũng như việc diễn giải về mặt pháp lý đối với pháp luật áp dụng có thể gây ra các hệ quả không lường trước mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh trong nước. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các nền kinh tế mới nổi như nền kinh tế Việt Nam thường biến đổi một cách nhanh chóng. Do đó, các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó. Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở các thị trường mới nổi chỉ phù hợp cho những nhà đầu tư có tổ chức và chuyên nghiệp và có khả năng đánh giá một cách toàn diện các rủi ro có liên quan và ảnh hưởng của các rủi ro đó.

Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến Tổ Chức Phát Hành và khả năng huy động vốn của MML

Tổ chức xếp hạng tín dụng Standard & Poor's Financial Services và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ thay đổi xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc thay đổi xếp hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của Chính Phủ và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả MML, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và các điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và các điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Công Ty.

2. Rủi Ro Về Luật Pháp***Những thay đổi cơ bản đối với các quy định pháp luật của Việt Nam có thể tác động không tích cực đến hoạt động của Công Ty***

Hoạt động kinh doanh chủ chốt của Công Ty là sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất thịt mát và các sản phẩm chế biến từ thịt. Những sản phẩm này tuy không thuộc diện hàng hóa thực hiện bình ổn giá, có sự điều tiết của Nhà nước nhưng thuộc diện hàng hóa phải thực hiện kê khai, niêm yết giá. Ngành hàng sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi và chế biến thịt chịu sự điều chỉnh của các luật và quy chế về bảo vệ môi trường, các quy định về điều kiện sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm của Việt Nam. Các luật, quy chế và quy định nêu trên được đặt ra nhằm hạn chế ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, kiểm soát tình trạng làm môi trường xuống cấp và ô nhiễm, đảm bảo quyền lợi của khách hàng, bảo vệ an toàn và sức khỏe cho người tiêu dùng Việt Nam cũng như để hỗ trợ sự phát triển của ngành chăn nuôi tại Việt Nam. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các luật và quy chế đó sẽ bị xử phạt. Công Ty không thể bảo đảm rằng các luật, quy chế và quy định nêu trên của Việt Nam sẽ không thay đổi trong tương lai, hoặc Chính Phủ sẽ không áp đặt các luật và quy chế nghiêm khắc hơn đối với các lĩnh vực đó. Những thay đổi đó có thể đòi hỏi Công Ty phải sửa đổi cơ chế hoạt động hoặc dẫn đến việc gia tăng chi phí để tuân thủ các thay đổi đó, và do vậy ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Pháp luật thuế Việt Nam thay đổi

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu) đã được ban hành và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Các thay đổi về tình trạng thuế của Tổ Chức Phát Hành hoặc luật thuế hoặc các cách diễn giải khác nhau về pháp luật và chính sách thuế ở Việt Nam nhìn chung có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công Ty và làm tăng nghĩa vụ thuế mà Công Ty phải chịu.

3. Rủi Ro Đặc Thù**3.1. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Ngành*****MML phải đối mặt với rủi ro xảy ra tình trạng khiếm khuyết của sản phẩm và bất kỳ vụ khiếm khuyết nào như vậy sẽ khiến Công Ty có nguy cơ bị khiếu nại về trách nhiệm đối với sản phẩm***

Khiếm khuyết của sản phẩm bao gồm những ẩn tỳ, nội tỳ chưa được phát hiện trong quá trình sản xuất sản phẩm là một rủi ro vốn có trong hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi và chế biến thực

phẩm. Đặc biệt, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm trong những năm gần đây ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm từ phía người tiêu dùng cũng như các cơ quan chức năng. Mặc dù MML đã nỗ lực tối đa, bao gồm cả việc kiểm tra thường xuyên tại nhà máy sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng, nhưng Công Ty không thể hoàn toàn loại trừ nguy cơ từ nguyên nhân khách quan. Do vậy, Công Ty có thể bị khiếu nại liên quan đến tình trạng khiếm khuyết của sản phẩm và có thể phải thu hồi sản phẩm. Mặc dù Việt Nam không có các chính sách cụ thể về trách nhiệm sản phẩm, MML không thể đảm bảo rằng Công Ty sẽ không phải đối mặt với khiếu nại hoặc kiện tụng về sự an toàn và chất lượng của các sản phẩm của Công Ty. Hơn nữa, hoạt động kinh doanh của Công Ty có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể do việc công bố các phát hiện mang tính tiêu cực của ngành, các báo cáo nghiên cứu hoặc quan ngại về vệ sinh an toàn liên quan đến sản phẩm của Công Ty hoặc về các sản phẩm của các ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi và chế biến thực phẩm tại Việt Nam nói chung. Những công bố tiêu cực như vậy có thể làm giảm nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm Công Ty và dẫn đến tình trạng tụt giảm doanh số dài hạn hoặc thậm chí sụt giảm doanh số của Công Ty một cách liên tục.

Các rủi ro liên quan đến dịch bệnh trong chăn nuôi

Ngành chăn nuôi ở Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ dịch bệnh do khí hậu đặc thù, quy mô và quy chuẩn chăn nuôi cũng như phần lớn đến từ chất lượng con giống yếu. Do vậy, vật nuôi thường thiếu khả năng vượt bệnh, bệnh dịch có thể lây lan từ khu vực này qua khu vực khác. Ví dụ bệnh lở mồm long móng (FMD), bệnh tiêu chảy cấp tính của heo con (PED) và bệnh tai xanh (PRRS) là những bệnh dịch đặc thù thường xảy ra ở Việt Nam trong nhiều năm qua và năm nào cũng gây tổn hại rất lớn cho người chăn nuôi. Từ đầu năm 2019, dịch tả lợn châu Phi (ASF) lan truyền tại khắp Việt Nam ảnh hưởng nặng nề đến ngành chăn nuôi, làm giảm số lượng đàn vật nuôi đáng kể và đây chính là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi khiến cho nguồn nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất thịt mát và các sản phẩm chế biến từ thịt khan hiếm và có nhiều biến động về giá cả do cung không đáp ứng cầu Tuy nhiên, Công Ty có chính sách quản lý rủi ro liên quan đến dịch bệnh thông qua việc xây dựng quy trình chăn nuôi theo quy mô khép kín, áp dụng cơ chế phòng thủ 3 tuyến để ứng phó khi có dịch bệnh và có dự phòng tài chính cần thiết cho các hoạt động này.

Các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia ký kết như Hiệp Định Đối Tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) hay các hiệp định thương mại tự do của ASEAN có thể tác động bất lợi đến hoạt động kinh doanh của chúng tôi

Khi Việt Nam tham gia các hiệp định về tự do thương mại như Hiệp định TPP, Hiệp định EVFTA hay các hiệp định thương mại tự do của ASEAN, ngành chăn nuôi của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm nhập khẩu với giá thành rẻ hơn trong khi chưa có cơ chế phù hợp để Việt Nam có thể xuất khẩu thịt ra các thị trường tiềm năng trên thế giới nhằm tăng trưởng và thúc đẩy ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi heo nói riêng. Nguy cơ ngành chăn nuôi Việt Nam bị co hẹp hoặc phải chịu sức ép giảm giá thành sản phẩm để cạnh tranh sẽ dẫn đến áp lực giảm giá đối với ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi cũng như ngành chăn nuôi và chế biến thực phẩm có nguồn gốc từ thịt. Nếu các sản phẩm của Công Ty không có lợi thế về giá thành và chi phí sản xuất để cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu, hoạt động của Công Ty sẽ chịu nhiều rủi ro.

3.2. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Lĩnh Vực Hoạt Động

Hoạt động sản xuất và kinh doanh nông nghiệp tiêu dùng của MML đòi hỏi nguồn nguyên liệu đầy đủ và ổn định, do đó Tổ Chức Phát Hành chịu rủi ro về biến động giá nguyên liệu và các rủi ro khác

Nguyên liệu được Công Ty mua tại Việt Nam và nhập khẩu từ nước ngoài thông qua các công ty trung gian. Mặc dù Công Ty mua nguyên liệu từ nhiều nhà cung cấp và không lệ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp

duy nhất nào, Công Ty không đảm bảo rằng tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ không xảy ra. Nếu Công Ty không có được đầy đủ nguyên liệu cả về lượng cũng như về chất, chất lượng sản phẩm, sản lượng sản xuất cũng như doanh thu của Công Ty sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Giá nguyên liệu có thể biến động do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như điều kiện thời tiết, môi trường, biến động giá cả hàng hóa, tiền tệ và những thay đổi trong chính sách của Chính Phủ liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp. Nếu Công Ty không thể quản lý các chi phí này cũng như tăng giá bán các sản phẩm của Công Ty lên tương ứng thì công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng của Công Ty sẽ bị ảnh hưởng.

Để giảm thiểu ảnh hưởng các rủi ro về nguyên vật liệu, Công Ty luôn theo dõi tình hình biến động giá cả trên thị trường trong nước và thế giới, có chính sách phòng ngừa giá (hedging) phù hợp. Công Ty cũng không phụ thuộc vào một nhà cung cấp nào mà sử dụng nhiều nhà cung cấp khác nhau để tránh rủi ro tập trung.

MML phụ thuộc vào mạng lưới phân phối đã có sẵn

MML phụ thuộc rất nhiều vào quan hệ với mạng lưới các nhà phân phối để tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp các công ty đối thủ của Công Ty chào mời các điều kiện thuận lợi hơn hoặc các ưu đãi lớn hơn cho các nhà phân phối của Công Ty, các nhà phân phối này có thể lựa chọn chấm dứt các hợp đồng phân phối với Công Ty. Trong trường hợp quan hệ của Tổ Chức Phát Hành với số lượng lớn các nhà phân phối bị xấu đi do các hành động của các công ty đối thủ, tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công Ty sẽ bị ảnh hưởng. Tuy rằng sự cạnh tranh trong mạng lưới phân phối là vấn đề chung mà tất cả các công ty cùng ngành đều luôn phải đối mặt, Công Ty vẫn luôn tích cực thắt chặt quan hệ kinh doanh với các nhà phân phối hiện có, đồng thời chủ động mở rộng mạng lưới phân phối để tăng sức cạnh tranh và giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh từ việc cạnh tranh thị phần. Thêm vào đó, việc sáp nhập VCM – một công ty dẫn đầu về hệ thống bán lẻ theo tiêu chuẩn quốc tế có quy mô lớn nhất Việt Nam cũng giúp MSN – công ty mẹ của MML – gián tiếp sở hữu nền tảng bán lẻ lớn về số lượng điểm bán và thị phần kênh bán lẻ hiện đại, giảm sự phụ thuộc và các mạng lưới phân phối bên ngoài.

Không duy trì hình ảnh thương hiệu tích cực có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, kết quả tài chính và hình ảnh thương hiệu của Công Ty

Thành công của MML phụ thuộc vào việc các sản phẩm mà Công Ty sản xuất và phân phối có hình ảnh thương hiệu tích cực với khách hàng và người tiêu dùng, trong đó phải kể đến thương hiệu như MEATDeli đã dần trở nên quen thuộc trong mỗi bữa ăn gia đình người Việt, thương hiệu Bio-zeem cũng trở thành thương hiệu thức ăn chăn nuôi được sử dụng với những ưu việt về cải thiện năng suất đối với người chăn nuôi. Ngoài ra, các vấn đề về chất lượng sản phẩm, trên thực tế hoặc theo hình dung, hoặc cáo buộc về khiếm khuyết sản phẩm, thậm chí ngay cả khi không sai hoặc không có cơ sở, có thể làm xấu đi hình ảnh của các thương hiệu bị ảnh hưởng và có thể làm cho các khách hàng và người tiêu dùng chọn các sản phẩm khác. Công Ty có thể phải chịu trách nhiệm nếu việc tiêu thụ sản phẩm của Công Ty mang lại những trải nghiệm tiêu cực cho khách hàng. Do vậy, bên cạnh các biện pháp quản lý sản phẩm, Công Ty cũng có các chính sách về bảo hành và thu hồi sản phẩm, và chính sách đổi lại sản phẩm đạt chất lượng cho khách hàng nếu sản phẩm bị khiếm khuyết, hoặc bị hư hỏng hoặc bị gắn nhãn hiệu sai.

MML có thể không đủ khả năng để bồi thường những thiệt hại do hỏa hoạn, trộm cắp, thiên tai và bảo hiểm ảnh hưởng đến các cơ sở sản xuất của Công Ty

Bất kỳ vụ hỏa hoạn, trộm cắp hay thiên tai sẽ dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại đáng kể cho các nhà máy sản xuất của chúng tôi và có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong

việc cung cấp các sản phẩm của Công Ty cho các khách hàng hoặc các thương nhân. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của MML, gây ra tổn thất về mặt kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính. Mặc dù Công Ty luôn ký kết các hợp đồng bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm vận chuyển hàng hóa, Công Ty không đảm bảo rằng các hợp đồng bảo hiểm này là đủ để bù đắp cho các chi phí thay thế máy móc và sửa chữa các cơ sở sản xuất của Công Ty, MML cũng như các doanh nghiệp khác ở Việt Nam không có bảo hiểm gián đoạn kinh doanh.

3.3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Công Ty

Nhận diện thương hiệu là hết sức quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của MML và bất kỳ sự thất bại nào trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty

Thành công của MML phụ thuộc một phần vào khả năng của Công Ty trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, như nhãn hiệu hàng hóa cho các thương hiệu, bao gồm cả MEATDeli, ANCO, Proconco và Bio-zeem. MML đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm của Công Ty, chủ yếu tại Việt Nam, Công Ty sẽ tiếp tục việc gia hạn nhãn hiệu hàng hóa đối với các chứng nhận đã hết hạn và thực hiện đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm mới, Công Ty không thể đảm bảo rằng bất kỳ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu nào đã nộp hoặc sẽ nộp sẽ thành công hoặc bất kỳ nhãn hiệu hiện tại hoặc tương lai nào sẽ được gia hạn khi hết hạn, hoặc sẽ không được công nhận, làm mất hiệu lực hoặc bị lạm dụng bởi các đối thủ cạnh tranh. Bất kỳ sự thất bại nào của MML trong việc bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa chống lại sự xâm phạm hoặc lạm dụng từ phía đối thủ cạnh tranh sẽ làm suy yếu vị thế cạnh tranh và uy tín sản phẩm, qua đó dẫn đến sự suy giảm sản lượng tiêu thụ và ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động của Công Ty.

Trong trường hợp các bên thứ ba làm giả, làm nhái sản phẩm của chúng tôi một cách bất hợp pháp, Công Ty có thể đối mặt với những khó khăn đáng kể và phải chịu chi phí trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Nếu không thể bảo vệ hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ, danh tiếng của thương hiệu và hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng MML có thể bị ảnh hưởng.

Do đó, Công Ty phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan quản lý Nhà nước để tiếp tục đăng ký, gia hạn nhãn hiệu hàng hóa để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của Công Ty.

Hoạt động kinh doanh của MML mang tính mùa vụ

Doanh số của Công Ty bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ. Sản lượng tiêu thụ có thể có nhiều biến động trong một năm tài chính do một số nguyên nhân bao gồm cả thời điểm ra mắt các sản phẩm mới và thời điểm thực hiện các chiến dịch quảng cáo và khuyến mãi. Do đó, Công Ty có thể không đạt được công suất trong mùa cao điểm và bị dư công suất trong mùa thấp điểm.

MML có thể không thành công trong việc phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm hàng tiêu dùng của MML có được sự đón nhận từ phía người tiêu dùng hay không phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của Công Ty trong việc nắm bắt được khẩu vị, nhu cầu và sự thay đổi thị hiếu của người tiêu dùng. Chúng tôi không đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm mới của chúng tôi sẽ được người tiêu dùng đón nhận. Mặc dù trước khi tung ra thị trường sản phẩm mới, MML luôn tiến hành nghiên cứu thị trường và đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng đối với sản phẩm đó một cách toàn diện, sự thay đổi về khẩu vị của người tiêu dùng cũng như khả năng thất bại của Công Ty trong việc dự đoán, tìm ra và phát triển các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng vẫn có thể xảy ra. Điều này khiến Công Ty không thể bù đắp được chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí tiếp thị và qua đó ảnh hưởng đến tỷ

suất lợi nhuận của Công Ty. Nếu sản phẩm mới thất bại, Công Ty sẽ không thể thu hồi được chi phí cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm và điều này sẽ ảnh hưởng xấu đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Khả năng của MML trong việc giới thiệu sản phẩm mới và duy trì và mở rộng năng lực sản xuất của Công Ty phụ thuộc vào việc tiếp tục có thêm chi phí đầu tư, bao gồm xây dựng nhà máy mới, duy trì và nâng cấp các nhà máy hiện có của Công Ty và thay thế thiết bị sản xuất lạc hậu

Ngoài ra, Công Ty có thể cần phải huy động thêm vốn vay hoặc vốn cổ phần để cấp vốn cho hoạt động đầu tư trong tương lai và các chi phí đầu tư cho mục đích xây dựng các nhà máy và mở rộng kinh doanh. Việc huy động thêm vốn vay cho các mục đích trên, có thể sẽ:

- hạn chế khả năng chi trả cổ tức của Công Ty;
- tăng nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế bất lợi chung;
- buộc Công Ty phải dành một phần đáng kể của dòng tiền mặt từ các hoạt động cho nghĩa vụ trả nợ, do đó làm giảm sự sẵn có của dòng tiền mặt để tài trợ cho chi phí đầu tư, vốn lưu động và các mục đích chung khác của Tổ Chức Phát Hành; và
- hạn chế tính linh hoạt của Công Ty trong việc lập kế hoạch cho, hoặc đối phó với những thay đổi trong hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi không thể đảm bảo rằng Công Ty sẽ có thể huy động thêm được vốn vay hoặc được cấp thêm vốn với các điều khoản có thể chấp nhận được, hoặc dưới bất kỳ hình thức nào.

Hoạt động của MML sẽ bị ảnh hưởng xấu nếu thời gian bảo dưỡng của thiết bị kéo dài

Thời gian ngừng hoạt động để bảo dưỡng của thiết bị kéo dài có thể gây gián đoạn nghiêm trọng đến hoạt động của MML, đặc biệt khi chúng tôi hoạt động với hoặc gần hết công suất tối đa và thiết bị cần phải được sửa chữa, bảo dưỡng thay vì được sử dụng cho sản xuất. Ngoài ra, một phần lớn nguyên vật liệu và tất cả các thực phẩm, đồ uống và thức ăn chăn nuôi thành phẩm của chúng tôi là dễ hư hỏng và thời gian bảo dưỡng kéo dài của thiết bị có thể làm cho các sản phẩm này không thích hợp cho tiêu dùng. Mặc dù MML trước đây chưa gặp phải sự cố thời gian bảo dưỡng kéo dài của thiết bị nào như vậy, nhưng chúng tôi không thể đảm bảo rằng điều này sẽ không xảy ra trong tương lai. Trong trường hợp đó, khả năng của Công Ty trong việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng và uy tín của Công Ty có thể bị ảnh hưởng.

MML có số lượng hạn chế các hợp đồng dài hạn liên quan đến việc cung cấp nguyên vật liệu hoặc bán các sản phẩm của chúng tôi

MML không ký các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp và thường tham gia các giao dịch đó trên cơ sở tại chỗ, Công Ty phụ thuộc nhiều vào sức mạnh uy tín của Công Ty với tư cách là công ty đứng đầu thị trường và quy mô hoạt động và Công Ty tin rằng các nhà cung cấp của Công Ty xem Công Ty như là một đối tác đáng tin cậy. Mặc dù Công Ty tin tưởng rằng mối quan hệ lâu dài của Công Ty với nông dân địa phương, ví dụ, khuyến khích họ bán ngũ cốc cho Công Ty với giá thị trường, nhưng Công Ty không thể đảm bảo rằng điều này sẽ tiếp tục trong tương lai do các bên không có sự ràng buộc với nhau bằng các hợp đồng dài hạn. Những công ty mới tham gia thị trường có thể tiếp cận nông dân địa phương và tìm cách mua ngũ cốc của họ với mức giá cao hơn mức giá mà Công Ty đưa ra.

Rất nhiều khách hàng của Công Ty hoạt động thông qua các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng ngắn hạn. Một số nông dân không sẵn sàng ký kết các hợp đồng dài hạn, họ thích sự linh hoạt của các hợp đồng ngắn hạn hơn. Trong ngành kinh doanh nuôi trồng thủy sản, phần lớn thức ăn cho cá, tôm mà chúng tôi hiện đang sản xuất được bán trực tiếp cho nông dân địa phương và các đại lý độc lập ở khắp Việt Nam. Mặc

dù đặt mục tiêu gia hạn hợp đồng khi hết hạn, Công Ty không thể đảm bảo rằng các nhà cung cấp và khách hàng sẽ không tìm kiếm điều khoản có lợi hơn từ một trong những đối thủ cạnh tranh. Do vậy, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể. Tuy nhiên, do Công Ty không phụ thuộc vào một nhà cung cấp hay một khách hàng lớn nào nên Công Ty có thể linh hoạt tìm kiếm các đối tác mới để hạn chế rủi ro này.

3. Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu Và Đợt Chào Bán

Trái Phiếu không được bảo đảm bằng tài sản

Trái Phiếu không được bảo đảm bằng bất kỳ tài sản nào. Do vậy, chủ sở hữu trái phiếu sẽ không có quyền truy đòi trực tiếp đối với tài sản của Tổ Chức Phát Hành hay bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác như là tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu. Trái Phiếu cũng sẽ không được thanh toán từ các tài sản đã được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp các tài sản đó không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm tương ứng. Tuy nhiên, các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi MSN.

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị phá sản hoặc thanh lý, tài sản bảo đảm cho các khoản nợ được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành trước hết sẽ được xử lý để trả nợ cho chủ nợ của các khoản nợ có tài sản bảo đảm. Chỉ sau khi các khoản nợ có bảo đảm đã được thanh toán hết bằng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm thì số tiền còn lại (nếu có) từ việc xử lý tài sản bảo đảm mới được sử dụng để thanh toán cho các chủ nợ không có bảo đảm và các nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm các chủ sở hữu Trái Phiếu. Tóm lại, trong trường hợp này, các chủ sở hữu Trái Phiếu được xem là các chủ nợ không có bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành, và vì vậy sẽ có thứ tự ưu tiên thanh toán (đối với các Trái Phiếu) ngang bằng với các chủ nợ không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành theo tỷ lệ tương ứng. Không có gì bảo đảm rằng Tổ Chức Phát Hành có đủ tài sản để thanh toán các khoản tiền đến hạn của Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị phá sản hay thanh lý.

Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành luôn nghiên cứu kỹ khả năng thanh toán các khoản gốc, lãi và các loại chi phí phát sinh có liên quan trước khi thực hiện phát hành các loại chứng khoán ra công chúng. Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh các năm vừa qua, cũng như triển vọng kinh doanh trong tương lai, doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành vẫn đủ để đảm bảo cho việc thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu đúng hạn cho chủ sở hữu trái phiếu nếu không có sự kiện bất khả kháng nào xảy ra.

Bảo lãnh cho Trái Phiếu có giới hạn truy đòi trong phạm vi tài sản của bên bảo lãnh

Các quyền của chủ sở hữu trái phiếu với tư cách là các bên nhận bảo lãnh chỉ giới hạn ở phạm vi tài sản của công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành là MSN. Ngoài Tổ Chức Phát Hành, các chủ sở hữu trái phiếu không có bất kỳ quyền nào đối với bất kỳ thành viên, cổ đông hay người có liên quan khác nào và các công ty con và công ty liên kết của Bên Bảo Lãnh, cũng như tài sản của bất kỳ tổ chức/cá nhân nào trong số họ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Mặc dù Trái Phiếu sẽ được thực hiện niêm yết sau khi phát hành thành công, tuy nhiên Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo rằng sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu, cũng như không thể bảo đảm được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp đó. Giả thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình

tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự.

Quyền đối với Trái Phiếu của chủ sở hữu trái phiếu có thể bị hạn chế

Theo quy định tại các văn kiện Trái Phiếu có liên quan, khi xảy ra một sự kiện vi phạm, chủ sở hữu trái phiếu phải thực hiện quyền của mình đối với Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chứ không được tự mình chủ động thực hiện quyền.

Việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền này cũng phụ thuộc vào các điều kiện khác, như Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được tuyên bố xảy ra sự kiện vi phạm và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu nếu có nghị quyết chấp thuận của các chủ sở hữu trái phiếu hoặc chỉ được tiến hành các thủ tục tố tụng đối với Tổ Chức Phát Hành sau khi Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mua lại của mình.

Đây là những quy định chặt chẽ, có thể ảnh hưởng đến quyền tự quyết của chủ sở hữu trái phiếu. Vì thế Tổ Chức Phát Hành khuyến nghị nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn đầy đủ trước khi đầu tư vào Trái Phiếu.

Đợt chào bán có thể không thành công như dự kiến

Với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 hiện nay, việc thực hiện phát hành và chào bán trái phiếu có khả năng bị gián đoạn. Đây cũng là thực trạng chung của các hoạt động đang diễn ra trên thị trường cả trong nước và quốc tế, bao gồm cả hoạt động của các đối tác liên quan đến đợt phát hành cũng như các nhà đầu tư. Việc gián đoạn hoạt động đối với bất kỳ đối tượng nào nêu trên cũng sẽ là rủi ro đối với đợt chào bán của Công Ty, đặc biệt các biện pháp phòng chống dịch bệnh (như phong tỏa tạm thời khu vực dân cư, giãn cách xã hội, cách ly tập trung hoặc tự cách ly tại nhà, hoặc làm việc tại nhà) có thể sẽ được áp dụng bất cứ lúc nào trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Bên cạnh đó, đại dịch cũng làm cho các nhà đầu tư có quan điểm thận trọng hơn trong việc đánh giá triển vọng nói riêng cũng như việc quyết định tham gia đầu tư vào các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung cũng như Tổ Chức Phát Hành.

4. Rủi Ro Quản Trị Công Ty

Tổ Chức Phát Hành không thể tuyển dụng hay giữ được nhân sự có kỹ năng thích hợp cho các vị trí quản lý then chốt

Hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc vào việc duy trì khả năng tuyển dụng hoặc giữ được nhân sự có trình độ và năng lực thích hợp cho các vị trí quản lý then chốt. Thành công của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc khá nhiều vào kỹ năng, năng lực và nỗ lực của các nhân sự của Công Ty, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ được các nhân sự quản lý và nhân sự khác có trình độ và năng lực phù hợp. Công Ty phải đối mặt liên tục với thách thức tuyển dụng và giữ được đủ nhân sự có trình độ và năng lực, đặc biệt là nếu Công Ty mong muốn tiếp tục tăng trưởng. Cuộc cạnh tranh giành nhân sự quản lý và nhân sự khác có trình độ và năng lực ở Việt Nam rất khốc liệt, và Công Ty có thể không thu hút và giữ được các nhân sự Công Ty cần trong tương lai. Việc mất đi những nhân sự chủ chốt có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro này, Công Ty có chính sách lương thưởng cạnh tranh và môi trường làm việc chuyên nghiệp tạo cơ hội phát triển cho các nhân viên, chúng tôi tin rằng sẽ giữ chân được nhân tài và tuyển dụng được những nhân sự mới đóng góp vào sự phát triển chung của Công Ty.

Tổ Chức Phát Hành có thể không nhận được mức cổ tức như kỳ vọng trong tương lai từ các công ty con, công ty liên kết

Tổ Chức Phát Hành thực hiện các hoạt động kinh doanh trọng yếu thông qua các công ty con, công ty liên kết. Khả năng Tổ Chức Phát Hành hoàn trả và thanh toán khoản gốc, lãi và các khoản khác theo Trái Phiếu sẽ phụ thuộc một phần vào số cổ tức mà Tổ Chức Phát Hành nhận được từ công ty con, công ty liên kết. Cổ tức Tổ Chức Phát Hành nhận được phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chi trả cổ tức của các công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành tại các công ty con, công ty liên kết. Tỷ lệ chi trả cổ tức của các công ty con, công ty liên kết có thể bị ảnh hưởng bởi các cam kết mà các công ty liên kết đó đã ký kết. Việc các công ty con, công ty liên kết của Tổ Chức Phát Hành không có khả năng chi trả cổ tức có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả và thanh toán khoản gốc, lãi và các khoản khác theo Trái Phiếu.

5. Rủi Ro Khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của MML còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, đình công, đảo chính, chiến tranh...là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa và dự kiến của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Công Ty đã mua bảo hiểm rủi ro tài sản cho các tài sản của mình, các rủi ro này, nếu xảy ra, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

III. CÁC KHÁI NIỆM

3F:	Thức Ăn Chăn Nuôi-Trang Trại-Thực Phẩm
ANCO:	Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế, một công ty do MML sở hữu cổ phần chi phối, hoặc nhóm công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản thuộc MML, hoặc thương hiệu “ANCO”, tùy từng trường hợp áp dụng
Bản Cáo Bạch:	Bản cáo bạch này
BCTC:	Báo cáo tài chính
Chính Phủ:	Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Công Ty/ MML /Tổ Chức Phát Hành:	Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife
DTT:	Doanh thu thuần
Đại Hội Đồng Cổ Đông/ ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông của Tổ Chức Phát Hành
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
EU:	Liên minh Châu Âu
HĐQT:	Hội đồng quản trị
KCN:	Khu công nghiệp
Luật Doanh Nghiệp:	Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
LNG:	Lợi nhuận gộp
MSN:	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan
MNS Farm:	Công Ty TNHH MNS Farm, một công ty do MNS Meat sở hữu toàn bộ
MNS Farm Nghệ An:	Công Ty TNHH MNS Farm Nghệ An (trước đây có tên là Công Ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A)), một công ty do MNS Farm sở hữu toàn bộ

MNS Feed:	Công Ty TNHH MNS Feed (trước đây có tên là Công Ty TNHH Masan Nutri-Feed), một công ty do MML sở hữu phần vốn góp chi phối
MNS Meat:	Công Ty TNHH MNS Meat (trước đây có tên là Công Ty TNHH Masan Nutri-Farm), một công ty do MML sở hữu phần vốn góp chi phối
MNS Meat Processing:	Công Ty TNHH MNS Meat Processing, một công ty do MNS Meat sở hữu toàn bộ
MNS Meat Hà Nam:	Công Ty TNHH MNS Meat Hà Nam, một công ty do MNS Meat Processing sở hữu toàn bộ
NHNN:	Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam
Proconco:	Công Ty Cổ Phần Việt – Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc, một công ty do MNS Feed sở hữu cổ phần chi phối, hoặc nhóm công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản thuộc Công Ty, hoặc thương hiệu “Proconco”, tùy từng trường hợp áp dụng
R&D:	Nghiên cứu và phát triển
TCBS/ Tổ Chức Tư Vấn:	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương
TGD:	Tổng Giám đốc
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TTNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
UBCKNN:	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
UBKT	Ủy Ban Kiểm Toán
UPCoM:	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
USD/ Đô La Mỹ:	Đô la Mỹ, đơn vị tiền hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ
VCM:	Công Ty CP Phát Triển Thương Mại Và Dịch Vụ VCM
VSD:	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam
Vissan:	Công Ty Cổ Phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản, một công ty liên kết của ANCO

VND/ Đồng/ Đồng Việt Nam: Đồng Việt Nam, đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông Tin Chung Về Tổ Chức Phát Hành**

- Tên Tổ Chức Phát Hành
(tên đầy đủ) : Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife (“**Tổ Chức Phát Hành**”)
- Tên tiếng anh : Masan MEATLife Corporation
- Tên viết tắt : MML
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi lần 17 ngày 14 tháng 12 năm 2020
- Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84-(28)-6256 3862
- Fax : +84-(28)-3827 4115
- Website : <https://masanmeatlife.com.vn>
- Vốn điều lệ đã đăng ký : 3.267.148.470.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 3.267.148.470.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật :
 - Ông Danny Le – Chủ Tịch HĐQT
 - Ông Phạm Trung Lâm – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính :

STT	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật) (CPC: 86509)</i>	7020 (Chính)
- Mã cổ phiếu : MML
- Sàn giao dịch : UPCoM

2. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành được chứng nhận thành lập vào ngày 07 tháng 10 năm 2011 dưới hình thức công ty cổ phần. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, vốn điều lệ được đăng ký của Tổ Chức Phát Hành là

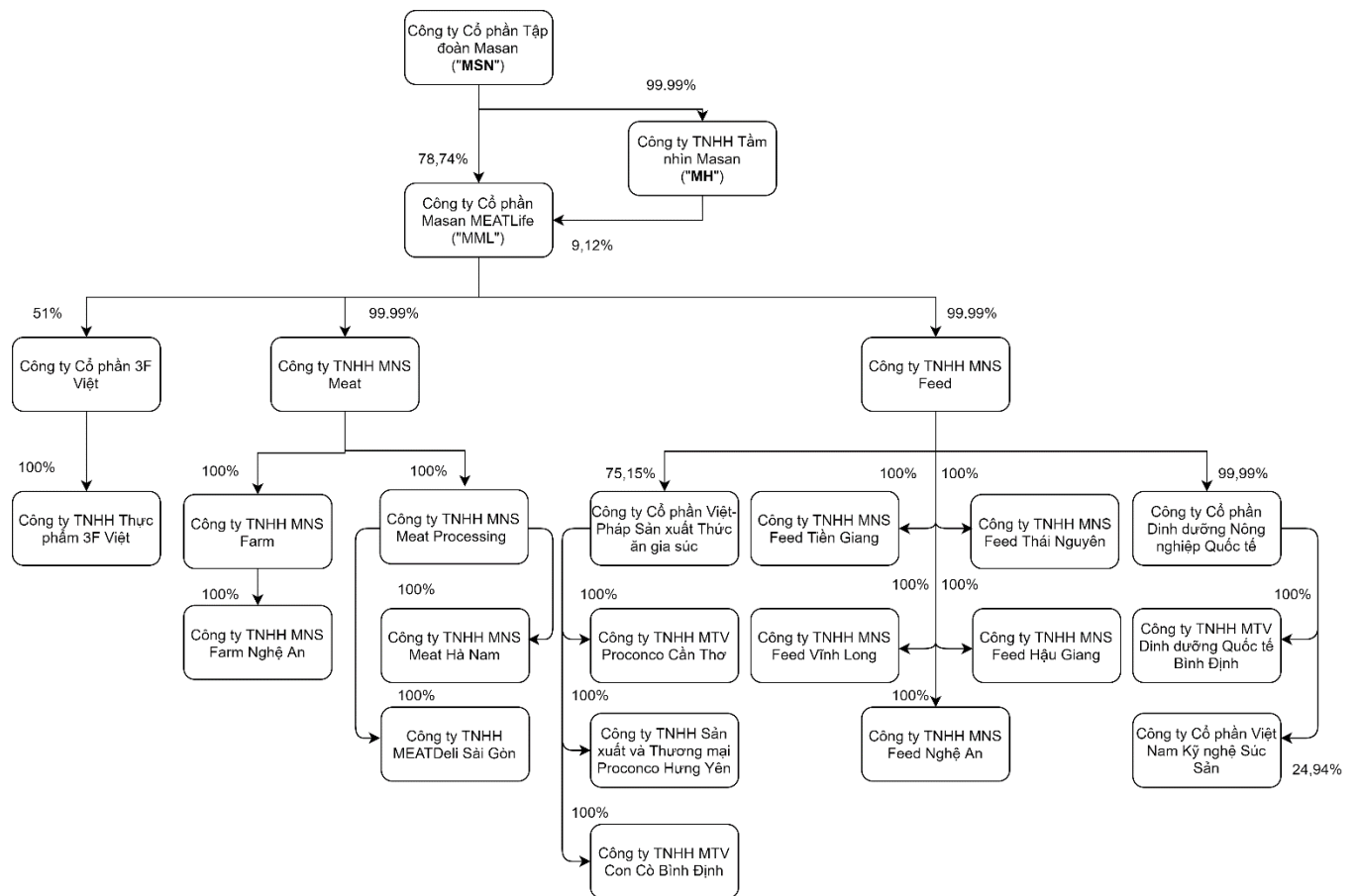
3.267.148.470.000 VND (ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy tỷ một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn Đồng). Các sự kiện quan trọng trong quá trình thành lập và hoạt động của MML được trình bày dưới đây:

Năm 2011	Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife được thành lập vào ngày 07/10/2011, với tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên Hoa Kim Ngân với vốn điều lệ là 10.000.000 Đồng
Năm 2012	Ngày 28/11/2012, Công Ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Sam Kim
Năm 2014	- Ngày 13/06/2014, Công Ty thay đổi chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật - Ngày 07/07/2014, Công Ty tăng vốn điều lệ lên 2.000.010.000.000 Đồng, đồng thời thay đổi tên và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH Sam Kim - Đồng thời, vào tháng 7/2014, Công Ty nhận chuyển nhượng 70% cổ phần trong Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế (“ANCO”) từ các cổ đông hiện hữu của ANCO - Ngày 01/8/2014, Công Ty bổ sung một số ngành nghề kinh doanh về bán buôn thực phẩm, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm...đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty vào thời điểm này - Cuối năm 2014, Công Ty nhận chuyển nhượng 99,99% phần vốn góp trong Công ty TNHH Shika, một công ty có các công ty con đang sở hữu 40% cổ phần Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)
Năm 2015	- Tháng 3/2015, Công Ty mua toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Kenji, một công ty đang sở hữu 13,06% cổ phần Proconco, nâng tổng số cổ phần tại Proconco lên 53,06% - Ngày 31/07/2015, Công Ty trở thành công ty con của MSN và thay đổi tên Công ty thành Công ty TNHH Masan Nutri-Science với vốn điều lệ là 2.000.010.000.000 Đồng. - Ngày 07/12/2015, Công Ty thay đổi trụ sở chính và Người đại diện theo pháp luật
Năm 2016	- Cuối năm 2015 và đầu năm 2016, Công Ty (thông qua công ty con) nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Proconco lên 75,15% - Ngày 17/03/2016, Công Ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần và thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“MNS”) - Tháng 5/2016, Công Ty tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp tại ANCO từ 70% lên 99,99% - Tháng 3/2016 và tháng 6/2016, Công Ty (thông qua ANCO) sở hữu 24,94% Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản (Vissan) - Tháng 6/2016, MNS Farm Nghệ An được thành lập và khởi công trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao tại Nghệ An vào tháng 11/2016, đánh dấu bước khởi đầu của Công Ty trong lĩnh vực chăn nuôi
Năm 2017	- Ngày 07/4/2017, Công Ty bổ sung thêm một Người đại diện theo pháp luật của Công Ty - Tháng 5/2017, Công Ty tăng vốn điều lệ lên 2.162.172.970.000 VND với việc VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD. đầu tư 150 triệu USD để sở hữu 7,5% cổ phần của Công Ty - Tháng 8/2017, Công ty TNHH MNS Meat Processing được thành lập, một công ty do MML gián tiếp sở hữu. - Tháng 9/2017, Công Ty thực hiện tái cấu trúc thông qua việc sáp nhập một số công ty con (Công ty TNHH Kenji, Công ty TNHH Shika và Công ty Cổ phần Meiji) vào Công Ty, tăng vốn điều lệ lên 2.162.182.990.000 VND

Năm 2018	▪ Ngày 09/01/2018, Công Ty thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty ▪ Tháng 2/2018, Công Ty khởi công xây dựng Dự án Tổ hợp Chế biến thịt tại Hà Nam nhằm cung cấp thịt mát (fresh chilled meat) đến người tiêu dùng ▪ Tháng 12/2018, Nhà máy Meat Hà Nam chính thức đi vào hoạt động và Công Ty đã giới thiệu thành công ra thị trường sản phẩm thịt mát mang thương hiệu “MEATDeli”
	▪ Tháng 01/2019, MNS Farm Nghệ An được cấp chứng nhận GLOBAL G.A.P vì đã hoàn thành các tiêu chuẩn về nông trại được công nhận quốc tế dành cho việc Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ▪ Ngày 29/7/2019, Công Ty thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Masan MEATLife ▪ Ngày 21/8/2019, Công Ty tăng vốn điều lệ lên 3.243.274.470.000 VND thông qua việc phát hành cổ phần mới để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (“Cổ phiếu thưởng”) ▪ Ngày 25/11/2019, Công Ty được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng ▪ Ngày 27/11/2019, Công Ty được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 61/2019/GCNCP-VSD với số lượng chứng khoán đăng ký là 324.327.447 cổ phiếu
	▪ Tháng 10/2020, khánh thành Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn trị giá 1.800 tỷ Đồng tại Long An, có tổng diện tích hơn 20 ha, công suất thiết kế 1,4 triệu con heo/năm ▪ Tháng 10/2020, MML đã hoàn tất giao dịch đầu tư góp vốn 613 tỷ Đồng để sở hữu 51% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần 3F Việt - công ty nội địa hàng đầu trong lĩnh vực thịt gia cầm. Khoản rót vốn sẽ được 3F Việt dùng để mở rộng kinh doanh và xây dựng thương hiệu thịt gia cầm vững mạnh ▪ Tháng 12/2020, MML thực hiện giao dịch mua lại phần vốn góp trị giá 1.999.989.111.000 VND để nâng tỷ lệ sở hữu trực tiếp lên 99,99% vốn điều lệ tại Công Ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”) - công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

3. Cơ Cấu Tổ Chức Của Tổ Chức Phát Hành

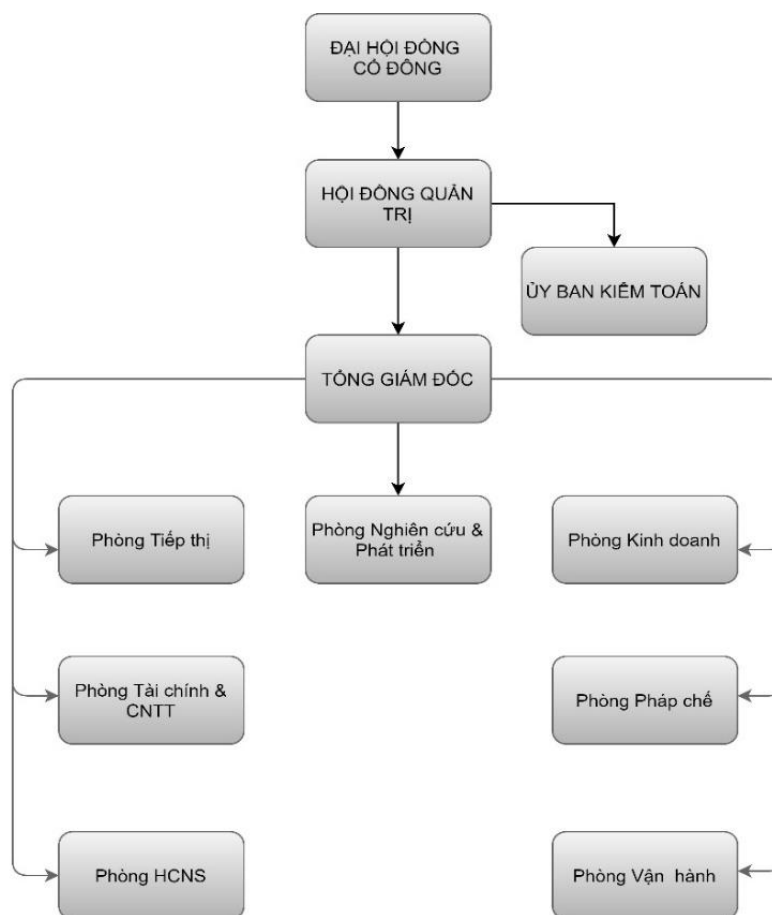
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, MML có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 3 công ty liên kết sở hữu gián tiếp. Thông tin về các công ty con và công ty liên kết chính được mô tả như sau:



Nguồn: MML

4. Cơ Cấu Quản Trị Và Bộ Máy Quản Lý Của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Tổ Chức Phát Hành như sau:



Nguồn: MML

Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành theo mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT;
- Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

4.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty.
- Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ bao gồm: Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán của Công Ty;

- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT;
- Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT;
- Quyết định bổ sung và sửa đổi điều lệ của Công Ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công Ty;
- Quyết định giải thể Công Ty;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên HĐQT gây thiệt hại cho Công Ty và/hoặc các cổ đông của Công Ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định việc Công Ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Quyết định việc Công Ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại điều lệ với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định việc Công Ty ký kết hợp đồng giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- Quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động HĐQT; và
- Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và của điều lệ.

4.2. Hội Đồng Quản Trị

- HĐQT Công Ty có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể cho từng nhiệm kỳ sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT Công Ty hiện nay gồm có 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm).
- HĐQT giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công Ty. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- HĐQT có trách nhiệm giám sát TGD và các người quản lý khác.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với TGD; quyết định mức lương và lợi ích khác của TGD;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

- Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình ĐHĐCĐ quyết định;
- Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công Ty;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
- Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công Ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty do Công Ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
- Thành lập các công ty con do Công Ty sở hữu trực tiếp;
- Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công Ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công Ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị từ 1% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- Việc Công Ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công Ty phù hợp với quy định của pháp luật;
- Giám sát, chỉ đạo TGD trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công Ty trình ĐHĐCĐ thông qua; và
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công Ty.

4.3. Ủy Ban Kiểm Toán

- Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT. UBKT có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch UBKT phải là thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên khác của UBKT phải là thành viên HĐQT không điều hành.
- Quyền và nghĩa vụ của UBKT:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công Ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công Ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT và ĐHĐCĐ;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty;
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công Ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- Giám sát nhằm đảm bảo Công Ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công Ty;
- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công Ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, TGD, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT;
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT;
- Sử dụng và dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công Ty;
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, TGD không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và điều lệ;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua; và
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.4. Tổng Giám Đốc

- Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.
- TGD có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị nhỏ hơn 1% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ;
 - Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ;
 - Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng mà Công Ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty; và

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế của Công Ty và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

4.5. Chức Năng, Nhiệm Vụ Chính Của Các Phòng Ban

4.5.1 Phòng Tiếp Thị

- Nghiên cứu dự báo thị trường và dự báo doanh thu;
- Tổ chức triển khai chương trình phát triển sản phẩm mới;
- Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu;
- Phát triển sản phẩm mới, hoàn thiện sản phẩm với các thuộc tính mà thị trường mong muốn;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược marketing;
- Thiết lập quan hệ hiệu quả với giới truyền thông.

4.5.2 Phòng Nghiên Cứu & Phát Triển

- Tối ưu hóa chi phí;
- Đề xuất các sáng kiến;
- Thực hành các thí nghiệm và thu thập các dữ liệu liên quan;
- Quản lý chất lượng sản phẩm và tính ổn định của sản phẩm;
- Xử lý các sự cố và hỗ trợ kỹ thuật.

4.5.3 Phòng Kinh Doanh

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh;
- Giám sát và quản lý vùng thị trường, khai thác và phát triển kênh phân phối sản phẩm;
- Thực hiện nghiệp vụ bán hàng;
- Phối hợp các phòng ban để kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Công tác thống kê tổng hợp;
- Xây dựng các chiến lược PR, marketing cho các sản phẩm theo từng giai đoạn và tùy từng đối tượng khách hàng;
- Xây dựng phát triển về thương hiệu;
- Nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh.

4.5.4 Phòng Tài Chính & Công Nghệ Thông Tin

- Hoạch định chiến lược tài chính doanh nghiệp;
- Công tác tài chính (tài chính và quản lý tài sản, tín dụng, công tác về thuế, thanh tra, kiểm tra tài chính, phân tích hoạt động kinh tế);
- Công tác kế toán;
- Công tác kiểm toán;
- Công tác kiểm tra, đánh giá và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

4.5.5 Phòng Pháp Chế

- Rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho hoạt động của Công Ty;
- Phổ biến các quy định pháp luật cho các Phòng, bộ phận trong Công Ty;
- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật tại Công Ty;
- Tham gia công tác bồi thường của nhà nước khi được yêu cầu;

- Hỗ trợ pháp lý cho các công ty thành viên;
- Tham mưu về các vấn đề pháp lý và tổ tụng cho Ban quản lý.

4.5.6 Phòng Hành Chính – Nhân Sự

- Xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Thực hiện công tác tuyển dụng và quan hệ nhân sự;
- Công tác lương bổng và phúc lợi;
- Công tác hành chính quản trị;
- Công tác văn thư lưu trữ.

4.5.7 Phòng Vận Hành

- Làm việc với Phòng Kinh doanh, tiếp thị lập kế hoạch nhu cầu khách hàng;
- Lên kế hoạch và mua nguyên liệu, vật tư cho sản xuất;
- Nhận và kiểm soát nguyên theo tiêu chuẩn;
- Lên kế hoạch sản xuất;
- Sản xuất và kiểm soát chất lượng thành phẩm;
- Giao hàng, theo dõi chất lượng và ghi nhận, giải quyết phản hồi về chất lượng cũng như dịch vụ;
- Kiểm soát chi phí và tối ưu hóa hiệu suất;
- Đảm bảo các hoạt động tuân thủ theo yêu cầu pháp luật cũng như tạo môi trường làm việc an toàn cho nhân viên

5. Thông Tin Về Công Ty Mẹ, Công Ty Con Của Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Mà Tổ Chức Phát Hành Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần, Phần Vốn Góp Chi Phối

5.1. Danh Sách Công Ty Con Sở Hữu Trực Tiếp Mà Tổ Chức Phát Hành Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/ Phần Vốn Góp Chi Phối

STT	Tên Công ty Con	Năm 2019	Tỷ lệ sở hữu năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ sở hữu năm 2020	Hiện tại*	Tỷ lệ sở hữu hiện tại
1	Công Ty TNHH MNS Feed	X	99,99%	X	99,99%	X	99,99%
2	Công Ty TNHH MNS Meat	X	0,001%	X	99,99%	X	99,99%
3	Công Ty Cổ Phần 3F Việt		0%	X	51,00%	X	51,00%

Nguồn: MML

X: nếu là công ty con thông qua sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp

*tính đến thời điểm 30/06/2021

Thông tin các công ty con:

1	Công Ty TNHH MNS Feed
	- Ngày thành lập: 7/3/2017 - Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3603447499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 7/3/2017, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm. - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
2	Công Ty TNHH MNS Meat
	- Ngày thành lập: 6/6/2016 - Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3603383090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 6/6/2016, như được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm. - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
3	Công Ty Cổ Phần 3F Việt
	- Ngày thành lập: 8/8/2014 - Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0312885397 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8/8/2014, như được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm. - Hoạt động kinh doanh chính: Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)

Nguồn: MML

5.2. Công Ty Mẹ Năm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Phát Hành

- Tại ngày 31/12/2019, ngày 31/12/2020 và tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này

1	Công Ty Cổ phần Tập đoàn Masan (Masan)
	- Ngày thành lập: 18/11/2004 - Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0303576603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2004, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm. - Hoạt động kinh doanh chính: Tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) - Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Masan tại MML: 79,32% (tại 31/12/2019), 78,74% (tại 31/12/2020 và hiện nay)

6. Thông Tin Về Quá Trình Tăng, Giảm Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Phát Hành

Bảng dưới đây thể hiện thay đổi về vốn điều lệ của MML kể từ ngày thành lập (với mức vốn điều lệ là 10.000.000 VND) cho đến ngày lập Bản Cáo Bạch này:

Thời gian (xác nhận đăng ký tăng vốn)	Số vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan có thẩm quyền thông qua việc tăng vốn
7/10/2011	10.000.000	10.000.000	Góp vốn thành lập	- ĐHĐCĐ
7/07/2014	2.000.000.000.000	2.000.010.000.000	Tăng vốn điều lệ bằng cách tiếp nhận thành viên góp vốn mới	- ĐHĐCĐ
22/5/2017	162.162.970.000	2.162.172.970.000	Phát hành riêng lẻ	- ĐHĐCĐ

Thời gian (xác nhận đăng ký tăng vốn)	Số vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan có thẩm quyền thông qua việc tăng vốn
27/9/2017	10.020.000	2.162.182.990.000	Sáp nhập Công ty TNHH Kenji, Công ty TNHH Shika và Công ty Cổ phần Meiji vào Công Ty	- ĐHĐCĐ
29/8/2019	1.081.091.480.000	3.243.274.470.000	Phát hành cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công Ty	- ĐHĐCĐ
23/10/2020	23.874.000.000	3.267.148.470.000	Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- ĐHĐCĐ - UBCKNN

- Tổ Chức Phát Hành không có đợt giảm vốn điều lệ nào.
- Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với các đợt tăng vốn trên: Không có

7. Thông Tin Về Chứng Khoán Đang Lưu Hành

7.1. Cổ Phiếu Phổ Thông

Thông tin về tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ tại ngày 01/03/2021:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	903	298.403.909	91,33 %
-	Tổ chức	6	287.338.534	87,95%
-	Cá nhân	897	11.065.375	3,38%
II	Nước ngoài	21	28.310.938	8,67 %
-	Tổ chức	3	26.458.013	8,10%
-	Cá nhân	18	1.852.925	0,57%
III	Cổ phiếu quỹ		0	0,00 %
Tổng cộng		924	326.714.847	100,00 %

7.2. Cổ Phiếu Ưu Đãi

Công Ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi.

7.3. Các Loại Chứng Khoán Khác

Công Ty không phát hành các loại chứng khoán khác.

8. Hoạt Động Kinh Doanh

8.1. Đặc Điểm Hoạt Động Kinh Doanh

MML đang sở hữu nền tảng 3F (Feed – Farm – Food: Từ Trang Trại Đến Bàn Ăn) trong hành trình mang đến các sản phẩm thịt tươi ngon, dinh dưỡng cho gần 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam. Trong đó, Công Ty có hai mảng kinh doanh chính là (i) hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản được quản lý tập trung bởi MNS Feed, doanh nghiệp hiện đang sở hữu 13 nhà máy thức ăn chăn nuôi khắp cả nước và (ii) hoạt động chăn nuôi gia súc và gia cầm, chế biến và bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt được quản lý tập trung bởi MNS Meat.

8.1.1. Nền Tảng 3F (Feed – Farm – Food: Từ Trang Trại Đến Bàn Ăn)

Thức Ăn Chăn Nuôi

Hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi của Tổ Chức Phát Hành được thực hiện thông qua MNS Feed. MNS Feed được thành lập vào tháng 3 năm 2017 nhằm mục đích hợp nhất và quản lý tập trung mảng hoạt động thức ăn chăn nuôi thông qua hai doanh nghiệp là ANCO và Proconco.

MNS Feed

MNS Feed hiện đang sở hữu 13 nhà máy thức ăn chăn nuôi, trong đó 6 nhà máy thuộc Proconco, 5 nhà máy nhận chuyển giao từ ANCO và 2 nhà máy thuộc ANCO với tổng công suất lên đến 3,78 triệu tấn thức ăn. Các nhà máy thành viên của MNS Feed sản xuất từ thức ăn gia súc (heo, bò), gia cầm (gà, vịt, chim cút) đến thủy sản (cá, tôm). Các sản phẩm được bán qua hệ thống hơn 2.000 đại lý trên cả nước.

Trang Trại

MNS Farm

MNS Farm là một trong hai nhánh của MNS Meat, tập trung vào hoạt động trang trại nuôi heo, MNS Farm đã phát triển và tiếp tục vận hành trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao tại Nghệ An với công suất nuôi từ 230.000 đến 250.000 con heo thịt/năm. Trang trại này giúp MML thực hiện cam kết mang đến thịt và các sản phẩm từ thịt có nguồn gốc rõ ràng, an toàn với giá cả hợp lý cho người tiêu dùng. Năm 2018, MNS Farm Nghệ An đã chính thức cho xuất chuồng lứa heo đầu tiên.

Việc bổ sung các trang trại heo sẽ là một bước đi tiếp theo trong chiến lược thực hiện mô hình 3F của MML để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn tại Việt Nam.

Thực Phẩm

MNS Meat Processing

MNS Meat Processing là nhánh còn lại của MNS Meat, tập trung vào hoạt động chế biến thịt. Vào tháng 12/2018, MNS Meat Processing đã đưa vào vận hành dự án tổ hợp chế biến thịt tại Hà Nam với công

nghe và thiết bị hiện đại được các chuyên gia quốc tế nhiều kinh nghiệm lắp đặt và giám sát, có công suất chế biến khoảng 1.400.000 con heo/năm, tương đương 140.000 tấn/năm bằng việc sử dụng công nghệ thịt mát Châu Âu. Dự án có mức vốn đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng và được xây dựng trên 10 hecta. Nhờ vậy, MML có thể đưa ra thị trường sản phẩm thịt mát dưới thương hiệu MEAT Deli. Bên cạnh đó, vào ngày 3/10/2020, Công Ty đã khánh thành Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn có giá trị đầu tư 1.800 tỷ Đồng tại Long An, có tổng diện tích hơn 20 ha, công suất thiết kế 1,4 triệu con heo/năm. Với hai tổ hợp chế biến thịt quy mô hiện đại trên, Công Ty đã bước đầu hoàn thiện hệ thống chế biến của mình với sự có mặt tại hai miền đất nước.

MML đã giới thiệu thành công sản phẩm thịt heo mát đầu tiên tại Việt Nam – MEATDeli. Thịt heo mát được lưu trữ và phân phối trong hệ thống kho và vận chuyển lạnh 0~4°C xuyên suốt đến tay người tiêu dùng cho sản phẩm giữ được hương vị tự nhiên và tươi ngon. Qua việc giới thiệu MEATDeli vào năm 2018, MML đã chuyển đổi thành công ty hàng tiêu dùng, giúp công ty giảm phụ thuộc vào chu kỳ hàng hóa và đạt biên lợi nhuận bền vững. Đây là mảnh ghép cuối cùng để MML trở thành công ty thịt có thương hiệu, nhằm đáp ứng nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn của người tiêu dùng và cho sản phẩm thịt ngon và an toàn.

Vissan

Thông qua giao dịch mua bán cổ phần theo hình thức đấu giá diễn ra trong tháng 3 và tháng 6 năm 2016, MML đã gián tiếp sở hữu 24,9% cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược của Vissan thông qua ANCO. Vissan là một trong những công ty sản xuất thịt có thương hiệu lớn nhất Việt Nam với công suất hàng năm là 10.000 tấn xúc xích tiết trùng, 5.000 tấn các sản phẩm đóng hộp, dây chuyền giết mổ lợn với công suất là 360 con/giờ và dây chuyền giết mổ gia súc với công suất là 35 con/giờ.

3F Việt

Theo đánh giá của MML, thịt gia cầm đóng vai trò quan trọng thứ hai trong bữa ăn của gia đình Việt. Tuy nhiên, hạn chế của thị trường này cũng tương tự như đối với thị trường thịt heo: năng suất thấp, vấn đề về chất lượng, thiếu sản phẩm mới và đột phá.

Công Ty Cổ Phần 3F Việt (“**3F Việt**”), một doanh nghiệp nội địa thành lập vào năm 2014, có nền tảng là chuỗi giá trị trải đều từ con giống, trại ấp, trại thịt đến cơ sở chế biến và đóng gói quy mô lớn. Tất cả đều đạt tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm và nhà máy chế biến của 3F Việt đạt các tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng như HACCAP, ISO 22000, và đặc biệt là FSSC22000 của Tổ chức FSSC 22000 có trụ sở tại Hà Lan.

Tuy xuất phát điểm khác nhau, nhưng 3F Việt và MML cùng mục tiêu là phục vụ sản phẩm thịt tươi ngon, dinh dưỡng và đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm hàng đầu. Với khoản vốn đầu tư 613 tỷ đồng từ MML, 3F Việt sẽ dùng để mở rộng kinh doanh và xây dựng thương hiệu thịt gia cầm vững mạnh.

8.1.2. Sản Phẩm Và Thương Hiệu

Bio-zeem

Bio-zeem là thương hiệu enzyme độc quyền của MML nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch của heo và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi thức ăn. *Bio-zeem* được đăng ký thương hiệu tại Việt Nam và đã được phát triển thành một thương hiệu nổi tiếng và có chỗ đứng trên thị trường. Trong vòng 4 năm sau khi ra mắt, *Bio-zeem* đến nay đã chiếm tỷ trọng hơn 34% sản lượng thức ăn chăn nuôi của Công Ty. MML đã tiếp thị

Bio-zeem với đặc trưng giá trị gia tăng mà có thể thấy được trong dòng các sản phẩm *Proconco* và *ANCO*, mang lại cho các sản phẩm này lợi thế to lớn trong thị trường hàng hóa truyền thống mà ở đó người nông dân không thể phân biệt được các sản phẩm. Các sản phẩm được bổ sung *Bio-zeem*, cải thiện sức khỏe tiêu hóa, củng cố khả năng hấp thụ của ruột, tăng cường khả năng miễn dịch và giảm các loại bệnh tật thường gặp ở heo và kết quả là giúp rút ngắn thời gian nuôi heo 12 ngày và tiết kiệm 6% lượng cám được sử dụng cho chăn nuôi heo.

ANCO

ANCO cung cấp danh mục đầy đủ các sản phẩm thức ăn cho heo chất lượng cao từ lúc mới sinh cho đến lúc xuất chuồng của heo, và các sản phẩm thức ăn gia cầm với 3 thương hiệu là: ANCO, Guinness, A&M. Các sản phẩm cùng một nhóm khác thương hiệu nhưng khá giống nhau với rất ít thay đổi trong công thức nhằm mục đích để ANCO có thể khai thác tối đa thị trường. ANCO cung cấp cám đậm đặc và cám tổng hợp cho toàn bộ các giai đoạn của heo như: heo con, heo nái, heo nọc, heo thịt.

Proconco

Proconco có lợi thế sản phẩm đa dạng hơn ANCO, sản xuất từ thức ăn cho gia súc, gia cầm đến thủy sản. Đối với mỗi dòng sản phẩm, Proconco cũng cung cấp đầy đủ các sản phẩm phù hợp với từng giai đoạn phát triển của gia súc, gia cầm, cá và tôm. Với danh mục sản phẩm đa dạng, Proconco không chỉ đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của ngành chăn nuôi mà còn góp phần đa dạng hóa sản phẩm, phân tán rủi ro. Thương hiệu nổi tiếng nhất của Proconco là “Con Cò”. Đây là một trong các thương hiệu lâu đời nhất và uy tín nhất trong ngành thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam. Ngoài ra, Proconco còn có các thương hiệu khác như *Delice*, *Porcy*, *Ami*.

MEATDeli

Tháng 12 năm 2018, MML đã giới thiệu sản phẩm thịt heo mát mang thương hiệu “MEATDeli”, với giá hợp lý và an toàn cho người tiêu dùng.

Thịt sạch MEATDeli được sản xuất trong quy trình khép kín: Heo khỏe được nuôi theo tiêu chuẩn Global GAP và áp dụng hệ thống kiểm soát 3 tuyến kiểm dịch theo hướng dẫn của Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn và Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế bao gồm:

- Tuyến số 1: Chỉ heo khỏe mới được xuất trại.
- Tuyến số 2: Chỉ heo khỏe, không nhiễm dịch bệnh mới được đưa vào nhà máy.
- Tuyến số 3: Thịt heo an toàn mới được xuất bán ra thị trường.

Thịt heo ngay sau khi giết mổ được đưa qua quy trình làm mát để hạ nhiệt độ tâm thịt từ 0 đến 4 độ C không quá 24 giờ, Sau đó, thịt heo được xử lý và đóng gói khép kín với Công Nghệ Oxy Fresh 9 từ Châu Âu giúp ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập và tạo môi trường mát lạnh cho thịt tiếp tục “thở”. Quá trình vận chuyển đến nhà phân phối phải được thực hiện bằng xe chuyên dụng, đảm bảo độ mát trong khoang xe luôn ở nhiệt độ 0~4 độ C. Khi đến nơi phân phối nhân viên phải kiểm tra lại nhiệt độ của sản phẩm bằng thiết bị đo chuyên dụng và giữ thịt ở hệ thống tủ mát đạt chuẩn. Quá trình bảo quản cũng luôn duy trì nhiệt độ này. Công Ty đã áp dụng mô hình xây dựng thương hiệu như hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) cho MEATDeli. MEATDeli là sản phẩm đầu tiên trong ngành thịt tươi phát quảng cáo trên truyền hình và nhanh chóng được người tiêu dùng ưa chuộng.

8.1.3. Nguyên Vật Liệu Và Nhà Cung Cấp

ANCO

Thành phần nguyên liệu chủ yếu trong thành phẩm thức ăn gia súc của ANCO gồm có cám gạo bã, đậu nành, bắp, khô dầu cải ép và bột thịt. Việc thu mua và dự báo nhu cầu nguyên liệu được thực hiện hàng tuần, ANCO sử dụng nguồn cung cấp nguyên vật liệu cả trong và ngoài nước. Bã đậu nành và bắp được công ty nhập từ nhiều nước như Argentina, Brazil chủ yếu do yếu tố về giá và chất lượng, trong khi đó cám gạo chủ yếu sử dụng nguồn trong nước.

ANCO thu mua nguyên liệu từ nước ngoài dựa trên các hợp đồng được ký kết trước 6 tháng và kiểm soát giá dựa trên thành phần năng lượng, protein và dinh dưỡng. Sự linh hoạt trong việc thu mua và sử dụng các nguyên liệu thay thế từ nhiều nguồn cung cấp khác nhau đã giúp cho ANCO có sự khác biệt với đối thủ cạnh tranh với tỷ suất lợi nhuận gộp ở mức cạnh tranh trong ngành thức ăn gia súc tại Việt Nam.

Nguyên liệu trong nước được các nhân viên thu mua tại từng nhà máy thực hiện. Thường là các hợp đồng ngắn hạn và giá được xem xét hàng tuần theo biến động thị trường. Mười nhà cung cấp lớn nhất chiếm khoảng 60% tổng chi phí nguyên vật liệu của ANCO và ANCO có mối quan hệ ít nhất là ba năm với mười nhà cung cấp lớn nhất (trung bình khoảng ba (3) đến mười (10) năm).

Proconco

Bắp, bánh dầu đậu nành và cám gạo là các nguyên liệu chính để sản xuất của Proconco. Proconco mua các nguyên liệu từ các nguồn trong và ngoài nước. Proconco nhập khẩu một phần bánh dầu đậu nành và bắp từ nhiều nước trên thế giới dựa trên cơ sở đánh giá chất lượng và giá cả của các nhà cung cấp uy tín hàng đầu thế giới. Trong khi đó, cám gạo được mua hoàn toàn nội địa.

Hàng tháng, phòng mua hàng sẽ nhận bảng cân đối nhu cầu nguyên liệu bốn tháng (tháng hiện tại và ba tháng kế tiếp) từ phòng công thức. Dựa trên bảng nhu cầu này, phòng mua hàng sẽ tiến hành cân đối tồn kho của tất cả các nguyên liệu để có kế hoạch mua mới về sử dụng theo nguyên tắc đảm bảo 45 – 90 ngày sử dụng, nhằm đảm bảo cung cấp đủ cho sản xuất. Proconco có thể thay đổi thành phần trộn sản phẩm trong các sản phẩm thức ăn gia súc để sản xuất sản phẩm có cùng mức năng lượng trên một kilogram thức ăn gia súc trong khi giảm thiểu tác động giá hàng hóa tăng bằng cách sử dụng một số loại ngũ cốc thay vì các lựa chọn khác như sắn, ngô, đậu tương.

Mười nhà cung cấp lớn nhất chiếm khoảng 50% tổng chi phí nguyên liệu của Proconco và Proconco có mối quan hệ ít nhất là ba năm với mười nhà cung cấp lớn nhất (trung bình khoảng ba (3) đến mười lăm (15) năm).

8.1.4. Trình Độ Công Nghệ

Toàn bộ máy móc sản xuất thiết bị của MML đều được đầu tư theo công nghệ tiên tiến và khép kín từ khâu đầu đến khâu cuối 100%. Công nghệ cho phép MML sản xuất tất cả các chủng loại, các giai đoạn từ đậm đặc dạng bột, dạng mảnh, dạng viên các cỡ... đáp ứng nhu cầu chuyên biệt cho từng giai đoạn phát triển của con thú (ví dụ heo tập ăn, heo cai sữa) cũng như cho từng giống riêng biệt (như heo lai, heo siêu nạc). Công nghệ sản xuất của MML đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định và được các hộ chăn nuôi đánh giá cao. Gần đây nhất, MML đã đầu tư đón đầu nhằm thiết lập tiêu chuẩn mới cho người tiêu dùng, với công nghệ thịt mát của Châu Âu nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng về các sản phẩm.

8.1.5. Tình Hình Nghiên Cứu Và Phát Triển Sản Phẩm Mới

ANCO

Bộ phận R&D của ANCO (chịu trách nhiệm về công thức sản xuất) được điều hành bởi cổ đông sáng lập ông Lee Meng Hong. Các thành phần nguyên vật liệu đầu vào được sử dụng một cách linh hoạt và có khả năng thay thế. Công thức sản xuất được điều chỉnh thường xuyên nhằm tối đa hoá lợi nhuận, được xem xét hai tuần một lần.

Bộ phận R&D của ANCO chịu trách nhiệm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới thông qua việc giữ quan hệ chặt chẽ với một số nhà cung cấp có uy tín; theo dõi chất lượng nguyên liệu và phản hồi của khách hàng đối với thành phẩm. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên R&D liên tục phát triển và cập nhật các công nghệ mới hướng tới mục tiêu tạo ra các sản phẩm giá trị cao.

Proconco

Proconco có phòng công thức và phòng nghiên cứu phát triển, được hỗ trợ bởi phòng thí nghiệm. Nhiệm vụ chính của phòng công thức là quản lý công thức sản phẩm nhằm phục vụ cho việc mua nguyên liệu và sản xuất, sử dụng hệ thống tối ưu công thức trong phần mềm tên là LIBRA. Nhiệm vụ phòng nghiên cứu phát triển chủ yếu là tìm các nguyên liệu thay thế nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm giá thành, cũng như nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới. Phòng thí nghiệm của Proconco được trang bị hiện đại, như thiết bị phân tích đặc tính nguyên liệu bằng hồng ngoại NIR (Near Infrared Transmissions) có độ chính xác cao, thời gian phân tích ngắn.

8.1.6. Quản Lý Chất Lượng Sản Phẩm

Kiểm kê nguyên liệu chính và thành phẩm được thực hiện hàng ngày. Nguyên liệu và thành phẩm được kiểm soát chặt chẽ từ khâu kiểm soát đầu vào, đầu ra về số lượng, chỉ tiêu chất lượng. Công tác phân loại hàng, đảo hàng và bố trí lưu trữ hợp lý đáp ứng nhanh chóng cho nhu cầu sản xuất và vẫn đảm bảo chất lượng của nguyên liệu và thành phẩm. Số liệu nhập – xuất được phản ánh lên dữ liệu trung tâm. Công tác kiểm soát kho hàng được thực hiện thường xuyên, chất lượng của hàng hóa được bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm kiểm soát liên tục. Hàng hóa được bảo quản, chất xếp và đưa vào sản xuất theo hình thức FIFO (nhập trước xuất trước). Lượng nguyên liệu duy trì dự trữ tại kho là một tháng.

ANCO

Công ty áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm chặt chẽ nhằm đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng tất cả các quy định về tiêu chuẩn. Mẫu nguyên liệu và thành phẩm (thành phẩm được lấy mẫu mỗi 30 phút) được kiểm tra chất lượng, sau đó lưu trữ tại ANCO trong vòng 2 tháng. Mỗi mẫu được kiểm tra về hàm lượng protein, lipid, fiber, fat, calorie... Quy trình sản xuất được tạm dừng trong trường hợp kiểm tra cho thấy sản phẩm không đạt chất lượng yêu cầu. Những xét nghiệm thêm bên ngoài cũng được thực hiện tùy vào yêu cầu của các cơ quan chức năng liên quan. Ngoài ra, để tối ưu hoá lợi nhuận, ANCO cũng định kỳ thực hiện kiểm tra và đánh giá những nguyên liệu mới và thành phẩm thông qua bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trước khi cung cấp ra thị trường.

Proconco

Chất lượng là ưu tiên hàng đầu tại Proconco. Việc quản lý chất lượng được áp dụng cho thành phẩm và cả nguyên liệu đầu vào. Đối với nguyên liệu nhập khẩu, Proconco yêu cầu các nhà cung cấp bổ sung các chứng nhận chất lượng trước khi xuất hàng. Trước khi dỡ hàng tại cảng Việt Nam, nguyên vật liệu cũng sẽ được tiến hành kiểm tra mỗi mẻ. Đối với thành phẩm, Proconco tiến hành kiểm tra mẫu với tất cả các đợt sản xuất trong ngày đối với thức ăn cho heo con và các sản phẩm thử nghiệm (khi phát triển sản phẩm mới) và một nửa các đợt sản xuất trong ngày đối với các sản phẩm khác. Nếu thành phẩm không đạt chất

lượng đã đề ra, phòng kiểm tra chất lượng sẽ thông báo đến ban giám đốc và phòng sản xuất để xử lý. Proconco có các chính sách nội bộ liên quan đến việc dự trữ nguyên liệu để hạn chế rủi ro bị gián đoạn sản xuất nếu phát sinh các lô hàng nguyên liệu không đạt chất lượng theo yêu cầu.

MEATDeli

Thịt mát MEATDeli được lưu trữ và phân phối trong hệ thống kho và vận chuyển lạnh ở nhiệt độ vàng 0-4 độ C. Điều kiện vận chuyển và bảo quản này hạn chế vi sinh vật phát triển và giữ hương vị tự nhiên, tươi ngon cho sản phẩm. Thịt heo mát có hạn sử dụng dài hơn sản phẩm thịt ẩm truyền thống mà vẫn đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng. Cách thức sản xuất, bảo quản và kinh doanh thịt mát này đã rất phổ biến và được chuẩn hóa trên thế giới nhưng chưa từng được áp dụng tại Việt Nam.

8.1.7. Hoạt Động Marketing

Tiếp Thị

Các hoạt động marketing hiện nay của MML được đảm nhiệm bởi phòng bán hàng/kinh doanh. Tổng số nhân viên bán hàng của MML là hơn 700 nhân viên bán hàng trên khắp cả nước. Đội ngũ nhân viên marketing có trách nhiệm quản lý mối quan hệ với các nhà cung cấp, theo dõi tất cả các yếu tố thị trường nhằm nắm bắt xu hướng phát triển của thị trường và phát hiện các cơ hội mới (ví dụ nhu cầu tiềm năng đối với một loại sản phẩm nào đó). Bộ phận marketing cũng đồng thời quản lý đội ngũ các chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật, MML không chỉ bán sản phẩm mà còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp người chăn nuôi đạt hiệu quả cao nhất khi sử dụng sản phẩm của MML. Đội ngũ kỹ thuật thực hiện vai trò hỗ trợ, tư vấn người chăn nuôi từ việc xây dựng chuồng trại đúng quy cách, cách lựa chọn con giống tốt, cách sử dụng đúng thuốc thú y và các kỹ thuật chăn nuôi có hiệu quả cao.

Các sản phẩm hàng tiêu dùng nông nghiệp của MML, đặc biệt là các sản phẩm có *Bio-zeem*, được quảng cáo rộng rãi trên kênh truyền hình quốc gia trong khung giờ cao điểm. Ngoài ra, MML cũng tập trung hỗ trợ kỹ thuật hoặc tổ chức các cuộc hội thảo để giới thiệu sản phẩm tới các khách hàng.

MEATDeli là sản phẩm thịt mát đầu tiên trong ngành thịt tươi phát quảng cáo trên ti vi. Mặc dù mới gia nhập vào ngành, MEATDeli được người tiêu dùng đón nhận rất tích cực, chiếm 40% thị phần thịt heo tươi của VinMart chỉ sau 3 tháng ra mắt, 85% người tiêu dùng tham gia khảo sát thích MEATDeli hơn những loại hoặc thương hiệu thịt khác, 94% người tiêu dùng tham gia khảo sát sẽ trở lại để mua MEATDeli nhiều hơn 2 lần.

Khách Hàng Và Hệ Thống Phân Phối

MML có tổng cộng hơn 2.000 đại lý trên cả nước để phân phối các sản phẩm thức ăn chăn nuôi. Hợp đồng với đại lý thường kéo dài một năm. Thời gian trung bình đã hợp tác với các đại lý là năm/sáu năm. Ngoài các chương trình khuyến mãi cho các đại lý, MML cũng có các chương trình khuyến nông để hỗ trợ nông dân và góp phần tăng doanh số bán hàng cho các đại lý, cũng như củng cố lòng trung thành và tin tưởng của người nông dân trong việc sử dụng các sản phẩm của MML.

Mặc dù chúng tôi khuyến khích các đại lý của chúng tôi chỉ bán hoặc sản phẩm ANCO hoặc Proconco để tránh tình trạng cạnh tranh trực tiếp giữa 2 thương hiệu này, tuy nhiên một số đại lý vẫn bán cả hai dòng sản phẩm ANCO và Proconco.

Đối với mảng kinh doanh thịt và các sản phẩm từ thịt, các sản phẩm của MML đã có mặt ở các thành phố lớn là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, với hơn 1.700 điểm bán, bao gồm hệ thống

siêu thị VinMart, cửa hàng VinMart+, siêu thị CoopMart, Big C, các cửa hàng MEATDeli và các đại lý phân phối.

8.1.8. Tính Thời Vụ Của Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh

Với đặc thù là lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp tiêu dùng, yếu tố mùa vụ của Công Ty thường rơi vào Quý 3 và Quý 4 hằng năm. Điều này được thể hiện qua nhu cầu tiêu thụ mạnh các sản phẩm thịt và hàng tiêu dùng vào các dịp cuối năm, đặc biệt là dịp Tết đối với các sản phẩm của công ty, kéo theo nhu cầu thức ăn chăn nuôi cho lĩnh vực chăn nuôi vào thời điểm các quý cuối năm. Bên cạnh đó, việc chuyển dịch sang các sản phẩm hàng tiêu dùng, tiêu biểu là các sản phẩm từ thịt với nhu cầu cao vào các dịp này thì yếu tố mùa vụ của Công Ty càng thể hiện rõ nét hơn.

8.1.9. Sản Lượng Sản Phẩm, Giá Trị Dịch Vụ Qua Các Năm

Doanh thu thuần theo từng mảng kinh doanh:

Trong năm 2020, tỷ trọng đóng góp về doanh thu của hai mảng kinh doanh chính của MML là thức ăn chăn nuôi ở mức 85% và thịt và trang trại ở mức 15%. Tỷ trọng hai mảng kinh doanh chính của MML có sự thay đổi đáng kể trong giai đoạn 2019-2020 với đóng góp mạnh mẽ của mảng kinh doanh thịt và trang trại. Cụ thể, tỷ trọng doanh thu đóng góp từ mảng kinh doanh thịt và trại tăng từ 3% trong năm 2019 lên 15% trong năm 2020 với mức tăng trưởng doanh thu 465%. Tương tự, trong 6 tháng đầu năm 2021, tỷ trọng mảng thịt và trang trại trong cơ cấu doanh thu tiếp tục tăng lên mức 18%.

Đơn vị: Triệu Đồng

Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ (giảm)	6 tháng 2021	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT		Giá trị	% DTT
Thức ăn chăn nuôi	13.377.825	97%	13.740.926	85%	3%	8.366.789	82%
Thịt và trang trại	420.926	3%	2.378.079	15%	465%	1.865.059	18%
Tổng cộng	13.798.751	100%	16.119.005	100%		10.231.848	100%

Nguồn: MML

Lợi nhuận gộp theo từng mảng kinh doanh:

Trong năm 2020, tỷ trọng đóng góp về lợi nhuận gộp của hai mảng kinh doanh chính của MML là thức ăn chăn nuôi ở mức 86% và thịt và trang trại ở mức 14%. Tương tự xu hướng thay đổi trong cơ cấu doanh thu, sự đóng góp trong lợi nhuận của mảng kinh doanh thịt và trang trại tăng đáng kể từ -5% lên 14% trong giai đoạn 2019-2020. Đặc biệt, năm 2020, mảng kinh doanh thịt của MML đã có sự chuyển biến quan trọng khi chuyển từ mức lợi nhuận gộp âm sang có lãi. Điều này minh chứng cho hướng đi đúng đắn của MML khi đầu tư nguồn lực vào mảng kinh doanh mới đầy triển vọng này. Tương tự, trong 6 tháng đầu năm 2021, tỷ trọng mảng thịt và trang trại trong cơ cấu lợi nhuận gộp tiếp tục tăng lên mức 19%.

Đơn vị: Triệu Đồng

Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ (giảm)	6 tháng 2021	
	Giá trị	% tổng LNG	Giá trị	% tổng LNG		Giá trị	% tổng LNG
Thức ăn chăn nuôi	2.368.582	105%	2.332.947	86%	-2%	1.054.656	81%
Thịt và trang trại	-102.979	-5%	391.680	14%	-	254.350	19%
Tổng cộng	2.265.603	100%	2.724.627	100%		1.309.006	100%

Nguồn: MML

Ghi chú: Thịt và trang trại bao gồm mảng trang trại, mảng thịt và 3F Việt

8.2. Tài Sản Của Tổ Chức Phát Hành

Đơn vị: triệu Đồng

Chỉ tiêu tại 31/12/2019	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình		
Nhà cửa và vật kiến trúc	3.188.674	2.725.884
Máy móc và thiết bị	1.945.852	1.271.402
Phương tiện vận chuyển	89.822	51.209
Thiết bị văn phòng	58.848	42.931
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính		
Máy móc và thiết bị	-	-
Phương tiện vận chuyển	-	-
Tài sản cố định vô hình		
Quyền sử dụng đất	207.412	179.135
Phần mềm máy vi tính	61.564	39.215
Thương hiệu	1.615.000	1.214.225
Quan hệ khách hàng	2.413.100	1.806.164
Kỹ thuật	566.000	24.350

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của MML

Chỉ tiêu tại 31/12/2020	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình		
Nhà cửa và vật kiến trúc	3.884.979	3.228.345
Máy móc và thiết bị	2.564.945	1.659.832
Phương tiện vận chuyển	123.274	82.226
Thiết bị văn phòng	59.624	36.997
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính		
Máy móc và thiết bị	20.951	20.507
Phương tiện vận chuyển	1.810	1.772
Tài sản cố định vô hình		
Quyền sử dụng đất	219.899	185.568
Phần mềm máy vi tính	61.847	30.447
Thương hiệu	1.814.782	1.331.407
Quan hệ khách hàng	2.535.977	1.807.746
Công nghệ	566.000	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của MML

Chỉ tiêu tại 30/06/2021	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình		
Nhà cửa và vật kiến trúc	3.940.896	3.197.300
Máy móc và thiết bị	2.683.319	1.635.431
Phương tiện vận chuyển	120.294	71.290
Thiết bị văn phòng	60.870	33.295
Tài sản sinh học	3.458	3.204
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính		
Nhà cửa và vật kiến trúc	347.132	347.132
Máy móc và thiết bị	20.951	18.701
Phương tiện vận chuyển	2.229	2.017
Tài sản cố định vô hình		
Quyền sử dụng đất	219.899	182.541
Phần mềm máy vi tính	61.847	25.901
Thương hiệu	1.814.782	1.279.933
Quan hệ khách hàng	2.535.977	1.743.579
Kỹ thuật	566.000	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2021 của MML

8.3. Thị Trường Hoạt Động

Toàn bộ doanh thu và lợi nhuận của Công Ty được tạo ra trong lãnh thổ Việt Nam.

8.4. Các Hợp Đồng Lớn Đã Thực Hiện, Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Ký Kết Trong 2 Năm Gần Đây

STT	Tên hợp đồng	Đối tác tham gia hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Nội dung
1	576/2020/HU M/PCBH	Công Ty Cổ Phần Hum	52.325 triệu Đồng	21/10/2020	01-31/01/2021	Bắp hạt
2	11/CL/2020/P CCT	DNTN Cẩm Linh 1	18.210 triệu Đồng	31/07/2020	10/08-30/09/2020	Cám gạo
3	PCHP-TANLONG/0 921A	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	18.425 triệu Đồng	12/01/2021	01-31/03/2021	Bắp hạt
4	S02580.004	Louis Dreyfus Company Asia Pte Ltd	1.059.180 USD	21/04/2020	01-31/12/2020	Bánh dầu nành
5	S04373.F00	Enerfo Pte Ltd	1.476.690 USD	01/12/2020	01-31/03/2021	Bánh dầu nành
6	86/2021/HNS G/PCCT	Công Ty TNHH TM Hồng Nga Sài Gòn	67.100 triệu Đồng	01/03/2021	01/04-31/08/2021	Khoai mì lát
7	HIEPTAI-PCCT.2019	Công Ty TNHH Hiệp Tài	15.750 triệu Đồng	31/07/2020	10/08-30/09/2020	Cám gạo
8	82/2021/QDM B/PCCT	Công Ty TNHH TM Quang Dũng Miền Bắc	25.600 triệu Đồng	26/02/2021	01-30/06/2021	Bánh dầu nành
9	2002017285	Công Ty TNHH Kinh Doanh Nông Sản VN	21.692,5 triệu Đồng	14/09/2021	15-22/09/2021	Bánh dầu nành
10	YC-PROCONCO-200512-SEP20'	CJ International Asia Pte Ltd	338.000 USD	12/05/2020	01-30/09/2020	Bánh dầu nành

8.5. Vị Thế Của Tổ Chức Phát Hành Trong Ngành**8.5.1. Vị Thế Của Tổ Chức Phát Hành So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành*****Đối với mảng thức ăn chăn nuôi***

Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, hiện nay ở Việt Nam có khoảng 265 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, trong đó có 85 nhà máy thuộc doanh nghiệp nước ngoài (chiếm tỷ lệ 32%), 180 nhà máy thuộc doanh nghiệp trong nước (chiếm 68%). Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước đang yếu thế về năng lực cạnh tranh so với doanh nghiệp nước ngoài. Theo đó, các doanh

ngành nước ngoài chiếm 65% thị phần, 35% thị phần còn lại do doanh nghiệp trong nước nắm giữ. Với việc sở hữu 13 nhà máy thức ăn chăn nuôi với tổng công suất lên đến 3,78 triệu tấn thức ăn chăn nuôi, MML là một trong hai doanh nghiệp có quy mô lớn nhất ngành thức ăn chăn nuôi Việt Nam và là doanh nghiệp nội địa có quy mô lớn nhất. Đặc biệt, Proconco tự hào nằm trong danh sách 80 nhà sản xuất thức ăn gia súc tốt nhất thế giới của tạp chí Feed International Magazine.

Với hệ thống nhà máy khắp cả nước với các chủng loại sản phẩm đa dạng từ thức ăn gia súc (heo, bò), gia cầm (gà, vịt, chim cút) đến thủy sản (cá, tôm) và thương hiệu lâu đời giúp MML có lợi thế đáng kể trong việc tối ưu hóa chi phí sản xuất nhờ lợi thế quy mô để giúp Công Ty chiếm lĩnh thị trường. Đặc biệt, trong những giai đoạn thị trường khó khăn như giai đoạn những năm vừa qua, MML vẫn giữ được giá bán cạnh tranh để duy trì thị phần, hỗ trợ người nông dân để duy trì được mức tăng ổn định ở mảng kinh doanh này.

Ngoài ra, Công Ty còn sở hữu năng lực R&D mạnh mẽ với minh chứng là việc tung ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mạnh trên thị trường. Công Ty có các phòng R&D tại các công ty ANCO và Proconco, chịu trách nhiệm R&D các sản phẩm mới bằng cách giữ các mối quan hệ chặt chẽ với các nhà cung cấp có uy tín, giám sát chất lượng nguyên vật liệu và các phản hồi của khách hàng về các sản phẩm, quản lý công thức cho các sản phẩm và tìm kiếm nguyên vật liệu thay thế nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm chi phí. Công Ty đã đặt trọng tâm đặc biệt vào việc chuyển đổi thị phần tiêu dùng nông nghiệp và phát triển các sản phẩm có thương hiệu sáng tạo. Đặc biệt, Bio-zeem là thương hiệu enzyme độc quyền của MML nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch của heo và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi thức ăn. Công Ty đã tiếp thị Bio-zeem với đặc trưng giá trị gia tăng mà có thể thấy được trong dòng các sản phẩm tiêu dùng nông nghiệp, mang lại cho các sản phẩm này lợi thế to lớn trong thị trường hàng hóa truyền thống mà ở đó người nông dân không thể phân biệt các sản phẩm.

Đối với mảng thịt và sản phẩm từ thịt

Lợi thế của công ty đến từ việc đi tiên phong trong ngành thịt mát và sở hữu một mô hình 3F hoàn chỉnh. Trong 5 năm qua, MML cũng đã chuyển đổi mô hình kinh doanh sản phẩm nông nghiệp sang mô hình kinh doanh thịt đóng gói có thương hiệu phục vụ cho người tiêu dùng và tập trung phát triển ngành thịt. Theo đó, chuỗi giá trị thịt của MML đã hoàn chỉnh theo mô hình 3F, bao gồm 13 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất 3 triệu tấn/năm, trang trại chăn nuôi keo kỹ thuật cao tại Nghệ An với sản lượng 230.000 con heo thịt mỗi năm và hai tổ hợp chế biến thịt tại Hà Nam và Long An có tổng công suất 2,8 triệu con heo mỗi năm, tương đương 280.000 tấn theo tiêu chuẩn Châu Âu. Đối với hệ thống phân phối, việc hệ thống MeatDeli tiếp tục mở rộng quy mô và hệ thống phân phối sau thương vụ sáp nhập VCM vào MSN đã giúp MML trở thành một trong những doanh nghiệp có hệ thống phân phối thịt mát có lợi thế vượt trội so với các sản phẩm thịt khác.

Nhìn chung, là một doanh nghiệp tiên phong trong thị trường thịt mát trong giai đoạn đầu phát triển (theo ước tính của Công Ty, tổng lượng tiêu thụ thịt heo của Việt Nam lên tới 10,2 tỷ USD mỗi năm, trong đó tỷ lệ thịt tươi chiếm 98%), sản phẩm nhận diện thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, công nghệ chế biến hiện đại, giá cả hợp lý và an toàn là lợi thế của MML khi dần chiếm được niềm tin của người tiêu dùng hiện đại. MML kỳ vọng đến năm 2022 có thể đạt doanh thu 2 tỷ USD tại thị trường Việt Nam với đóng góp 50% từ các sản phẩm thịt có thương hiệu và đạt được 15% thị phần giá trị của thị trường thịt. Đến năm 2022, Công Ty kỳ vọng hệ thống phân phối của mình sẽ có hơn 300 cửa hàng Meat Deli, hơn 4.400 đại lý và 500 cửa hàng trong cửa hàng trên toàn quốc.

8.5.2. Triển Vọng Phát Triển Của Ngành

Hiện nay, dựa trên các dữ liệu được thu thập từ Tổ Chức Lương Thực Và Nông Nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) và Tổng Cục Thống Kê Việt Nam, mức tiêu thụ thịt trên đầu người của Việt Nam chỉ ở mức 40

kg/năm, thấp hơn nhiều so với các nước khác như Trung Quốc (60 kg), Mỹ (trên 100 kg), EU (75 kg), Hàn Quốc (65 kg). Sự gia tăng dân số, cải thiện thu nhập trên đầu người và nhu cầu tiêu thụ thịt sạch, truy suất được nguồn gốc tại Việt Nam sẽ góp phần tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi công nghiệp tiếp tục phát triển.

Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi Việt Nam hiện nay tuy vẫn còn nhỏ lẻ và manh mún nhưng Chính Phủ Việt Nam đã và đang có những chiến lược mạnh mẽ nhằm phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, quy mô tập trung. Điều này đã và đang tạo điều kiện cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp tiếp tục phát triển. Bên cạnh đó, thức ăn chăn nuôi công nghiệp có lợi thế tăng năng suất chăn nuôi, rút ngắn thời gian nuôi và do đó cải thiện lợi nhuận cho nông dân. Với mức độ tiếp cận thông tin ngày một cải thiện của các hộ nông dân, hiểu biết về lợi ích của thức ăn chăn nuôi công nghiệp sẽ tiếp tục thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Theo Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp đã tăng trưởng mạnh, khoảng 15%/năm trong 10 năm và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng với mức 7 – 8% /năm trong vòng 5 năm tới. Hiện nay thức ăn chăn nuôi công nghiệp chiếm khoảng 50 – 60% thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong tương lai.

Mặc dù thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam có trên 200 công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi nhưng quá trình hợp nhất đã, đang và được kỳ vọng sẽ tiếp tục diễn ra do trong những năm vừa qua, thị trường khó khăn do phải đối mặt với nhiều khó khăn (như dịch bệnh, thiếu nguồn vốn) đã dẫn đến việc các công ty con, yếu kém năng lực tài chính và quản lý bị đào thải. Tương lai với các hiệp định thương mại tự do và các hiệp định thương mại tự do của ASEAN bắt đầu có hiệu lực sẽ khiến cho nhiều công ty không có lợi thế cạnh tranh tiếp tục bị đào thải. Do đó, xu thế mua bán sáp nhập trong ngành thức ăn chăn nuôi sẽ là cơ hội lớn cho các công ty có tiềm lực tài chính, quy mô lớn, năng lực quản trị mạnh tiếp tục vươn lên dẫn đầu thị trường. MML, với chiến lược phát triển tập trung vào mô hình 3F độc đáo sẽ có cơ hội để biến thách thức của thị trường thành những thành công của mình và thực hiện mục tiêu dẫn đầu trong việc cung cấp cho người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm có chất lượng.

Thị trường thịt heo là mảng lớn nhất trong ngành F&B (thực phẩm và đồ uống) của Việt Nam với thị trường có giá trị hơn 10 tỷ USD, gấp 2,5 lần quy mô thị trường sữa. Tuy nhiên, đây là thị trường chưa được chuẩn hóa, còn rời rạc và chưa có nhiều sản phẩm an toàn cho sức khỏe. Dư địa của thị trường này vẫn còn rất lớn và bài toán của các doanh nghiệp trong ngành cần phải làm là làm sao giành lấy thị phần của kênh truyền thống với 98% sản lượng tiêu thụ là thịt tươi. Thói quen tiêu dùng thay đổi đang ủng hộ các doanh nghiệp trong ngành khi số lượng cửa hàng tiện ích và mua sắm trực tuyến ngày càng nở rộ, người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến các sản phẩm có thể truy xuất được nguồn gốc. Điều này tạo điều kiện cho sản phẩm thịt mát MEATDeli của MML có nhiều tiềm năng để tăng trưởng.

8.5.3. Đánh Giá Về Sự Phù Hợp Định Hướng Phát Triển Của Tổ Chức Phát Hành So Với Định Hướng Của Ngành, Chính Sách Của Nhà Nước, Xu Thế Chung Trên Thế Giới

Hiện tại, lĩnh vực thịt mát đã phát triển trên thị trường quốc tế, nhưng chưa phổ biến ở thị trường Việt Nam nên vẫn chưa có định hướng, chính sách rõ ràng từ Nhà Nước. Có thể nói MML đang là đơn vị tiên phong thử nghiệm.

Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh hiện tại, các tiêu chí về nâng cao nguồn gốc, chất lượng, độ sạch của thực phẩm... đang là mục tiêu hướng tới của Nhà Nước Việt Nam. Hòa cùng đường lối đó của Nhà Nước, và cũng là xu hướng chung của thế giới, MML cũng đặt những tiêu chí trên làm mục tiêu hướng tới nhằm có thể mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm sạch, nguồn gốc rõ ràng với mức giá vừa túi tiền của đại đa số người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, Công Ty đã không còn mở mới các nhà máy thức ăn chăn nuôi mà tập trung hoàn toàn

nguồn lực vào mảng thịt và chế biến thịt. Điều này phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chăn nuôi Việt Nam, định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2040 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi cơ quan này cho biết việc xây mới các nhà máy thức ăn chăn nuôi ở một số khu vực trên cả nước nên được hạn chế. Ngoài ra, định hướng kinh doanh của MML cũng phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020-2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi chủ trương ưu tiên tái cơ cấu ngành chăn nuôi heo trên cơ sở dựa vào doanh nghiệp lớn để tạo ngành sản xuất hàng hóa, đầu tư công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi, gắn sản xuất với chế biến và xúc tiến thương mại, kết nối thị trường.

8.6. Quyền Sở Hữu Trí Tuệ, Nhân Hiệu, Tên Thương Mại, Sáng Chế

8.6.1. MNS Feed

Tại thời điểm hiện tại, MNS Feed sở hữu 39 chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá và bao bì sản phẩm, trong đó biểu tượng của “Anco & Logo”, “Ba con chim bồ câu & Logo” là các nhãn hiệu hàng hóa cơ bản của ANCO. Tất cả các biểu tượng, tên nhãn hiệu và mẫu mã bao bì đó đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam.



ANCO đã được cấp 9 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu bên ngoài Việt Nam, cụ thể là tại Campuchia. Hiện nay, các nhãn hiệu này đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho MML, ANCO cũng đã có được 28 chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp bởi Cục Bản Quyền Tác Giả Việt Nam, hiện tại tất cả chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã được chuyển nhượng sang cho MNS Feed.

8.6.2. Proconco

Tại thời điểm hiện tại, Proconco sở hữu 3 nhãn hiệu hàng hóa (chữ “Con Cò”, chữ “Proconco” và Logo “Con Cò”) đã được cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, trong đó cả ba nhãn hiệu đều là nhãn hiệu cơ bản sử dụng trong tất cả các bao bì cũng như để đảm bảo việc nhận diện thương hiệu. Các nhãn hiệu này đã được đăng ký tại Việt Nam và logo biểu tượng Con Cò cũng đã được đăng ký bảo hộ ở Myanmar, Lào Campuchia và Malaysia, Nhãn hiệu “Proconco” đã được đăng ký ở Trung Quốc, Lào, Campuchia và Malaysia.

Proconco đã có được 1 chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp bởi Cục Bản Quyền Tác Giả Việt Nam.



8.6.3. 3F Việt

Hiện nay, 3F Việt đang sở hữu 04 nhãn hiệu hàng hóa (chữ “3F Việt”, chữ “3F Viet Food”, chữ “3F Viet Farm”, chữ “3F Việt Feed”) đã được cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, trong đó cả ba nhãn hiệu đều là nhãn hiệu cơ bản sử dụng trong tất cả các bao bì cũng như để đảm bảo việc nhận diện thương hiệu. Các nhãn hiệu này đã được đăng ký tại Việt Nam.



8.7. Chiến Lược Kinh Doanh

Tổng quan về các chiến lược

“Xây dựng nền tảng 3F đẳng cấp thế giới để phụng sự người tiêu dùng Việt Nam” là chiến lược mà MML sẽ theo đuổi để tạo giá trị gia tăng cho cổ đông, khách hàng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về các sản phẩm an toàn và tốt cho sức khỏe, MML đã đưa ra thị trường các sản phẩm thịt có thương hiệu, có thể truy xuất được nguồn gốc, tươi ngon, an toàn với giá cả hợp lý dựa trên nền tảng ban đầu là lĩnh vực thức ăn chăn nuôi của mình.

Từ năm 2015, MML đã xây dựng chuỗi giá trị tích hợp hoàn chỉnh từ thức ăn chăn nuôi cho đến thịt có thương hiệu. Tháng 12/2018, MML đã khánh thành nhà máy MEAT Hà Nam – tổ hợp chế biến thịt mát đầu tiên tại Việt Nam và ra mắt thương hiệu thịt mát MEATDeli tại Hà Nội. Nối tiếp những thành công ban đầu, MML đã tiếp tục đầu tư xây dựng tổ hợp chế biến thịt thứ 2 - MEATDeli Sài Gòn tại tỉnh Long An nhằm phục vụ nhu cầu sản phẩm thịt tươi ngon, dinh dưỡng ngày càng gia tăng của hàng chục triệu người dân TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Cụ thể, MML khánh thành Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn trị giá 1.800 tỷ Đồng tại Long An. Cùng với đó, Công Ty góp số vốn trị giá 613 tỷ Đồng, chiếm 51% 3F Việt để mở rộng hoạt động sang thị trường gia cầm, đây được coi là bước đi chiến lược hướng đến tầm nhìn chuyển đổi MML thành một công ty hàng tiêu dùng thực thụ. Với hai cột mốc quan trọng này, MML kỳ vọng sẽ mang đến cho người tiêu dùng những giá trị đột phá, theo hướng có thể nhân rộng và phát triển để trở thành các thương hiệu mạnh số 1 tại Việt Nam.

Khởi công từ tháng 5/2019, dự án Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn có tổng diện tích hơn 20 ha, công suất thiết kế 1,4 triệu con heo/năm, tổng số vốn đầu tư 1.800 tỷ Đồng. Ở giai đoạn 1, tổ hợp có quy mô 155.000 tấn sản phẩm thịt mát và thịt chế biến từ thịt mát. Dây chuyền chế biến thịt của MEATDeli Sài Gòn được Marel - công ty hàng đầu thế giới về thiết bị chế biến thịt của Hà Lan cung cấp, ứng dụng tự động hóa với 3 robot trong hệ thống. Nhà máy được vận hành theo tiêu chuẩn BRC – tiêu chuẩn hàng đầu thế giới về An toàn Thực phẩm, đạt chứng chỉ HACCP và do chính các chuyên gia giàu kinh nghiệm của EU trực tiếp vận hành, giám sát và kiểm nghiệm. Đồng thời, thịt mát MEATDeli đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 12429:2018) về Thịt mát do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất và Bộ Khoa học Công nghệ công bố, thịt mát MEATDeli áp dụng hệ thống kiểm soát “3 tuyến kiểm dịch” theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế, đảm bảo an toàn cho miếng thịt khi đến tay người sử dụng.

Tính đến nay, MEATDeli đã phục vụ cho hàng triệu người tiêu dùng tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, có mặt tại hơn 1.700 điểm bán, bao gồm hệ thống siêu thị VinMart, cửa hàng VinMart+, siêu thị CoopMart, Big C, các cửa hàng MEATDeli và các đại lý phân phối.

Theo đánh giá của MML, thịt gia cầm đóng vai trò quan trọng thứ hai trong bữa ăn của gia đình Việt. Những hạn chế của thị trường này cũng tương tự như đối với thị trường thịt heo: năng suất thấp, vấn đề về chất lượng, thiếu sản phẩm mới và đột phá. Trong bối cảnh đó, 3F Việt, một doanh nghiệp nội địa thành lập vào năm 2014, nổi lên với vai trò đi đầu về các sản phẩm từ gia cầm như thịt gà mát đóng gói và các sản phẩm chế biến từ thịt gà. Nền tảng của 3F Việt là chuỗi giá trị trải đều từ con giống, trại ấp, trại thịt đến cơ sở chế biến và đóng gói quy mô lớn. Tất cả đều đạt tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm và nhà máy chế biến của 3F Việt đạt các tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng như HACCP, ISO 22000, và đặc biệt là FSSC22000 của Tổ chức FSSC 22000 có trụ sở tại Hà Lan. 3F Việt cùng với MML tiếp tục mở rộng kinh doanh và xây dựng thương hiệu thịt gia cầm vững mạnh.

Thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến: sẽ được quyết định theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm của Tổ Chức Phát Hành.

8.8. Thông Tin Về Việc Đáp Ứng Các Điều Kiện Kinh Doanh Theo Quy Định Pháp Luật Liên Quan:

STT	Ngành Nghề Kinh Doanh Có Điều Kiện	Mã ngành
1	<i>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản</i>	4620
2	<i>Bán buôn thủy sản</i>	4632

Tổ Chức Phát Hành đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

9. Thông Tin Về Cổ Đông Sở Hữu Từ 10% Vốn Điều Lệ Trở Lên

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0303576603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/11/2004, như được sửa đổi tại từng thời điểm
- Năm thành lập: 2004
- Trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ : 11.805.346.920.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Quang - Chủ tịch HĐQT
Ông Danny Le – Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 257.248.169 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ: 78,74%
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Công ty mẹ sở hữu trực tiếp
- Người đại diện theo ủy quyền: Danny Le
Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT của Tổ Chức Phát Hành

10. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Giám Đốc, Kế Toán Trưởng**10.1. Hội Đồng Quản Trị**

➤ Bảng dưới đây thể hiện thông tin về HĐQT của MML:

➤

Tên	Tuổi	Chức vụ
Ông Danny Le	37	Chủ Tịch
Ông Phạm Trung Lâm	48	Thành Viên HĐQT điều hành
Ông Trần Phương Bắc	47	Thành Viên HĐQT không điều hành
Ông Huỳnh Việt Thắng	48	Thành Viên HĐQT độc lập
Ông Neal Leroux Kok	35	Thành Viên HĐQT không điều hành

➤ Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên HĐQT của MML:

Ông Danny Le - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Danny Le
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Mỹ
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân, Loại giỏi, Cao đẳng Bowdoin
- Quá trình công tác:
 - Từ 2006 đến 2010: Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư (Analyst, Investment Banking Division) - Morgan Stanley
 - Từ 2010 đến nay: Giám đốc Chiến Lược và Phát Triển (Head of Strategy & Development) - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - Từ 4/2015 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
 - Từ 01/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
 - Từ 01/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Masan Brewery
 - Từ 03/2016 đến 01/2018: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Từ 01/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Từ 04/2018 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
 - Từ 04/2019 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
 - Từ 23/8/2019 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue
 - Từ 6/2020 đến nay: TGD - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - Từ 3/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Blue Tek Việt Nam

• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa
• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần The CrownX
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (tại 31/12/2020):	• Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials; • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue; • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Masan Brewery; • TGD - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Blue Tek Việt Nam; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa; • Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần The CrownX; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020):	257.248.169 cổ phần, chiếm tỷ lệ 78,74% vốn điều lệ
+ Đại diện cho MSN sở hữu:	257.248.169 cổ phần, chiếm tỷ lệ 78,74% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 31/12/2020):	1.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,46% vốn điều lệ
+ Nguyễn Thị Mỹ Anh (vợ)	1.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,46% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không có

Ông Phạm Trung Lâm - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên:	Phạm Trung Lâm
- Năm sinh:	1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:	
• Từ 1995 đến 2001:	Giám đốc kinh doanh miền Trung - Unilever Việt Nam
• Từ 2001 đến 2005:	Giám Đốc Kinh doanh kênh siêu thị - Nestle Việt Nam
• Từ 2005 đến 2011:	Phó TGD phụ trách kinh doanh - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
• Từ 2011 đến 2014:	TGD - Vietbev

-
- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Từ 2014 đến nay: • Từ 4/2015 đến nay: • Từ 03/2016 đến 04/2017: • Từ 04/2017 đến nay: • Từ 05/2016 đến nay: • Từ 3/2017 đến nay: • Từ 2014 đến nay: • Từ 2015 đến nay: • Từ 2014 đến nay: • Từ 2014 đến nay: • Từ 2015 đến nay: • Từ 2014 đến nay: • Từ 2015 đến nay: • Từ 2015 đến nay: • Từ 2015 đến nay: • Từ 2016 đến nay: • Từ 2016 đến nay: • Từ 2017 đến nay: • Từ 4/2019 đến nay: • Từ 11/2020 đến nay: • Từ 2010 đến nay: | <p>Chủ tịch HĐQT và TGD - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế</p> <p>Chủ tịch HĐQT và TGD - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc</p> <p>Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife</p> <p>Thành viên HĐQT và TGD - Công ty Cổ phần Masan MEATLife</p> <p>Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản</p> <p>Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An</p> <p>Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Meat</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam</p> <p>Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là "Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn")</p> <p>Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần 3F Việt</p> <p>Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai</p> <p>Thành viên HĐQT và TGD</p> |
|--|---|
-
- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (tới 31/12/2020): | <ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Meat; • Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An; • Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam; |
|--|--|
-

- Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn;
 - Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed;
 - Chủ tịch HĐQT, TGD- Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản;
 - Chủ tịch HĐQT, TGD - Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Proconco Cần Thơ;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Con cò Bình Định;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên;
 - Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần 3F Việt.
-
- | | |
|---|--|
| - Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020): | 2.201.020 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,67% vốn điều lệ |
| + Đại diện sở hữu: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ |
| + Cá nhân sở hữu: | 2.201.020 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,67% vốn điều lệ |
| - Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 31/12/2020): | Không có |
| - Những khoản nợ đối với Công Ty: | Không có |
| - Lợi ích liên quan đối với Công Ty: | Không có |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: | Không có |

Ông Trần Phương Bắc - Thành viên Hội đồng Quản trị

- | | |
|--------------|-----------------|
| - Họ và tên: | Trần Phương Bắc |
| - Năm sinh: | 1974 |

- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn:	Thạc sĩ Luật
- Quá trình công tác:	
• Từ 1996 đến 2000:	Giảng viên - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
• Từ 2000 đến 2006:	Luật sư - Công ty Unilever Việt Nam
• Từ 2006 đến 2009:	Luật sư - Công ty Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam
• Từ 2009 đến 2013:	Luật sư - Công ty Luật hợp danh Luật Việt
• Từ 2009 đến nay:	Công ty do ông Trần Phương Bắc sở hữu 100% - Công ty Luật TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Chứng khoán
• Từ 2013 đến nay:	Luật sư trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
• Từ 12/2015 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
• Từ 3/2016 đến nay:	Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed
• Từ 7/2016 đến nay:	Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited
• Từ 5/2017 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
• Từ 2017 đến nay:	Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Meat Processing
• Từ 01/2018 đến nay:	Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Farm
• Từ 3/2019 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Jinju
• Từ 4/2019 đến nay:	TGD - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn)
• Từ 23/8/2019 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue
• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa
• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce
• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM
• Từ 5/2016 đến nay:	Giám đốc - Công ty TNHH MNS Meat
• Từ 4/2018 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (tại 31/12/2020):	• Công ty do ông Trần Phương Bắc sở hữu 100% - Công ty Luật TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Chứng khoán; • Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh; • Giám đốc - Công ty TNHH MNS Meat; • Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed; • Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Thực

	- phẩm Cholimax; - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Farm; - Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn; - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Meat Processing; - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue; - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa; - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM; - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce; - Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020):	900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00027% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00027% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 31/12/2020):	Không có
- Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không có

Ông Huỳnh Việt Thăng - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên:	Huỳnh Việt Thăng
- Năm sinh:	1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
• Từ 1995 đến 1999:	Làm việc tại Saigon Shipyard
• Từ 1999 đến 2007:	Làm việc tại Coca-Cola Vietnam
• Từ 2007 đến 2009:	Làm việc tại Unilever Vietnam
• Từ 2009 đến 2013:	Làm việc tại Café Outspan Viet Nam
• Từ 2013 đến nay:	Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
• Từ 4/2020 đến nay:	Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
• Từ 10/2014 đến nay:	Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Thương

- Từ 9/2020 đến nay:
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha
 Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bột giặt NET
 Thành viên HĐQT
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 1/4/2021): 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 - Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 1/4/2021): Không có
 - Những khoản nợ đối với Công Ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không có

Ông Neal Leroux Kok - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Neal Leroux Kok
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1986
- Quốc tịch: Úc
- Nơi sinh: Harare, Zimbabwe
- Dân tộc: NA
- Địa chỉ thường trú: 5 Mount Emily Road, #08-04, Singapore 228490
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Thương mại
- Quá trình công tác:
 - Từ 2/2011 đến 5/2013: Chuyên viên phân tích - Goldman Sachs Australia (Sydney)
 - Từ 6/2013 đến 8/2014: Associate - Treadstone Partners (Sydney)
 - Từ 9/2014 đến nay: Principal - KKR Singapore
 - Từ 4/2019 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (tại 31/12/2020):
 - Giám đốc - KKR Singapore
 - Người đại diện theo ủy quyền – VN Consumer Meat II Pte. Ltd.

- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020): 23.161.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,09% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu cho VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD.: 23.161.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,09% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 31/12/2020): Không có
- Những khoản nợ đối với Công Ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không có

10.2. Ủy Ban Kiểm Toán

- Bảng dưới đây thể hiện thông tin về UBKT của MML:

Tên	Tuổi	Chức vụ
Huỳnh Việt Thắng	48	Chủ tịch UBKT
Trần Phương Bắc	48	Thành viên UBKT

Các thành viên Ủy Ban Kiểm toán được lựa chọn đã đáp ứng các tiêu chí theo điều lệ Công Ty trong đó bao gồm có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công Ty và không thuộc các trường hợp cấm theo quy định của pháp luật.

- Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên UBKT của Công Ty:

Ông Huỳnh Việt Thắng – Chủ tịch UBKT

Vui lòng tham khảo thông tin tại phần “Hội Đồng Quản Trị”.

Ông Trần Phương Bắc – Thành viên UBKT

Vui lòng tham khảo thông tin tại phần “Hội Đồng Quản Trị”.

10.3. Ban Điều Hành

- Bảng sau đây tổng hợp các thông tin về các thành viên Ban Điều Hành của Tổ Chức Phát Hành:

Tên	Tuổi	Chức vụ
Ông Phạm Trung Lâm	47	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Trung	51	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	48	Giám đốc Tài chính
Ông Trần Quang Bế	51	Kế toán trưởng

- Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Ban Điều Hành của Tổ Chức Phát Hành:

Ông Phạm Trung Lâm – Tổng Giám đốc

Vui lòng tham khảo thông tin tại phần “Hội Đồng Quản Trị”.
Ông Nguyễn Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Trung
- Năm sinh: 1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Kỹ Sư Chăn Nuôi & Thú y - Đại Học Nông Nghiệp II - TP Huế; Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh - Đại Học Mở TP HCM; Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh - Đại Học Solvay Business School
- Quá trình công tác:
 - Từ 11/2020 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, TGD – Công ty Cổ phần 3F Việt;
 - Từ 11/2020 đến nay: Chủ tịch công ty, Giám đốc – Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt;
 - Từ 11/2020 đến nay: Phó TGD Công Ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Phó TGD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (tại 31/12/2020):
 - Phó Chủ tịch HĐQT, TGD – Công ty Cổ phần 3F Việt;
 - Chủ tịch công ty, Giám đốc – Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt;
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020): 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 31/12/2020): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Bà Nguyễn Thị Minh Hằng - Giám đốc Tài chính

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Hằng
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1972
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 244/22 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP, Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Đại học Kinh Tế TP, HCM
Thạc sỹ Kế toán Quốc tế, Đại học Swinburne, Úc
CPA của Úc
- Quá trình công tác:
 - Từ 2006 đến 2012: Giám đốc tài chính - Công ty TNHH ScanCom International (Vietnam)
 - Từ 2012 đến 2016: Giám đốc tài chính - Công ty TNHH Triumph International (Vietnam)
 - Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Masan MEATLife

- Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (PROCONCO)
- Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)
- Từ 2016 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An
- Từ 2017 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam
- Từ 4/2019 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là "Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn")
- Từ 11/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần 3F Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Giám đốc Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (tại 31/12/2020):
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam;
 - Giám đốc Tài chính Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn;
 - Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần 3F Việt.
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020): 144.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 144.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 31/12/2020): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao và/hoặc lương, thưởng
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông Trần Quang Bê - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trần Quang Bê
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 250/2B Đường Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp, Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995 đến 2008: Kế toán tài sản và giá thành - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
 - Từ 2009 đến nay: Phó phòng tài chính, kế toán trưởng - Công ty Cổ phần

• Từ 2017 đến nay:	Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
• Từ 2017 đến nay:	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
• Từ 10/2020 đến nay:	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Trưởng BKS – Công ty Cổ phần 3F Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (tại 31/12/2020):	Kế toán trưởng
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020):	• Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
+ Đại diện sở hữu:	• Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed;
+ Cá nhân sở hữu:	• Trưởng BKS – Công ty Cổ phần 3F Việt.
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 31/12/2020):	35.580 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:	35.580 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
	Không có
	Không có
	Thù lao và/hoặc lương, thưởng
	Không có

11. Chính Sách Chia Lợi Nhuận Hoặc Trả Cổ Tức

Tổ Chức Phát Hành tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổ Chức Phát Hành. Tỷ lệ cổ tức chi trả hằng năm được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt đã trả (%)	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu đã trả (%)	-	-	-

(Nguồn: MML)

12. Tình Hình Thanh Toán Gốc Và Lãi Trái Phiếu Đã Phát Hành Trong 03 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại (Nếu Có)

Tổ Chức Phát Hành không có trái phiếu nào đang lưu hành trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng này.

13. Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông Tin Về Các Hợp Đồng Thuê Quyền Sử Dụng Đất

Không có.

13.2. Thông Tin Về Các Loại Trái Phiếu Đã Phát Hành Nhưng Chưa Đến Hạn Của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

13.3. Các Quyền Chưa Thực Hiện Của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có cổ phần ưu đãi đã được phát hành.

14. Các Thông Tin, Nghĩa Vụ Nợ Tiềm Tàng, Tranh Chấp, Kiện Tụng Liên Quan Tới Tổ Chức Phát Hành Có Thể Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Kinh Doanh, Tình Hình Tài Chính Của Tổ Chức Phát Hành, Đợt Chào Bán, Dự Án Sử Dụng Vốn Thu Được Từ Đợt Chào Bán

Cho đến hành phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có các nghĩa vụ nợ tiềm tàng, tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh, (ii) tình hình tài chính, (iii) đợt chào bán hoặc (iv) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

15. Thông Tin Về Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành Không Thuộc Trường Hợp Đang Bị Truy Cứu Trách Nhiệm Hình Sự Hoặc Đã Bị Kết Án Về Một Trong Các Tội Xâm Phạm Trật Tự Quản Lý Kinh Tế Mà Chưa Được Xóa Án Tích

Cho đến hành phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

1.1. Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Về Hoạt Động Kinh Doanh Của Tổ Chức Phát Hành

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành (“VAS”) do đó không nên sử dụng để so sánh với các báo cáo tài chính của các công ty khác mà được lập theo các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc bất kỳ một chuẩn mực kế toán nào khác.

Các thông tin tài chính tiêu biểu dưới đây do Tổ Chức Phát Hành chịu trách nhiệm cung cấp, các thông tin được trích từ và nên được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 (kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019) và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 (kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020) do Công ty TNHH KPMG và các thông tin khác có liên quan được trình bày trong Bản Cáo Bạch này.

Đơn vị: triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm 2020/2019	Lũy kế đến Quý II năm 2021
----------	----------	----------	----------	------------------------------	----------------------------------

**I. Chỉ tiêu về hoạt động
kinh doanh hợp nhất**

- Tổng giá trị tài sản	12.781.802	14.711.395	17.957.454	22,06%	18.934.980
- Doanh thu thuần	13.976.854	13.798.751	16.119.005	16,81%	10.231.848
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	326.237	509.687	684.346	34,27%	295.301
- Lợi nhuận khác	9.657	58.243	-4.003	-106,87%	75.364
- Lợi nhuận trước thuế	335.893	567.930	680.343	19,79%	370.665
- Lợi nhuận sau thuế	232.158	369.715	492.202	33,13%	288.322
- Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	105,04%	-	-	-	-

**II. Chỉ tiêu về hoạt động
kinh doanh của công ty mẹ**

- Tổng giá trị tài sản	7.628.146	9.216.705	12.795.395	38,83%	13.197.762
- Doanh thu thuần	5.306.464	9.218.311	9.942.819	7,86%	5.864.873
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	580.611	108.771	-116.094	-206,73%	193
- Lợi nhuận khác	-191	-426	150	-135,21%	190
- Lợi nhuận trước thuế	580.420	108.346	-115.942	-207,01%	382
- Lợi nhuận sau thuế	580.420	108.346	-115.942	-207,01%	382
- Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	-	-	-	-	-

(a) Nhận xét về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Trên phương diện báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu năm 2020 của Tổ Chức Phát Hành tăng mạnh so với giai đoạn 2018-2019, chủ yếu do mảng kinh doanh thịt mát MEATDeli tiếp tục mở rộng quy mô và hệ thống phân phối sau thương vụ sát nhập VCM vào MSN và cải thiện hiệu quả vận hành; đồng thời cũng là động lực tăng trưởng chính và cải thiện hiệu quả hoạt động cho MML. Cụ thể, doanh thu thuần trong năm 2020 của MML đạt 16.119 tỷ Đồng, tăng 17% so với mức 13.798 tỷ Đồng của năm 2019, lợi nhuận sau thuế của Tổ Chức Phát Hành cũng tăng mạnh lên 33% nhờ vào biên lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể cùng với việc tối ưu hiệu quả chi phí bán hàng so với năm 2019.

Trong năm 2020, Tổ Chức Phát Hành đã diễn ra hoạt động sắp xếp lại các doanh nghiệp trong tập đoàn nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản lý. Cụ thể, các công ty con của Tổ Chức Phát Hành đã được sắp xếp lại theo hướng tập trung và vận hành theo chuỗi gồm hai mảng kinh doanh chính là: (i) Hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và (ii) Hoạt động chăn nuôi và chế biến thịt. Mặc dù trên phương diện báo cáo tài chính hợp nhất, tình hình tài sản của Tổ Chức Phát Hành không có sự thay đổi sau khi sắp xếp lại này nhưng chúng tôi tin rằng hiệu quả việc điều hành sẽ được gia tăng đáng kể. Tổ Chức Phát Hành xin lưu ý những hoạt động này chỉ là hoạt động sắp xếp lại nội bộ doanh nghiệp chứ không phải là hoạt động cơ cấu lại hay tổ chức lại doanh nghiệp.

(b) Nhận xét về hoạt động kinh doanh theo Báo cáo tài chính riêng lẻ

Với đặc thù mô hình tập đoàn, lợi nhuận chủ yếu của công ty mẹ đến từ doanh thu từ hoạt động tài chính (chủ yếu cổ tức từ các công ty con) và đặc trưng này thể hiện rõ qua kết quả kinh doanh trong giai đoạn 2018-2020.

Trong giai đoạn 2018-2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ của công ty mẹ được duy trì tốt chủ yếu nhờ cổ tức từ các công ty con, theo đó lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt tương ứng 580,4 tỷ Đồng trong năm 2018 và 108,3 tỷ Đồng trong năm 2019. Trong năm 2020, mặc dù doanh thu riêng lẻ của công ty mẹ vẫn tăng trưởng nhẹ so với 2019, lợi nhuận sau thuế ghi nhận -115,9 tỷ Đồng do khoản cổ tức từ các công ty con không đạt được mức cao như 2019, xuất phát từ nhu cầu cần giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư và củng cố hoạt động kinh doanh của các công ty con trong năm 2020. Tuy nhiên, kết quả này không phải là yếu tố mang tính dài hạn, chưa phản ánh được toàn bộ hoạt động kinh doanh đang cải thiện tích cực của toàn tập đoàn như được đánh giá tại phần (a).

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

1.2. Những Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Kinh Doanh Của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Khó Khăn

Ngành chăn nuôi ở Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ dịch bệnh vì tình trạng vệ sinh chuồng trại cũng như chất lượng con giống yếu. Những năm qua Việt Nam thường xuyên gánh chịu các đợt dịch bệnh trên diện rộng như dịch lở mồm long móng (FMD), dịch tiêu chảy cấp tính của heo con (PED), bệnh tai xanh (PRRS) hay dịch tả lợn Châu Phi (ASF) lan truyền gần đây. Dịch bệnh đã gây tổn hại rất lớn cho người chăn nuôi cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi và tốc độ mở rộng mạng lưới phân phối trong ngành thịt của MML.

Dịch tả lợn bùng phát từ năm 2019 và kéo dài trong năm 2020 khiến hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành chăn nuôi nói chung và của MML nói riêng gặp nhiều thách thức. Giá thịt lợn hơi đã có những diễn biến khó đoán trong suốt năm tài khóa, từng rơi xuống mức dưới 30.000 Đồng/kg do áp lực bán tháo, gây ra rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Hiện giá thịt heo tuy đã ổn định trở lại, dao động từ 60.000 Đồng đến 70.000 Đồng/kg. Tuy nhiên, nguy cơ dịch bệnh bùng phát trở lại, diễn hình là phát hiện 3 ổ dịch tại Bình Phước tháng 11 năm 2020, khiến giá thịt heo có nguy cơ biến động trở lại nếu các trại nuôi không có biện pháp kiểm soát và vệ sinh cẩn thận.

Bên cạnh đó, diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 cũng khiến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành gặp nhiều khó khăn. Đại dịch làm cho mức chi tiêu của người dân Việt Nam bị ảnh hưởng, điều đó làm giảm mức độ tiêu dùng cho các sản phẩm của Công Ty nói riêng và các doanh nghiệp trong ngành nói chung.

1.2.2. Thuận Lợi

Tổ Chức Phát Hành đã đầu tư mạnh vào R&D tại ANCO và Proconco, quản lý hoạt động R&D các sản phẩm mới bằng cách giữ các mối quan hệ chặt chẽ với các nhà cung cấp có uy tín, nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm chi phí. Tổ Chức Phát Hành cũng đã gặt hái nhiều thành công với các sản phẩm mới chứa Bio-zeem, thương hiệu enzyme độc quyền của MML nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch của heo và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi thức ăn.

Tổ Chức Phát Hành đã tích hợp và thay đổi toàn diện các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi thành những công ty “theo mô hình hàng tiêu dùng nhanh FMCG”, xây dựng nền tảng 3F nhằm tiếp cận và phục vụ người tiêu dùng các sản phẩm thịt an toàn với giá cả phải chăng. Với việc động thổ trang trại nuôi heo công nghệ cao quy mô 10.000 nái tại Nghệ An tháng 11 năm 2016 và quan hệ hợp tác chiến lược với Vissan tháng 3 năm 2016. Tổ Chức Phát Hành đã thiết lập được các nền tảng quan trọng để phát triển chuỗi giá trị gia tăng trong ngành hàng thịt, có khả năng mang lại sự thay đổi vượt trội trong ngành kinh doanh thịt heo có giá trị lên đến 10,2 tỷ USD. Chiến lược thịt có thương hiệu đang được thực hiện hóa, trong khi kinh doanh thức ăn chăn nuôi ổn định trong nửa đầu năm 2019. Chỉ một tháng sau khi tổ hợp chế biến thịt Meat Hà Nam mở cửa trở lại do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi (ASF), doanh số MEATDeli đã được khôi phục lại trạng thái trước dịch. Qua đó cho thấy chất lượng sản phẩm cũng như sản phẩm thịt mát có thương hiệu của MML đã đánh trúng vào nhu cầu của người tiêu dùng. Cùng với đó, việc gia tăng kênh phân phối cũng giúp sản phẩm của MML gia tăng tiếp cận đến người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của MML trong thời gian tới.

Hơn nữa, yếu tố thuận lợi đối với MML đến từ sự tăng trưởng ổn định về dài hạn của ngành nhờ vào sự gia tăng dân số, cải thiện thu nhập trên đầu người và nhu cầu tiêu thụ thịt sạch tại Việt Nam góp phần tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi công nghiệp tiếp tục phát triển. Bên cạnh đó, Chính Phủ, đặc biệt là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã luôn không ngừng đưa ra những chủ trương ưu tiên tái cơ cấu ngành chăn nuôi heo trên cơ sở dựa vào doanh nghiệp lớn để tạo ngành sản xuất hàng hóa, đầu tư công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi, gắn sản xuất với chế biến và xúc tiến thương mại, kết nối thị trường...các chính sách này là điểm tựa vững chắc để MML có được đà tăng trưởng ổn định và bền vững.

1.2.3. Những Biến Động Lớn Có Thể Ảnh Hưởng Tới Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Của Tổ Chức Phát Hành Kể Từ Thời Điểm Kết Thúc Năm Tài Chính Gần Nhất

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: *không có*

2. Tình Hình Tài Chính

2.1. Các Chỉ Tiêu Cơ Bản

2.1.1. Tình Hình Công Nợ

a. Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu Đồng			
Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019	Tại 31/12/2020	Tại 30/06/2021
I. Chỉ tiêu hợp nhất			
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.063.739	1.990.002	2.026.187
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	374.452	627.931	747.668
Trả trước cho người bán ngắn hạn	678.682	85.725	113.634
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.290.000	1.140.000
Phải thu ngắn hạn khác	116.349	77.308	110.500
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(105.744)	(92.115)	(85.615)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.152	-
Các khoản phải thu dài hạn	16.507	32.406	31.456
Phải thu dài hạn khác	16.507	32.406	31.456

II. Chỉ tiêu của công ty mẹ			
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.377.961	1.589.031	872.552
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	56.492	82.141	136.876
Trả trước cho người bán ngắn hạn	366.078	432.057	161.596
Phải thu về cho vay ngắn hạn	584.800	937.650	535.200
Phải thu ngắn hạn khác	380.372	142.296	45.640
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-9.781	-5.113	-6.760
Các khoản phải thu dài hạn	3	3	3
Phải thu dài hạn khác	3	3	3

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2019, năm 2020 và BCTC quý II năm 2021 của MML

Đánh giá đối với các khoản phải thu quá hạn tại thời điểm 30/06/2021:

Đơn vị: triệu Đồng

Thời gian quá hạn	Giá trị
Quá hạn 1-3 tháng	188.008
Quá hạn 3-6 tháng	19.948
Quá hạn 6-12 tháng	2.922
Quá hạn trên 12 tháng	97.890
Tổng cộng	308.768

- Nguyên nhân: Các khoản phải thu khó đòi đến từ các Đại lý do những năm qua dịch tả lợn làm cho nông dân gặp nhiều khó khăn dẫn đến khả năng thanh toán và năng lực tài chính của Đại lý bị ảnh hưởng, hoặc các Đại lý đã ngưng lấy hàng Công Ty.
- Khả năng thu hồi: Các khoản nợ quá hạn từ 6 tháng trở lên đã lập dự phòng nợ khó đòi theo quy chế Công Ty. Công Ty tiếp tục theo dõi các khoản phải thu quá hạn trong thời gian tới.

b. Các khoản phải trả:

Đơn vị: triệu Đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019	Tại 31/12/2020	Tại 30/06/2021
I. Chỉ tiêu hợp nhất			
Các khoản phải trả ngắn hạn	3.491.877	7.369.796	7.990.932
Phải trả người bán ngắn hạn	857.647	1.211.902	1.417.459
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.315	40.215	49.318
Thuê phải nộp Nhà nước	100.051	89.188	85.652
Phải trả người lao động	5	6.742	287
Chi phí phải trả ngắn hạn	684.459	719.524	550.758
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		733	952
Phải trả ngắn hạn khác	40.910	43.067	15.246
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.782.758	5.252.694	5.865.530
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.731	5.731	5.731
Các khoản trả dài hạn	3.696.322	2.124.444	2.192.511
Phải trả dài hạn khác	4.960	2.660	3.740

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019	Tại 31/12/2020	Tại 30/06/2021
Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	3.173.253	1.587.929	1.676.782
Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	488.104	499.705	478.391
Dự phòng phải trả dài hạn	30.005	34.151	33.598
II. Chỉ tiêu của công ty mẹ			
Các khoản phải trả ngắn hạn	2.560.473	6.029.656	6.331.874
Phải trả người bán ngắn hạn	1.948.061	2.742.722	3.180.991
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.366	11.900	6.200
Thuế phải nộp Nhà nước	8.219	4.622	2.220
Phải trả người lao động	5	5	277
Chi phí phải trả ngắn hạn	222.430	267.207	190.784
Phải trả ngắn hạn khác	7.862	2.009.990	2.005.981
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	368.530	993.210	945.420
Các khoản trả dài hạn	3.541.383	3.743.009	3.842.776
Phải trả dài hạn khác	417.870	620.694	720.998
Vay dài hạn	3.111.844	3.111.844	3.111.844
Dự phòng phải trả dài hạn	11.669	10.471	9.934

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2019, năm 2020 và BCTC quý II năm 2021 của MML

Tổng dư nợ vay:

Đơn vị: triệu Đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019	Tại 31/12/2020	Tại 30/06/2021
I. Chỉ tiêu hợp nhất			
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.782.758	5.252.694	5.865.530
Vay ngắn hạn (i)	1.334.292	2.762.891	3.224.027
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	448.466	497.581	594.784
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	5.713	50.003
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	1.986.509	1.996.716
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.173.253	1.587.929	1.676.782
Vay dài hạn (ii)	1.638.721	2.080.291	1.966.381
Trái phiếu (*)	1.982.998	1.986.510	1.991.716
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	10.931	355.188
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-448.466	-2.489.803	-2.641.503
Tổng	4.956.011	6.840.623	7.542.312
II. Chỉ tiêu công ty mẹ			
Vay ngắn hạn	368.530	993.210	945.420
Vay ngắn hạn	368.530	993.210	945.420
Vay dài hạn	3.111.844	3.111.844	3.111.844

Vay dài hạn	3.111.844	3.111.844	3.111.844
Tổng	3.480.374	4.105.054	4.057.264

(*) Các trái phiếu này được phát hành bởi công ty con của Tổ Chức Phát Hành và được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành theo nguyên tắc kế toán của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2019, năm 2020 và BCTC quý II năm 2021 của MML

(i) Chi tiết các khoản vay và thuê tài chính tài chính ngắn hạn cụ thể như sau:

STT	Mô tả công nợ	Loại tiền	Dư nợ tại 31/12/2019 (triệu Đồng)	Dư nợ tại 31/12/2020 (triệu Đồng)	Dư nợ tại 30/06/2021 (triệu Đồng)
1.	Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm	VND	-	49.776	34.611
2.	Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	1.334.292	2.313.114	3.049.416
3.	Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	VND	-	400.000	140.000
	Tổng		1.334.292	2.762.891	3.224.027

Nguồn: MML

(ii) Chi tiết các khoản vay và thuê tài chính tài chính dài hạn cụ thể như sau:

STT	Mô tả công nợ	Loại tiền	Dư nợ tại 31/12/2019 (triệu Đồng)	Dư nợ tại 31/12/2020 (triệu Đồng)	Dư nợ tại 30/06/2021 (triệu Đồng)
1	Các khoản vay bằng ngoại tệ từ các ngân hàng được đảm bảo	USD	-	-	-
2	Các khoản vay bằng ngoại tệ từ các ngân hàng không được đảm bảo	USD	-	-	-
3	Các khoản vay bằng tiền Đồng từ các ngân hàng được đảm bảo	VND	1.638.721	2.080.291	1.966.381
4	Các khoản vay bằng tiền Đồng từ các ngân hàng không được đảm bảo	VND	-	-	-
	Tổng		1.638.721	2.080.291	1.966.381

Nguồn: MML

Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn:

- Các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm

qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- Tổ Chức Phát Hành và công ty con không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ.
- Chi tiết các khoản trái phiếu chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành: không có

Các khoản phải nộp theo luật định:

Các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Công Ty thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Cụ thể các khoản phải nộp theo luật định chi tiết như sau:

Các loại thuế	31/12/2019 (triệu Đồng)	31/12/2020 (triệu Đồng)	30/06/2021 (triệu Đồng)
Thuế giá trị gia tăng	19.100	2.853	5.800
Thuế xuất nhập khẩu	124	43	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.076	77.110	76.107
Thuế thu nhập cá nhân	14.750	9.175	3.745
Các loại thuế khác	-	7	-
Tổng cộng	100.051	89.188	85.652

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2019, năm 2020 và BCTC quý II năm 2021 của MML

Trích lập các quỹ theo quy định:

Năm 2019 và 2020, Tổ Chức Phát Hành không thực hiện trích các quỹ nhằm ưu tiên nguồn lợi nhuận để lại vào việc đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Việc trích lập các quỹ sẽ được thực hiện theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2. Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
I. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất		
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,24	0,84
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,80	0,54
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	48,86%	52,87%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	95,55%	112,18%

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
Vòng quay tài sản:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,00	0,99
Vòng quay vốn lưu động:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	3,52	3,06
Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,90	7,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,68%	3,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân ¹	1,60%	3,40%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	2,69%	3,01%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (Đồng)	356	810
II. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty mẹ		
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,91	0,48
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,87	0,46
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	66,20%	76,38%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	195,90%	323,31%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
Vòng quay tài sản:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,09	0,90
Vòng quay vốn lưu động:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	4,99	3,80
Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	70,52	41,65
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,18%	-1,17%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn của các nhà đầu tư ²	3,54%	-3,78%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,29%	-1,05%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (Đồng)	335	-357

Nguồn: MML

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành:

➤ **Về khả năng thanh toán:**

Các chỉ số thanh toán của Tổ Chức Phát Hành cuối năm 2020 có phần sụt giảm so với cuối năm 2019, cụ

¹ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

² Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

thể hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt giảm từ 1,24 lần và 0,8 lần xuống 0,84 lần và 0,54 lần. Nguyên nhân chủ yếu do Công Ty đã thực hiện nhiều giao dịch mua cổ phần trong Quý 2 năm 2020 khiến các khoản phải trả liên quan (như phải trả mua cổ phần và phải trả phí thư cung cấp tín dụng) tăng xấp xỉ 3.690 tỷ Đồng giữa hai kỳ tài chính.

➤ **Về cơ cấu vốn:**

Chỉ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu trong năm 2020 đều tăng so với năm tài chính liền trước, lần lượt đạt 52,87% và 112,18% (so với mức 48,86% và 95,55% của năm liền trước). Tuy nhiên, Công Ty luôn nghiên cứu kỹ lưỡng về khả năng sinh lời của mỗi khoản đầu tư và luôn cân đối để cơ cấu vốn của Công Ty duy trì tại ngưỡng an toàn, do đó Tổ Chức Phát Hành tin rằng cơ cấu vốn và dòng tiền từ hoạt động đầu tư sẽ được cải thiện đáng kể trong các năm tới sau khi các mục tiêu của Công Ty tại các khoản đầu tư này đã bắt đầu được hiện thực hóa.

➤ **Về năng lực hoạt động:**

Trong năm 2020, vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ mức 7,90 vòng xuống 7,12 vòng. Trong khi đó, vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ mức 1,09 lần xuống 0,9 lần do Công Ty vừa mới đưa vào dự án Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn trị giá 1.800 tỷ Đồng tại Long An nên chưa mang lại doanh thu đáng kể trong năm 2020. Tuy nhiên, trong tương lai, các dự án đầu tư này hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả và các chỉ số về năng lực hoạt động của công ty sẽ cải thiện đáng kể.

➤ **Về khả năng sinh lời:**

Theo sau khủng hoảng giá heo hơi trong năm 2018, ngành chăn nuôi Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2019 do sự xuất hiện và lan rộng của dịch tả lợn châu Phi (ASF), dẫn đến nhu cầu về thức ăn cho heo chưa phục hồi nên doanh thu thuần của MML giảm còn 13.799 tỷ Đồng trong năm 2019, giảm 1,3% so với năm trước. Trong năm 2020, do diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 khiến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, việc áp dụng các chính sách kinh doanh hợp lý đã làm tăng trưởng các chỉ tiêu lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành, kết thúc năm 2020, ghi nhận các chỉ tiêu trên tăng so với cuối năm 2019, lần lượt đạt 684 tỷ Đồng, lãi 492 tỷ Đồng và 263 tỷ Đồng. Do đó, nhìn chung các chỉ tiêu sinh lời hợp nhất của Công Ty như hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân³, hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân đều có sự cải thiện trong năm 2020.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Không có.

3. Ý Kiến Của Tổ Chức Kiểm Toán Đối Với Báo Cáo Tài Chính

Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019 và 2020 của Tổ Chức Phát Hành được kiểm toán bởi Công Ty TNHH KPMG Việt Nam. Trong đó, ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho

³ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và 31/12/2020: báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính 2019 và 2020, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đối với báo cáo tài chính riêng:

Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2019 và 2020 của Tổ Chức Phát Hành được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Trong đó, ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và 31/12/2020: báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) tại ngày kết thúc năm tài chính 2019 và 2020, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Kết Quả Xếp Hạng Tín Nhiệm

Không có.

5. Kế Hoạch Doanh Thu, Lợi Nhuận

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	16.199	21.000 – 23.000	29,64% - 41,98%
Lợi nhuận sau thuế ⁴	263	300 - 700	14,07% – 166,16%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,63%	1,43% - 3,04%	(12,01%) – 87,46%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	3,39%	-	-
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	0%	0%	0%

Nguồn: MML

5.1. Cấp Có Thẩm Quyền Thông Qua Kế Hoạch Nêu Trên

Đại Hội Đồng Cổ Đông

5.2. Căn Cứ Để Đạt Kế Hoạch Doanh Thu, Lợi Nhuận Và Tỷ Lệ Chia Lợi Nhuận/Cổ Tức Nêu Trên

Kế hoạch hoạt động

Dự thảo kế hoạch năm 2021 cho hoạt động kinh doanh chính của MML được dựa trên cơ sở doanh thu thuần của MML dự kiến tăng trưởng nhờ vào thị trường tiếp tục là mũi nhọn phát triển của nhánh với kỳ

⁴ Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công Ty.

vọng sẽ đóng góp tỷ trọng lớn vào doanh thu thuần của MML. Mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh với kỳ vọng tốc độ tái đàn heo tại Việt Nam được cải thiện trong năm 2021.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công Ty trong thời gian qua, vị thế tài chính hiện tại và triển vọng các ngành hàng trong tương lai, MML tin tưởng những dự báo tài chính của Công Ty là khả thi.

5.3. Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn (Và Tổ Chức Kiểm Toán Độc Lập, Nếu Có) Về Kế Hoạch Doanh Thu, Lợi Nhuận

Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn:

Về kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động kinh doanh mà Tổ Chức Phát Hành đã đạt được trong việc sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi và chế biến thực phẩm qua các năm, cũng như cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong năm 2020, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy tình hình tài chính của Công Ty trong tương lai gần vẫn sẽ được tiếp tục giữ ở mức ổn định.

Thời gian vừa qua, cũng giống như hoạt động kinh tế của thị trường trong nước và quốc tế nói chung, hoạt động kinh doanh của MML cũng phần nào bị ảnh hưởng từ tác động của đại dịch COVID-19. Việc bế quan và thực hiện đóng cửa giao thương trên toàn cầu đã gây ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của Công Ty. Tuy nhiên, do Công Ty đang đẩy mạnh mở rộng sang hoạt động tại các lĩnh vực nhu yếu phẩm như thịt và các sản phẩm thịt chế biến tại thị trường trong nước nên các ảnh hưởng này có thể giảm thiểu được. Ngoài ra, tính đến thời điểm hiện tại, tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát chặt chẽ hơn cũng như các nước đã bắt đầu cho phép các hoạt động kinh tế quốc tế mở cửa trở lại nên Tổ Chức Tư Vấn nhận định các ảnh hưởng này sẽ tiếp tục được giảm nhẹ trong thời gian tới.

Kế hoạch lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo kinh tế nói chung, các rủi ro được dự liệu cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của MML, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2021 như đã nêu ở mục trên của Tổ Chức Phát Hành là khả thi nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng hoặc các trở ngại khách quan.

Về khả năng cân đối thanh toán trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác của mình để cân đối trả nợ lãi và gốc Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy rằng kế hoạch và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành có thể thực hiện được nếu không xảy ra các rủi ro bất khả kháng.

Tổ Chức Tư Vấn xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

Không có.

6. Kế Hoạch Chào Bán Trái Phiếu Trong 03 Năm Tiếp Theo

Tổ Chức Phát Hành chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu ra công chúng trong 3 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐQT của Công Ty thông qua trên cơ sở nhu cầu sản xuất kinh doanh của từng năm.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên Trái Phiếu: Trái Phiếu MMLB2126001.

2. Loại Trái Phiếu

- (i) Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.
- (ii) Trái Phiếu có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

3. Mệnh Giá

Mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).

4. Tổng Số Lượng Trái Phiếu Chào Bán

Tổng số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán là 19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm) Trái Phiếu.

5. Tổng Giá Trị Trái Phiếu Chào Bán Theo Mệnh Giá

Tổng giá trị 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng) (tính theo mệnh giá) trong một đợt chào bán ra công chúng (“**Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng**”).

6. Kỳ Hạn Trái Phiếu: 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành

7. Lãi Suất

Kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể Trái Phiếu có lãi suất như sau:

- (i) Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định 9,5%/năm (chín phẩy năm phần trăm một năm); và
- (ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm (ba phẩy chín phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó,

Trong đó:

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

Lưu ý:

Nếu văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định trên đây thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

8. Kỳ Hạn Trả Lãi, Trả Gốc

Lãi, áp dụng chung cho Trái Phiếu, sẽ được thanh toán sau, định kỳ vào ngày tròn 6 (sáu) tháng từ Ngày Phát Hành cho đến ngày tròn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành (“**Ngày Đáo Hạn**”) hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc. Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.

9. Giá Chào Bán

Giá chào bán dự kiến là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.

10. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Trong Trường Hợp Tổ Chức Phát Hành Mất Khả Năng Trả Nợ/Châm Dứt Hoạt Động

Trái Phiếu có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

11. Quyền Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

11.1. Quyền Cơ Bản Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm cả tiền lãi và gốc;
- (b) Được đại diện bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (như được định nghĩa bên dưới) trong việc thi hành một số quyền của mình có liên quan;

- (c) Được sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, để tặng, cho, để lại thừa kế, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác hoặc tham gia các giao dịch thương mại/dân sự/tín dụng hợp pháp khác phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật;
- (d) Được cấp trích lục sổ đăng ký trái phiếu (nếu có yêu cầu);
- (e) Được tham dự hội nghị chủ sở hữu trái phiếu và biểu quyết tại hội nghị chủ sở hữu trái phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định chung;
- (f) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành theo quy định chung; và
- (g) Các quyền khác có liên quan đến Trái Phiếu.

12. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Cho đến khi nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả chủ sở hữu trái phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn kiện trái phiếu và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”).

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương, với các thông tin được nêu ở phần đầu của Bản Cáo Bạch này, làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu tại ngày phát hành Trái Phiếu, chủ sở hữu trái phiếu, bằng việc đăng ký mua và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, được coi là đã chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu như vậy.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điểm 2 Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải tổ chức bảo lãnh thanh toán của Tổ Chức Phát Hành, bên sở hữu tài sản bảo đảm của Trái Phiếu hoặc cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành.

Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như sau:

- (i) Ký kết và thực hiện Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 01/2021/BHA/MML-TCBS ngày 1 tháng 6 năm 2021 với Tổ Chức Phát Hành (“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”) và bất kỳ văn kiện Trái Phiếu nào khác có liên quan mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các chủ sở hữu Trái Phiếu;
- (ii) Thay mặt các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các văn kiện Trái Phiếu khác có liên quan;
- (iii) Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu;
- (iv) Triệu tập và tổ chức hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (v) Nhận và thông báo ngay cho các bên liên quan các nội dung như được quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vi) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và các bên có liên quan khác thực hiện các quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc các quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (vii) Tạo điều kiện cho các CHỦ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ;
- (viii) Yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Tổ Chức Phát Hành không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu; và
- (ix) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

13. Bảo Lãnh Thanh Toán

Trái Phiếu có bảo lãnh của bên thứ ba là Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan (“**Bên Bảo Lãnh**”) theo Thỏa thuận bảo lãnh thanh toán số 01/2021/BLTT/MSN-TCBS ngày 1 tháng 6 năm 2021 giữa Bên Bảo Lãnh và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hành động nhân danh và vì lợi ích của các chủ sở hữu trái phiếu.

13.1. Chi Tiết Về Bên Bảo Lãnh

Tên công ty	: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan
Trụ sở	: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: +84-(28)-6256 3862
Fax	: +84-(28)-3827 4115
Website	: www.masangroup.com
Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp	: Số 0303576603 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 7 tháng 9 năm 2020
Vốn điều lệ đã đăng ký	: 11.805.346.920.000 VND
Vốn điều lệ thực góp	: 11.805.346.920.000 VND
Người đại diện theo pháp luật	: • Ông Nguyễn Đăng Quang – Chủ tịch HĐQT • Ông Danny Le – Tổng Giám đốc
Ngành nghề kinh doanh	: - Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp

luật)); và

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Chi tiết: nghiên cứu thị trường)

13.2. Phạm Vi Bảo Lãnh

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan cam kết bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho Tổ Chức Phát Hành trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu theo các văn kiện trái phiếu.

14. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn

14.1. Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ các Trái Phiếu đang lưu hành với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

14.2. Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu khi xảy ra sự kiện vi phạm theo quy định tại các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu.

14.3. Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại đại lý đăng ký và tổ chức lưu ký, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành và để tránh nhầm lẫn, chủ sở hữu trái phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành khi nhận được chào mua như vậy.

14.4. Mua Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, trừ trường hợp được quy định khác đi tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế của VSD hoặc Sở giao dịch chứng khoán có liên quan, bên cạnh việc mua lại trước hạn theo quyền chọn của Tổ Chức Phát Hành, và các hình thức mua lại trước hạn khác phù hợp với các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật và các quy chế có liên quan của VSD và Sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày phát hành khi Trái Phiếu được giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn có liên quan của VSD và Sở giao dịch chứng khoán.

15. Phương Thức Phân Phối

- (a) Trái Phiếu được phân phối cho nhà đầu tư thông qua Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với phương thức cố gắng tối đa. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành và Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối Trái Phiếu công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư **tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày.**

- (b) Trường hợp số lượng đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành sẽ phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

16. Đăng Ký Mua Trái Phiếu

- (a) Thời hạn chào bán: Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận chào bán Trái Phiếu ra công chúng (“**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng**”) do UBCKNN cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng (“**Thông Báo Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng**”) theo quy định của pháp luật hiện hành, và thời gian đăng ký mua trái phiếu dự kiến là kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Thông Báo Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng cho tới ngày kết thúc Thời Hạn Phân Phối Trái Phiếu.
- (b) Tổng số lượng chào bán: 19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm) Trái Phiếu.
- (c) Số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu:
- (i) *Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng) mệnh giá Trái Phiếu; và*
- (ii) *Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) mệnh giá Trái Phiếu.*
- (d) Phương thức đăng ký mua và thanh toán: (i) Việc đăng ký mua Trái Phiếu của nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành; và (ii) Thời gian tối thiểu cho nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua là 20 (hai mươi) ngày theo quy định pháp luật.
- (e) Phương thức thanh toán: tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư sẽ được nộp vào Tài Khoản Phong Tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành mở tại ngân hàng quản lý tài khoản phong tỏa.
- (f) Quyền lợi của nhà đầu tư Trái Phiếu: Nhà đầu tư sau khi hoàn thành việc mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, được cấp bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu chủ sở hữu trái phiếu có yêu cầu) và được hưởng các quyền và lợi ích của chủ sở hữu Trái Phiếu.
- (g) Chuyển giao trái phiếu: Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành, nhà đầu tư sẽ nhận được bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu chủ sở hữu trái phiếu có yêu cầu).
- (h) Đối tượng được đăng ký mua: Tổ chức và cá nhân, trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- (i) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Trái Phiếu sẽ được phân phối cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua trong trường hợp này như sau:

- (i) Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành.
- (ii) Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.
- (iii) Trong trường hợp khối lượng Trái Phiếu được phân bổ của nhà đầu tư thấp hơn khối lượng đăng ký đặt mua tối thiểu theo quy định tại Mục 16(c) của Bản Cáo Bạch thì nhà đầu tư sẽ vẫn được coi là đã đăng ký mua thành công với khối lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.
- (j) Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua trái phiếu trong trường hợp số lượng trái phiếu đặt mua của nhà đầu tư không đáp ứng đủ số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu được quy định tại điểm (c) nêu trên:
- (i) Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành.
- (ii) Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

17. Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng (“**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng**”) do UBCKNN cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu với tổng số lượng Trái Phiếu phát hành dự kiến là 19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm), tương đương với 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng) tính theo mệnh giá với kỳ hạn 60 (sáu mươi) tháng trong đợt chào bán ra công chúng với thời gian của đợt chào bán dự kiến vào Quý III năm 2021.

Cụ thể, lịch trình phân phối Trái Phiếu dự kiến của Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng như sau:

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN DỰ KIẾN
1.	Tổ Chức Phát Hành nhận Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng từ UBCKNN	T
2.	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về đợt chào bán	T đến T + 3 (“ T_1 ”)
3.	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu	T_1 đến $T_1 + 20$
	- Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến	T_1
	- Thời gian cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và nhận đơn đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến	T_1 đến $T_1 + 20$
	- Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến	$T_1 + 20$
4.	Tổ Chức Phát Hành kết thúc phân phối Trái Phiếu	$T_1 + 21$
5.	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

6.	UBCKNN ban hành công văn chấp thuận kết quả chào bán	Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành gửi báo cáo kết quả phát hành
7.	Tổ Chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa	

Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể của Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ được Tổ Chức Phát Hành thông báo chi tiết trong Thông Báo Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng (như được định nghĩa bên dưới) của Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng; và
- Thời hạn phân phối trái phiếu (“**Thời Hạn Phân Phối Trái Phiếu**”): theo quy định của pháp luật hiện hành và được quy định tại Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do UBCKNN cấp cho Tổ Chức Phát Hành.

18. Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu

- Tên người thụ hưởng: Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife
- Số tài khoản: 19025142453022
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam

19. Ý Kiến Của Cơ Quan Có Thẩm Quyền Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Của Tổ Chức Phát Hành:

Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

20. Các Loại Thuế Có Liên Quan**20.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân**

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (gọi chung là “**Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**”);
- Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân;

- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; và
- (vi) Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Căn cứ vào các văn bản trên:

Thu nhập từ đầu tư vốn bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thu nhập từ lãi trái phiếu Chính Phủ, Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo biểu thuế toàn phần là 5%; và

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.

20.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về TTNDN như sau:

- (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
- (ii) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- (iv) Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- (v) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (vi) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vii) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (viii) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về TTNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính,

Căn cứ vào các văn bản trên:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, doanh nghiệp có thu nhập từ lãi vay thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính TTNDN. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính TTNDN. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài

Theo quy định pháp luật về nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân

Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu thì là đối tượng chịu thuế nhà thầu.

Theo quy định về thuế nhà thầu thì thu nhập từ lãi tiền vay là thu nhập của bên cho vay từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay; thu nhập từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính Phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); thu nhập từ lãi trả chậm theo quy định của các hợp đồng; thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), tín phiếu kho bạc; thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi, Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà Bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

Do vậy, thu nhập từ lãi trái phiếu do tổ chức nước ngoài nắm giữ sẽ chịu thuế nhà thầu. Tỷ lệ (%) TTNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với lãi tiền vay (lãi trái phiếu) là 5%.

Ngoài ra, trường hợp tổ chức nước ngoài chuyển nhượng trái phiếu thì áp dụng thuế tỷ lệ (%) TTNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán (bao gồm chuyển nhượng trái phiếu) là 0,1%.

Trong trường hợp Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần có quy định khác đi và có lợi hơn, các doanh nghiệp này có thể áp dụng các điều khoản của Hiệp định và thông báo cho bên Việt Nam về việc miễn, giảm thuế theo Hiệp định tại Việt Nam.

Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành khấu trừ thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy nhiên Tổ Chức Phát Hành có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và không phụ thuộc vào phương pháp khấu trừ thuế, khấu trừ thuế với mức cao hơn để nộp cho Ngân sách Nhà nước nếu Tổ Chức Phát Hành tin rằng làm như vậy theo đúng quy định của pháp luật. Tổ Chức Phát Hành không chịu trách nhiệm về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào của các nhà đầu tư trái phiếu tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu và bất kỳ khiếu nại nào về việc áp dụng phương thức khấu trừ thuế.

20.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng như sau:

- (i) Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;
- (ii) Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9/2/2017 ban hành quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013;

- (iii) Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Giá trị gia tăng;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vi) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (vii) Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế,

Theo quy định trên, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và lãi cho vay không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng trái phiếu và lãi trái phiếu sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu sau Ngày Phát Hành thì chủ sở hữu trái phiếu có nghĩa vụ thanh toán thuế giá trị gia tăng này.

21. Thông tin về các cam kết

Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng, Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- (a) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) điều kiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng, (ii) việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu, (iii) việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu và (iv) các điều kiện khác được nêu cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nêu trên.
- (b) không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 1 (một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.
- (c) sẽ hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng theo đúng quy định của pháp luật.

- (d) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động cũng như để huy động nguồn vốn với chi phí hợp lý trên thị trường trong giai đoạn lãi suất đang thấp hiện nay, Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành nhằm thực hiện việc thanh toán cho các đối tác trong giao dịch nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế Hoạch Sử Dụng

Cụ thể, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng cho mục đích thanh toán một phần khoản phải trả liên quan đến việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)	Thời gian sử dụng vốn
1	Thanh toán một phần khoản phải trả liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 99,99% phần vốn góp tại Công Ty TNHH MNS Meat từ Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế (“ Giao Dịch ”)	1.999.980.000.000	Quý III năm 2021

Việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được công văn xác nhận kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng của UBCKNN cho Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng, đồng thời tiền thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng tại tài khoản phong tỏa trái phiếu được giải tỏa.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nền kinh tế để tài trợ cho mục đích nêu trên.

Thông tin sơ bộ về phương án sử dụng vốn thu được từ Trái Phiếu được trình bày sau đây:

1.1 Thông Tin Về Khoản Phải Trả:

Bên nhận thanh toán khoản phải trả:	Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế (chi tiết xem tại mục 1.4 dưới đây)
Quan hệ với Tổ Chức Phát Hành:	Công ty con sở hữu gián tiếp của Tổ Chức Phát Hành
Tổng giá trị khoản khoản phải trả:	1.999.989.111.000 VND
Số tiền đã thanh toán:	0 VND
Thời hạn thanh toán:	Chậm nhất là ngày 31/08/2021
Mục đích khoản phải trả:	Liên quan đến việc Tổ Chức Phát Hành nhận chuyển nhượng 99,99% phần

	vốn góp tại Công Ty TNHH MNS Meat từ Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế
--	---

1.2 Mục Đích Của Việc Chuyển Nhượng

Giao Dịch này nhằm sắp xếp lại hệ thống kinh doanh, để thống nhất và gia tăng hiệu quả việc điều hành. Cụ thể, hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi của MML sẽ được thực hiện dưới sự quản lý tập trung của MNS Feed và hoạt động chăn nuôi và chế biến thịt của MML sẽ được thực hiện dưới sự quản lý tập trung của MNS Meat.

1.3 Thông Tin Sơ Bộ Về Công Ty Được Mua - Công Ty TNHH MNS Meat

- Tên: Công Ty TNHH MNS Meat
- Địa chỉ: Lô A4, đường số 4, KCN Sông mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 2.000.013.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp: 2.000.013.000.000 VND
-

1.4 Thông Tin Sơ Bộ Về Bên Chuyển Nhượng - Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế

- Tên: Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế
- Địa chỉ: Lô A4, đường số 4, KCN Sông mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 1.214.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp: 1.214.000.000.000 VND
- Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành: công ty con sở hữu gián tiếp của Tổ Chức Phát Hành

1.5 Thông Tin Về Việc Mua Lại Phần Vốn Góp

- Cơ sở pháp lý:
 - i. Nghị quyết HĐQT của MML số 576/2020/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020 phê duyệt nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của ANCO tại Công ty TNHH MNS Meat
 - ii. Nghị quyết HĐQT của Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020 về việc phê duyệt chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MNS Meat cho MML
- Tiến độ thực hiện:
 - i. Tháng 12 năm 2020: Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc mua lại phần vốn tại Công ty TNHH MNS Meat từ ANCO
 - ii. Quý III năm 2021: Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc thanh toán cho Giao Dịch.

- Giá trị thực hiện: 1.999.989.111.000 VND
- Tỷ lệ sở hữu của Công Ty tại Công ty TNHH MNS Meat trước khi mua lại: 0,001%
- Tỷ lệ sở hữu của Công Ty tại Công ty TNHH MNS Meat sau khi mua lại: 99,99%

2. Kế Hoạch Trả Nợ

2.1. Thanh Toán Lãi Trái Phiếu

Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 6 (sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu.

2.2. Thanh toán gốc Trái Phiếu

Gốc Trái Phiếu được thanh toán 1 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:****CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Địa chỉ : Lầu 10, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax : +84 28 3827 4115
Số điện thoại : +84 28 6256 3862
Website : <https://masanmeatlife.com.vn>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**CÔNG TY TNHH KPMG**

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa Nhà Keangnam, Landmark Tower, E6, Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại : (84-4) 3946 1600
Website : <https://home.kpmg.com>

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-24) 3944 6583
Số điện thoại : (84-24) 3944 6368
Website : www.tcbs.com.vn

Ý kiến của Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành:

Trên cơ sở những thông tin về đợt chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành đã được HĐQT Công Ty thông qua theo Nghị Quyết số 217/2021/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2021 và các nghị quyết bổ sung và những nhận định về tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, với tư cách là Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành cho đợt chào bán Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương nhận định kế hoạch chào bán các Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành là hợp lý và mang tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán. Số lượng Trái Phiếu được bảo lãnh phát hành cho đợt chào bán là toàn bộ số Trái Phiếu đang được đăng ký chào bán. Việc bảo lãnh phát hành được thực hiện trên cơ sở nỗ lực tối đa. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng các nguồn vốn khác của mình, không phải từ vốn huy động được từ đợt chào bán các Trái Phiếu, để thanh toán cho các loại phí có liên quan. Thông tin chi tiết của các loại phí, bao gồm các điều kiện kèm theo (nếu có), được Tổ Chức Phát Hành và (các) bên có liên quan thỏa thuận và thống nhất tại (các) Thư thỏa thuận phí được ký riêng giữa Tổ Chức Phát Hành và (các) bên có liên quan đó.

Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.

4. ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUƠNG**

Địa chỉ : Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê
Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-24) 3944 6583
Số điện thoại : (84-24) 3944 6368
Website : www.tcbs.com.vn

5. TỔ CHỨC BẢO LÃNH CHO CÁC NGHĨA VỤ THANH TOÁN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU:**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

Địa chỉ : Phòng 802, Tầng 8, Tòa Nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường
Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax : 84 - 28 - 3827 4115
Số điện thoại : 84 - 28 - 6256 3862
Website : www.masangroup.com

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XI. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 2. Phụ lục II:** Các nghị quyết Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt phương án phát hành Trái Phiếu, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và các nội dung liên quan có liên quan; việc niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- 3. Phụ lục III:** Điều lệ công ty;
- 4. Phụ lục IV:** Các báo cáo tài chính
 - (i) Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019
 - (ii) Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2020
 - (iii) Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý II năm 2021
- 5. Phụ lục V:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác; và
- 6. Phụ lục VI:** Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu.

BẢN BẢO BẠCH

MASAN
life

Được lập tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 8 năm 2021

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

CHỨC TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

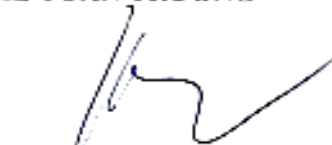


Phạm Trung Lâm

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Lâm

KÊ TOÁN TRƯỞNG


Trần Quang Bế

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG



Phạm Thị Thu Hiền

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0311224517

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 10 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 14 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MASAN MEATLIFE CORPORATION

Tên công ty viết tắt: MASAN MEATLIFE CORP.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Email: ca@msn.masangroup.com

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 3.267.148.470.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy tỷ một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 326.714.847

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: DANNY LE

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 13/07/1984

Dân tộc:

Quốc tịch:

Mỹ

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: 565709439

Ngày cấp: 19/09/2017

Nơi cấp: Mỹ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32 Beacon Street, Boston, MA 02136, Mỹ

Chỗ ở hiện tại: Lô 1A, Căn hộ 2203, Estella, Xa Lộ Hà Nội, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Họ và tên: PHẠM TRUNG LÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 09/08/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 082073000216

Ngày cấp: 09/01/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 967W6 Đoàn Văn Bơ, Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 967W6 Đoàn Văn Bơ, Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng



Cù Thành Đức



**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife (“**Công Ty**”) ngày 01 tháng 04 năm 2021; và

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu thư xin ý kiến Hội Đồng Quản Trị của Công Ty số 216 /2021/BBKP-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc Công Ty chào bán ra công chứng trái phiếu (“**Trái Phiếu**”) theo phương án phát hành trái phiếu (“**Phương Án Phát Hành**”) được đính kèm tại Phụ Lục 1.

Điều 2. Thông qua các giao dịch được quy định trong, và việc Công Ty ký kết, chuyển giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- (a) mỗi hợp đồng/thỏa thuận đặt mua trái phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua trái phiếu (nếu có);
- (b) hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu;
- (c) hợp đồng dịch vụ lưu ký trái phiếu;
- (d) hợp đồng đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng trái phiếu;
- (e) hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu;
- (f) các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu; và
- (g) các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ đoạn (a) đến đoạn (f) của Điều này,

(các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu quy định tại Điều 2 này được gọi chung là “**Các Tài Liệu Giao Dịch**”).



Điều 3. Thông qua việc Công Ty đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (tùy từng trường hợp áp dụng) (“**VSD**”) và việc niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam (“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**”) sau khi hoàn tất đợt chào bán Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành đã được phê duyệt theo Nghị quyết này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vào ngày thông qua Nghị quyết này, Sở Giao Dịch Chứng Khoán được lựa chọn để dự kiến niêm yết Trái Phiếu là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội. Trường hợp Công Ty quyết định niêm yết Trái Phiếu tại một Sở Giao Dịch Chứng Khoán khác, việc lựa chọn Sở Giao Dịch Chứng Khoán khác đó sẽ được quyết định bởi Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty.

Điều 4. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty, được thay mặt và đại diện cho Công Ty:

- (a) quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Phương Án Phát Hành, bao gồm phương án sử dụng vốn, thời điểm phát hành, thời gian sử dụng vốn thu được từ Trái Phiếu và các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ, điều kiện thị trường và lợi ích của Công Ty; và thực hiện Phương Án Phát Hành;
- (b) thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
- (c) quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch phù hợp với Phương Án Phát Hành;
- (d) quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với phương án sử dụng vốn được nêu tại Phương Án Phát Hành, cách thức sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu và việc bố trí nguồn trả nợ Trái Phiếu;
- (e) quyết định danh sách các nhà đầu tư Trái Phiếu;
- (f) quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để Công Ty thực hiện việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu được thông qua tại Điều 3 của Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (A) quyết định Sở Giao Dịch Chứng Khoán khác Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội nơi Trái Phiếu sẽ được niêm yết; (B) quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu sẽ nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật; và (C) làm việc và giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký và niêm yết và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;
- (g) quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo phương án mua lại Trái Phiếu được quy định trong Các Tài Liệu Giao Dịch; và
- (h) quyết định và thực hiện tất cả các hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công Ty, Các Tài Liệu Giao Dịch và Nghị quyết này để hoàn tất việc đăng ký chào bán Trái Phiếu, phát hành Trái Phiếu ra công chúng, việc phân phối và chuyển giao Trái Phiếu, việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu, và việc công bố thông tin và báo cáo liên quan đến Trái Phiếu.

Điều 5. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ghi tại phần đầu của Nghị quyết.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

DANNY LE
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

PHỤ LỤC 1

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông Tin Chung:

- Tên Tiếng Việt : Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife
- Tên Tiếng Anh : Masan MEATLife Corporation
- Trụ Sở Giao Dịch : Lầu 10, Tòa Nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Thành Lập : Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
- Người Đại Diện Theo Pháp Luật : Ông Danny Le – Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Ông Phạm Trung Lâm – Tổng Giám Đốc
- Vốn Điều Lệ : 3.267.148.470.000 VND
- Ngành Nghề Kinh Doanh Chính : Hoạt động tư vấn quản lý
Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật) (CPC: 86509)

2. Tình Hình Tài Chính Và Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Của Tổ Chức Phát Hành:

2.1 Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng:

Đơn vị tính: (triệu Đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Doanh thu thuần	13.976.854	13.798.751	16.119.005
Lợi nhuận trước thuế	335.893	567.930	680.343
Lợi nhuận sau thuế	232.158	369.715	492.202
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông	95.570	115.348	263.341
Tổng tài sản	12.781.802	14.711.395	17.957.454
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.358.425	1.485.599	1.635.795
Tài sản ngắn hạn	3.511.558	4.326.407	6.211.564
Tài sản dài hạn	9.270.244	10.384.988	11.745.890
Vốn điều lệ	2.162.183	3.243.274	3.267.148
Vốn chủ sở hữu	7.181.012	7.523.196	8.463.214
Vay ngắn hạn	455.200	1.782.758	5.252.694
Vay dài hạn	2.658.594	3.173.253	1.587.929

Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ¹ (lần)	0,43	0,66	0,81
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ² (%)	1,61	2,19	4,81

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và 2020 của Tổ Chức Phát Hành)

2.2 Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng:

Tổ Chức Phát Hành không có trái phiếu nào đang lưu hành trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng này.

2.3 Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổ Chức Phát Hành:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 (bao gồm kết quả riêng lẻ và hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành): *báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN CHI TIẾT

1. Mục Đích Phát Hành: Nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động cũng như để huy động nguồn vốn với chi phí hợp lý trên thị trường trong giai đoạn lãi suất đang thấp hiện nay, Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành nhằm thực hiện việc thanh toán cho các đối tác trong giao dịch nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư.
2. Phương Án Sử Dụng Vốn Chi Tiết: Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng (tối đa là 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng)) sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với các mục đích phát hành nêu trên. Cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
1.	Thanh toán một phần khoản phải trả liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 99,99% phần vốn góp tại Công ty TNHH MNS Meat từ Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế.	1.999.980.000.000	Quý III năm 2021

¹ Giá trị nợ được sử dụng để tính toán hệ số nợ/vốn chủ sở hữu bao gồm nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn và trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành vào thời điểm kết thúc năm tài chính có liên quan.

² Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu được tính trên cơ sở lợi nhuận sau thuế đã loại bỏ lợi ích của cổ đông không kiểm soát và bình quân vốn chủ sở hữu đã loại bỏ lợi ích của cổ đông không kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành.

III. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN CỦA TRÁI PHIẾU

1. Tên Trái Phiếu: Trái Phiếu MMLB2126001
2. Loại Trái Phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, có bảo lãnh của bên thứ ba và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.
3. Khối Lượng Phát Hành: Tổng khối lượng phát hành tối đa là 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng).
4. Tính Chất: Trái Phiếu tạo thành các nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.
5. Loại Tiền Tệ Phát Hành và Thanh Toán: Đồng Việt Nam (VND).
6. Lãi Suất của Trái Phiếu: Trái Phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau:
 - (a) Đối với giai đoạn 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành ("**Năm Tính Lãi Thứ Nhất**"): **lãi suất cố định 9,5%/năm** (chín phẩy năm phần trăm một năm); và
 - (b) Đối với mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc Năm Tính Lãi Thứ Nhất cho đến Ngày Đáo Hạn: **lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm** (ba phẩy chín phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
7. Mệnh Giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.
8. Giá Phát Hành: 100% mệnh giá.
9. Số Lượng Trái Phiếu Được Chào Bán: tối đa 19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm) Trái Phiếu.
10. Ngày Phát Hành dự kiến: trong Quý III năm 2021.
11. Kỳ Hạn Trái Phiếu: mỗi Trái Phiếu có kỳ hạn tối đa là 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu đó.
12. Ngày Đáo Hạn: ngày kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
13. Phương Thức Thanh Toán Gốc Và Lãi:
 - (a) Khoản nợ gốc của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) Ngày Đáo Hạn, hoặc (ii) Ngày Thanh Toán Trước Hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và

- (b) Lãi của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.
14. Hình Thức Trái Phiếu: bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử, có cấp giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc các quy chế có liên quan của VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
15. Nhà Đầu Tư: cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Sử Dụng Trái Phiếu: Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do bán, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác và được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và tham gia các quan hệ dân sự/thương mại khác.
17. Quyền Mua Lại Trái Phiếu Của Tổ Chức Phát Hành:
- (a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại, trong một hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào đối với các Trái Phiếu được sở hữu bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận bán lại ("**Ngày Thanh Toán Trước Hạn**").
- (b) Nếu Trái Phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán đó tại bất kỳ thời điểm nào sau Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (tùy từng trường hợp áp dụng) và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan.
18. Hình Thức Phát Hành: Trái Phiếu được phát hành ra công chúng theo quy định của (i) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội, (ii) Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và (iii) Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
19. Đăng Ký Và Niêm Yết: Các Trái Phiếu sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.
20. Đăng Ký Mua Trái Phiếu: Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu:
- (i) Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng) mệnh giá Trái Phiếu; và
- (ii) Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) mệnh giá Trái Phiếu.
21. Phương Thức Phát Hành: Bảo lãnh phát hành.

22. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành Và Tư Vấn Niêm Yết: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
23. Tổ Chức Tư Vấn Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
24. Tổ Chức Lưu Ký Ban Đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
25. Đại Lý Đăng Ký Và Quản Lý Chuyển Nhượng Ban Đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
26. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Ban Đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
27. Tổ Chức Bảo Lãnh Cho Các Nghĩa Vụ Thanh Toán Của Tổ Chức Phát Hành Đối Với Trái Phiếu: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan.
28. Luật Điều Chinh: Luật Việt Nam.
29. Các Điều Kiện Khác: sẽ được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu và do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
30. Các Cam Kết Khác: như được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.
31. Sửa Đổi, Bổ Sung: việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này sẽ được thực hiện theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành.

IV. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VỐN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu**: Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 6 (sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu**: Gốc Trái Phiếu được thanh toán 1 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

Số: 44/2021/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

(V/v: phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với tổng mệnh giá tối đa
1.999.980.000.000 VND)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife (“**Công Ty**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**”) ngày 01 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 44/2021/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2021 phê duyệt phương án phát hành các trái phiếu được chào bán ra công chúng năm 2021 với tổng mệnh giá tối đa 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng) (được gọi chung là “**Trái Phiếu**”); và

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu thư xin ý kiến Hội Đồng Quản Trị số 40/2021/BBKP-HĐQT ngày 1 tháng 6 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng (theo danh sách đính kèm tại Phụ lục 1 của Nghị quyết này) (“**Bộ Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán**”) được Công Ty nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước để đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng.

Điều 2. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty, được thay mặt và đại diện cho Hội Đồng Quản Trị, căn cứ yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và tình hình cụ thể, quyết định nội dung, sửa đổi, điều chỉnh và ký kết các tài liệu trong Bộ Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán nhằm thực hiện đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng.

Điều 3. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ghi tại phần đầu của Nghị quyết.



T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓



DANNY LE
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

PHỤ LỤC 1

BỘ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Giấy đăng ký chào bán trái phiếu;
2. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng, kèm theo các tài liệu sau:
 - a. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 - b. Phụ lục II: Các nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan của Công Ty phê duyệt (i) phương án phát hành trái phiếu được chào bán ra công chúng năm 2021 và (ii) hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
 - c. Phụ lục III: Điều lệ công ty
 - d. Phụ lục IV:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2020
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý I năm 2021
 - e. Phụ lục V: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác; và
 - f. Phụ lục VI: Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương (“TCBS”);
3. Cam kết bảo lãnh phát hành (trên cơ sở cố gắng tối đa);
4. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
5. Văn bản cam kết về thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư;
6. Văn bản cam kết về việc triển khai niêm yết trái phiếu;
7. Văn bản cam kết về việc không có nợ phải trả quá hạn trên một năm;
8. Văn bản xác nhận của Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán trái phiếu ra công chúng;
9. Hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu giữa Công Ty và TCBS;
10. Bản sao thỏa thuận bảo lãnh;
11. Giấy ủy quyền ký báo cáo tài chính kiểm toán của Công Ty TNHH KPMG;
12. Văn bản ủy quyền của người đại diện pháp luật của Tổ Chức Phát Hành cho người ký kết các văn bản có liên quan đến đợt chào bán;
13. Văn bản ủy quyền của người đại diện pháp luật của TCBS cho người ký kết các văn bản có liên quan đến đợt chào bán; và
14. Các tài liệu giải trình, bổ sung khác (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.





Ngày 01 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác	7
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 9. Thu hồi cổ phần	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	10
Điều 11. Quyền của Cổ đông	10
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông	11
Điều 13. Đại Hội đồng Cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông	12
Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền	13
Điều 16. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông	14
Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông	16
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông	16
Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	18
Điều 23. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	21
Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	21
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	22
Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	24
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	25
Điều 30. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	27
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty	28
CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN	29
Điều 32. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	29
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán	29
Điều 34. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán	30
CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC	30
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	30

Điều 36. Tổng Giám Đốc	30
CHƯƠNG X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	31
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	31
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	32
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	33
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn	34
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	34
Điều 43. Trả cổ tức	34
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	34
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 45. Năm tài chính	35
Điều 46. Hệ thống kế toán	35
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	35
Điều 48. Báo cáo thường niên	35
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 49. Kiểm toán	35
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	36
Điều 50. Dấu của Công ty	36
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ	36
Điều 51. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty	36
Điều 52. Trình tự, thủ tục giải thể	36
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	37
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 55. Ngày hiệu lực	37

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - b. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - d. “Luật giao dịch điện tử” là Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - e. “Ngày Thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu - ngày 07 tháng 10 năm 2011.
 - f. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - g. “Người đại diện theo ủy quyền” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.
 - h. “Người được ủy quyền dự họp” là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo các hình thức được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
 - i. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
 - j. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - k. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch.
 - l. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do Pháp luật quy định.
 - m. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
 - n. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- o. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán của Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**
 - Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**
 - Tên viết tắt: **MASAN MEATLIFE CORP.**
2. Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật của Việt Nam. Các Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: (84 28) 6256 3862
 - Fax: (84 28) 3827 4115
 - E-mail: ca@msn.masangroup.com
 - Website: <https://www.masanmeatlife.com.vn/>
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - b. Mỗi người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước hoặc tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi Pháp luật không cấm.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành lập.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở chính)	1080
2.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lão lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm lưu động hoặc tại chợ (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)	4781
3.	Hoạt động tư vấn quản lý - Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật). (CPC: 86509)	7020
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 622)	4620
5.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm. (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 622)	4632
6.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 632)	4773

7.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)	4711
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; - Bán lẻ thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)	4722

- Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để thực hiện các lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà Pháp luật không cấm và được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

- Vốn điều lệ của Công ty là 3.267.148.470.000 VNĐ (*ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 326.714.847 (*ba trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, tám trăm bốn mươi bảy*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ (*mười nghìn đồng*) cổ phần.
- Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi Cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông quyết định khác.
- Việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật chứng khoán và các quy định của Pháp luật có liên quan.

7. Hội đồng Quản trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông trong Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - d. Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyên đổi khoản vay chuyên đổi, trái phiếu chuyên đổi hay các chứng khoán do Công ty phát hành có khả năng chuyên đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, (ii) thực hiện các quyền chọn mua (bao gồm cả quyền chọn mua dành cho người lao động), quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công ty đã cam kết, hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công ty;
 - e. Các trường hợp khác do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định hoặc Pháp luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và các quy định Pháp luật.
9. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Công ty có thể phát hành trái phiếu chuyên đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội đồng Quản trị phê chuẩn, Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.
10. Công ty cũng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần dưới hình thức văn bản hoặc hình thức dữ liệu điện tử (sau đây gọi chung là “chứng chỉ cổ phiếu”) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng chỉ cổ phiếu dưới hình thức văn bản phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu dưới hình thức điện tử sẽ tuân theo quy định của Luật giao dịch điện tử và các quy định của Pháp luật liên quan. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được dưới hình thức khác, Cổ đông có thể được Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu, giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các chứng chỉ, giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty nếu được phát hành dưới hình thức văn bản.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và sẽ không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội đồng Quản trị sẽ gửi thông báo cho Cổ đông đó đề yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo phải ghi rõ là trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và thanh toán số tiền lãi như được quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại Hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; và

3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI CÔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là các đồng chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia, phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp, hoặc dự họp theo hình thức khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật liên quan. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và các quy định Pháp luật;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định khác;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông đó trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của Cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - g. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của Pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp; và
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng

số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- c. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng Quản trị thông qua và tài liệu liên quan khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; và
- d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

- 4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- 2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 13. Đại Hội đồng Cổ đông

- 1. Đại Hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
- 2. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tuy nhiên Hội đồng Quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
- 3. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- 4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này; và
- d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

5. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật, hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 13 nêu trên thì Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- c. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty thanh toán hoặc hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội đồng Cổ đông như chi phí ăn ở và đi lại.
- d. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thực hiện các công việc được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty;
- c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị;
- d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
- e. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- f. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- g. Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
- h. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ của Công ty;
- i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- j. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;

- k. Quyết định giải thể Công ty;
 - l. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các Cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
 - n. Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Quyết định việc Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch như được quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
 - p. Quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
 - q. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; và
 - r. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; và
 - b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người có liên quan của Cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền

- 1. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được ủy quyền bằng văn bản theo quy định của Pháp luật và nhân danh Cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
- 2. Việc cử Người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% và dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 Người đại diện theo ủy quyền.
 - b. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 Người đại diện theo ủy quyền.
- 3. Trường hợp Cổ đông là tổ chức ủy quyền cho nhiều Người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả Người đại diện theo ủy quyền.
- 4. Văn bản ủy quyền cho Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử Người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên tổ chức, số đăng ký doanh nghiệp hoặc thành lập hoặc mã số giao dịch chứng khoán, mã số cổ đông và địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
- b. Số lượng Người đại diện theo ủy quyền, số lượng cổ phần đại diện và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng Người đại diện theo ủy quyền;
- d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày thực hiện đại diện; và
- e. Họ, tên, chữ ký của từng Người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

Điều 16. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này; và
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên website của Công ty. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Thông báo mời họp, chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và dự thảo nghị quyết được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty để các Cổ đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này thì chậm nhất là hai ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 16 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho Người được ủy quyền dự họp, hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ họ tên Người được ủy quyền dự họp, số lượng cổ phần được ủy quyền và các nội dung cần thiết khác theo thông báo của Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi Người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
4. Hội đồng Quản trị sẽ ban hành quy chế họp và bỏ phiếu điện tử trong trường hợp tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
2. Trường hợp không có đủ số lượng Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 18 nêu trên trong vòng một trăm hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
3. Trường hợp cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 18 nêu trên trong vòng một trăm hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông tham dự và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại Hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội đồng Quản trị vào phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông khác do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người trong Hội đồng Quản trị có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp đề Đại Hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông điều khiển cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử là Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp bầu Chủ tọa nêu trên, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa sẽ đề cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

5. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại Hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội đồng Cổ đông nếu Chủ tọa nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện tại địa điểm tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc (b) phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết, hoặc (c) có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19 của Điều lệ này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa tiếp tục điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết trước đó tại cuộc họp sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
9. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp nói trên ra khỏi cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
10. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Các điều khoản 1 đến 10 của Điều 19 này được áp dụng đối với các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tổ chức dưới hình thức họp và bỏ phiếu trực tuyến hoặc điện tử có giá trị như các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp trực tiếp.

Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Đại Hội đồng Cổ đông thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 21 của Điều lệ này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - d. Dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và
 - e. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 21 của Điều lệ này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị, và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức, hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - g. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản, và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ ngày cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông kết thúc.
6. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Công ty công bố thông tin các tài liệu này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này; hoặc
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng Quản trị có số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều này. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc bị Pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
 - d. Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Pháp luật;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
- c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
- e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
- g. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công ty;
- i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- k. Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- l. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- m. Thành lập các Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp;
- n. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, điểm o của khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
- o. Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn mức giá trị như nêu tại điểm n khoản 2 Điều 27;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 1% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
- q. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
 - s. Việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - t. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - v. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
 - w. Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; và
 - x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị có thể thông qua một nghị quyết ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Hội đồng Quản trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 2 Điều 27.

Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 1. Hội đồng Quản trị bầu một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ tịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
- 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - f. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên;
 - g. Thực hiện theo ủy quyền một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị như nêu tại khoản 3 Điều 27; và
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt

hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. **Họp bầu Chủ tịch:** trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
2. **Các cuộc họp thường kỳ:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. **Các cuộc họp bất thường:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
 - d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều 29 trên đây phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều 29 trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. **Địa điểm họp:** các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. **Thông báo và chương trình họp:** thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được coi là hợp lệ và được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư ($3/4$) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là hợp lệ nếu có hơn một nửa ($1/2$) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả ủy quyền.

Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp qua điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
9. Biểu quyết:
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 29 của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - c. Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: các nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị sẽ được thông qua khi được các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành theo nguyên tắc đa số quá bán (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
10. Hợp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng Quản trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

- b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của Thư ký Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Thư ký Công ty.
 - d. Khi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - e. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
11. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc là người được thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 của Điều lệ này.

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

- 1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
 - g. Trường hợp Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết hoặc quyết định thuộc thẩm quyền, kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và

- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này; và
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 32. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.

10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban Kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

CHƯƠNG IX TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Tổ chức bộ máy điều hành

Công ty sẽ ban hành một hệ thống điều hành mà theo đó bộ máy điều hành sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, một Giám đốc Tài chính và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 36. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;

- b. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 1% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Điều lệ này;
 - c. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
 - d. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - e. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; và
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG X NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 37. Trách nhiệm cân trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cân trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d. Doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 39 và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 39 và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12

tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc

- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch cho Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc khi lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều 39 này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính, và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt hoặc các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và

ng nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính.

3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 43. Trả cổ tức

1. Đại Hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này và ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức.
3. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành theo thông lệ hoặc theo quy định của Pháp luật nơi Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết cổ phiếu.
4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 46. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên, Công ty sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Theo quyết định của Hội đồng Quản trị, kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các

thông tin khác liên quan đến Đại Hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 50. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty.
3. Việc quản lý và lưu giữ dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện sẽ được thực hiện theo quy định Quy chế về quản lý và lưu giữ dấu do Tổng Giám đốc ban hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ

Điều 51. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể theo một trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty sẽ tuân thủ các điều kiện do Pháp luật quy định.

Điều 52. Trình tự, thủ tục giải thể

Việc giải thể Công ty sẽ tuân theo trình tự, thủ tục do Pháp luật quy định.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp hoặc các quy định Pháp luật khác, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay Người quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Cổ đông có quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài sẽ được thanh toán theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại Hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký.
2. Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế bản Điều lệ và các phụ lục sửa đổi Điều lệ trước đây.

[trang ký tiếp theo]

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty



Chủ tịch Hội đồng Quản trị





CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN
MEATLIFE

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
Date: 2020.03.30
13:53:17 +07'00'

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
(trước đây là “Công ty Cổ phần Masan
Nutri-Science”)

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 29 tháng 8 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Yew Kean Lai

Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Neal Leroux Kok

Ông David Tan Wei Ming

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 14 tháng 10 năm 2019)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 19 tháng 4 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.340.885.319.208	1.355.360.362.136
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	683.578.280.096	890.040.780.664
Tiền	111		52.878.280.096	76.040.780.664
Các khoản tương đương tiền	112		630.700.000.000	814.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		155.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	155.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.377.960.908.191	339.866.146.399
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	56.491.514.068	80.060.328.471
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	366.078.064.740	93.728.415.941
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	584.800.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	380.372.317.075	166.077.401.987
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(9.780.987.692)	-
Hàng tồn kho	140	10	121.398.871.431	123.030.123.114
Hàng tồn kho	141		121.398.871.431	123.030.123.114
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.947.259.490	2.423.311.959
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.840.137.866	2.423.311.959
Thuế phải thu Nhà nước	153		107.121.624	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.875.819.608.026	6.272.785.974.791
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.000	2.756.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	220		647.071.056	658.048.320
Tài sản cố định hữu hình	221		278.856.128	151.752.792
Nguyên giá	222		402.450.318	196.751.280
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.594.190)	(44.998.488)
Tài sản cố định vô hình	227		368.214.928	506.295.528
Nguyên giá	228		690.403.000	690.403.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(322.188.072)	(184.107.472)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.981.506.652
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	1.981.506.652
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	6.870.004.511.729	6.270.004.511.729
Đầu tư vào các công ty con	251		6.694.450.622.729	6.094.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		175.553.889.000	175.553.889.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.165.269.241	139.152.090
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	5.165.269.241	139.152.090
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.216.704.927.234	7.628.146.336.927

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

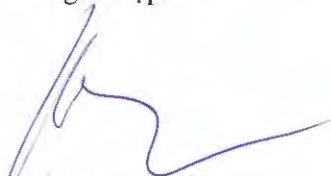
Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.101.856.252.863	4.621.643.436.297
Nợ ngắn hạn	310		2.560.473.071.875	3.899.728.834.926
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.948.060.627.082	1.002.967.971.115
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.366.344.141	4.045.877.871
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	8.218.654.521	8.842.598.639
Phải trả người lao động	314		5.223.968	5.224.214
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	222.430.042.500	246.818.973.061
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	7.862.179.663	217.293.694.545
Vay ngắn hạn	320	18(a)	368.530.000.000	2.419.754.495.481
Nợ dài hạn	330		3.541.383.180.988	721.914.601.371
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	417.869.847.802	18.240.827.267
Vay dài hạn	338	18(b)	3.111.844.095.436	692.089.599.955
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.669.237.750	11.584.174.149
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.114.848.674.371	3.006.502.900.630
Vốn chủ sở hữu	410	19	3.114.848.674.371	3.006.502.900.630
Vốn cổ phần	411	20	3.243.274.470.000	2.162.182.990.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>3.243.274.470.000</i>	<i>2.162.182.990.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.105.015.149	3.200.196.495.149
Lỗi lũy kế	421		(2.247.530.810.778)	(2.355.876.584.519)
<i>Lỗi lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>(2.355.876.584.519)</i>	<i>(2.936.296.182.388)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>108.345.773.741</i>	<i>580.419.597.869</i>
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.216.704.927.234	7.628.146.336.927

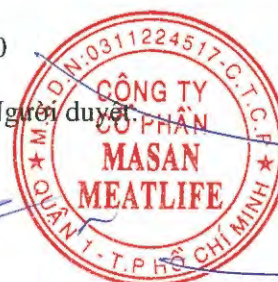
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:


 Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính




 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	9.778.042.006.810	5.615.577.245.583
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	559.731.228.140	309.113.370.067
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	9.218.310.778.670	5.306.463.875.516
Giá vốn hàng bán	11	23	8.619.123.155.578	4.941.833.983.895
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		599.187.623.092	364.629.891.621
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	376.320.251.017	808.970.368.746
Chi phí tài chính	22	25	260.783.543.446	223.014.073.684
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		205.928.474.943	192.403.867.779
Chi phí bán hàng	25	26	455.061.372.929	297.362.111.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	150.891.655.372	72.613.442.315
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		108.771.302.362	580.610.632.958
Thu nhập khác	31		11.788.328	31.157.520
Chi phí khác	32		437.316.949	222.192.609
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(425.528.621)	(191.035.089)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		108.345.773.741	580.419.597.869
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		108.345.773.741	580.419.597.869

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	108.345.773.741	580.419.597.869
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	216.676.302	166.672.252
Các khoản dự phòng	03	11.093.988.676	702.311.085
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	180.543.000	(185.960.101)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(374.387.598.204)	(808.781.377.280)
Chi phí lãi vay	06	205.928.474.943	192.403.867.779
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(48.622.141.542)	(35.274.888.396)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(215.028.031.104)	(165.773.825.642)
Biến động hàng tồn kho	10	1.631.251.683	(122.947.623.114)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	908.220.771.828	1.285.583.370.063
Biến động chi phí trả trước	12	(5.442.943.058)	(2.368.094.405)
		640.758.907.807	959.218.938.506
Tiền lãi vay	14	(2.551.493.806)	(3.821.659.994)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.227.937.383)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	636.979.476.618	955.397.278.512
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(205.699.038)	(2.055.206.652)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản dài hạn	22	1.635.719.000	-
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(739.800.000.000)	-
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(600.000.000.000)	(889.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	126.578.545.852	339.127.846.184
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.211.791.434.186)	337.071.750.532

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

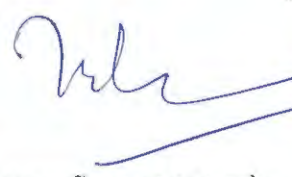
	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	461.688.600.360	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(93.158.600.360)	-
Tiền trả cổ tức	36	-	(550.472.586.317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	368.530.000.000	(550.472.586.317)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(206.281.957.568)	741.996.442.727
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	890.040.780.664	148.078.622.646
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(180.543.000)	(34.284.709)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	683.578.280.096	890.040.780.664

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:


 Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính




 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn chứng khoán Upcom”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2019: 2 công ty con sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 12.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2019: 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 849 nhân viên (1/1/2019: 978 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phần mềm chưa được phát triển xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển phần mềm.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và bảo trì trả trước được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu nhập cổ tức và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	631.460.978	6.850.080.792
Tiền gửi ngân hàng	52.002.819.118	67.667.699.872
Tiền đang chuyển	244.000.000	1.523.000.000
Các khoản tương đương tiền	630.700.000.000	814.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	683.578.280.096	890.040.780.664

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với thời hạn đáo hạn còn lại dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và hưởng lãi suất năm là 6,2% (1/1/2019: Không).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	2.368.431.555	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	300.404.775	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	-	18.600.500

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	9.780.987.692	-
Số dư cuối năm	9.780.987.692	-

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	107.272.638.772	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	87.687.223.612	10.249.385.755
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	64.568.629.780	26.907.513.150
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	51.704.819.250	10.764.358.350
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	50.218.551.115	-
	361.451.862.529	47.921.257.255

Các khoản trả trước cho các công ty con không có đảm bảo và không hưởng lãi.

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con		
▪ Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn	265.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	199.800.000.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	120.000.000.000	-
	584.800.000.000	-

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các công ty con không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 6,5%.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải thu từ các công ty con:		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	105.313.561.504	127.313.561.504
▪ Công ty TNHH MNS Feed	260.000.000.000	-
Lãi phải thu từ tiền gửi	6.406.517.808	1.453.601.096
Lãi phải thu từ cho vay các công ty con:		
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	2.912.961.645	-
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	1.379.656.167	-
▪ Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn	909.305.480	-
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan	2.247.968.743	36.632.772.324
Tạm ứng	1.200.038.241	673.262.549
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.095.500	2.095.500
Phải thu khác	211.987	2.109.014
	380.372.317.075	166.077.401.987

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan bao gồm:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MNS Feed	1.120.228.500	1.120.228.500
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	889.178.248	-
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	238.561.995	20.613.145.608
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	-	12.135.210.575
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	2.374.100.185
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	309.680.734
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	-	50.753.959
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	-	26.170.000
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	-	3.482.763
	2.247.968.743	36.632.772.324

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Hàng hóa	121.398.871.431	123.030.123.114

Không có dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào được trích lập trong báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	1.981.506.652	-
Tăng trong năm	-	1.981.506.652
Thanh lý trong năm	(1.635.719.000)	-
Xóa sổ	(345.787.652)	-
Số dư cuối năm	-	1.981.506.652

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đầu tư vào các công ty con (a)	6.694.450.622.729	6.094.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (b)	175.553.889.000	175.553.889.000
	6.870.004.511.729	6.270.004.511.729

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2019			1/1/2019		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Feed	99,9%	99,9%	3.111.990.000.000	99,9%	99,9%	3.111.990.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	100,0%	100,0%	3.581.563.422.729	100,0%	100,0%	2.981.563.422.729
Đầu tư khác	-	-	897.200.000	-	-	897.200.000
			<u>6.694.450.622.729</u>			<u>6.094.450.622.729</u>

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018.

Thông tin chi tiết của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mô tả như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MNS Feed	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	Công ty TNHH MNS Feed VND	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.111.990.000.000	2.981.563.422.729	897.200.000	6.094.450.622.729
Tăng trong năm	-	600.000.000.000	-	600.000.000.000
Số dư cuối năm	3.111.990.000.000	3.581.563.422.729	897.200.000	6.694.450.622.729

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2019 và 1/1/2019		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Meat	0,001%	-	10.889.000
Đầu tư khác (*)	-	-	175.543.000.000
			175.553.889.000

- (*) Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc. Công ty ghi nhận giao dịch này trong đầu tư góp vốn khác.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có biến động của giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của Công ty trong năm.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	72.010.224	67.141.866	139.152.090
Tăng trong năm	5.885.252.711	746.303.670	6.631.556.381
Phân bổ trong năm	(1.436.665.238)	(168.773.992)	(1.605.439.230)
Số dư cuối năm	4.520.597.697	644.671.544	5.165.269.241

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	1.748.235.987.687	741.287.613.925
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	130.016.204.910	111.759.514.565
Các nhà cung cấp khác	69.808.434.485	149.920.842.625
	1.948.060.627.082	1.002.967.971.115

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	1.748.235.987.687	741.287.613.925
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	130.016.204.910	111.759.514.565
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	32.565.908.650	9.988.097.016
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	14.580.289.420	28.256.342.025
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	669.156.080	18.577.947.535
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	57.370.018.360
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	-	7.725.822.545
Công ty liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan	4.509.684.250	6.871.841.133
	1.930.577.230.997	981.837.197.104

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải trả thương mại cho các công ty con và công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	52.303.881	151.234.365	(310.659.870)	107.121.624	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.790.294.758	29.396.324.102	(29.967.964.339)	-	8.218.654.521
Các loại thuế khác	-	172.303.609	(172.303.609)	-	-
	8.842.598.639	29.719.862.076	(30.450.927.818)	107.121.624	8.218.654.521

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chiết khấu thương mại	169.669.987.563	160.639.232.498
Thưởng và lương tháng 13	37.321.201.948	53.333.199.000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	3.176.739.678	20.026.282.330
Chi phí lãi vay	1.107.114.932	-
Chi phí vận chuyển	579.534.693	576.449.889
Chi phí khác	10.575.463.686	12.243.809.344
	222.430.042.500	246.818.973.061

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan	290.168.126	14.953.012.792
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con	-	197.359.154.330
Kinh phí công đoàn	-	1.266.928.820
Phải trả khác	7.572.011.537	3.714.598.603
	7.862.179.663	217.293.694.545

Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan bao gồm:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	258.168.126	13.679.786.557
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	30.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.000.000	1.024.666.359
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	-	158.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	-	60.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	10.274.448
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	-	20.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed	-	285.428
	290.168.126	14.953.012.792

Các khoản phải trả phi thương mại cho các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con	417.869.847.802	18.240.827.267

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Phân loại lại sang vay dài hạn VND	31/12/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Hoàn trả VND		
Vay ngắn hạn	-	461.688.600.360	(93.158.600.360)	-	368.530.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.419.754.495.481	-	-	(2.419.754.495.481)	-
	2.419.754.495.481	461.688.600.360	(93.158.600.360)	(2.419.754.495.481)	368.530.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	5,4% - 6,2%	368.530.000.000	-

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(2.419.754.495.481)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.111.844.095.436	692.089.599.955

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các khoản vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con					
▪ Khoản vay 1 (*)	VND	6,5%	2021	2.419.754.495.481	2.419.754.495.481
▪ Khoản vay 2	VND	6,5%	2021	692.089.599.955	692.089.599.955
				3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

- (*) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2019, Công ty đã ký một thỏa thuận với Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc để gia hạn thời gian đáo hạn của khoản vay này đến ngày 1 tháng 11 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(1.365.904.965.932)	3.996.474.519.217
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	580.419.597.869	580.419.597.869
Cổ tức	-	-	(1.570.391.216.456)	(1.570.391.216.456)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(2.355.876.584.519)	3.006.502.900.630
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (i)	1.081.091.480.000	(1.081.091.480.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	108.345.773.741	108.345.773.741
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.247.530.810.778)	3.114.848.674.371

- (i) Vào ngày 23 tháng 7 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.162.182.990.000	2.162.182.990.000
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	1.081.091.480.000	-
Số dư cuối năm	3.243.274.470.000	2.162.182.990.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng 1 năm	7.963.257.600	-
Trong vòng 2 đến 5 năm	8.215.707.200	-
	16.178.964.800	-

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	259.421	5.995.220.234	76.120	1.761.418.883

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	9.778.042.006.810	5.615.577.245.583
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	558.924.333.396	308.776.301.383
▪ Hàng bán bị trả lại	779.705.041	337.068.684
▪ Giảm giá hàng bán	27.189.703	-
	559.731.228.140	309.113.370.067
Doanh thu thuần	9.218.310.778.670	5.306.463.875.516

23. Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Hàng hóa đã bán	8.619.123.155.578	4.941.833.983.895

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập cổ tức	330.470.365.973	795.142.312.854
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	44.263.019.883	13.639.064.426
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.586.865.161	3.031.365
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	185.960.101
	376.320.251.017	808.970.368.746

25. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Các công ty con	202.269.866.205	192.403.867.779
▪ Ngân hàng	3.658.608.738	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	180.543.000	-
Chi phí khác	54.674.525.503	30.610.205.905
	260.783.543.446	223.014.073.684

26. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	217.356.745.370	150.125.496.839
Chi phí vận chuyển	65.271.731.167	34.342.364.366
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	63.625.071.166	52.654.954.056
Chi phí thuê hoạt động	12.308.647.207	7.052.944.743
Chi phí công cụ và dụng cụ	905.887.405	468.476.263
Chi phí khác	95.593.290.614	52.717.875.143
	455.061.372.929	297.362.111.410

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	98.414.911.680	61.709.021.063
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	9.780.987.692	-
Chi phí thuê hoạt động	3.462.406.102	256.467.607
Chi phí dụng cụ văn phòng	2.614.986.303	706.503.305
Chi phí khấu hao	216.676.302	166.672.252
Chi phí khác	36.401.687.293	9.774.778.088
	150.891.655.372	72.613.442.315

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	108.345.773.741	580.419.597.869
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.669.154.748	116.083.919.574
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.035.255.631	7.857.234.592
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	30.389.662.816	37.485.730.152
Thu nhập được miễn thuế	(66.094.073.195)	(159.028.462.571)
Lỗ tính thuế đã sử dụng	-	(2.398.421.747)
	-	-

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	195.070.371.244	39.014.074.249	193.455.088.680	38.691.017.736
Lỗi tính thuế	1.762.429.541.668	352.485.908.333	1.612.096.510.150	322.419.302.030
	<u>1.957.499.912.912</u>	<u>391.499.982.582</u>	<u>1.805.551.598.830</u>	<u>361.110.319.766</u>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2020	Chưa quyết toán	248.220.474.562
2021	Chưa quyết toán	238.771.521.467
2022	Chưa quyết toán	1.125.104.514.121
2024	Chưa quyết toán	150.333.031.518
		<u>1.762.429.541.668</u>

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20%.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cổ tức	-	1.135.573.000.000
Các công ty con		
Công ty TNHH MNS Feed		
Thu nhập cổ tức	330.470.365.973	95.142.382.854
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang		
Bán hàng	2.998.041.560	2.649.412.350
Mua hàng	301.745.535.540	204.564.890.118
Phí thuê kho	874.440.000	938.880.000
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên		
Bán hàng	1.183.539.730	594.791.350
Mua hàng	137.291.188.830	122.358.393.156
Phí thuê kho	682.500.000	735.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long		
Bán hàng	2.922.754.125	2.679.631.840
Mua hàng	182.697.171.940	147.242.665.190
Phí thuê kho	360.000.000	300.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang		
Bán hàng	5.426.386.340	5.109.679.695
Mua hàng	439.799.080.620	288.897.242.780
Phí thuê kho	630.000.000	630.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An		
Bán hàng	327.403.440	18.600.500
Mua hàng	196.456.846.575	121.183.429.713
Phí thuê kho	614.250.000	598.500.000

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
Bán hàng	2.573.478.745	2.793.406.150
Mua hàng	1.010.952.718.473	686.922.523.777
Góp vốn	600.000.000.000	-
Phí thuê kho	-	110.250.000
Thu nhập cổ tức	-	699.999.930.000
Khoản vay đã nhận	-	679.032.261.643
Chi phí lãi vay	-	16.878.998.306
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam		
Chuyển giao dự án xây dựng cơ bản dở dang	1.635.719.000	-
Mua hàng	846.194	-
Cho vay	199.800.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	2.912.961.645	-
Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn		
Cho vay	265.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	909.305.480	-
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An		
Cho vay	120.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	1.379.656.167	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Bán hàng	21.539.601.240	12.871.395.765
Mua hàng	4.906.132.652.698	2.781.868.838.947
Chuyển khoản vay/cho vay	-	692.089.599.955
Chi phí lãi vay	202.269.866.205	175.524.869.473
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ		
Mua hàng	1.434.374.975	374.807.950
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định		
Bán hàng	5.016.077.320	4.009.722.850
Mua hàng	1.114.621.231.432	513.159.493.703
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Bán hàng	315.468.755	170.265.810
Mua hàng	325.215.366.560	197.318.564.100

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ thông tin (đã bao gồm VAT)	9.981.471.408	5.485.002.069
Chi phí quản lý dự án (đã bao gồm VAT)	365.403.555	1.386.839.064
Mua hàng	7.211.200	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	28.442.181.333	14.061.849.318

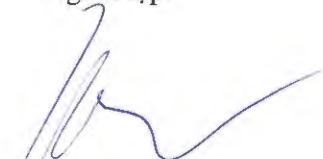
Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	1.081.091.480.000	-
Cần trừ cổ tức phải thu với cổ tức phải trả	-	340.886.368.496
Chuyển chi phí lãi vay phải trả thành nợ gốc vay	-	13.057.338.312
Chuyển cổ tức phải trả thành khoản vay từ công ty con	-	679.032.261.643

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN
MEATLIFE

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
Date: 2020.03.30
13:54:10 +07'00'

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước
đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-
Science”) và các công ty con**
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 29 tháng 8 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Lê
Ông Yew Kean Lai

Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Neal Leroux Kok

Ông David Tan Wei Ming

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 14 tháng 10 năm 2019)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 19 tháng 4 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần
Masan Nutri-Science”)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00619-20-2

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2020-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.326.407.159.062	3.511.558.016.046
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.485.599.402.638	1.358.425.295.976
Tiền	111		181.699.402.638	126.914.604.976
Các khoản tương đương tiền	112		1.303.900.000.000	1.231.510.691.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.400.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	156.400.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	1.063.739.035.323	672.572.056.344
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		374.451.806.121	378.053.830.762
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		678.682.279.544	377.591.921.874
Phải thu ngắn hạn khác	136		116.349.265.265	23.061.444.057
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(105.744.315.607)	(106.135.140.349)
Hàng tồn kho	140	8	1.529.201.648.403	1.390.582.532.504
Hàng tồn kho	141		1.550.320.775.204	1.396.159.994.324
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.119.126.801)	(5.577.461.820)
Tài sản ngắn hạn khác	150		91.467.072.698	89.978.131.222
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.022.312.069	27.486.889.151
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.630.050.178	49.131.101.271
Thuế phải thu Nhà nước	153		13.814.710.451	13.360.140.800

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.384.987.528.036	9.270.243.742.848
Các khoản phải thu dài hạn	210		16.506.597.000	3.095.726.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	16.506.597.000	3.095.726.000
Tài sản cố định	220		7.354.513.390.155	6.118.877.391.239
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.091.424.919.307	2.536.850.624.080
Nguyên giá	222		5.283.195.968.073	3.415.674.102.802
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.191.771.048.766)	(878.823.478.722)
Tài sản cố định vô hình	227	10	3.263.088.470.848	3.582.026.767.159
Nguyên giá	228		4.863.075.848.521	4.860.265.166.432
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.599.987.377.673)	(1.278.238.399.273)
Tài sản dở dang dài hạn	240		353.241.217.535	466.397.480.764
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	353.241.217.535	466.397.480.764
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.173.141.241.640	2.174.040.670.779
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	2.159.937.181.640	2.160.836.610.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	21.646.000.000	21.646.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(8.441.940.000)	(8.441.940.000)
Tài sản dài hạn khác	260		487.585.081.706	507.832.474.066
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	415.519.871.660	419.988.899.218
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	72.065.210.046	87.843.574.848
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.711.394.687.098	12.781.801.758.894

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.188.198.744.263	5.600.790.137.510
Nợ ngắn hạn	310		3.491.877.094.955	2.368.878.460.376
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	857.647.315.709	1.160.699.894.696
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.315.335.561	38.615.928.044
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	100.050.815.239	61.808.353.270
Phải trả người lao động	314		5.223.968	14.102.819
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	684.459.335.316	613.740.820.932
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	40.909.847.703	33.068.610.309
Vay ngắn hạn	320	18(a)	1.782.758.178.439	455.199.707.286
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	5.731.043.020	5.731.043.020
Nợ dài hạn	330		3.696.321.649.308	3.231.911.677.134
Phải trả dài hạn khác	337		4.960.000.000	-
Vay và trái phiếu dài hạn	338	18(b)	3.173.252.547.708	2.658.594.303.085
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	13	488.104.212.517	541.403.429.233
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	30.004.889.083	31.913.944.816
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.523.195.942.835	7.181.011.621.384
Vốn chủ sở hữu	410	21	7.523.195.942.835	7.181.011.621.384
Vốn cổ phần	411	22	3.243.274.470.000	2.162.182.990.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		3.243.274.470.000	2.162.182.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.105.015.149	3.200.196.495.149
Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		140.019.641.401	24.671.734.409
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước</i>	421a		24.671.734.409	(70.898.059.538)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		115.347.906.992	95.569.793.947
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.196.339.816.285	1.969.503.401.826
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		14.711.394.687.098	12.781.801.758.894

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	14.574.901.245.099	14.832.735.010.031
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	776.149.958.427	855.880.946.384
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	13.798.751.286.672	13.976.854.063.647
Giá vốn hàng bán	11	26	11.533.148.211.650	11.879.903.811.268
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.265.603.075.022	2.096.950.252.379
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	76.612.962.663	67.944.590.729
Chi phí tài chính	22	28	364.166.857.502	310.194.622.049
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		284.977.600.614	235.444.066.977
Phần lãi trong các công ty liên kết	24	6	9.690.583.861	13.996.334.254
Chi phí bán hàng	25	29	680.705.067.100	774.740.372.223
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	797.348.195.270	767.719.558.078
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		509.686.501.674	326.236.625.012
Thu nhập khác	31	31	93.616.762.281	11.911.924.108
Chi phí khác	32	32	35.373.594.141	2.255.254.894
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		58.243.168.140	9.656.669.214
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		567.929.669.814	335.893.294.226
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	235.735.572.677	115.197.819.341
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(37.520.851.914)	(11.462.800.259)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		369.714.949.051	232.158.275.144

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

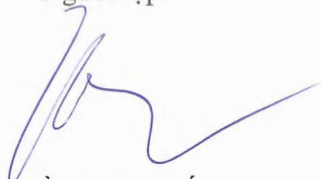
**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

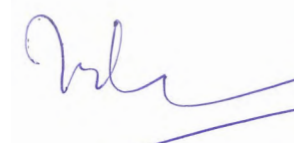
	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		369.714.949.051	232.158.275.144
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		115.347.906.992	95.569.793.947
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		254.367.042.059	136.588.481.197
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	356	295

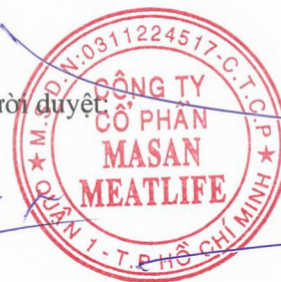
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

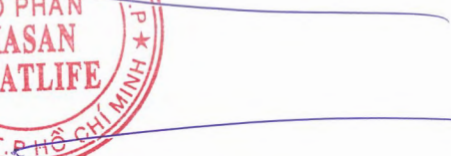
Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	567.929.669.814	335.893.294.226
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	689.604.467.950	618.379.983.839
Các khoản dự phòng	03	23.958.276.321	4.395.506.811
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	806.922.251	2.262.660.626
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(75.524.224.039)	(81.186.482.934)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	305.389.365.319	255.855.831.682
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.512.164.477.616	1.135.600.794.250
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(42.695.268.160)	221.093.264.351
Biến động hàng tồn kho	10	(154.160.780.880)	457.204.534.230
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(350.187.479.358)	(57.815.653.185)
Biến động chi phí trả trước	12	31.321.783.266	(35.100.012.147)
		996.442.732.484	1.720.982.927.499
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	14	(296.097.952.566)	(252.376.652.761)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(216.671.182.854)	(103.401.857.119)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.790.250.984)	(6.904.254.916)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	478.883.346.080	1.358.300.162.703
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(2.117.083.988.566)	(1.075.988.891.883)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	30.158.242.943	6.138.220.611
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(156.400.000.000)	-
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	-	96.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	76.690.742.499	68.950.855.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.166.635.003.124)	(904.499.815.897)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

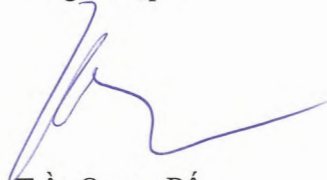
**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	5.256.456.574.119	4.412.120.196.960
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.417.751.623.048)	(4.945.465.422.995)
Tiền chi trả cổ tức	36	(23.597.966.228)	(553.970.914.317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.815.106.984.843	(1.087.316.140.352)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	127.355.327.799	(633.515.793.546)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.358.425.295.976	1.991.970.213.930
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(181.221.137)	(29.124.408)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	1.485.599.402.638	1.358.425.295.976

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2019: 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn chứng khoán Upcom”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 4 công ty liên kết sở hữu gián tiếp (1/1/2019: 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 15 công ty con sở hữu gián tiếp và 4 công ty liên kết sở hữu gián tiếp). Thông tin về các công ty con và các công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Anco”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MNS Feed (“MNS Feed”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (“MNS Feed Vĩnh Long”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá và cá nuôi; sản xuất, chế biến sắn, bột mì, ngô, gạo, ngũ cốc và bột ngũ cốc	Khu 4, Khu Công nghiệp Cổ Chiên, Ấp Sơn Đông, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2019		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2019	
				1/1/2019	1/1/2019	1/1/2019	1/1/2019
2	Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (“MNS Feed Thái Nguyên”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô B5-B6, Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (“MNS Feed Tiền Giang”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô 22-23B, Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (“MNS Feed Nghệ An”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cấn, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (“MNS Feed Hậu Giang”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Đường số 4, Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“Anco Bình Định”)	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô B4.06, Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
7	Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	(ii) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An (“MNS Farm Nghệ An”)	(ii) Chăn nuôi lợn	Xóm Cồn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
9	Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNS Meat Processing”)	(ii) Tư vấn quản lý	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
10	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (“MNS Meat Hà Nam”)	(ii) Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt	Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
11	Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn (“MNS Meat Sài Gòn”)	(ii), (iii) Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt	Lô 2 Đường 15, Lô 3-5-7 Đường 17, Lô 2 Đường 17, Lô 9 Đường 19, Khu Công nghiệp Tân Đức, Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	100,00%	-	100,00%	-
12	Công ty TNHH MNS Farm (“MNS Farm”)	(ii) Tư vấn quản lý	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
13	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	(i) Sản xuất thức ăn giàu đạm, chất tinh khiết và bột cá cao đạm cho chăn nuôi; cung cấp dịch vụ chăn nuôi thú y	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
14	Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ (“Proconco Cần Thơ”)	(i) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi	Lô 13 và 14, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
15	Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định (“Proconco Bình Định”)	(i) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi	Lô A-2-5 và A-2-6, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
16	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (“Proconco Hưng Yên”)	(i) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi trâu và bò	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp							
1	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (“Thuận Phát”)	(i) Sản xuất bao bì PP, PE và kinh doanh nguyên liệu nhựa	Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2019		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2019	
				1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019
2	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình (“Abattoir”)	(i) Thực hiện các hoạt động giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai (“Donatraco”)	(i) Trồng cây công nghiệp và cây nông nghiệp	75A Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	21,30%	21,30%	21,30%	21,30%
4	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	(ii) Chế biến và kinh doanh thịt tươi, thực phẩm chế biến và các sản phẩm liên quan đến thịt	420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	24,90%	24,90%	24,90%	24,90%

- (i) Các công ty con và các công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Feed tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- (ii) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Anco tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- (iii) Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0315583531 ngày 26 tháng 3 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Tất cả các công ty con và các công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con và của các công ty con trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 3.501 nhân viên (1/1/2019: 3.021 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi phần sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn, và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các nhà đầu tư và được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 35 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thương hiệu

Giá trị hợp lý của thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(iv) Mỗi quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

(v) Kỹ thuật

Kỹ thuật mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của kỹ thuật có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của kỹ thuật được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí heo giống, chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi heo giống, xây dựng và lắp đặt.

(j) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 35 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(iii) Heo giống

Chi phí heo giống được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm. Chi phí phân bổ heo giống có liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi được ghi nhận vào sản phẩm dở dang.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và bảo trì trả trước và chi phí trước hoạt động được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Trái phiếu đã phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành trái phiếu. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác

Vốn khác được phát sinh từ các giao dịch liên quan đến các công cụ vốn.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, các chi phí liên quan và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất, và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn hoạt động như một bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh là chuỗi cung ứng thịt và trong một bộ phận chia theo vùng địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.146.399.948	7.612.091.465
Tiền gửi ngân hàng	180.275.108.940	117.562.057.243
Tiền đang chuyển	277.893.750	1.740.456.268
Các khoản tương đương tiền	1.303.900.000.000	1.231.510.691.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	1.485.599.402.638	1.358.425.295.976

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

6. Đầu tư

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	156.400.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn		
▪ Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	2.159.937.181.640	2.160.836.610.779
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	21.646.000.000	21.646.000.000
▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (c)	(8.441.940.000)	(8.441.940.000)
	2.173.141.241.640	2.174.040.670.779

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2019				1/1/2019			
	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Vissan	20.180.026	24,9%	24,9%	2.135.490.172.000	20.180.026	24,9%	24,9%	2.135.490.172.000
Thuận Phát	490.000	25,0%	25,0%	4.925.117.326	490.000	25,0%	25,0%	7.892.717.573
Abattoir	500.000	25,0%	25,0%	6.708.889.701	500.000	25,0%	25,0%	6.752.136.597
Donatraco	850.800	21,3%	21,3%	12.813.002.613	850.800	21,3%	21,3%	10.701.584.609
				2.159.937.181.640				2.160.836.610.779

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động của giá trị ghi sổ trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Vissan VND	Thuận Phát VND	Abattoir VND	Donatraco VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.135.490.172.000	7.892.717.573	6.752.136.597	10.701.584.609	2.160.836.610.779
Phần lãi/(lỗ) phát sinh sau ngày mua được chia từ các công ty liên kết	10.090.013.000	(2.967.600.247)	456.753.104	2.111.418.004	9.690.583.861
Cổ tức	(10.090.013.000)	-	(500.000.000)	-	(10.590.013.000)
Số dư cuối năm	2.135.490.172.000	4.925.117.326	6.708.889.701	12.813.002.613	2.159.937.181.640

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2019 và 1/1/2019					
	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.164.600	5,41%	21.646.000.000	(8.441.940.000)	13.204.060.000

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	8.441.940.000	4.918.280.000
Tăng dự phòng trong năm	-	3.545.306.000
Hoàn nhập	-	(21.646.000)
Số dư cuối năm	8.441.940.000	8.441.940.000

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Các khoản phải thu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm trong các khoản trả trước cho người bán của Tập đoàn là 629.642 triệu VND (1/1/2019: 271.420 triệu VND) liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang.

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Thuế giá trị gia tăng phải thu (*)	83.863.305.408	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	7.199.576.986	3.457.927.495
Tạm ứng	2.458.153.241	1.972.533.803
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.725.355.215	1.164.764.551
Phải thu khác	20.102.874.415	16.466.218.208
	116.349.265.265	23.061.444.057
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	16.506.597.000	3.095.726.000

- (*) Phải thu thuế giá trị gia tăng liên quan đến khoản tiền thuế giá trị gia tăng Công ty đang làm hồ sơ xin hoàn thuế đối với trường hợp cơ sở kinh doanh mới thành lập và đang chờ ý kiến phản hồi của Tổng Cục thuế.

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	106.135.140.349	109.783.645.939
Trích lập dự phòng trong năm	13.515.336.137	8.586.162.188
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.926.240.831)	-
Hoàn nhập	(7.979.920.048)	(12.234.667.778)
Số dư cuối năm	105.744.315.607	106.135.140.349

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	167.454.196.591	-	331.154.624.169	-
Nguyên vật liệu	854.900.390.692	(2.331.488.570)	767.446.434.315	(5.577.461.820)
Công cụ và dụng cụ	98.633.586.054	(1.663.097.204)	75.345.994.537	-
Sản phẩm dở dang	167.771.382.262	-	53.060.901.344	-
Thành phẩm	260.041.238.033	(17.124.541.027)	165.082.706.824	-
Hàng hóa	1.519.981.572	-	4.069.333.135	-
	1.550.320.775.204	(21.119.126.801)	1.396.159.994.324	(5.577.461.820)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 3.994 triệu VND (1/1/2019: 5.577 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển. Các khoản mục này liên quan đến các nhãn cũ dự kiến sẽ được thanh lý như là phế liệu trong năm tới.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 33.415 triệu VND (1/1/2019: Không) nguyên vật liệu có giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	5.577.461.820	3.777.764.052
Trích lập dự phòng trong năm	20.548.202.829	4.484.994.692
Hoàn nhập	(5.006.537.848)	(2.685.296.924)
Số dư cuối năm	21.119.126.801	5.577.461.820

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.926.919.438.208	1.387.337.139.131	70.784.054.488	30.633.470.975	3.415.674.102.802
Tăng trong năm	43.583.049.937	14.032.534.313	3.527.064.599	725.257.037	61.867.905.886
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.270.338.532.929	571.028.958.016	25.057.348.476	28.527.294.736	1.894.952.134.157
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(88.000.000)	(360.738.702)	(59.500.000)	(62.786.805)	(571.025.507)
Thanh lý	(51.465.956.387)	(22.764.149.859)	(9.486.625.142)	(137.707.621)	(83.854.439.009)
Xóa sổ	(771.258.516)	(3.263.963.590)	-	(837.488.150)	(4.872.710.256)
Phân loại lại	158.190.296	(158.190.296)	-	-	-
Số dư cuối năm	3.188.673.996.467	1.945.851.589.013	89.822.342.421	58.848.040.172	5.283.195.968.073
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	333.739.907.056	501.188.238.098	34.055.052.770	9.840.280.798	878.823.478.722
Khấu hao trong năm	148.496.308.588	198.941.364.680	13.302.976.395	7.114.839.887	367.855.489.550
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(88.000.000)	(195.725.607)	(1.239.584)	(62.786.805)	(347.751.996)
Thanh lý	(18.586.595.636)	(22.273.629.787)	(8.742.959.460)	(137.707.621)	(49.740.892.504)
Xóa sổ	(771.258.516)	(3.210.528.340)	-	(837.488.150)	(4.819.275.006)
Số dư cuối năm	462.790.361.492	674.449.719.044	38.613.830.121	15.917.138.109	1.191.771.048.766
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.593.179.531.152	886.148.901.033	36.729.001.718	20.793.190.177	2.536.850.624.080
Số dư cuối năm	2.725.883.634.975	1.271.401.869.969	51.208.512.300	42.930.902.063	4.091.424.919.307

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 562.087 triệu VND (1/1/2019: 488.942 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 2.831.368 triệu VND (1/1/2019: 1.046.699 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18(b)(i)).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Thương hiệu VND	Mối quan hệ khách hàng VND	Kỹ thuật VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	207.411.509.016	58.753.657.416	1.615.000.000.000	2.413.100.000.000	566.000.000.000	4.860.265.166.432
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.810.682.089	-	-	-	2.810.682.089
Số dư cuối năm	207.411.509.016	61.564.339.505	1.615.000.000.000	2.413.100.000.000	566.000.000.000	4.863.075.848.521
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	22.221.764.352	13.360.384.902	320.025.000.009	486.281.249.985	436.350.000.025	1.278.238.399.273
Khấu hao trong năm	6.054.612.598	8.989.365.802	80.750.000.000	120.655.000.015	105.299.999.985	321.748.978.400
Số dư cuối năm	28.276.376.950	22.349.750.704	400.775.000.009	606.936.250.000	541.650.000.010	1.599.987.377.673
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	185.189.744.664	45.393.272.514	1.294.974.999.991	1.926.818.750.015	129.649.999.975	3.582.026.767.159
Số dư cuối năm	179.135.132.066	39.214.588.801	1.214.224.999.991	1.806.163.750.000	24.349.999.990	3.263.088.470.848

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 5.533 triệu VND (1/1/2019: 5.533 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	466.397.480.764	600.473.709.906
Tăng trong năm	1.817.117.245.784	955.582.088.785
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.894.952.134.157)	(1.065.241.654.606)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.810.682.089)	(219.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.164.905.115)	(23.406.690.969)
Xóa sổ	(345.787.652)	(790.972.352)
Số dư cuối năm	353.241.217.535	466.397.480.764

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Máy móc và thiết bị	200.969.624.893	95.084.995.186
Nhà cửa	111.507.525.682	348.874.804.065
Phần mềm vi tính	-	1.981.506.652
Khác	40.764.066.960	20.456.174.861
	353.241.217.535	466.397.480.764

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 103.081 triệu VND (1/1/2019: 401.870 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18(b)(i)).

Trong năm, chi phí chạy thử, chi phí đi vay và tiền thuê đất vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị lần lượt là 100.075 triệu VND, 54.401 triệu VND và 1.164 triệu VND (2018: 5.915 triệu VND, 8.983 triệu VND và 1.130 triệu VND).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Heo giống VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	312.735.290.485	17.572.884.130	57.696.888.917	31.983.835.686	419.988.899.218
Tăng trong năm	4.555.731.542	16.871.400.891	67.202.376.248	53.387.166.250	142.016.674.931
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.870.900.000	11.514.844.476	-	16.779.160.639	32.164.905.115
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	194.211.011	-	29.062.500	223.273.511
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	1.815.399.530	-	682.837.490	2.498.237.020
Phân loại lại	(395.913.072)	(2.491.668)	-	398.404.740	-
Thanh lý	(85.824.657.788)	-	-	-	(85.824.657.788)
Xóa sổ	-	-	(19.194.308.486)	(913.952.250)	(20.108.260.736)
Phân bổ trong năm	(7.341.739.247)	(17.495.236.783)	(29.700.692.417)	(20.901.531.164)	(75.439.199.611)
Số dư cuối năm	227.599.611.920	30.471.011.587	76.004.264.262	81.444.983.891	415.519.871.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí đất trả trước với giá trị ghi sổ là 158.193 triệu VND (1/1/2019: 88.754 triệu VND) và heo giống với giá trị ghi sổ là 67.586 triệu VND (1/1/2019: công cụ dụng cụ có giá trị là 1.375 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18(b)(i)).

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lãi chưa thực hiện	2.765.147.122	2.752.073.235
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	12.647.944.572	14.811.555.588
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	283.103.492	614.237.566
Chi phí phải trả	24.529.369.238	29.675.239.252
Lỗi tính thuế	30.527.132.812	38.379.959.645
Chi phí khác	1.312.512.810	1.610.509.562
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	72.065.210.046	87.843.574.848
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định hữu hình	(11.789.669.873)	(18.419.009.597)
Tài sản cố định vô hình	(476.314.542.644)	(522.984.419.636)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(488.104.212.517)	(541.403.429.233)
	(416.039.002.471)	(453.559.854.385)

(b) Biến động của các chênh lệch tạm thời trong năm

	1/1/2019 VND	Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất VND	31/12/2019 VND
Lãi chưa thực hiện	2.752.073.235	13.073.887	2.765.147.122
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	14.811.555.588	(2.163.611.016)	12.647.944.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	614.237.566	(331.134.074)	283.103.492
Chi phí phải trả	29.675.239.252	(5.145.870.014)	24.529.369.238
Lỗi tính thuế	38.379.959.645	(7.852.826.833)	30.527.132.812
Chi phí khác	1.610.509.562	(297.996.752)	1.312.512.810
Tài sản cố định hữu hình	(18.419.009.597)	6.629.339.724	(11.789.669.873)
Tài sản cố định vô hình	(522.984.419.636)	46.669.876.992	(476.314.542.644)
	(453.559.854.385)	37.520.851.914	(416.039.002.471)

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd	99.777.835.335	99.777.835.335	141.743.404.645	141.743.404.645
Các nhà cung cấp khác	757.869.480.374	757.869.480.374	1.018.956.490.051	1.018.956.490.051
	857.647.315.709	857.647.315.709	1.160.699.894.696	1.160.699.894.696

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Các công ty liên kết				
Thuận Phát	1.119.450.200	1.119.450.200	3.621.631.090	3.621.631.090
Abattoir	487.835.600	487.835.600	581.681.400	581.681.400
Các bên liên quan khác				
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan	20.377.310.037	20.377.310.037	22.518.145.113	22.518.145.113
Công ty Cổ phần Masan Jinju	1.372.172.193	1.372.172.193	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công Nghiệp Masan	16.249.800	16.249.800	-	-
	23.373.017.830	23.373.017.830	26.721.457.603	26.721.457.603

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên kết và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Khấu trừ/ phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	306.459.671	31.555.327.957	(4.514.714.285)	(8.247.420.515)	19.099.652.828
Thuế xuất nhập khẩu	623.152.704	94.679.516.649	(95.177.812.956)	-	124.856.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.949.381.511	235.735.572.677	(216.671.182.854)	1.062.093.039	66.075.864.373
Thuế thu nhập cá nhân	14.649.359.384	57.014.628.182	(56.198.653.772)	(714.892.153)	14.750.441.641
Các loại thuế khác	280.000.000	1.305.718.728	(1.305.718.728)	(280.000.000)	-
	61.808.353.270	420.290.764.193	(373.868.082.595)	(8.180.219.629)	100.050.815.239

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chiết khấu thương mại	291.574.701.027	303.723.816.658
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	45.905.498.536	50.147.562.569
Thưởng và lương tháng 13	81.393.289.994	98.796.714.541
Chi phí lãi vay	66.763.968.562	60.233.310.658
Chi phí vận chuyển	6.472.895.904	3.397.819.821
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	168.592.805.169	70.027.082.754
Chi phí khác	23.756.176.124	27.414.513.931
	684.459.335.316	613.740.820.932

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	27.530.697.600	23.598.036.228
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	65.185.648	1.471.016.755
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	522.722.051	552.722.051
Phải trả khác	12.791.242.404	7.446.835.275
	40.909.847.703	33.068.610.309

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019		Biến động trong năm		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Vay VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	387.199.707.286	387.199.707.286	4.296.843.738.859	(3.349.751.623.048)	1.334.291.823.097	1.334.291.823.097
Vay dài hạn đến hạn trả	68.000.000.000	68.000.000.000	448.466.355.342	(68.000.000.000)	448.466.355.342	448.466.355.342
	455.199.707.286	455.199.707.286	4.745.310.094.201	(3.417.751.623.048)	1.782.758.178.439	1.782.758.178.439

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	4,3% - 6,4%	1.334.291.823.097	387.199.707.286

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và trái phiếu dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn (i)	1.638.720.863.841	747.108.028.581
Trái phiếu thường (ii)	1.982.998.039.209	1.979.486.274.504
	3.621.718.903.050	2.726.594.303.085
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(448.466.355.342)	(68.000.000.000)
	3.173.252.547.708	2.658.594.303.085
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo 1	VND	9,7%	2023	1.000.000.000.000	399.530.353.576
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo 2	VND	10,8%	2024	563.760.348.133	204.617.159.297
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo 3	VND	8,1%	2021	74.960.515.708	142.960.515.708
				1.638.720.863.841	747.108.028.581

Khoản vay ngân hàng 1 được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

	Giá trị ghi sổ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Dự án Trại chăn nuôi lợn tại ấp Côn Sơn, xã Hà Sơn, huyện Quý Hợp, tỉnh Nghệ An		
▪ Tài sản cố định (Thuyết minh 9)	1.534.966.636.445	673.887.707.885
▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	2.592.204.271	9.665.523.340
▪ Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 12)	55.690.275.866	-
▪ Heo giống (Thuyết minh 12)	67.585.772.456	-
	2.249.437.684.938	683.553.231.225

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản vay ngân hàng 2 được bảo lãnh bởi Công ty và đảm bảo bằng tài sản như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
▪ Tài sản cố định (Thuyết minh 9)	977.729.994.560	6.543.720.091
▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	73.136.695.417	363.393.662.901
▪ Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 12)	73.954.609.508	72.041.016.036
▪ Công cụ dụng cụ (Thuyết minh 12)	-	1.374.972.663

Khoản vay ngân hàng 3 được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
▪ Tài sản cố định (Thuyết minh 9)	318.671.185.158	365.157.331.968
▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	27.351.911.745	28.810.030.040
▪ Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 12)	28.547.901.085	16.712.615.602

(ii) Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trái phiếu thường	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(17.001.960.791)	(20.513.725.496)
	1.982.998.039.209	1.979.486.274.504

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trái phiếu được đảm bảo của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

- Trái phiếu với số tiền là 1.300 tỷ VND (1/1/2019: 1.300 tỷ VND) chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 17,1 triệu cổ phiếu của Anco (1/1/2019: 4,1 triệu cổ phiếu) và 24,64% vốn góp vào MNS Feed (1/1/2019: Không); và
- Trái phiếu với số tiền là 700 tỷ VND (1/1/2019: 700 tỷ VND) chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 14,4 triệu cổ phiếu của Proconco (1/1/2019: 14,4 triệu cổ phiếu).

Biến động của chi phí phát hành trái phiếu trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	20.513.725.496	24.025.490.201
Tăng trong năm	16.900.000.000	16.900.000.000
Phân bổ trong năm	(20.411.764.705)	(20.411.764.705)
Số dư cuối năm	17.001.960.791	20.513.725.496

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một bên liên quan của Tập đoàn sở hữu 177.647 triệu VND (1/1/2019: 138.237 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn.

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con phê duyệt. Quỹ này dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Không có biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	30.004.889.083	31.913.944.816
Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:		
	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	31.913.944.816	36.097.545.099
Trích lập dự phòng trong năm	2.881.195.251	4.132.259.803
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.790.250.984)	(6.904.254.916)
Hoàn nhập	-	(1.411.605.170)
Số dư cuối năm	30.004.889.083	31.913.944.816

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(175.543.000.000)	1.499.493.156.918	1.856.512.956.857	8.542.842.598.924
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	95.569.793.947	136.588.481.197	232.158.275.144
Cổ tức	-	-	-	(1.570.391.216.456)	-	(1.570.391.216.456)
Cổ tức đã phân phối của các công ty con	-	-	-	-	(23.598.036.228)	(23.598.036.228)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(175.543.000.000)	24.671.734.409	1.969.503.401.826	7.181.011.621.384
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (i)	1.081.091.480.000	(1.081.091.480.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	115.347.906.992	254.367.042.059	369.714.949.051
Cổ tức đã phân phối của các công ty con	-	-	-	-	(27.530.627.600)	(27.530.627.600)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(175.543.000.000)	140.019.641.401	2.196.339.816.285	7.523.195.942.835

- (i) Vào ngày 23 tháng 7 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2019		2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	216.218.299	2.162.182.990.000	216.218.299	2.162.182.990.000
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	108.109.148	1.081.091.480.000	-	-
Số dư cuối năm	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000

23. Vốn khác của chủ sở hữu

Trong năm 2016, Anco, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của Anco theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là Anco và Proconco. Công ty đã ghi nhận giao dịch này trong vốn khác của chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	104.562.891.454	12.827.117.398
Trong vòng 2 đến 5 năm	368.201.771.146	48.377.270.019
Sau 5 năm	844.655.381.218	170.386.384.251
	1.317.420.043.818	231.590.771.668

(b) Ngoại tệ

		31/12/2019		1/1/2019
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	280.136	6.473.386.904	701.635	16.295.938.829

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	418.187.747.223	506.777.083.663
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	608.810.652.838	1.194.787.515.085
	1.026.998.400.061	1.701.564.598.748

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và doanh thu khác	14.574.901.245.099	14.832.735.010.031
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	773.962.404.405	852.920.594.568
▪ Hàng bán bị trả lại	2.149.156.464	2.960.351.816
▪ Giảm giá hàng bán	38.397.558	-
	776.149.958.427	855.880.946.384
Doanh thu thuần	13.798.751.286.672	13.976.854.063.647

26. Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán và giá vốn khác	11.517.606.546.669	11.878.104.113.500
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.541.664.981	1.799.697.768
	11.533.148.211.650	11.879.903.811.268

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập lãi từ:		
▪ Tiền gửi ngân hàng	66.595.478.990	51.534.527.832
▪ Khoản cho một bên liên quan vay	-	9.678.054.795
▪ Các hoạt động đầu tư cho vay khác	-	3.072.915.069
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.684.466.647	2.389.901.156
Cổ tức từ đầu tư vốn tại các đơn vị khác	3.246.900.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28.677.392	263.615.638
Thu nhập khác	57.439.634	1.005.576.239
	76.612.962.663	67.944.590.729

28. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Trái chủ	178.867.866.180	176.264.068.189
▪ Ngân hàng	106.109.734.434	59.179.998.788
Chi phí phát hành trái phiếu	20.411.764.705	20.411.764.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.195.090.439	3.937.009.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	835.599.643	2.526.276.264
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	3.523.660.000
Chi phí khác	54.746.802.101	44.351.844.628
	364.166.857.502	310.194.622.049

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	280.166.909.297	312.892.311.320
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	134.149.385.468	176.584.998.573
Chi phí vận chuyển	101.887.715.617	92.807.617.110
Chi phí thuê hoạt động	17.018.964.660	15.081.592.069
Chi phí khấu hao	15.092.811.601	13.313.101.194
Chi phí công cụ và dụng cụ	7.192.946.732	11.290.966.117
Chi phí khác	125.196.333.725	152.769.785.840
	680.705.067.100	774.740.372.223

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Phân bổ giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh	356.665.918.097	363.228.111.432
Chi phí nhân viên	222.682.866.323	221.527.692.105
Chi phí thuê hoạt động	17.184.735.840	14.218.759.395
Chi phí khấu hao	39.704.191.717	37.735.898.028
Dụng cụ văn phòng	11.571.235.183	10.051.479.030
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	5.535.416.089	(3.648.505.590)
Chi phí khác	144.003.832.021	124.606.123.678
	797.348.195.270	767.719.558.078

31. Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Lãi từ thanh lý quyền sử dụng đất	81.264.692.532	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.830.413.450	4.021.285.588
Thu nhập khác	10.521.656.299	7.890.638.520
	93.616.762.281	11.911.924.108

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	5.839.152.262	1.116.634.604
Tiền phạt do hủy hợp đồng	13.938.212.527	-
Phí môi giới và tư vấn	7.156.797.417	-
Chi phí khấu hao cho giai đoạn ngưng sản xuất	4.170.246.541	-
Chi phí khác	4.269.185.394	1.138.620.290
	35.373.594.141	2.255.254.894

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	236.635.000.681	114.094.872.195
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(899.428.004)	1.102.947.146
	235.735.572.677	115.197.819.341
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(39.207.309.145)	(11.462.800.259)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.686.457.231	-
	(37.520.851.914)	(11.462.800.259)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	198.214.720.763	103.735.019.082

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	567.929.669.814	335.893.294.226
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	113.585.933.963	67.178.658.845
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	55.710.179.973	50.165.945.871
Chi phí không được khấu trừ thuế	41.735.442.016	12.160.501.592
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau của các công ty con	(10.163.162.777)	(21.675.345.774)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.686.457.231	-
Ảnh hưởng của lãi từ các công ty liên kết	(1.938.116.772)	(2.799.266.851)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(899.428.004)	1.102.947.146
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(853.204.867)	(2.398.421.747)
Thu nhập miễn thuế	(649.380.000)	-
	198.214.720.763	103.735.019.082

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan thuế có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm là 115.348 triệu VND (2018: 95.570 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 324.327.447 (2018: 324.327.447 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông.

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	115.347.906.992	95.569.793.947

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2019	2018 (điều chỉnh lại)	2018 (như được trình bày trước đây)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	216.218.299	216.218.299	216.218.299
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	108.109.148	108.109.148	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	324.327.447	324.327.447	216.218.299

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND (điều chỉnh lại) (*)	2018 VND (như được trình bày trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	356	295	442

(*) Điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc tăng vốn cổ phần thông qua việc phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Bán hàng	672.454.465	-
Thu nhập lãi cho vay	-	9.678.054.795
Cổ tức	-	1.135.573.000.000
Cần trừ khoản cho vay phải thu với cổ tức phải trả	-	937.000.000.000
Cần trừ lãi cho vay phải thu với cổ tức phải trả	-	82.918.630.139
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình		
Phí gia công	6.065.137.272	5.268.153.548
Thu nhập cổ tức	500.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát		
Mua hàng	24.103.186.749	28.472.704.405
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai		
Thu nhập cổ tức	-	270.554.400
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản		
Thu nhập cổ tức	10.090.013.000	14.126.018.200
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí dịch vụ quản lý và phí công nghệ thông tin (đã bao gồm VAT)	42.915.067.735	42.331.341.108
Mua hàng (đã bao gồm VAT)	539.310.665	228.445.873
Bán hàng	6.509.335	-

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Masan Jinju		
Mua tài sản cố định	3.624.510.255	-
Mua hàng	3.433.150	-
Bán hàng	724.577.512	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD		
Mua hàng	239.896.666	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Mua hàng	132.946.280	-
Mua tài sản cố định	39.450.000	-
Bán hàng	52.453.025	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG		
Bán tài sản cố định	108.194.443	-
Công ty cổ phần Masan Blue		
Mua hàng	94.713.551	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB		
Mua hàng	337.735.333	142.816.666
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa		
Mua hàng	-	7.920.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt	43.418.278.587	52.001.128.498

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science”)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

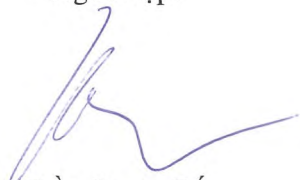
Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2019 VND	2018 VND
Phát hành cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần	1.081.091.480.000	-
Tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	336.937.952.785	217.565.813.253
Chi phí khấu hao được ghi nhận trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.389.325.625
Cần trừ khoản cho vay phải thu và lãi cho vay phải thu với cổ tức phải trả	-	1.019.918.630.139

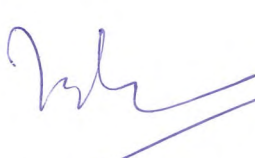
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc





Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Đường Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

10/10
C
C
NH

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021

==
20
NH
T
PA
H



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00895-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.891.262.464.053	2.340.885.319.208
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.176.073.253.973	683.578.280.096
Tiền	111		47.073.253.973	52.878.280.096
Các khoản tương đương tiền	112		1.129.000.000.000	630.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.000.000.000	155.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	22.000.000.000	155.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.589.031.346.092	1.377.960.908.191
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	82.141.237.023	56.491.514.068
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	432.057.432.017	366.078.064.740
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	937.650.000.000	584.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	142.295.995.849	380.372.317.075
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(5.113.318.797)	(9.780.987.692)
Hàng tồn kho	140	10	102.140.377.965	121.398.871.431
Hàng tồn kho	141		102.140.377.965	121.398.871.431
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.017.486.023	2.947.259.490
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.986.423.504	2.840.137.866
Thuế phải thu Nhà nước	153		31.062.519	107.121.624

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		9.904.132.572.551	6.875.819.608.026
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.000	2.756.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	220		461.254.552	647.071.056
Tài sản cố định hữu hình	221		231.120.224	278.856.128
Nguyên giá	222		488.745.318	402.450.318
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.625.094)	(123.594.190)
Tài sản cố định vô hình	227		230.134.328	368.214.928
Nguyên giá	228		690.403.000	690.403.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(460.268.672)	(322.188.072)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	9.899.664.500.000	6.870.004.511.729
Đầu tư vào các công ty con	251		9.899.664.500.000	6.694.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	175.553.889.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.004.061.999	5.165.269.241
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.004.061.999	5.165.269.241
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.795.395.036.604	9.216.704.927.234

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.772.665.322.450	6.101.856.252.863
Nợ ngắn hạn	310		6.029.655.921.740	2.560.473.071.875
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.742.722.363.752	1.948.060.627.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.899.556.110	5.366.344.141
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	4.621.894.902	8.218.654.521
Phải trả người lao động	314		5.223.974	5.223.968
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	267.206.555.730	222.430.042.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	2.009.990.327.272	7.862.179.663
Vay ngắn hạn	320	17(a)	993.210.000.000	368.530.000.000
Nợ dài hạn	330		3.743.009.400.710	3.541.383.180.988
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	620.693.878.024	417.869.847.802
Vay dài hạn	338	17(b)	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436
Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.471.427.250	11.669.237.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.022.729.714.154	3.114.848.674.371
Vốn chủ sở hữu	410	18	3.022.729.714.154	3.114.848.674.371
Vốn cổ phần	411	19	3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.055.015.149	2.119.105.015.149
Lỗi lũy kế	421		(2.363.473.770.995)	(2.247.530.810.778)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.247.530.810.778)	(2.355.876.584.519)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		(115.942.960.217)	108.345.773.741
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.795.395.036.604	9.216.704.927.234

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

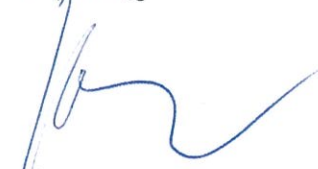
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	10.620.165.390.237	9.778.042.006.810
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	677.346.312.542	559.731.228.140
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	9.942.819.077.695	9.218.310.778.670
Giá vốn hàng bán	11	23	9.310.555.410.727	8.619.123.155.578
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		632.263.666.968	599.187.623.092
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	159.632.865.571	376.320.251.017
Chi phí tài chính	22	25	282.676.619.901	260.783.543.446
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		223.922.897.013	205.928.474.943
Chi phí bán hàng	25	26	474.474.287.594	455.061.372.929
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	150.839.359.221	150.891.655.372
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(116.093.734.177)	108.771.302.362
Thu nhập khác	31		160.591.686	11.788.328
Chi phí khác	32		9.817.726	437.316.949
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		150.773.960	(425.528.621)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(115.942.960.217)	108.345.773.741
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(115.942.960.217)	108.345.773.741

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(115.942.960.217)	108.345.773.741
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	272.111.504	216.676.302
Các khoản dự phòng	03	(4.270.906.520)	11.093.988.676
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	406.414.322	180.543.000
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(159.510.690.926)	(374.387.598.204)
Chi phí lãi vay	06	223.922.897.013	205.928.474.943
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(55.123.134.824)	(48.622.141.542)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(89.715.400.005)	(215.028.031.104)
Biến động hàng tồn kho	10	19.258.493.466	1.631.251.683
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	840.729.610.518	908.220.771.828
Biến động chi phí trả trước	12	2.014.921.604	(5.442.943.058)
		717.164.490.759	640.758.907.807
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.288.679.339)	(2.551.493.806)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.594.572.875)	(1.227.937.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	698.281.238.545	636.979.476.618
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(86.295.000)	(205.699.038)
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	22	-	1.635.719.000
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.084.150.000.000)	(739.800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	1.864.300.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(5.200.777.300.000)	(600.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty con	26	4.171.106.422.729	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	395.673.321.925	126.578.545.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(853.933.850.346)	(1.211.791.434.186)

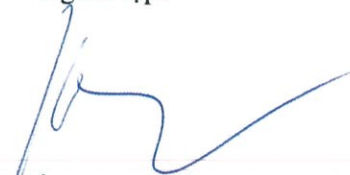
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	23.874.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	2.054.730.000.000	461.688.600.360
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.430.050.000.000)	(93.158.600.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	648.554.000.000	368.530.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	492.901.388.199	(206.281.957.568)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	683.578.280.096	890.040.780.664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(406.414.322)	(180.543.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	1.176.073.253.973	683.578.280.096

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chínhPhạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 3 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2020: 2 công ty con sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 11, xem Thuyết minh 11 về biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2020: 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 781 nhân viên (1/1/2020: 849 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và bảo trì trả trước được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và cổ tức từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê trong đó theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(r) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo mệnh giá.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.522.669.862	631.460.978
Tiền gửi ngân hàng	45.530.754.111	52.002.819.118
Tiền đang chuyển	19.830.000	244.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.129.000.000.000	630.700.000.000
	1.176.073.253.973	683.578.280.096

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng VND với thời hạn đáo hạn còn lại trên ba tháng và dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và hưởng lãi suất năm là 5,8% (1/1/2020: 6,2%).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	4.418.204.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	1.261.601.715	300.404.775
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	1.125.969.760	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	-	2.368.431.555

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	9.780.987.692	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	9.780.987.692
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.667.668.895)	-
Số dư cuối năm	5.113.318.797	9.780.987.692

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<i>Các công ty con</i>		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	295.238.048.687	87.687.223.612
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	85.118.178.465	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	25.656.231.780	51.704.819.250
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	20.543.809.085	64.568.629.780
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	-	107.272.638.772
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	50.218.551.115

Các khoản trả trước cho các công ty con không có đảm bảo và không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty con:				
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	6,5%	2021	387.000.000.000	199.800.000.000
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)	6,5%	2021	94.550.000.000	265.000.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	6,5%	2021	36.100.000.000	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	6,5%	2021	150.000.000.000	-
Một bên thứ ba	6,5%	2021	270.000.000.000	-
			937.650.000.000	584.800.000.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn từ công ty mẹ, các công ty con và bên thứ ba không được bảo đảm.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi phải thu từ cho các bên liên quan vay	45.462.638.387	5.201.923.292
Cổ tức phải thu các công ty con	83.063.297.600	365.313.561.504
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và cho các bên thứ ba vay	12.233.435.618	6.406.517.808
Phải thu khác từ các công ty con	557.775.920	2.247.968.743
Tạm ứng nhân viên	950.994.077	1.200.038.241
Đặt cọc ngắn hạn	2.095.500	2.095.500
Phải thu khác	25.758.747	211.987
	142.295.995.849	380.372.317.075

M.S.C

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	2.323.972.603	-
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MNS Feed	83.063.297.600	260.000.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	22.005.065.789	2.912.961.645
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)	16.239.667.566	909.305.480
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	5.146.860.277	1.379.656.167
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	116.169.852	238.561.995
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	114.127.200	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	33.874.215	105.313.561.504
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	26.794.480	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	9.003.322	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ	3.786.001	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	588.000	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	315.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	190.002	889.178.248
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	1.120.228.500

Lãi cho vay phải thu từ công ty mẹ và các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và đến hạn vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay.

Các khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Hàng hóa	102.140.377.965	121.398.871.431

Không có dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đầu tư vào các công ty con (a)	9.899.664.500.000	6.694.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (b)	-	175.553.889.000
	9.899.664.500.000	6.870.004.511.729

(a) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2020		1/1/2020	
	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Feed ("MNS Feed")	99,9%	7.283.990.000.000	99,9%	3.111.990.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế ("ANCO") (*)	-	-	100,0%	3.581.563.422.729
Công ty TNHH MNS Meat ("MNS Meat") (*)	100,0%	2.000.003.000.000	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3F VIỆT") (**)	51,0%	614.774.300.000	-	-
Đầu tư khác	-	897.200.000	-	897.200.000
		9.899.664.500.000		6.694.450.622.729

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu cùng với quyền chọn mua (Thuyết minh 11(b)) trong ANCO cho MNS Feed và mua 99,9% vốn chủ sở hữu trong MNS Meat từ ANCO.

(**) Trong tháng 11 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 51% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần 3F VIỆT, một nhà chăn nuôi và chế biến thịt gia cầm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	MNS Feed VND	ANCO VND	MNS Meat VND	3F VIỆT VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.111.990.000.000	3.581.563.422.729	-	-	897.200.000	6.694.450.622.729
Tăng trong năm	4.172.000.000.000	414.000.000.000	1.999.989.111.000	614.774.300.000	-	7.200.763.411.000
Chuyển từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-	13.889.000	-	-	13.889.000
Thanh lý khoản đầu tư	-	(3.995.563.422.729)	-	-	-	(3.995.563.422.729)
Số dư cuối năm	7.283.990.000.000	-	2.000.003.000.000	614.774.300.000	897.200.000	9.899.664.500.000

Thông tin chi tiết của các công ty con như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MNS Feed	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư;
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
Công ty TNHH MNS Meat	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư;
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm và chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt;

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

		1/1/2020	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Meat	0,001%	-	10.889.000
Đầu tư khác (*)	-	-	175.543.000.000
			175.553.889.000

- (*) Trong năm 2016, ANCO, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp. Công ty ghi nhận giao dịch này trong đầu tư góp vốn khác.

Biến động của các khoản đầu tư vào các đơn vị khác trong năm như sau

	MNS Meat VND	Đầu tư khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.889.000	175.543.000.000	175.553.889.000
Tăng trong năm	3.000.000	-	3.000.000
Chuyển sang đầu tư vào các công ty con	(13.889.000)	-	(13.889.000)
Thanh lý khoản đầu tư	-	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)
Số dư cuối năm	-	-	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.520.597.697	644.671.544	5.165.269.241
Tăng trong năm	845.611.800	687.007.598	1.532.619.398
Phân bổ trong năm	(2.219.301.862)	(474.524.778)	(2.693.826.640)
Số dư cuối năm	3.146.907.635	857.154.364	4.004.061.999

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.187.376.275.950	1.748.235.987.687
Các nhà cung cấp khác	555.346.087.802	199.824.639.395
	2.742.722.363.752	1.948.060.627.082

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.187.376.275.950	1.748.235.987.687
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	171.688.262.720	130.016.204.910
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	145.020.554.574	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	52.086.866.325	32.565.908.650
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	157.898.703.815	669.156.080
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	396.000.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	14.580.289.420
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	4.563.823.848	4.509.684.250
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	81.864.791	-

Khoản phải trả cho các công ty con và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cần trừ/ phân loại lại VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	76.059.105	-	(76.059.105)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.218.654.521	31.868.991.546	(33.028.722.737)	(2.437.028.428)	4.621.894.902
Các loại thuế khác	-	50.260.000	(50.260.000)	-	-
	8.218.654.521	31.995.310.651	(33.078.982.737)	(2.513.087.533)	4.621.894.902

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chiết khấu thương mại	207.230.066.842	169.669.987.563
Thưởng thành tích	41.950.199.620	37.321.201.948
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	7.818.797.632	3.176.739.678
Chi phí lãi vay	1.640.590.055	1.107.114.932
Chi phí vận chuyển	888.932.642	579.534.693
Chi phí khác	7.677.968.939	10.575.463.686
	267.206.555.730	222.430.042.500

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả ANCO cho việc chuyển nhượng MNS Meat do tái cấu trúc (Thuyết minh 11(a)) (*)	1.999.989.111.000	-
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty TNHH Tầm nhìn Masan, một bên liên quan (**)	3.276.712.329	-
Phải trả khác cho các bên liên quan (***)	389.409.575	290.168.126
Phải trả khác	6.335.094.368	7.572.011.537
	2.009.990.327.272	7.862.179.663

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 29 tháng 12 năm 2020, khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trước ngày 31 tháng 8 năm 2021.

(**) Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay (Thuyết minh 17(a)).

(***) Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan bao gồm:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	389.409.575	30.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	-	258.168.126
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	-	2.000.000

Các khoản phải trả cho các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con, sở hữu gián tiếp	620.693.878.024	417.869.847.802

Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả vào ngày đáo hạn của khoản vay liên quan (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	368.530.000.000	2.054.730.000.000	(1.430.050.000.000)	993.210.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	2,3% - 5,8%	593.210.000.000	368.530.000.000
Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan, một bên liên quan	VND	6,5%	400.000.000.000	-
			993.210.000.000	368.530.000.000

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn, khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay không được đảm bảo từ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp				
▪ Khoản vay 1	6,5%	2023	2.419.754.495.481	2.419.754.495.481
▪ Khoản vay 2	6,5%	2023	692.089.599.955	692.089.599.955
			3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Trong năm, Công ty con đã đồng ý gia hạn thời gian đáo hạn của khoản vay từ năm 2021 đến năm 2023.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019				
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(2.355.876.584.519)	3.006.502.900.630
Lợi nhuận thuần trong năm	1.081.091.480.000	(1.081.091.480.000)	-	-
	-	-	108.345.773.741	108.345.773.741
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.247.530.810.778)	3.114.848.674.371
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	23.874.000.000	(50.000.000)	-	23.824.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(115.942.960.217)	(115.942.960.217)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.473.770.995)	3.022.729.714.154

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	2.387.400	23.874.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	-	108.109.148	1.081.091.480.000
Số dư cuối năm	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

20. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho người lao động (“ESOP”) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Vào tháng 10 năm 2020, Công ty đã phát hành 2.387.400 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên bằng tiền.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng 1 năm	11.323.257.600	7.963.257.600
Từ 2 đến 5 năm	1.372.449.600	8.215.707.200
	12.695.707.200	16.178.964.800

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	451.269	10.379.183.320	259.421	5.995.220.234

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	10.620.165.390.237	9.778.042.006.810
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	677.326.492.692	558.924.333.396
▪ Hàng bán bị trả lại	19.819.850	779.705.041
▪ Giảm giá hàng bán	-	27.189.703
	677.346.312.542	559.731.228.140
Doanh thu thuần	9.942.819.077.695	9.218.310.778.670

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Hàng hóa đã bán	9.310.555.410.727	8.619.123.155.578

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	83.063.297.600	330.470.365.973
Thu nhập lãi từ:		
▪ Tiền gửi ngân hàng	25.082.930.285	39.061.096.591
▪ Cho bên thứ ba vay	11.086.438.357	-
▪ Cho các bên liên quan vay	40.278.024.684	5.201.923.292
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	122.174.645	1.586.865.161
	159.632.865.571	376.320.251.017

25. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Ngân hàng	17.822.154.462	3.658.608.738
▪ Các bên liên quan	206.100.742.551	202.269.866.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	406.414.322	180.543.000
Chi phí tài chính khác	58.347.308.566	54.674.525.503
	282.676.619.901	260.783.543.446

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	214.352.142.447	217.356.745.370
Chi phí vận chuyển	83.127.899.781	65.271.731.167
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	78.419.681.323	63.625.071.166
Chi phí thuê hoạt động	14.348.756.400	12.308.647.207
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.181.373.963	905.887.405
Chi phí bán hàng khác	83.044.433.680	95.593.290.614
	474.474.287.594	455.061.372.929

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	107.611.046.335	98.414.911.680
Chi phí thuê hoạt động	11.954.401.215	3.462.406.102
Chi phí dụng cụ văn phòng	3.164.225.685	2.614.986.303
Khấu hao và phân bổ	272.111.504	216.676.302
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.667.668.895)	9.780.987.692
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.505.243.377	36.401.687.293
	150.839.359.221	150.891.655.372

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(115.942.960.217)	108.345.773.741
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(23.188.592.043)	21.669.154.748
Chi phí không được khấu trừ thuế	613.294.180	14.035.255.631
Thu nhập không chịu thuế	(16.612.659.520)	(66.094.073.195)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	39.187.957.383	30.389.662.816
	-	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	545.342.970.030	109.068.594.006	371.990.919.304	74.398.183.861
Lỗi tính thuế	1.464.745.407.395	292.949.081.479	1.652.610.512.586	330.522.102.517
	2.010.088.377.425	402.017.675.485	2.024.601.431.890	404.920.286.378

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2021	Chưa quyết toán	276.539.154.648
2022	Chưa quyết toán	1.028.653.391.004
2024	Chưa quyết toán	136.965.125.553
2025	Chưa quyết toán	22.587.736.190
		1.464.745.407.395

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực trừ chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay vượt mức trần khấu trừ thuế theo quy định thuế hiện hành được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo trong vòng 5 năm tiếp theo. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	150.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	2.323.972.603	-
Các công ty con		
Công ty TNHH MNS Feed		
Thu nhập cổ tức	83.063.297.600	330.470.365.973
Góp vốn chủ sở hữu	4.172.000.000.000	-
Thanh lý khoản đầu tư	4.171.106.422.729	-
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang		
Mua hàng	263.721.501.140	301.745.535.540
Bán hàng	2.552.421.035	2.998.041.560
Phí thuê kho	540.000.000	874.440.000
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên		
Mua hàng	159.081.890.880	137.291.188.830
Bán hàng	385.303.410	1.183.539.730
Phí thuê kho	420.000.000	682.500.000
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long		
Mua hàng	-	182.697.171.940
Bán hàng	-	2.922.754.125
Phí thuê kho	1.440.000.000	360.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang		
Mua hàng	501.639.210.025	439.799.080.620
Bán hàng	6.921.662.290	5.426.386.340
Phí thuê kho	420.000.000	630.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An		
Mua hàng	244.889.221.625	196.456.846.575
Bán hàng	126.400.930	327.403.440
Phí thuê kho	420.000.000	614.250.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
Mua hàng	1.070.527.974.600	1.010.952.718.473
Bán hàng	969.038.940	2.573.478.745
Góp vốn cổ phần	414.000.000.000	600.000.000.000
Mua khoản đầu tư	1.999.989.111.000	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty TNHH MNS Meat		
Góp vốn chủ sở hữu	3.000.000	-
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam		
Chuyển giao dự án xây dựng cơ bản dở dang	-	1.635.719.000
Mua hàng	578.931.122	846.194
Cho vay	443.200.000.000	199.800.000.000
Thu hồi khoản cho vay	256.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	18.868.983.577	2.912.961.645
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)		
Cho vay	628.250.000.000	265.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	798.700.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	15.300.554.805	909.305.480
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An		
Cho vay	490.000.000.000	120.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	573.900.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	3.767.204.110	1.379.656.167
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Mua hàng	5.324.668.548.615	4.906.132.652.698
Bán hàng	16.698.063.175	21.539.601.240
Chi phí lãi vay	202.824.030.222	202.269.866.205
Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ		
Mua hàng	2.583.523.250	1.434.374.975
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định		
Mua hàng	1.226.232.894.100	1.114.621.231.432
Bán hàng	1.783.477.065	5.016.077.320
Mua tài sản cố định	114.127.200	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Mua hàng	498.016.643.585	325.215.366.560
Bán hàng	115.531.855	315.468.755
Phí thuê kho	693.000.000	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Bán hàng	5.237.321.000	-
Góp vốn cổ phần	613.000.000.000	-
Cho vay	2.700.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	2.700.000.000	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ thông tin	8.983.588.158	9.981.471.408
Phí hỗ trợ quản lý	513.924.254	365.403.555
Mua hàng	153.616.015	7.211.200
Công ty Cổ phần Bột giặt NET		
Mua hàng	27.683.998	-
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan		
Vay	400.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	3.276.712.329	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce		
Mua hàng	502.133.559	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	30.967.976.292	28.442.181.333

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng khoản thù lao trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019.

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể là:

Tên	Vị trí	2020
		VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Danny Le	Chủ tịch	-
Ông Phạm Trung Lâm	Thành viên	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-
Ông Neal Leroux Kok	Thành viên	-
Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Trung Lâm		5.983.476.000

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày lập báo cáo như sau:

Các công ty con	31/12/2020 VND
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	48.701.275.246
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	37.515.503.772
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	22.254.022.666
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	17.656.028.973
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	169.375.175.585
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	95.824.630.158
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	170.322.923.047

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Mua khoản đầu tư chưa thanh toán	1.999.989.111.000	-
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	50.000.000	-
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	-	1.081.091.480.000

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:

Trần Quang Bê
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0311224517 ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Đường Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00895-21-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.211.564.450.510	4.326.407.159.062
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638
Tiền	111		115.495.211.649	181.699.402.638
Các khoản tương đương tiền	112		1.520.300.000.000	1.303.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		134.950.000.000	156.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	134.950.000.000	156.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.990.001.817.972	1.063.739.035.323
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	627.931.119.627	374.451.806.121
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	85.724.798.419	678.682.279.544
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(b)	1.290.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	77.307.967.823	116.349.265.265
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(92.114.531.528)	(105.744.315.607)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.152.463.631	-
Hàng tồn kho	140	12	2.234.732.675.442	1.529.201.648.403
Hàng tồn kho	141		2.262.342.474.609	1.550.320.775.204
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.609.799.167)	(21.119.126.801)
Tài sản ngắn hạn khác	150		216.084.745.447	91.467.072.698
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	123.438.517.357	33.022.312.069
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		67.456.959.335	44.630.050.178
Thuế phải thu Nhà nước	153		25.189.268.755	13.814.710.451

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		11.745.889.703.075	10.384.987.528.036
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.405.791.605	16.506.597.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	32.405.791.605	16.506.597.000
Tài sản cố định	220		8.384.846.294.660	7.354.513.390.155
Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.007.399.190.225	4.091.424.919.307
Nguyên giá	222		6.632.821.701.303	5.283.195.968.073
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.625.422.511.078)	(1.191.771.048.766)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	22.278.740.158	-
Nguyên giá	225		22.761.303.606	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(482.563.448)	-
Tài sản cố định vô hình	227	15	3.355.168.364.277	3.263.088.470.848
Nguyên giá	228		5.198.505.528.456	4.863.075.848.521
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.843.337.164.179)	(1.599.987.377.673)
Tài sản dở dang dài hạn	240		181.974.737.981	353.241.217.535
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	181.974.737.981	353.241.217.535
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.171.509.761.899	2.173.141.241.640
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	2.146.548.963.099	2.159.937.181.640
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(d)	30.588.758.800	21.646.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	7(d)	(5.627.960.000)	(8.441.940.000)
Tài sản dài hạn khác	260		975.153.116.930	487.585.081.706
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	766.265.266.034	415.519.871.660
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	65.262.127.233	72.065.210.046
Lợi thế thương mại	269	19	143.625.723.663	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.957.454.153.585	14.711.394.687.098

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.494.240.002.625	7.188.198.744.263
Nợ ngắn hạn	310		7.369.795.640.876	3.491.877.094.955
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	1.211.902.007.419	857.647.315.709
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.214.767.845	20.315.335.561
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21	89.188.157.901	100.050.815.239
Phải trả người lao động	314		6.741.983.560	5.223.968
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	719.523.876.565	684.459.335.316
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		732.616.572	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	43.066.987.270	40.909.847.703
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	5.252.694.200.724	1.782.758.178.439
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	25	5.731.043.020	5.731.043.020
Nợ dài hạn	330		2.124.444.361.749	3.696.321.649.308
Phải trả dài hạn khác	337		2.660.000.000	4.960.000.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	1.587.928.564.410	3.173.252.547.708
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	499.705.073.935	488.104.212.517
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	34.150.723.404	30.004.889.083
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.463.214.150.960	7.523.195.942.835
Vốn chủ sở hữu	410	27	8.463.214.150.960	7.523.195.942.835
Vốn cổ phần	411	28	3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.055.015.149	2.119.105.015.149
Vốn khác của chủ sở hữu	414	29	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		403.360.978.012	140.019.641.401
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		140.019.641.401	24.671.734.409
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		263.341.336.611	115.347.906.992
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.849.192.687.799	2.196.339.816.285
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.957.454.153.585	14.711.394.687.098

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	32	17.038.062.202.090	14.574.901.245.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	919.056.719.159	776.149.958.427
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	32	16.119.005.482.931	13.798.751.286.672
Giá vốn hàng bán	11	33	13.394.378.798.551	11.533.148.211.650
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.724.626.684.380	2.265.603.075.022
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	109.387.462.759	76.612.962.663
Chi phí tài chính	22	35	508.024.853.285	364.166.857.502
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		423.754.793.202	284.977.600.614
Phần lãi trong các công ty liên kết	24	7(c)	10.014.797.072	9.690.583.861
Chi phí bán hàng	25	36	932.548.757.092	680.705.067.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	719.109.230.448	797.348.195.270
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		684.346.103.386	509.686.501.674
Thu nhập khác	31	38	18.750.848.870	93.616.762.281
Chi phí khác	32	39	22.754.045.641	35.373.594.141
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(4.003.196.771)	58.243.168.140
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		680.342.906.615	567.929.669.814
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	215.665.596.683	235.735.572.677
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	40	(27.524.972.132)	(37.520.851.914)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		492.202.282.064	369.714.949.051

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		492.202.282.064	369.714.949.051
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		263.341.336.611	115.347.906.992
Cổ đông không kiểm soát	62		228.860.945.453	254.367.042.059
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	810	356

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	680.342.906.615	567.929.669.814
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	694.784.321.964	689.604.467.950
Các khoản dự phòng	03	(8.687.139.844)	23.958.276.321
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.076.739.859	806.922.251
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(107.137.208.092)	(75.524.224.039)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	444.166.557.907	305.389.365.319
Các khoản điều chỉnh khác	07	(5.036.135.615)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.699.510.042.794	1.512.164.477.616
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(108.169.745.792)	(42.695.268.160)
Biến động hàng tồn kho	10	(633.630.466.261)	(154.160.780.880)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	292.218.404.025	(350.187.479.358)
Biến động chi phí trả trước	12	23.658.944.498	31.321.783.266
		1.273.587.179.264	996.442.732.484
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14	(435.215.348.165)	(296.097.952.566)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(201.952.780.669)	(216.671.182.854)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.130.013.125)	(4.790.250.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	633.289.037.305	478.883.346.080
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.010.842.903.442)	(2.117.083.988.566)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	10.817.466.978	30.158.242.943
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.404.350.000.000)	(156.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	135.800.000.000	-
Tiền chi mua các công ty con, trừ số dư tiền của các công ty con được mua (Thuyết minh 5)	25	(41.967.438.969)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	55.029.934.802	76.690.742.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.255.512.940.631)	(2.166.635.003.124)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	23.884.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	10.036.334.243.368	5.256.456.574.119
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.258.965.332.980)	(3.417.751.623.048)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(894.410.556)	-
Tiền trả cổ tức	36	(27.530.627.600)	(23.597.966.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.772.827.872.232	1.815.106.984.843
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	150.603.968.906	127.355.327.799
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.485.599.402.638	1.358.425.295.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(408.159.895)	(181.221.137)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bế
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 3 công ty liên kết sở hữu gián tiếp (1/1/2020: 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 4 công ty liên kết sở hữu gián tiếp). Thông tin về các công ty con và các công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2020	1/1/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	1/1/2020
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH MNS Feed ("MNS Feed")	Tư vấn quản lý đầu tư;	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
2	Công ty TNHH MNS Meat ("MNS Meat")	Tư vấn quản lý đầu tư;	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100,00%	99,99%	99,99%	100,00%
3	Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3F VIỆT")	Chăn nuôi gia cầm và chế biến và bảo quản thịt gia cầm và các sản phẩm chế biến từ thịt;	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	-	51,00%	-

(*) Trong tháng 12 năm 2020, Công ty đã tái cấu trúc cơ cấu của tập đoàn theo loại hình hoạt động kinh doanh thông qua việc mua lại 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNS Meat từ ANCO và bán 100% lợi ích vốn chủ sở hữu cùng với quyền chọn mua trong ANCO cho MNS Feed. Tất cả các giao dịch này được thực hiện theo giá gốc. Sau khi tái cơ cấu, MNS Meat trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty và ANCO trở thành công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty.

(**) Tập đoàn đã hoàn tất việc mua lại 51% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần 3F VIỆT vào ngày 20 tháng 11 năm 2020. Xem Thuyết minh 5 để biết thêm chi tiết.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 1/1/2020
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
1	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
2	Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
3	Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (“MNS Feed Vĩnh Long”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Cổ Chiên, Ấp Sơn Đông, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
4	Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (“MNS Feed Thái Nguyên”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
5	Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (“MNS Feed Tiền Giang”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2020	1/1/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	1/1/2020
6	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (“MNS Feed Nghệ An”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Nam Cấn, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
7	Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (“MNS Feed Hậu Giang”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
8	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn giàu đạm, chất tinh khiết cho chăn nuôi;	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
9	Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ (“Proconco Cần Thơ”)	(i) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;	Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
10	Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định (“Proconco Bình Định”)	(i) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;	Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Thọ, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
11	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (“Proconco Hưng Yên”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia cầm và thủy sản;	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2020	1/1/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	1/1/2020
12	Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNS Meat Processing”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư;	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
13	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (“MNS Meat Hà Nam”)	(ii) Chế biến và bảo quản thịt gia súc và các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc;	Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
14	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)	(ii) Chế biến và bảo quản thịt gia súc và các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc;	Khu Công nghiệp Tân Đức, Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
15	Công ty TNHH MNS Farm (“MNS Farm”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư;	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
16	Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An (“MNS Farm Nghệ An”)	(ii) Chăn nuôi gia súc;	Xóm Cồn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
17	Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT (“3F VIỆT Food”)	(iii) Chế biến và bảo quản thịt gia súc và các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc;	Áp Kiến An, Xã An Lập, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	51,00%	-	51,00%	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 1/1/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 1/1/2020
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp								
1	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (“Thuận Phát”)	(i) Sản xuất bao bì PP, PE và kinh doanh nguyên liệu nhựa;	Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
2	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình (“Abattoir”)	(i) Thực hiện các hoạt động giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm;	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai (“Donatraco”)	(i) Trồng cây công nghiệp và cây nông nghiệp;	75A Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	10,63%	21,30%	10,63%	21,30%	21,30%
4	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	(i) Chế biến và kinh doanh thịt tươi, thực phẩm chế biến và các sản phẩm chế biến từ thịt;	420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24,90%	24,90%	24,90%	24,90%	24,90%

- (i) Các công ty con và các công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Feed.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Meat.
- (iii) Công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua 3F VIỆT.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con và tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 4.323 nhân viên (1/1/2020: 3.501 nhân viên).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi phần sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh, trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này nằm ngoài phạm vi áp dụng của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị của tài sản thuần được hợp nhất được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(j)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 35 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thương hiệu

Thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 9 đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(iv) Mỗi quan hệ khách hàng

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 16 đến 20 năm.

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(v) Công nghệ

Công nghệ mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Giá trị hợp lý của công nghệ có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho heo giống, xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi heo giống, xây dựng và lắp đặt.

(j) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Gà và heo giống

Chi phí gà giống và heo giống được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 3 năm. Chi phí phân bổ gà giống và heo giống có liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi heo thịt và gà thịt trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được vốn hóa vào giá gốc của sản phẩm dở dang.

(l) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành trái phiếu. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác

Vốn khác được phát sinh từ các giao dịch liên quan đến các công cụ vốn chủ sở hữu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và cổ tức từ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(s) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong Thuyết minh 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ gốc còn lại.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu có chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt là bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo vùng địa lý.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo mệnh giá.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn có hai bộ phận kinh doanh, như được mô tả dưới đây, là các bộ phận kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Ban Tổng Giám đốc Công ty hoặc các công ty con soát xét các báo cáo quản trị nội bộ theo định kỳ.

Bản tóm tắt sau đây mô tả hoạt động của từng bộ phận:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
▪ Thức ăn chăn nuôi	Sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản.
▪ Thịt và Trang trại	Chăn nuôi gia súc và gia cầm, chế biến và bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt.

Kết quả kinh doanh của bộ phận bao gồm doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ bao gồm các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí khác và thu nhập khác mà Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí và thu nhập này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Các chi phí này phát sinh ở cấp độ tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận dựa trên cơ sở hợp lý.

	Thức ăn chăn nuôi		Thịt và Trang trại		Loại trừ		Hợp nhất	
	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	13.871.348.036.256	13.474.840.096.172	2.378.515.081.290	420.936.545.037	(130.857.634.615)	(97.025.354.537)	16.119.005.482.931	13.798.751.286.672
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.132.196.578.398	1.106.348.481.932	(301.509.172.296)	(389.228.060.184)	344.085.774	2.126.432.059	831.031.491.876	719.246.853.807
Chi phí không phân bổ thuần							(150.839.359.221)	(150.891.655.372)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh							680.192.132.655	568.355.198.435
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	150.773.960	(425.528.621)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(182.722.241.213)	(198.186.843.580)	(5.418.383.338)	(27.877.183)	-	-	(188.140.624.551)	(198.214.720.763)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	949.474.337.185	908.161.638.352	(306.927.555.634)	(389.255.937.367)	344.085.774	2.126.432.059	492.202.282.064	369.714.949.051

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thức ăn chăn nuôi		Thịt và Trang trại		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	13.204.151.038.455	11.680.898.345.139	3.631.354.037.072	2.214.730.352.221	(1.024.599.885.041)	(1.344.171.191.902)	15.810.905.190.486	12.551.457.505.458
Đầu tư vào các công ty liên kết	11.058.791.099	24.447.009.640	2.135.490.172.000	2.135.490.172.000	-	-	2.146.548.963.099	2.159.937.181.640
Tổng tài sản							17.957.454.153.585	14.711.394.687.098
Nợ phải trả bộ phận	6.408.607.930.041	5.078.302.036.984	4.082.917.417.084	3.453.398.383.866	(997.285.344.500)	(1.343.501.676.587)	9.494.240.002.625	7.188.198.744.263
Chi tiêu vốn	76.060.499.581	115.568.331.196	934.782.403.861	2.001.515.657.370	-	-	1.010.842.903.442	2.117.083.988.566
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	292.943.955.506	314.754.461.028	157.283.641.098	53.101.028.522	-	-	450.227.596.604	367.855.489.550
Khấu hao tài sản cố định vô hình	243.980.444.881	321.233.686.684	576.280.479	515.291.716	-	-	244.556.725.360	321.748.978.400

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn, dựa trên vị trí địa lý của khách hàng và tài sản, hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh – Công ty Cổ phần 3F VIỆT

Trong tháng 11 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 51% vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần 3F VIỆT với tổng số tiền thanh toán bao gồm phí giao dịch là 614.774 triệu VND.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	572.806.861.031	-	572.806.861.031
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	50.928.099.166	-	50.928.099.166
Hàng tồn kho – thuần	78.574.272.708	-	78.574.272.708
Tài sản ngắn hạn khác	93.091.862.791	10.156.240.460	103.248.103.251
Phải thu dài hạn khác	442.300.000	-	442.300.000
Tài sản cố định hữu hình – thuần	69.197.407.384	15.256.816.244	84.454.223.628
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính – thuần	22.761.303.606	-	22.761.303.606
Tài sản cố định vô định – thuần	-	322.659.298.685	322.659.298.685
Xây dựng cơ bản dở dang	38.200.969.560	-	38.200.969.560
Chi phí trả trước dài hạn	12.690.035.104	-	12.690.035.104
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.281.936.945	-	6.281.936.945
Phải trả người bán ngắn hạn	(184.351.921.800)	-	(184.351.921.800)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(70.203.918.995)	-	(70.203.918.995)
Phải trả ngắn hạn khác	(25.368.527.367)	-	(25.368.527.367)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(34.421.855.455)	-	(34.421.855.455)
Phải trả dài hạn khác	(5.036.135.615)	-	(5.036.135.615)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(52.210.853.308)	(52.210.853.308)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	625.592.689.063	295.861.502.081	921.454.191.144
 Tài sản thuần được hợp nhất			 469.941.637.483
 Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 19)			 144.832.662.517
 Giá phí hợp nhất kinh doanh			 614.774.300.000
 Khoản tiền thu được từ hợp nhất kinh doanh			 572.806.861.031
 Khoản tiền thanh toán thuần			 41.967.438.969

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ hợp nhất kinh doanh phát sinh chủ yếu từ sự cộng hưởng mà Ban Tổng Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất hoạt động và lực lượng lao động của công ty được mua lại vào hoạt động kinh doanh hiện hữu của Tập đoàn.

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động kinh doanh được mua lại đã đóng góp 106.243 triệu VND doanh thu và 11.171 triệu VND lỗ thuần vào vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	2.283.647.862	1.146.399.948
Tiền gửi ngân hàng	113.112.956.930	180.275.108.940
Tiền đang chuyển	98.606.857	277.893.750
Các khoản tương đương tiền	1.520.300.000.000	1.303.900.000.000
	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm 3.000 triệu VND (1/1/2020: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

7. Đầu tư

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	134.950.000.000	156.400.000.000
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn (b)	1.290.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn		
▪ Đầu tư vào các công ty liên kết (c)	2.146.548.963.099	2.159.937.181.640
▪ Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (d)	30.588.758.800	21.646.000.000
▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (d)	(5.627.960.000)	(8.441.940.000)
	2.171.509.761.899	2.173.141.241.640

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên ba tháng và dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và được hưởng lãi suất năm là 5,8% (1/1/2020: 6,2%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 12.900 triệu VND (1/1/2020: 1.400 triệu VND) được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, một bên liên quan, để bảo đảm cho các nghĩa vụ thực hiện của công ty con trong một số hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ.

(b) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	6,5%	2021	150.000.000.000	-
Các bên thứ ba	6,5%	2021	1.140.000.000.000	-
			1.290.000.000.000	-

Phải thu về cho vay từ công ty mẹ và các bên thứ ba không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản ("Vissan")	20.180.026	24,9%	2.135.490.172.000	2.135.490.172.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát ("Thuận Phát")	490.000	25,0%	4.289.329.696	4.925.117.326
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình ("Abattoir")	900.000	25,0%	6.769.461.403	6.708.889.701
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai ("Donatraco") (*)	-	-	-	12.813.002.613
			2.146.548.963.099	2.159.937.181.640

(*) Trong năm, Donatraco đã phát hành thêm 4.000.000 cổ phiếu cho một số nhà đầu tư khác, do đó tỷ lệ lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Donatraco giảm từ 21,3% xuống 10,63%. Tập đoàn đã phân loại khoản đầu tư này sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh 7(d)).

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ được xác định dựa trên giá cổ phiếu được niêm yết trên thị trường giao dịch công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá 7.400 VND/cổ phiếu (1/1/2020: 6.100 VND/cổ phiếu).

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	8.441.940.000	8.441.940.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.813.980.000)	-
Số dư cuối năm	5.627.960.000	8.441.940.000

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	83.785.913.212	12.829.922.578
Các khách hàng khác	544.145.206.415	361.621.883.543
	627.931.119.627	374.451.806.121

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	248.831.324	548.065.749
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	83.785.913.212	12.829.922.578
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan	6.232.503.836	34.385.400
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	1.801.255.001	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD	1.397.985.320	-
▪ Công ty Cổ phần Masan Jinju	661.043.452	-
▪ Công ty Cổ phần Masan Blue	43.139	96.748.292
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG	-	119.013.887

Các khoản phải thu từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trả trước cho người bán của Tập đoàn bao gồm 69.877 triệu VND (1/1/2020: 629.642 triệu VND) liên quan đến tài sản cố định.

10. Phải thu khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và cho các bên thứ ba vay	60.210.285.880	7.199.576.986
Lãi phải thu từ cho vay từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	2.323.972.603	-
Tạm ứng nhân viên	2.324.001.905	2.458.153.241
Đặt cọc ngắn hạn	5.139.283.628	2.725.355.215
Thuế giá trị gia tăng phải thu	-	83.863.305.408
Phải thu khác	7.310.423.807	20.102.874.415
	77.307.967.823	116.349.265.265
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc dài hạn	32.405.791.605	16.506.597.000

Lãi cho vay phải thu từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và đến hạn vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	105.744.315.607	106.135.140.349
Trích lập dự phòng trong năm	6.703.483.901	13.515.336.137
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.469.263)	(5.926.240.831)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(20.326.798.717)	(7.979.920.048)
Số dư cuối năm	92.114.531.528	105.744.315.607

12. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Hàng mua đang đi đường	459.084.932.233	-	167.454.196.591
Nguyên vật liệu	1.168.506.803.921	(1.299.376.917)	854.900.390.692
Công cụ và dụng cụ	103.156.978.499	(1.776.950.917)	98.633.586.054
Sản phẩm dở dang	311.633.159.151	-	167.771.382.262
Thành phẩm	218.245.504.872	(24.533.471.333)	260.041.238.033
Hàng hóa	1.715.095.933	-	1.519.981.572
	2.262.342.474.609	(27.609.799.167)	1.550.320.775.204
			(21.119.126.801)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 2.825 triệu VND (1/1/2020: 3.994 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 43.106 triệu VND (1/1/2020: 33.415 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	21.119.126.801	5.577.461.820
Trích lập dự phòng trong năm	53.141.164.887	20.548.202.829
Sử dụng dự phòng trong năm	(183.039.564)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(46.467.452.957)	(5.006.537.848)
Số dư cuối năm	27.609.799.167	21.119.126.801

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.188.673.996.467	1.945.851.589.013	89.822.342.421	58.848.040.172	5.283.195.968.073
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	15.397.326.967	49.129.991.022	19.926.905.639	-	84.454.223.628
Tăng trong năm	55.000.587.017	82.854.143.763	30.543.503.645	4.922.653.000	173.320.887.425
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	618.049.390.769	479.201.247.091	5.790.952.617	14.502.017.988	1.117.543.608.465
Thanh lý	(5.317.028.800)	(8.388.903.855)	(9.634.877.033)	(1.975.000.000)	(25.315.809.688)
Xóa sổ	-	-	-	(377.176.600)	(377.176.600)
Phân loại lại	13.175.049.637	16.296.540.000	(13.175.049.637)	(16.296.540.000)	-
Số dư cuối năm	3.884.979.322.057	2.564.944.607.034	123.273.777.652	59.623.994.560	6.632.821.701.303
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	462.790.361.492	674.449.719.044	38.613.830.121	15.917.138.109	1.191.771.048.766
Khấu hao trong năm	195.395.082.300	228.828.919.291	14.022.220.939	11.498.810.626	449.745.033.156
Thanh lý	(3.752.168.725)	(2.170.297.761)	(9.387.077.805)	(406.849.953)	(15.716.394.244)
Xóa sổ	-	-	-	(377.176.600)	(377.176.600)
Phân loại lại	2.200.993.104	4.004.680.569	(2.200.993.104)	(4.004.680.569)	-
Số dư cuối năm	656.634.268.171	905.113.021.143	41.047.980.151	22.627.241.613	1.625.422.511.078
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.725.883.634.975	1.271.401.869.969	51.208.512.300	42.930.902.063	4.091.424.919.307
Số dư cuối năm	3.228.345.053.886	1.659.831.585.891	82.225.797.501	36.996.752.947	5.007.399.190.225

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá là 736.455 triệu VND (1/1/2020: 562.087 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 3.646.538 triệu VND (1/1/2020: 2.831.368 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Giá trị còn lại của nhà cửa và thiết bị trong tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 38.254 triệu VND (1/1/2020: không).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tăng do hợp nhất kinh doanh và số dư cuối năm (Thuyết minh 5)	20.950.856.339	1.810.447.267	22.761.303.606
Giá trị hao mòn lũy kế			
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	443.666.189	38.897.259	482.563.448
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	20.507.190.150	1.771.550.008	22.278.740.158

Tập đoàn thuê một số tài sản cố định theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối thời hạn của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những tài sản này với giá ưu đãi. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Mối quan hệ khách hàng VND	Công nghệ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	207.411.509.016	61.564.339.505	1.615.000.000.000	2.413.100.000.000	566.000.000.000	4.863.075.848.521
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	-	-	199.782.021.840	122.877.276.845	-	322.659.298.685
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.487.500.000	282.881.250	-	-	-	12.770.381.250
Số dư cuối năm	219.899.009.016	61.847.220.755	1.814.782.021.840	2.535.977.276.845	566.000.000.000	5.198.505.528.456
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.276.376.950	22.349.750.704	400.775.000.009	606.936.250.000	541.650.000.010	1.599.987.377.673
Khấu hao trong năm	6.054.612.598	9.050.354.565	82.599.833.540	121.294.985.813	24.349.999.990	243.349.786.506
Số dư cuối năm	34.330.989.548	31.400.105.269	483.374.833.549	728.231.235.813	566.000.000.000	1.843.337.164.179
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	179.135.132.066	39.214.588.801	1.214.224.999.991	1.806.163.750.000	24.349.999.990	3.263.088.470.848
Số dư cuối năm	185.568.019.468	30.447.115.486	1.331.407.188.291	1.807.746.041.032	-	3.355.168.364.277

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 571.533 triệu VND (1/1/2020: 5.533 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 12.756 triệu VND (1/1/2020: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	353.241.217.535	466.397.480.764
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	38.200.969.560	-
Tăng trong năm	931.704.821.109	1.817.117.245.784
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.117.543.608.465)	(1.894.952.134.157)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(12.770.381.250)	(2.810.682.089)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.858.280.508)	(32.164.905.115)
Xóa sổ	-	(345.787.652)
Số dư cuối năm	181.974.737.981	353.241.217.535

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Máy móc và thiết bị	101.949.035.951	200.969.624.893
Nhà cửa và vật kiến trúc	65.934.569.800	111.507.525.682
Các công trình khác	14.091.132.230	40.764.066.960
Tổng cộng	181.974.737.981	353.241.217.535

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 90.728 triệu VND (1/1/2020: 103.081 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Trong năm, chi phí chạy thử, chi phí đi vay và tiền thuê đất vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang với giá trị lần lượt là 14.799 triệu VND, 14.427 triệu VND và 12.090 triệu VND (2019: 100.075 triệu VND, 54.401 triệu VND và 1.164 triệu VND).

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Gà giống	81.879.962.385	-
Công cụ và dụng cụ	22.946.828.578	17.205.476.758
Phí bảo hiểm	2.531.295.441	2.103.576.576
Thuê hoạt động	2.315.939.143	3.358.901.259
Chi phí khác	13.764.491.810	10.354.357.476
Tổng cộng	123.438.517.357	33.022.312.069

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Heo giống VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	227.599.611.920	30.471.011.587	76.004.264.262	81.444.983.891	415.519.871.660
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	7.570.900.283	5.119.134.821	-	-	12.690.035.104
Tăng trong năm	378.607.946.564	17.129.544.230	34.556.546.050	30.253.852.622	460.547.889.466
Chuyển (sang)/từ xây dựng cơ bản dở dang	(8.548.452.280)	3.117.866.491	15.822.553.797	466.312.500	10.858.280.508
Phân bổ trong năm	(7.902.700.858)	(19.832.720.505)	(39.286.264.321)	(35.775.847.224)	(102.797.532.908)
Thanh lý	-	(882.516.615)	(28.094.002.555)	(353.109.144)	(29.329.628.314)
Xóa sổ	-	(484.060.500)	-	(739.588.982)	(1.223.649.482)
Số dư cuối năm	597.327.305.629	34.638.259.509	59.003.097.233	75.296.603.663	766.265.266.034

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi phí đất trả trước, heo giống và gà giống với giá trị ghi sổ lần lượt là 497.123 triệu VND (1/1/2020: 158.193 triệu VND), 54.332 triệu VND (1/1/2020: 67.586 triệu VND) và 10.411 triệu VND (1/1/2020: không), được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	2.370.069.907	2.765.147.122
Dự phòng phải thu khó đòi	10.788.145.285	12.647.944.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	168.235.517	283.103.492
Chi phí phải trả và dự phòng	29.345.427.420	24.529.369.238
Lỗ tính thuế được mang sang	21.280.300.095	30.527.132.812
Khác	1.309.949.009	1.312.512.810
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	65.262.127.233	72.065.210.046
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định vô hình	(489.812.587.555)	(476.314.542.644)
Tài sản cố định hữu hình	(8.312.052.463)	(11.789.669.873)
Chi phí trả trước ngắn hạn	(1.396.483.063)	-
Khác	(183.950.854)	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(499.705.073.935)	(488.104.212.517)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(434.442.946.702)	(416.039.002.471)

(b) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	1/1/2020 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất VND	31/12/2020 VND
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	2.765.147.122	-	(395.077.215)	2.370.069.907
Dự phòng phải thu khó đòi	12.647.944.572	-	(1.859.799.287)	10.788.145.285
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	283.103.492	-	(114.867.975)	168.235.517
Chi phí phải trả và dự phòng	24.529.369.238	-	4.816.058.182	29.345.427.420
Lỗ tính thuế được mang sang	30.527.132.812	6.281.936.945	(15.528.769.662)	21.280.300.095
Tài sản cố định vô hình	(476.314.542.644)	(48.510.695.427)	35.012.650.516	(489.812.587.555)
Tài sản cố định hữu hình	(11.789.669.873)	(2.176.721.812)	5.654.339.222	(8.312.052.463)
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.523.436.069)	126.953.006	(1.396.483.063)
Khác	1.312.512.810	-	(186.514.655)	1.125.998.155
	(416.039.002.471)	(45.928.916.363)	27.524.972.132	(434.442.946.702)

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	144.832.662.517
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	1.206.938.854
Giá trị ghi sổ	
Số dư cuối năm	143.625.723.663

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd	109.355.355.375	99.777.835.335
Các nhà cung cấp khác	1.102.546.652.044	757.869.480.374
	1.211.902.007.419	857.647.315.709

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát	4.144.420.506	1.119.450.200
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình	566.385.400	487.835.600
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	22.923.950.274	20.377.310.037
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	96.591.591	-
Công ty Cổ phần Masan Jinju	-	1.372.172.193
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan	-	16.249.800

Khoản phải trả cho các công ty liên kết và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thuế phải nộp Nhà nước

	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ/ phân loại lại VND	31/12/2020 VND
	1/1/2020 VND				
Thuế giá trị gia tăng	19.099.652.828	4.624.689.182	34.428.752.118	(33.783.406.735)	2.853.408.053
Thuế xuất nhập khẩu	124.856.397	-	83.202.118.558	-	42.733.644
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.075.864.373	-	215.665.596.683	(2.679.143.954)	77.109.536.433
Thuế thu nhập cá nhân	14.750.441.641	129.524.102	56.187.658.840	(58.102.477.133)	9.175.445.371
Các loại thuế khác	-	-	1.127.609.760	(1.120.575.360)	7.034.400
	100.050.815.239	4.754.213.284	390.611.735.959	(365.976.353.813)	89.188.157.901

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chiết khấu thương mại	319.777.308.156	291.574.701.027
Phải trả công trình xây dựng	172.437.425.556	168.592.805.169
Thường thành tích	88.668.006.045	81.393.289.994
Chi phí lãi vay	67.447.906.749	66.763.968.562
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	30.195.906.640	45.905.498.536
Chi phí vận chuyển	8.961.029.431	6.472.895.904
Chi phí khác	32.036.293.988	23.756.176.124
	719.523.876.565	684.459.335.316

23. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả (*)	27.530.697.600	27.530.697.600
Chi phí lãi vay phải trả:		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ (**)	1.478.794.521	-
▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan, bên liên quan (**)	3.276.712.329	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	544.072.657	65.185.648
Đặt cọc ngắn hạn nhận được	1.890.698.011	522.722.051
Phải trả khác	8.346.012.152	12.791.242.404
	43.066.987.270	40.909.847.703

(*) Cổ tức phải trả cho cổ đông không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

(**) Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Biến động trong năm				31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Phân loại loại VND
Vay ngắn hạn	1.334.291.823.097	58.451.771.063	9.163.800.150.628	(7.793.652.904.602)	- 2.762.890.840.186
Vay dài hạn đến hạn trả	448.466.355.342	-	514.427.078.794	(465.312.428.378)	- 497.581.005.758
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng	-	-	1.986.509.803.914	-	- 1.986.509.803.914
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	11.752.147.932	-	(894.410.556)	(5.145.186.510) 5.712.550.866
	1.782.758.178.439	70.203.918.995	11.664.737.033.336	(8.259.859.743.536)	(5.145.186.510) 5.252.694.200.724

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo	VND	6,3% - 6,8%	49.776.484.675	-
Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	2,3% - 6,4%	2.313.114.355.511	1.334.291.823.097
Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan, một bên liên quan	VND	6,5%	400.000.000.000	-
			2.762.890.840.186	1.334.291.823.097

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	2.439.619.793	-
▪ Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 15)	12.487.500.000	-
▪ Gà giống (Thuyết minh 17)	10.411.242.874	-

Các khoản vay ngân hàng của các công ty con với giá trị ghi sổ là 561.650 triệu VND được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	2.080.290.896.158	1.638.720.863.841
Trái phiếu thường (ii)	1.986.509.803.914	1.982.998.039.209
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	10.931.224.876	-
	4.077.731.924.948	3.621.718.903.050
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.489.803.360.538)	(448.466.355.342)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.587.928.564.410	3.173.252.547.708

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm	31/12/2020	1/1/2020
	tiền tệ	năm	đáo hạn	VND	VND
Vay ngân hàng có đảm bảo					
Khoản vay 1	VND	8,4% - 9,6%	2023	732.000.000.000	1.000.000.000.000
Khoản vay 2	VND	10,8%	2023	527.807.022.513	563.760.348.133
Khoản vay 3	VND	7,6% - 8%	2026	788.318.632.486	-
Khoản vay 4	VND	10,8%	2023	4.465.246.159	-
Khoản vay 5	VND	3,8%	2023	27.699.995.000	-
Khoản vay 6	VND	7,8% - 8,6%	2021	-	74.960.515.708
				2.080.290.896.158	1.638.720.863.841

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay 1 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	1.550.515.159.475	1.534.966.636.445
▪ Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	55.859.969.508	2.592.204.271
▪ Heo giống (Thuyết minh 17)	54.331.604.049	67.585.772.456
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	55.717.838.560	55.690.275.866

Khoản vay 2 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	1.009.936.668.293	977.729.994.560
▪ Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	23.785.309.575	73.136.695.417
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	72.367.032.919	73.954.609.508

Khoản vay 3 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
▪ Tiền và tương đương tiền (Thuyết minh 4)	3.000.000.000	-
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	1.002.328.778.791	-
▪ Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 15)	268.737.188	-
▪ Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	11.082.326.866	-
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	362.763.523.475	-

Khoản vay 4 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	54.221.261.588	-

Khoản vay 5 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	27.096.626.556	-
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	6.274.809.391	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trái phiếu thường	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(13.490.196.086)	(17.001.960.791)
	1.986.509.803.914	1.982.998.039.209

Trái phiếu được đảm bảo của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- 1.300 tỷ VND (1/1/2020: 1.300 tỷ VND) trái phiếu, chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm (2021) và chịu lãi suất năm là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 10,53% vốn góp của MNS Feed (1/1/2020: 17,1 triệu cổ phiếu của ANCO và 24,64% vốn góp của MNS Feed); và
- 700 tỷ VND (1/1/2020: 700 tỷ VND) trái phiếu, chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm (2021) và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 14,4 triệu cổ phiếu của Proconco (1/1/2020: 14,4 triệu cổ phiếu).

Biến động của chi phí phát hành trái phiếu trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	17.001.960.791	20.513.725.496
Tăng trong năm	16.900.000.000	16.900.000.000
Phân bổ trong năm	(20.411.764.705)	(20.411.764.705)
Số dư cuối năm	13.490.196.086	17.001.960.791

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một bên liên quan của Tập đoàn nắm giữ 70.779 triệu VND (1/1/2020: 177.647 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2020		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	6.354.915.967	642.365.101	5.712.550.866
Trong vòng hai đến năm năm	5.441.615.159	222.941.149	5.218.674.010
	11.796.531.126	865.306.250	10.931.224.876

25. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị của Công ty hoặc các công ty con phê duyệt. Quỹ này dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Không có biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.

26. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	27.951.319.000	30.004.889.083
Dự phòng khôi phục hiện trường	6.199.404.404	-
	34.150.723.404	30.004.889.083

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND	Khôi phục hiện trường VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	30.004.889.083	-	30.004.889.083
Trích lập dự phòng trong năm	1.076.443.042	6.199.404.404	7.275.847.446
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.130.013.125)	-	(3.130.013.125)
Số dư cuối năm	27.951.319.000	6.199.404.404	34.150.723.404

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(175.543.000.000)	24.671.734.409	1.969.503.401.826	7.181.011.621.384
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.081.091.480.000	(1.081.091.480.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	115.347.906.992	254.367.042.059	369.714.949.051
Cổ tức do các công ty con công bố	-	-	-	-	(27.530.627.600)	(27.530.627.600)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(175.543.000.000)	140.019.641.401	2.196.339.816.285	7.523.195.942.835
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	23.874.000.000	(50.000.000)	-	-	-	23.824.000.000
Vốn góp vào công ty con của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	263.341.336.611	228.860.945.453	492.202.282.064
Cổ tức do các công ty con công bố	-	-	-	-	(27.530.627.600)	(27.530.627.600)
Hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	451.512.553.661	451.512.553.661
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(175.543.000.000)	403.360.978.012	2.849.192.687.799	8.463.214.150.960

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	2.387.400	23.874.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	-	108.109.148	1.081.091.480.000
Số dư cuối năm	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

29. Vốn khác

Trong năm 2016, ANCO, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Proconco. Tập đoàn đã ghi nhận giao dịch này trong vốn khác của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho người lao động (“ESOP”) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Vào tháng 10 năm 2020, Công ty đã phát hành 2.387.400 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên bằng tiền.

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng 1 năm	163.945.911.460	104.562.891.454
Trong vòng 2 đến 5 năm	476.301.666.571	368.201.771.146
Sau 5 năm	940.826.070.753	844.655.381.218
	1.581.073.648.784	1.317.420.043.818

(b) Ngoại tệ

		31/12/2020		1/1/2020
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	464.813	10.690.166.020	280.136	6.473.386.904

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	137.592.200.578	418.187.747.223
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	150.578.701.716	608.810.652.838
	288.170.902.294	1.026.998.400.061

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và doanh thu khác	17.038.062.202.090	14.574.901.245.099
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	916.909.321.924	773.962.404.405
▪ Hàng bán bị trả lại	2.147.397.235	2.149.156.464
▪ Giảm giá hàng bán	-	38.397.558
	919.056.719.159	776.149.958.427
Doanh thu thuần	16.119.005.482.931	13.798.751.286.672

33. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán và giá vốn khác	13.387.705.086.621	11.517.606.546.669
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.673.711.930	15.541.664.981
	13.394.378.798.551	11.533.148.211.650

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập lãi từ:		
▪ Tiền gửi ngân hàng	34.897.156.723	66.595.478.990
▪ Phải thu từ cho vay	64.877.446.576	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.506.915.841	6.684.466.647
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	105.943.619	28.677.392
Cổ tức từ đầu tư vốn vào các đơn vị khác	-	3.246.900.000
Thu nhập tài chính khác	-	57.439.634
	109.387.462.759	76.612.962.663

35. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Ngân hàng và bên thứ ba	244.813.177.392	106.109.734.434
▪ Trái chủ	174.186.108.960	178.867.866.180
▪ Các bên liên quan	4.755.506.850	-
Chi phí phát hành trái phiếu	20.411.764.705	20.411.764.705
Lỗ do chuyển khoản đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	3.870.243.813	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.702.661.713	3.195.090.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.182.683.478	835.599.643
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.813.980.000)	-
Chi phí tài chính khác	58.916.686.374	54.746.802.101
	508.024.853.285	364.166.857.502

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	327.157.356.198	280.166.909.297
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	215.920.335.136	134.149.385.468
Chi phí vận chuyển	173.747.503.368	101.887.715.617
Chi phí thuê hoạt động	34.949.626.320	17.018.964.660
Khấu hao và phân bổ	18.493.398.203	15.092.811.601
Chi phí công cụ và dụng cụ	20.581.719.203	7.192.946.732
Chi phí bán hàng khác	141.698.818.664	125.196.333.725
	932.548.757.092	680.705.067.100

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Phân bổ điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại	271.618.656.261	356.665.918.097
Chi phí nhân viên	236.873.820.122	222.682.866.323
Chi phí thuê hoạt động	22.669.767.526	17.184.735.840
Khấu hao và phân bổ	44.493.599.612	39.704.191.717
Dụng cụ văn phòng	15.265.781.733	11.571.235.183
Dự phòng phải thu khó đòi	(13.623.314.816)	5.535.416.089
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	141.810.920.010	144.003.832.021
	719.109.230.448	797.348.195.270

38. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.042.046.588	1.830.413.450
Lãi từ thanh lý quyền sử dụng đất	-	81.264.692.532
Thu nhập khác	16.708.802.282	10.521.656.299
	18.750.848.870	93.616.762.281

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định trong giai đoạn tạm ngưng sản xuất	16.234.413.515	4.170.246.541
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	823.995.054	5.839.152.262
Phí môi giới và tư vấn	253.147.638	7.156.797.417
Phạt hủy hợp đồng	-	13.938.212.527
Chi phí khác	5.442.489.434	4.269.185.394
	22.754.045.641	35.373.594.141

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	216.662.179.878	236.635.000.681
Dự phòng thừa trong những năm trước	(996.583.195)	(899.428.004)
	215.665.596.683	235.735.572.677
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(29.733.844.502)	(39.207.309.145)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.208.872.370	1.686.457.231
	(27.524.972.132)	(37.520.851.914)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	188.140.624.551	198.214.720.763

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	680.342.906.615	567.929.669.814
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	136.068.581.323	113.585.933.963
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác của các công ty con	(100.258.085.089)	(10.163.162.777)
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.666.726.955	41.735.442.016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	146.973.706.556	55.710.179.973
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.208.872.370	1.686.457.231
Ảnh hưởng của lãi từ các công ty liên kết	(2.002.959.414)	(1.938.116.772)
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(2.519.634.955)	(853.204.867)
Thu nhập không chịu thuế	-	(649.380.000)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(996.583.195)	(899.428.004)
	188.140.624.551	198.214.720.763

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau và cơ quan thuế có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định về ưu đãi thuế, quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể có ảnh hưởng đáng kể.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm là 263.341 triệu VND (2019: 115.348 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 324.927.558 (2019: 324.327.447 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	263.341.336.611	115.347.906.992

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	324.327.447	216.218.299
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	-	108.109.148
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	600.111	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	324.927.558	324.327.447

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Bán hàng	7.010.466.380	672.454.465
Khoản vay nhận được	1.000.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	1.000.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.478.794.521	-
Cho vay	150.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	2.323.972.603	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình		
Phí gia công	6.571.889.688	6.065.137.272
Thu nhập cổ tức	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát		
Mua hàng	32.558.232.252	24.103.186.749
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản		
Thu nhập cổ tức	10.090.013.000	10.090.013.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí hỗ trợ quản lý	46.647.750.731	42.915.067.735
Mua hàng	17.407.182.031	6.509.335
Bán hàng	2.082.839.974	539.310.665
Công ty Cổ phần Masan Jinju		
Bán hàng	33.195.468.475	724.577.512
Mua tài sản cố định	7.542.750.000	3.624.510.255
Mua hàng	79.294.215	3.433.150
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD		
Bán hàng	3.397.026.758	-
Mua dịch vụ	6.046.100	239.896.666
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan		
Bán hàng	10.654.065.847	52.453.025
Mua hàng	1.042.367.970	132.946.280
Mua tài sản cố định	-	39.450.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG		
Bán tài sản cố định	-	108.194.443
Công ty Cổ phần Masan Blue		
Bán hàng	193.396.704	94.713.551
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan		
Khoản vay nhận được	400.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	3.276.712.329	-
Công ty Cổ phần Bột giặt NET		
Mua hàng	187.858.491	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng	5.202.000	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo		
Bán hàng	3.636.364	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce		
Mua hàng	1.593.060.811	-
Bán hàng	530.491.166.219	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB		
Mua hàng	-	337.735.333
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	38.131.029.571	43.418.278.587

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng khoản thù lao trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể là:

Tên	Vị trí	2020 VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Danny Le	Chủ tịch	-
Ông Phạm Trung Lâm	Thành viên	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-
Ông Neal Leroux Kok	Thành viên	-
Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Trung Lâm		5.983.476.000

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	223.489.926.168	336.937.952.785
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	50.000.000	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	1.081.091.480.000

44. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng quý
cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN MEATLIFE
DN:
E=TAMNT47@VIETTEL.COM.VN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS
T:0311224517, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN MEATLIFE,
L=TPHCM, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2021.07.30 09:35:06+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.3

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 01/04/2021)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
kinh doanh ngành thịt

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch (từ ngày 14/04/2021)
Thành viên (từ ngày 14/04/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng ban (đến ngày 13/4/2021)
Thành viên (đến ngày 13/4/2021)
Thành viên (đến ngày 13/4/2021)

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.594.301.001.387	2.891.262.464.053
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	789.117.036.811	1.176.073.253.973
Tiền	111		60.117.036.811	47.073.253.973
Các khoản tương đương tiền	112		729.000.000.000	1.129.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		826.054.642.092	22.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5	804.054.642.092	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	22.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		872.552.125.838	1.589.031.346.092
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	136.875.880.096	82.141.237.023
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	161.596.043.667	432.057.432.017
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	535.200.000.000	937.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	45.640.498.703	142.295.995.849
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(6.760.296.628)	(5.113.318.797)
Hàng tồn kho	140	11	102.663.284.182	102.140.377.965
Hàng tồn kho	141		102.663.284.182	102.140.377.965
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.913.912.464	2.017.486.023
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.913.912.464	1.986.423.504
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	31.062.519

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		10.603.461.060.021	9.904.132.572.551
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.000	2.756.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	220		318.960.106	461.254.552
Tài sản cố định hữu hình	221		157.866.080	231.120.224
Nguyên giá	222		488.745.318	488.745.318
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(330.879.238)	(257.625.094)
Tài sản cố định vô hình	227		161.094.026	230.134.328
Nguyên giá	228		690.403.000	690.403.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(529.308.974)	(460.268.672)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	10.599.664.500.000	9.899.664.500.000
Đầu tư vào các công ty con	251		10.599.664.500.000	9.899.664.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.474.843.915	4.004.061.999
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.474.843.915	4.004.061.999
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.197.762.061.408	12.795.395.036.604

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.174.650.022.625	9.772.665.322.450
Nợ ngắn hạn	310		6.331.874.064.838	6.029.655.921.740
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.180.991.485.030	2.742.722.363.752
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.200.233.414	11.899.556.110
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	2.220.302.568	4.621.894.902
Phải trả người lao động	314		277.044.224	5.223.974
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	190.784.003.567	267.206.555.730
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	2.005.980.996.035	2.009.990.327.272
Vay ngắn hạn	320	18(a)	945.420.000.000	993.210.000.000
Nợ dài hạn	330		3.842.775.957.787	3.743.009.400.710
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	720.997.565.101	620.693.878.024
Vay dài hạn	338	18(b)	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436
Dự phòng phải trả dài hạn	342		9.934.297.250	10.471.427.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.023.112.038.783	3.022.729.714.154
Vốn chủ sở hữu	410	19	3.023.112.038.783	3.022.729.714.154
Vốn cổ phần	411	20	3.267.148.470.000	3.267.148.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		3.267.148.470.000	3.267.148.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.055.015.149	2.119.055.015.149
Lỗi lũy kế	421		(2.363.091.446.366)	(2.363.473.770.995)
<i>Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(2.363.473.770.995)	(2.247.530.810.778)
<i>Lợi nhuận/(lỗ)sau thuế kỳ này</i>	421b		382.324.629	(115.942.960.217)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.197.762.061.408	12.795.395.036.604

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/4/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	3.323.440.230.497	2.425.061.085.475	6.211.205.978.421	4.628.392.943.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	187.544.729.897	139.735.639.061	346.333.199.259	268.545.919.075
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	21	3.135.895.500.600	2.285.325.446.414	5.864.872.779.162	4.359.847.024.116
Giá vốn hàng bán	11	22	2.923.040.705.575	2.126.900.223.026	5.457.736.994.369	4.058.960.238.824
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		212.854.795.025	158.425.223.388	407.135.784.793	300.886.785.292
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	22.006.740.626	17.367.240.363	45.530.343.985	34.675.872.716
Chi phí tài chính	22	24	77.533.739.317	69.394.138.938	150.996.892.965	137.054.686.065
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.075.078.247	55.854.327.192	118.035.281.634	111.326.624.959
Chi phí bán hàng	25		112.693.954.224	113.285.654.074	218.941.323.020	220.707.142.233
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		44.812.254.096	36.338.603.418	82.535.163.086	74.290.801.039
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(178.411.986)	(43.225.932.679)	192.749.707	(96.489.971.329)
Thu nhập khác	31		108.714.808	5.341.936	190.695.166	7.153.841
Chi phí khác	32		1.120.244	-	1.120.244	1.817.726
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		107.594.564	5.341.936	189.574.922	5.336.115
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(70.817.422)	(43.220.590.743)	382.324.629	(96.484.635.214)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(70.817.422)	(43.220.590.743)	382.324.629	(96.484.635.214)

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	382.324.629	(96.484.635.214)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	142.294.446	131.138.610
Các khoản dự phòng	03	1.870.433.944	(4.445.543.748)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	146.158.569	93.198.409
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(45.530.174.985)	(34.553.698.071)
Chi phí lãi vay	06	118.035.281.634	111.326.624.959
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	75.046.318.237	(23.932.915.055)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	216.537.042.731	(45.761.620.079)
Biến động hàng tồn kho	10	(522.906.217)	(8.213.183.470)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	347.377.594.549	184.897.102.600
Biến động chi phí trả trước	12	(1.398.270.876)	(2.905.685.938)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(804.054.642.092)	-
		(167.014.863.668)	104.083.698.058
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.019.983.489)	(8.947.712.085)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(760.586.113)	(229.009.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(182.795.433.270)	94.906.976.723
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	-	(38.720.000)
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(693.200.000.000)	(1.100.150.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24	1.095.650.000.000	875.900.000.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(700.000.000.000)	(414.003.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	141.375.374.677	383.817.597.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(156.174.625.323)	(254.474.122.084)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
----------	-------------------------------------	-------------------------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chi phí phát hành cổ phiếu đã trả	32	(50.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.446.310.000.000	753.550.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.494.100.000.000)	(758.480.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(47.840.000.000)	(4.930.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(386.810.058.593)	(164.497.145.361)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.176.073.253.973	683.578.280.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(146.158.569)	(93.198.409)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	789.117.036.811	518.987.936.326

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:


 Trần Quang Bế
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính


 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có 3 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2021: 3 công ty con sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 11.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2021: 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có 754 nhân viên (1/1/2021: 781 nhân viên).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và bảo trì trả trước được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu nhập cổ tức và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	462.541.409	1.522.669.862
Tiền gửi ngân hàng	59.654.495.402	45.530.754.111
Tiền đang chuyển	-	19.830.000
Các khoản tương đương tiền	729.000.000.000	1.129.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	789.117.036.811	1.176.073.253.973

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	30/06/2021	Dự phòng
		Giá gốc	VND
		VND	VND
Trái phiếu doanh nghiệp	7.711.650	804.054.642.092	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với thời hạn đáo hạn còn lại trên ba tháng và dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty con		
• Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	1.631.479.295	1.261.601.715
• Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	1.125.969.760
• Công Ty Cổ Phần 3F Việt	50.319.398.450	4.418.204.000
	51.950.877.745	6.805.775.475

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2021 đến	Từ 1/1/2020 đến
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.113.318.797	9.780.987.692
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.646.977.831	
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(4.696.474.748)
	6.760.296.628	5.084.512.944

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	152.692.844.782	295.238.048.687
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	4.103.042.855	25.656.231.780
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	-	20.543.809.085
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	85.118.178.465
	156.795.887.637	426.556.268.017

Các khoản trả trước cho các công ty con không có đảm bảo và không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - Công ty mẹ:	VND	6,5%	2021	-	150.000.000.000
Phải thu về cho vay không đảm bảo từ các công ty con:					
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	VND	6,5%	2022	244.400.000.000	94.550.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	VND	6,5%	2022	-	387.000.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	VND	6,5%	2022	20.800.000.000	36.100.000.000
Phải thu về cho vay từ một bên thứ ba (*)				270.000.000.000	270.000.000.000
				<u>535.200.000.000</u>	<u>937.650.000.000</u>

(*) Phải thu về cho vay từ một bên thứ ba không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5% một năm tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (1/1/2021: 6,5%) và đáo hạn trong năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ Công ty TNHH MNS Feed	-	83.063.297.600
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và cho vay	21.074.771.902	12.233.435.618
Lãi phải thu từ cho vay từ Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan - Công ty mẹ	-	2.323.972.603
Lãi phải thu từ cho vay các công ty con:		
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	-	21.781.945.222
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	101.293.151	5.146.860.277
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	23.738.106.860	16.209.860.285
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan	483.237.267	557.775.920
Tạm ứng	199.677.303	950.994.077
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.095.500	2.095.500
Phải thu khác	41.316.720	25.758.747
	45.640.498.703	142.295.995.849

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan bao gồm:

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	608.002	190.002
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	153.492.567	223.120.567
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	15.292.002	116.169.852
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	58.383.214	33.874.215
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	201.307.200	114.127.200
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	-	3.786.001
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	51.000	588.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	20.800.000	9.003.322
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	3.000	26.794.480
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	479.001	315.000
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	32.441.281	29.807.281
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	353.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	27.000	-
	483.237.267	557.775.920

Lãi phải thu từ cho vay các công ty con không có đảm bảo và được thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng cho vay liên quan.

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Hàng tồn kho

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Hàng hóa	102.663.284.182	102.140.377.965

Không có dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào được trích lập trong báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021.

12. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2021			1/1/2021		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Feed	99,9%	99,9%	7.283.990.000.000	99,9%	99,9%	7.283.990.000.000
Công ty TNHH MNS Meat	99,9%	99,9%	2.700.003.000.000	99,9%	99,9%	2.000.003.000.000
Công Ty Cổ Phần 3F Việt	51,0%	51,0%	614.774.300.000	51,0%	51,0%	614.774.300.000
Đầu tư khác	-	-	897.200.000	-	-	897.200.000
			10.599.664.500.000			9.899.664.500.000

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thông tin chi tiết của các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 được mô tả như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MNS Feed (“MNS Feed”)	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mỹ, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	Lô A4, đường số 2, khu công nghiệp Sông Mỹ, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Tư vấn quản lý
Công Ty Cổ Phần 3F Việt (“3F Viet”)	68 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia súc, gia cầm và chế biến, bảo quản thịt

Trong kỳ không có biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.146.907.635	857.154.364	4.004.061.999
Tăng trong kỳ	643.500.000	274.778.250	918.278.250
Phân bổ trong kỳ	(1.157.560.754)	(289.935.580)	(1.447.496.334)
Số dư cuối kỳ	2.632.846.881	841.997.034	3.474.843.915

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.520.932.224.740	2.187.376.275.950
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	220.437.127.695	157.898.703.815
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	210.053.960.315	145.020.554.574
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	156.719.212.450	171.688.262.720
Các nhà cung cấp khác	72.848.959.830	80.738.566.693
	3.180.991.485.030	2.742.722.363.752

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
• Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.520.932.224.740	2.187.376.275.950
• Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	156.719.212.450	171.688.262.720
• Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	210.053.960.315	145.020.554.574
• Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	39.067.541.125	52.086.866.325
• Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	5.846.637.785	-
• Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	396.000.000	396.000.000
• Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	220.437.127.695	157.898.703.815
• Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	1.864.763.650	-
• Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	2.945.023.750	-
<i>Công ty liên quan khác</i>		
• Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan	10.651.418.992	4.563.823.848
• Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp VinCommerce	61.680.190	81.864.791
	3.168.975.590.692	2.719.112.352.023

Các khoản phải trả thương mại cho các công ty con và công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021	Số phát sinh	Số đã nộp	Số thuế được	30/06/2021
	VND	trong kỳ	trong kỳ	hoàn/phân loại	VND
		VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	66.656.024	(24.958.888)	(31.062.519)	10.634.617
Thuế thu nhập cá nhân	4.621.894.902	17.255.500.461	(16.090.554.510)	(3.577.172.902)	2.209.667.951
Các loại thuế khác	-	34.839.472	(34.839.472)		-
	4.621.894.902	17.356.995.957	(16.150.352.870)	(3.608.235.421)	2.220.302.568

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	131.743.382.771	207.230.066.842
Thưởng thành tích	28.443.439.200	41.950.199.620
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.595.834.026	7.818.797.632
Chi phí lãi vay	7.628.913.452	1.640.590.055
Chi phí vận chuyển	2.576.883.290	888.932.642
Chi phí khác	17.795.550.828	7.677.968.939
	190.784.003.567	267.206.555.730

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan	2.000.468.520.575	2.000.378.520.575
Lãi vay phải trả Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan – bên liên quan	-	3.276.712.329
Phải trả khác	5.512.475.460	6.335.094.368
	2.005.980.996.035	2.009.990.327.272

Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan bao gồm:

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	1.999.989.111.000	1.999.989.111.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	479.409.575	389.409.575
	2.000.468.520.575	2.000.378.520.575

Các khoản phải trả phi thương mại cho các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/06/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con	720.997.565.101	620.693.878.024

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/06/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	993.210.000.000	1.446.310.000.000	(1.494.100.000.000)	945.420.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan	VND	2,5% - 3,3%	805.420.000.000	593.210.000.000
	VND	6,5%	140.000.000.000	400.000.000.000
			945.420.000.000	993.210.000.000

(b) Vay dài hạn

	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con					
▪ Khoản vay 1	VND	6,5%	2023	2.419.754.495.481	2.419.754.495.481
▪ Khoản vay 2	VND	6,5%	2023	692.089.599.955	692.089.599.955
				3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.247.530.810.778)	3.114.848.674.371
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(96.484.635.214)	(96.484.635.214)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.344.015.445.992)	3.018.364.039.157
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.473.770.995)	3.022.729.714.154
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	382.324.629	382.324.629
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.091.446.366)	3.023.112.038.783

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/06/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.714.847	3.267.148.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	6.211.205.978.421	4.628.392.943.191
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	346.333.199.259	268.545.919.075
Doanh thu thuần	5.864.872.779.162	4.359.847.024.116

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Hàng hóa đã bán	5.457.736.994.369	4.058.960.238.824

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	45.530.174.985	34.553.698.071
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	169.000	122.174.645
	45.530.343.985	34.675.872.716

24. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Các bên liên quan	108.413.550.089	100.857.851.094
▪ Ngân hàng	9.621.731.545	10.468.773.865
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	117.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	146.158.569	93.198.409
Chi phí khác	32.815.335.762	25.634.862.697
	150.996.892.965	137.054.686.065

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
<i>Các công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Lãi cho vay	373.972.603	-
Thu gốc vay	150.000.000.000	-
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang		
Mua hàng	211.455.596.920	116.924.298.365
Bán hàng	1.511.378.620	1.622.020.735
Phí thuê kho	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên		
Mua hàng	102.775.072.335	63.424.768.505
Bán hàng	102.883.410	239.271.465
Phí thuê kho	210.000.000	210.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long		
Phí thuê kho	720.000.000	720.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang		
Mua hàng	289.229.866.580	228.827.294.280
Bán hàng	3.282.442.700	3.966.249.880
Phí thuê kho	210.000.000	210.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An		
Mua hàng	153.773.375.900	100.453.678.650
Bán hàng	869.877.295	93.512.210
Phí thuê kho	210.000.000	210.000.000
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam		
Mua hàng	-	578.931.122
Cho vay	105.000.000.000	194.800.000.000
Thu hồi khoản cho vay	492.000.000.000	138.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	10.186.479.462	8.795.871.240
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	331.800.000.000	368.650.000.000
Thu hồi khoản cho vay	181.950.000.000	238.200.000.000
Thu nhập lãi cho vay	7.528.246.575	8.907.315.074

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An		
Cho vay	256.400.000.000	266.700.000.000
Thu hồi khoản cho vay	271.700.000.000	366.700.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.642.345.208	2.841.052.057
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
Mua hàng	669.425.998.705	459.927.741.855
Bán hàng	369.877.580	707.536.610
Phí thuê kho	190.800.000	-
Góp vốn	-	414.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Mua hàng	2.911.145.467.225	2.344.724.384.280
Bán hàng	9.962.664.335	9.844.071.850
Chi phí lãi vay	100.303.687.077	100.857.851.094
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ		
Mua hàng	7.383.557.050	1.721.751.625
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định		
Mua hàng	740.947.133.475	557.653.720.420
Bán hàng	2.323.389.570	1.138.045.600
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Mua hàng	371.223.940.820	193.467.621.785
Bán hàng	154.503.965	87.206.675
Phí thuê kho	378.000.000	315.000.000
Công ty TNHH MNS Meat		
Góp vốn	700.000.000.000	3.000.000
Công Ty TNHH Thực Phẩm 3F Việt		
Bán hàng	93.410.512.925	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ thông tin (đã bao gồm VAT)	6.007.642.843	4.796.092.868
Chi phí quản lý dự án (đã bao gồm VAT)	80.552.302	139.395.698
Mua hàng (đã bao gồm VAT)	75.541.383	138.946.002

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan		
Trả khoản vay	260.000.000.000	-
Lãi vay	8.109.863.012	-
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp VinCommerce		
Mua hàng hóa (đã bao gồm VAT)	339.655.855	57.455.586
Công ty Cổ phần Bột giặt Net		
Mua hàng hóa	-	27.683.998
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	15.864.924.000	18.084.925.500

Tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

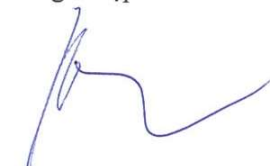
26. Giải trình biến động lợi nhuận thuần

Lỗ thuần sau thuế TNDN Quý 2/2021 là 70 triệu đồng, giảm 100% so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu do sự biến động từ các chỉ tiêu sau:

- Doanh thu bán hàng mại thực phẩm gia súc Quý 2/2021 của Công ty đạt 3.135,9 tỷ VND, tăng 850,57 tỷ đồng (+37%) dẫn tới lợi nhuận gộp tăng 54,43 tỷ đồng (+34%) so với cùng kỳ năm 2020, do sản lượng thực phẩm chăn nuôi heo tăng trưởng 38%;
- Chi phí hoạt động tài chính tăng 8,14 tỷ đồng (+12%) so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu do chi phí lãi vay tăng.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính quý hợp nhất
cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN MEATLIFE
DN:
E=TAMNT47@VIETTEL.COM.VN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0311224517, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE,
L=TPHCM, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2021.07.30 09:34:22+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.3

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 01/04/2021)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
kinh doanh ngành thịt

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch (từ ngày 14/04/2021)
Thành viên (từ ngày 14/04/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng Ban (đến ngày 13/4/2021)
Thành viên (đến ngày 13/4/2021)
Thành viên (đến ngày 13/4/2021)

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		7.114.003.208.164	6.211.564.450.510
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.362.593.957.619	1.635.795.211.649
Tiền	111		121.093.957.619	115.495.211.649
Các khoản tương đương tiền	112		1.241.500.000.000	1.520.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		827.504.642.092	134.950.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	804.054.642.092	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	23.450.000.000	134.950.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	2.026.186.769.566	1.990.001.817.972
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		747.667.976.722	627.931.119.627
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		113.634.112.325	85.724.798.419
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	135		1.140.000.000.000	1.290.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		110.500.027.421	77.307.967.823
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(85.615.346.902)	(92.114.531.528)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.152.463.631
Hàng tồn kho	140	8	2.666.112.871.795	2.234.732.675.442
Hàng tồn kho	141		2.696.301.607.827	2.262.342.474.609
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.188.736.032)	(27.609.799.167)
Tài sản ngắn hạn khác	150		231.604.967.092	216.084.745.447
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	135.703.979.017	123.438.517.357
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.050.734.472	67.456.959.335
Thuế phải thu Nhà nước	153		18.850.253.603	25.189.268.755

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		11.820.976.993.099	11.745.889.703.075
Các khoản phải thu dài hạn	210		31.456.370.809	32.405.791.605
Phải thu dài hạn khác	216	7	31.456.370.809	32.405.791.605
Tài sản cố định	220		8.540.322.639.887	8.384.846.294.660
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.940.519.993.510	5.007.399.190.225
<i>Nguyên giá</i>	222		6.808.837.014.114	6.632.821.701.303
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.868.317.020.604)	(1.625.422.511.078)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	367.849.397.887	22.278.740.158
<i>Nguyên giá</i>	225		370.311.154.518	22.761.303.606
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.461.756.631)	(482.563.448)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.231.953.248.490	3.355.168.364.277
<i>Nguyên giá</i>	228		5.198.505.528.456	5.198.505.528.456
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.966.552.279.966)	(1.843.337.164.179)
Tài sản dở dang dài hạn	240		161.988.779.504	181.974.737.981
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	161.988.779.504	181.974.737.981
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.172.572.462.328	2.171.509.761.899
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	2.146.096.443.528	2.146.548.963.099
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(d)	30.588.758.800	30.588.758.800
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	6(d)	(4.112.740.000)	(5.627.960.000)
Tài sản dài hạn khác	260		914.636.740.571	975.153.116.930
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	727.732.227.579	766.265.266.034
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		50.520.422.455	65.262.127.233
Lợi thế thương mại	269	14	136.384.090.537	143.625.723.663
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		18.934.980.201.263	17.957.454.153.585

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.183.443.960.412	9.494.240.002.625
Nợ ngắn hạn	310		7.990.931.896.241	7.369.795.640.876
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.417.458.936.282	1.211.902.007.419
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.317.573.615	40.214.767.845
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	85.652.095.415	89.188.157.901
Phải trả người lao động	314		286.984.991	6.741.983.560
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	550.757.613.336	719.523.876.565
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		951.951.521	732.616.572
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	15.245.534.719	43.066.987.270
Vay và trái phiếu ngắn hạn	320	19(a)	5.865.530.163.342	5.252.694.200.724
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	5.731.043.020	5.731.043.020
Nợ dài hạn	330		2.192.512.064.171	2.124.444.361.749
Phải trả dài hạn khác	337		3.740.000.000	2.660.000.000
Vay và trái phiếu dài hạn	338	19(b)	1.676.782.223.884	1.587.928.564.410
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		478.391.356.883	499.705.073.935
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	33.598.483.404	34.150.723.404

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.751.536.240.851	8.463.214.150.960
Vốn chủ sở hữu	410	22	8.751.536.240.851	8.463.214.150.960
Vốn cổ phần	411	23	3.267.148.470.000	3.267.148.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		3.267.148.470.000	3.267.148.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.055.015.149	2.119.055.015.149
Vốn khác của chủ sở hữu	414	24	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		692.913.777.544	403.360.978.012
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước</i>	421a		403.360.978.012	140.019.641.401
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		289.552.799.532	263.341.336.611
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.847.961.978.158	2.849.192.687.799
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		18.934.980.201.263	17.957.454.153.585

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021	30/6/2020	30/6/2021	30/6/2020
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	01	25	5.773.023.347.878	3.998.668.886.662	10.705.342.372.641	7.588.017.362.870
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	245.240.356.313	193.564.038.720	473.493.926.248	385.653.836.195
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	5.527.782.991.565	3.805.104.847.942	10.231.848.446.393	7.202.363.526.675
Giá vốn hàng bán	11	26	4.889.613.345.677	3.169.072.626.722	8.922.842.372.503	6.003.748.387.939
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		638.169.645.888	636.032.221.220	1.309.006.073.890	1.198.615.138.736
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	36.264.772.307	25.323.791.086	68.569.905.257	47.005.634.289
Chi phí tài chính	22	28	130.643.393.755	129.052.874.032	255.190.117.606	254.638.952.645
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>106.499.502.120</i>	<i>109.252.127.400</i>	<i>210.890.936.685</i>	<i>214.231.780.949</i>
Phần lãi trong các công ty liên kết	24	6	73.740.215	442.736.755	147.480.429	347.136.281
Chi phí bán hàng	25	29	237.780.011.861	248.210.003.614	446.441.383.377	461.611.493.443
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	195.822.004.456	172.068.780.522	380.790.494.670	371.097.989.013
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		110.262.748.338	112.467.090.893	295.301.463.923	158.619.474.205
Thu nhập khác	31		85.480.537.858	5.575.465.875	86.630.458.321	8.880.429.171
Chi phí khác	32		5.612.494.295	4.365.759.035	11.266.766.715	9.627.302.161
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		79.868.043.563	1.209.706.840	75.363.691.606	(746.872.990)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		190.130.791.901	113.676.797.733	370.665.155.529	157.872.601.215

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	51.671.396.949	53.655.924.577	88.915.077.912
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	(3.837.448.496)	(11.089.230.948)	(6.572.012.274)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	142.296.843.448	71.110.104.104	288.322.089.891
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61	151.999.689.709	18.304.682.017	289.552.799.532
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62	(9.702.846.261)	52.805.422.087	(1.230.709.641)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	465	56	886
				(40)

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		Cho kỳ kết thúc ngày	
	Mã số	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	370.665.155.529	157.872.601.215
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	383.768.521.245	352.582.212.864
Các khoản dự phòng	03	(5.212.011.648)	12.246.301.057
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	180.100.502	1.109.415.102
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(62.934.027.222)	(44.737.772.424)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	221.096.819.037	224.515.904.045
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	907.564.557.443	703.588.661.859
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(166.405.377.879)	(175.216.072.258)
Biến động hàng tồn kho	10	(433.959.133.218)	(548.522.916.281)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	145.738.036.000	307.380.293.933
Biến động chi phí trả trước	12	42.993.419.705	(368.216.257.474)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(804.054.642.092)	-
		(308.123.140.041)	(80.986.290.221)
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14	(209.158.479.906)	(210.324.810.309)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(83.439.141.730)	(64.145.511.712)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(775.696.113)	(250.931.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(601.496.457.790)	(355.707.543.242)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(281.070.897.876)	(219.801.664.163)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.231.651.090	2.749.930.863
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(1.141.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	261.500.000.000	134.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	30.470.342.960	28.987.895.484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.131.096.174	(1.195.063.837.816)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Cho kỳ kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận góp vốn	31	-	10.000.000
Tiền trả chi phí phát hành cổ phiếu	32	(50.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33	5.513.277.517.761	5.064.514.437.705
Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.166.050.815.684)	(4.275.131.119.045)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.333.439.389)	-
Tiền trả cổ tức	36	(27.530.627.600)	(27.530.627.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	316.312.635.088	761.862.691.060
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(273.052.726.528)	(788.908.689.998)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(148.527.502)	(92.903.586)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	1.362.593.957.619	696.597.809.054

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 3 công ty liên kết sở hữu gián tiếp (1/1/2021: 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 3 công ty liên kết sở hữu gián tiếp). Thông tin về các công ty con và các công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2021
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
1	Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	Tư vấn quản lý	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%
2	Công ty TNHH MNS Feed (“MNS Feed”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%
3	Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”)	(i) Chăn nuôi gia súc, gia cầm và chế biến, bảo quản thịt	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
1	Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (“MNS Feed Vĩnh Long”)	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Khu Công nghiệp Cổ Chiên, Ấp Sơn Đông, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2021
2	Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên ("MNS Feed Thái Nguyên")	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
3	Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang ("MNS Feed Tiền Giang")	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
4	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An ("MNS Feed Nghệ An")	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Khu Công nghiệp Nam Cấn, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
5	Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang ("MNS Feed Hậu Giang")	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Đường số 4, Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định ("ANCO Bình Định")	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Lô B4.06, Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2021
7	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”)	(ii) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
8	Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An (“MNS Farm Nghệ An”)	(iii) Chăn nuôi lợn	Xóm Cồn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
9	Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNS Meat Processing”)	(iii) Tư vấn quản lý	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
10	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (“MNS Meat Hà Nam”)	(iii) Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt	Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
11	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (“MEATDeli Sài Gòn”)	(iii) Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt	Khu Công nghiệp Tân Đức, Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%
12	Công ty TNHH MNS Farm (“MNS Farm”)	(iii) Tư vấn quản lý	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2021
13	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	(ii) Sản xuất thức ăn giàu đạm, chất tinh khiết và bột cá cao đạm cho chăn nuôi	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%
14	Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ (“Proconco Cần Thơ”)	(ii) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi	Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%
15	Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định (“Proconco Bình Định”)	(ii) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi	Lô A-2-5 và A-2-6, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%
16	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (“Proconco Hưng Yên”)	(ii) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi trâu và bò	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%
17	Công ty TNHH Thực Phẩm 3F VIỆT (“3F VIỆT Food”)	(iv) Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt	Áp Kiến An, Xã An Lập, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	51,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp						
1	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (“Thuận Phát”)	(ii) Sản xuất bao bì PP, PE và kinh doanh nguyên liệu nhựa	Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2021	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2021
2	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình (“Abattoir”)	(ii) Thực hiện các hoạt động giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%
3	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	(ii) Chế biến và kinh doanh thịt tươi, thực phẩm chế biến và các sản phẩm liên quan đến thịt	420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	24,90%	24,90%	24,90%

(i) Công ty đã hoàn tất mua lại 51% lợi ích trong Công ty Cổ phần 3F VIỆT vào ngày 20 tháng 11 năm 2020.

(ii) Các công ty con và các công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Feed.

(iii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Meat.

(iv) Công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua 3F VIỆT.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con và tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có 4.356 nhân viên (1/1/2021: 4.323 nhân viên).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi phần sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh, trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này nằm ngoài phạm vi áp dụng của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị của tài sản thuần được hợp nhất được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(j)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 15 năm
▪ tài sản sinh học	4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 35 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thương hiệu

Thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 9 đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(iv) Mọi quan hệ khách hàng

Mọi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 16 đến 20 năm.

Giá trị hợp lý của mọi quan hệ khách hàng có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(v) Công nghệ

Công nghệ mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Giá trị hợp lý của công nghệ có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho heo giống, xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi heo giống, xây dựng và lắp đặt.

(j) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Gà và heo giống

Chi phí gà giống và heo giống được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 3 năm. Chi phí phân bổ gà giống và heo giống có liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi heo thịt và gà thịt trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được vốn hóa vào giá gốc của sản phẩm dở dang.

(l) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành trái phiếu. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác

Vốn khác được phát sinh từ các giao dịch liên quan đến các công cụ vốn chủ sở hữu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và cổ tức từ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(s) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong Thuyết minh 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ gốc còn lại.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu có chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt là bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo vùng địa lý.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn hoạt động như một bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh là chuỗi cung ứng thịt và trong một bộ phận chia theo vùng địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.114.418.385	2.283.647.862
Tiền gửi ngân hàng	112.842.045.166	113.112.956.930
Tiền đang chuyển	7.137.494.068	98.606.857
Các khoản tương đương tiền	1.241.500.000.000	1.520.300.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	1.362.593.957.619	1.635.795.211.649

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

6. Đầu tư

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
▪ Chứng khoán kinh doanh (a)	804.054.642.092	-
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	23.450.000.000	134.950.000.000
	827.504.642.092	134.950.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
▪ Đầu tư vào các công ty liên kết (c)	2.146.096.443.528	2.146.548.963.099
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (d)	30.588.758.800	30.588.758.800
▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (d)	(4.112.740.000)	(5.627.960.000)
	2.172.572.462.328	2.171.509.761.899

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu	7.711.650	804.054.642.092	-

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên ba tháng và dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết

	30/6/2021				1/1/2021			
	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Vissan	20.180.026	24,9%	24,9%	2.135.490.172.000	20.180.026	24,9%	24,9%	2.135.490.172.000
Thuận Phát	490.000	25,0%	25,0%	4.140.185.236	490.000	25,0%	25,0%	4.289.329.696
Abattoir	900.000	25,0%	25,0%	6.466.086.292	900.000	25,0%	25,0%	6.769.461.403
				<u>2.146.096.443.528</u>				<u>2.146.548.963.099</u>

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Vissan VND	Thuận Phát VND	Abattoir VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.135.490.172.000	4.289.329.696	6.769.461.403	2.146.548.963.099
Phản lai/(lỗ) phát sinh sau ngày mua được chia	-	(149.144.460)	296.624.889	147.480.429
Cổ tức công bố	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.135.490.172.000	4.140.185.236	6.466.086.292	2.146.096.443.528

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2021				1/1/2021			
	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.164.600	5,41%	21.646.000.000	(4.112.740.000)	17.533.260.000	2.164.600	5,41%	21.646.000.000
Donatraco	850.800	10,63%	8.942.758.800	-	8.942.758.800	850.800	10,63%	8.942.758.800
			30.588.758.800	(4.112.740.000)	26.476.018.800			30.588.758.800
								(5.627.960.000)
								16.018.040.000
								8.942.758.800

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	5.627.960.000	8.441.940.000
Tăng dự phòng trong kỳ	-	2.381.060.000
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.515.220.000)	-
Số dư cuối kỳ	4.112.740.000	10.823.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản phải thu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, bao gồm trong các khoản trả trước cho người bán của Tập đoàn là 56.812 triệu VND (1/1/2021: 69.877 triệu VND) liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang.

Phải thu khác bao gồm:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Các khoản tiền lãi phải thu	97.237.963.932	62.534.258.483
Tạm ứng nhân viên	2.075.069.570	2.324.001.905
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.353.920.588	5.139.283.628
Cổ tức phải thu	425.400.000	-
Phải thu khác	4.407.673.331	7.310.423.807
	110.500.027.421	77.307.967.823
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	31.456.370.809	32.405.791.605

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	92.114.531.528	105.744.315.607
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.773.683.896	1.799.049.397
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(9.272.868.522)	(15.256.569.269)
	85.615.346.902	92.286.795.735
Số dư cuối kỳ		

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	482.091.576.813	-	459.084.932.233	-
Nguyên vật liệu	1.445.439.118.879	(5.768.919.617)	1.168.506.803.921	(1.299.376.917)
Công cụ và dụng cụ	106.772.590.713	-	103.156.978.499	(1.776.950.917)
Sản phẩm dở dang	403.071.356.274	-	311.633.159.151	-
Thành phẩm	257.396.038.737	(24.419.816.415)	218.245.504.872	(24.533.471.333)
Hàng hóa	1.530.926.411	-	1.715.095.933	-
	2.696.301.607.827	(30.188.736.032)	2.262.342.474.609	(27.609.799.167)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	27.609.799.167	21.119.126.801
Trích lập dự phòng trong kỳ	4.891.055.830	36.405.361.989
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.312.118.965)	(13.333.532.060)
Số dư cuối kỳ	30.188.736.032	44.190.956.730

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản sinh học VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.884.979.322.057	2.564.944.607.034	123.273.777.652	59.623.994.560	-	6.632.821.701.303
Tăng trong kỳ	4.031.304.777	28.071.112.443	130.000.000	1.245.894.000	-	33.478.311.220
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	54.429.200.950	96.236.206.424	177.834.408	-	3.576.382.138	154.419.623.920
Thanh lý	(2.543.386.762)	(5.933.379.545)	(3.287.943.420)	-	(117.912.602)	(11.882.622.329)
Số dư cuối kỳ	3.940.896.441.022	2.683.318.546.356	120.293.668.640	60.869.888.560	3.458.469.536	6.808.837.014.114
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	656.634.268.171	905.113.021.143	41.047.980.151	22.627.241.613	-	1.625.422.511.078
Khấu hao trong kỳ	87.657.113.016	147.263.312.211	11.208.363.031	4.947.173.068	256.617.823	251.332.579.149
Thanh lý	(695.127.287)	(4.488.599.103)	(3.252.243.420)	-	(2.099.813)	(8.438.069.623)
Số dư cuối kỳ	743.596.253.900	1.047.887.734.251	49.004.099.762	27.574.414.681	254.518.010	1.868.317.020.604
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	3.228.345.053.886	1.659.831.585.891	82.225.797.501	36.996.752.947	-	5.007.399.190.225
Số dư cuối kỳ	3.197.300.187.122	1.635.430.812.105	71.289.568.878	33.295.473.879	3.203.951.526	4.940.519.993.510

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	20.950.856.339	1.810.447.267	22.761.303.606
Tăng trong kỳ	347.131.754.710	-	418.096.202	347.549.850.912
Số dư cuối kỳ	347.131.754.710	20.950.856.339	2.228.543.469	370.311.154.518
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	443.666.189	38.897.259	482.563.448
Khấu hao trong kỳ	-	1.806.183.492	173.009.691	1.979.193.183
Số dư cuối kỳ	-	2.249.849.681	211.906.950	2.461.756.631
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	20.507.190.150	1.771.550.008	22.278.740.158
Số dư cuối kỳ	347.131.754.710	18.701.006.658	2.016.636.519	367.849.397.887

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vì tính VND	Thương hiệu VND	Mối quan hệ khách hàng VND	Kỹ thuật VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	219.899.009.016	61.847.220.755	1.814.782.021.840	2.535.977.276.845	566.000.000.000	5.198.505.528.456
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	34.330.989.548	31.400.105.269	483.374.833.549	728.231.235.813	566.000.000.000	1.843.337.164.179
Khấu hao trong kỳ	3.027.306.291	4.546.393.380	51.474.001.215	64.167.414.901	-	123.215.115.787
Số dư cuối kỳ	37.358.295.839	35.946.498.649	534.848.834.764	792.398.650.714	566.000.000.000	1.966.552.279.966
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	185.568.019.468	30.447.115.486	1.331.407.188.291	1.807.746.041.032	-	3.355.168.364.277
Số dư cuối kỳ	182.540.713.177	25.900.722.106	1.279.933.187.076	1.743.578.626.131	-	3.231.953.248.490

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	181.974.737.981	353.241.217.535
Tăng trong kỳ	153.560.658.353	563.580.270.154
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(154.419.623.920)	(81.447.734.311)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.401.150.000)	-
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	(16.725.842.910)	7.911.197.452
Số dư cuối kỳ	161.988.779.504	843.284.950.830

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Máy móc và thiết bị	85.240.453.501	101.949.035.951
Nhà cửa và vật kiến trúc	67.235.942.310	65.934.569.800
Các công trình khác	9.512.383.693	14.091.132.230
	161.988.779.504	181.974.737.981

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Gà giống	93.311.655.040	81.879.962.385
Công cụ và dụng cụ	21.373.324.833	22.946.828.578
Phí bảo hiểm	2.895.340.794	2.531.295.441
Thuê hoạt động	5.609.043.101	2.315.939.143
Chi phí khác	12.514.615.249	13.764.491.810
	135.703.979.017	123.438.517.357

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Heo giống VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	597.327.305.629	34.638.259.509	59.003.097.233	75.296.603.663	766.265.266.034
Tăng trong kỳ	-	8.984.091.033	-	3.002.476.461	11.986.567.494
Chuyển từ/(sang) xây dựng cơ bản dở dang	-	3.350.179.551	13.722.163.359	(346.500.000)	16.725.842.910
Thanh lý	-	(19.800.000)	(12.682.416.248)	-	(12.702.216.248)
Phân loại lại	106.683.665	(246.648.251)	-	139.964.586	-
Phân bổ trong kỳ	(7.498.337.882)	(12.850.841.128)	(16.730.822.329)	(17.463.231.272)	(54.543.232.611)
Số dư cuối kỳ	589.935.651.412	33.855.240.714	43.312.022.015	60.629.313.438	727.732.227.579

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	144.832.662.517
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.206.938.854
Phân bổ trong kỳ	7.241.633.126
Số dư cuối kỳ	8.448.571.980
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	143.625.723.663
Số dư cuối kỳ	136.384.090.537

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bunge Asia Pte. Ltd.	177.895.766.928	177.895.766.928	16.727.585.755	16.727.585.755
Công ty Cổ phần Hum	111.311.805.590	111.311.805.590	112.533.147.814	112.533.147.814
Các nhà cung cấp khác	1.128.251.363.764	1.128.251.363.764	1.082.641.273.850	1.082.641.273.850
	1.417.458.936.282	1.417.458.936.282	1.211.902.007.419	1.211.902.007.419

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các công ty liên kết				
Thuận Phát	5.785.195.493	5.785.195.493	4.144.420.506	4.144.420.506
Abattoir	768.927.960	768.927.960	566.385.400	566.385.400
Các bên liên quan khác				
Công ty Cổ phần Hàng				
Tiêu dùng Masan	45.337.951.861	45.337.951.861	22.923.950.274	22.923.950.274
Công ty TNHH Một				
Thành viên Công				
ngiệp Masan	998.188.730	998.188.730	-	-
Công ty Cổ phần Dịch				
vụ Thương mại Tổng				
hợp VinCommerce	61.680.190	61.680.190	96.591.591	96.591.591
	52.951.944.234	52.951.944.234	27.731.347.771	27.731.347.771

Khoản phải trả cho các công ty liên kết và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Cần trừ/Phân loại lại/Hoàn lại VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.853.408.053	31.210.521.041	(4.557.177.105)	(23.706.661.159)	5.800.090.830
Thuế xuất nhập khẩu	42.733.644	25.541.729.972	(25.471.206.961)	(113.256.655)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.109.536.433	88.915.077.912	(83.439.141.730)	(6.478.840.091)	76.106.632.524
Thuế thu nhập cá nhân	9.175.445.371	29.876.384.440	(29.827.573.556)	(5.478.987.394)	3.745.268.861
Các loại thuế khác	7.034.400	270.504.908	(277.436.108)	-	103.200
	89.188.157.901	175.814.218.273	(143.572.535.460)	(35.777.745.299)	85.652.095.415

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	233.847.080.632	319.777.308.156
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	14.141.416.046	30.195.906.640
Thưởng thành tích và lương tháng 13	74.134.277.310	88.668.006.045
Chi phí lãi vay	72.605.382.318	67.447.906.749
Chi phí vận chuyển	20.074.541.576	8.961.029.431
Phải trả công trình xây dựng	76.667.873.167	172.437.425.556
Chi phí khác	59.287.042.287	32.036.293.988
	550.757.613.336	719.523.876.565

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Cổ tức phải trả	70.000	27.530.697.600
Chi phí lãi vay phải trả	1.478.794.521	4.755.506.850
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	3.875.790.938	544.072.657
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.887.056.592	1.890.698.011
Phải trả khác	8.003.822.668	8.346.012.152
	15.245.534.719	43.066.987.270

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay và trái phiếu

(a) Vay và trái phiếu ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong kỳ	30/6/2021
	Giá trị ghi sổ	Vay	Hoàn trả	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.762.890.840.186	5.419.948.133.685	(4.958.811.832.112)	3.224.027.141.759
Vay dài hạn đến hạn trả	497.581.005.758	303.617.804.563	(207.238.983.572)	594.784.245.654
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.712.550.866	48.448.397.091	(3.333.439.389)	50.003.089.663
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	1.986.509.803.914	10.205.882.352	-	1.996.715.686.266
	5.252.694.200.724	5.782.220.217.691	(5.169.384.255.073)	5.865.530.163.342

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và trái phiếu dài hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	1.966.381.296.662	2.080.290.896.158
Trái phiếu thường (i)	1.996.715.686.266	1.986.509.803.914
Nợ thuê tài chính dài hạn	355.188.262.539	10.931.224.876
	4.318.285.245.467	4.077.731.924.948
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.641.503.021.583)	(2.489.803.360.538)
	1.676.782.223.884	1.587.928.564.410

(i) Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trái phiếu thường	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(3.284.313.734)	(13.490.196.086)
	1.996.715.686.266	1.986.509.803.914

Trái phiếu được đảm bảo của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm:

- 1.300 tỷ VND (1/1/2021: 1.300 tỷ VND) trái phiếu, chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm (2021) và chịu lãi suất năm là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 99,99% vốn góp của MNS Meat và 10,53% vốn góp của MNS Feed (1/1/2021: 10,53% vốn góp của MNS Feed); và
- 700 tỷ VND (1/1/2021: 700 tỷ VND) trái phiếu, chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm (2021) và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 17,1 triệu cổ phiếu của ANCO và 14,4 triệu cổ phiếu của Proconco (1/1/2021: 14,4 triệu cổ phiếu của Proconco).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của chi phí phát hành trái phiếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.490.196.086	17.001.960.791
Phân bổ trong kỳ	(10.205.882.352)	(10.284.123.096)
Số dư cuối kỳ	3.284.313.734	6.717.837.695

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị của Công ty hoặc các công ty con phê duyệt. Quỹ này dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Không có biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ.

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	27.399.079.000	27.951.319.000
Dự phòng khôi phục hiện trường	6.199.404.404	6.199.404.404
	33.598.483.404	34.150.723.404

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND	Khôi phục hiện trường VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	27.951.319.000	6.199.404.404	34.150.723.404
Tăng dự phòng trong kỳ	223.456.113	-	223.456.113
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(775.696.113)	-	(775.696.113)
Số dư cuối kỳ	27.399.079.000	6.199.404.404	33.598.483.404

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(175.543.000.000)	140.019.641.401	2.196.339.816.285	7.523.195.942.835
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(12.981.055.848)	98.053.753.497	85.072.697.649
Vốn góp vào công ty con của cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>3.243.274.470.000</u>	<u>2.119.105.015.149</u>	<u>(175.543.000.000)</u>	<u>127.038.585.553</u>	<u>2.294.403.569.782</u>	<u>7.608.278.640.484</u>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(175.543.000.000)	403.360.978.012	2.849.192.687.799	8.463.214.150.960
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	289.552.799.532	(1.230.709.641)	288.322.089.891
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>3.267.148.470.000</u>	<u>2.119.055.015.149</u>	<u>(175.543.000.000)</u>	<u>692.913.777.544</u>	<u>2.847.961.978.158</u>	<u>8.751.536.240.851</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.714.847	3.267.148.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động của vốn cổ phần trong kỳ.

24. Vốn khác của chủ sở hữu

Trong năm 2016, ANCO, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Proconco. Công ty đã ghi nhận giao dịch này trong vốn khác của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và doanh thu khác	10.705.342.372.641	7.588.017.362.870
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	471.198.379.727	384.904.653.823
▪ Hàng bán bị trả lại	2.274.546.521	749.182.372
▪ Giảm giá hàng bán	21.000.000	-
	473.493.926.248	385.653.836.195
Doanh thu thuần	10.231.848.446.393	7.202.363.526.675

26. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán và giá vốn khác	8.920.263.435.638	5.980.676.558.010
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.578.936.865	23.071.829.929
	8.922.842.372.503	6.003.748.387.939

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập lãi từ:		
▪ Tiền gửi ngân hàng	24.849.162.124	17.617.331.375
▪ Các hoạt động đầu tư cho vay khác	39.724.886.285	25.030.958.904
Thu nhập cổ tức	425.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.543.330.980	4.326.091.189
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.814.285	31.252.821
Thu nhập tài chính khác	20.311.583	-
	68.569.905.257	47.005.634.289

28. Chi phí tài chính

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Trái chủ	77.815.273.460	89.397.222.161
▪ Ngân hàng và bên thứ ba	124.965.800.213	123.355.764.267
▪ Bên liên quan	8.109.863.012	1.478.794.521
Chi phí phát hành trái phiếu	10.205.882.352	10.284.123.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	941.169.349	925.225.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	186.914.787	1.140.667.923
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.515.220.000)	2.381.060.000
Chi phí tài chính khác	34.480.434.433	25.676.095.548
	255.190.117.606	254.638.952.645

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	159.048.206.572	164.321.989.578
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	76.064.082.269	108.453.164.867
Chi phí vận chuyển	104.155.547.894	78.280.018.507
Chi phí thuê hoạt động	14.632.357.280	18.621.039.176
Khấu hao và phân bổ	12.674.660.277	9.159.373.442
Chi phí công cụ và dụng cụ	7.045.011.622	10.689.454.318
Chi phí bán hàng khác	72.821.517.463	72.086.453.555
	446.441.383.377	461.611.493.443

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Phân bổ điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại	131.350.288.344	150.032.959.042
Chi phí nhân viên	125.617.289.504	123.733.733.778
Chi phí thuê hoạt động	12.051.912.010	10.540.047.603
Khấu hao và phân bổ	30.568.146.195	20.762.437.045
Dụng cụ văn phòng	4.413.733.626	5.012.178.661
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(6.499.184.626)	(13.451.050.609)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	83.288.309.617	74.467.683.493
	380.790.494.670	371.097.989.013

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

31. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ là 289.553 triệu VND (lỗ thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 12.981 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ là 326.714.847 (cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 324.327.447 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	289.552.799.532	(12.981.055.848)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành	326.714.847	324.327.447
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	326.714.847	324.327.447

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Bán hàng	1.284.488.034	6.318.405.918
Nhận và trả gốc vay	-	1.000.000.000.000
Thu gốc cho vay	150.000.000.000	-
Nhận lãi vay	2.697.945.206	-
Thu nhập lãi vay	373.972.603	-
Chi phí lãi vay	-	1.478.794.521
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình		
Phí gia công	4.432.741.120	2.989.191.968
Thu nhập cô tức	600.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát		
Mua hàng	35.936.853.677	13.435.957.764
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí dịch vụ quản lý và phí công nghệ thông tin	22.611.334.173	24.013.211.127
Mua hàng	822.638.104	1.329.334.097
Bán hàng	43.821.202	9.180.831.720
Công ty Cổ phần Masan Jinju		
Mua hàng	338.120.795	60.033.875
Bán hàng	29.306.363.401	11.723.134.652
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD		
Bán hàng	1.689.546.415	606.748.638
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Mua hàng	1.967.684.217	570.273.136
Bán hàng	7.051.822.383	4.430.581.235
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery		
Distribution		
Bán hàng	1.063.835.560	5.202.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bột giặt NET		
Mua hàng	-	124.019.991
Công ty TNHH Hi-Fresh		
Bán hàng	86.709.263	-
Công ty Cổ phần Masan Blue		
Bán hàng	576.777	178.907.288
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo		
Bán hàng	-	3.636.364
Công ty TNHH Tầm Nhìn Masan		
Trả gốc vay	260.000.000.000	
Trả lãi vay	5.727.123.287	
Chi phí lãi vay	8.109.863.012	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce		
Mua hàng	1.673.934.438	901.090.057
Bán hàng	578.857.539.106	177.917.562.697
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt	20.363.351.986	20.273.148.334

Tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Giải trình biến động lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN Quý 2/2021 của Tập đoàn đạt 142,30 tỷ VND, tăng 100% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 71,19 tỷ VND chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Doanh thu thuần Quý 2/2021 đạt 5.527,78 tỷ VND, tăng trưởng 1.722,68 tỷ đồng (+45%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó Ngành Thức ăn chăn nuôi tăng trưởng 1.377 tỷ đồng và Ngành Thịt cùng Ngành Chăn nuôi đóng góp thêm 136 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020;
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 10,94 tỷ đồng (+43%) so với cùng kỳ năm trước từ việc tăng thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bế
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính


Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



V/v: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của
Tổ Chức Phát Hành

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 6 năm 2021

CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife (“**Tổ Chức Phát Hành**”) dự kiến chào bán ra công chúng các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, có bảo lãnh của bên thứ ba, và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có tổng mệnh giá tối đa là 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng) (“**Trái Phiếu**”) theo các điều khoản và điều kiện cụ thể được nêu trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng và các văn kiện trái phiếu khác.

Tổ Chức Phát Hành hiện đang nộp hồ sơ lên Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước để xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho đợt chào bán Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành bằng văn bản này cam kết với chủ sở hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) tuân thủ điều kiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng, (ii) việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu, và (iii) việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu Trái Phiếu theo các văn kiện trái phiếu.

Thay mặt và đại diện cho

Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife



Họ tên:

Danny Lê

Chức vụ:

CHỦ TỊCH HĐQT

BẢN KÝ

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
Số: 01/2021/BHA/MML-TCBS

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
với tư cách Tổ Chức Phát Hành

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT
với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

TRÁI PHIẾU MMLB2126001

Ngày 4 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI.....	2
1.01 Định Nghĩa.....	2
1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải	3
ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	4
ĐIỀU 3. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	5
ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU.....	7
4.01 Giá Trị Phát Hành	7
4.02 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu.....	7
4.03 Tính Chất Trái Phiếu.....	7
4.04 Giao Dịch Trái Phiếu	7
4.05 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	8
ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	8
5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	8
5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	9
ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT	10
6.01 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành.....	10
6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	13
ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ.....	14
ĐIỀU 8. BỒI HOÀN	14
ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	15
9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	15
9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm.....	16
9.03 Thay Thế Bắt Buộc	16
9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động.....	17
ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT	18
ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	18
11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy	18
11.02 Bảo Mật.....	18
11.03 Chuyển Giao	19
11.04 Thông Báo.....	19
11.05 Luật Điều Chỉnh.....	19
11.06 Giải Quyết Tranh Chấp.....	20
11.07 Sửa Đổi	20
11.08 Hiệu Lực Riêng Rẽ	20
11.09 Ngôn Ngữ Và Số Bản	20
PHỤ LỤC I CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU	22
PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẢNG VẤN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	23
PHỤ LỤC III MẪU THỎA THUẬN THAM GIA.....	31

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (“Hợp Đồng”) được lập vào ngày 1 tháng 6 năm 2021 giữa:

(1) CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Địa Chỉ : Lầu 10, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 7 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm

Người Đại Diện : **Danny Le**

Chức Vụ : **CHỦ TỊCH HĐQT**

Văn Bản Ủy Quyền :

(Trong Hợp Đồng này, Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife sau đây được gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”);

và

(2) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT hành động với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây)

Địa Chỉ : Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Người Đại Diện : Bà: Trần Thị Thu Trang - Chức vụ: Giám đốc tư vấn phát hành TCBS

Chức Vụ : Số 09/2019/UG-CT ngày 02/12/2019 của Chủ tịch HĐQT

Văn Bản Ủy Quyền :

(Trong Hợp Đồng này, Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thuật sau đây được gọi là “**TCBS**”).

CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

XÉT RẰNG:

- (A) Tổ Chức Phát Hành dự định chào bán ra công chúng các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, có bảo lãnh của bên thứ ba và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, với tổng mệnh giá tối đa 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng) với lãi suất kết hợp giữa lãi suất thả nổi và lãi suất cố định, đáo hạn năm 2026 ("**Trái Phiếu**") với các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng này ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**");
- (B) Tổ Chức Phát Hành mong muốn chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; và
- (C) TCBS đồng ý thực hiện nhiệm vụ đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

DO VẬY, NAY, các Bên thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

1.01 Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này (kể cả phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này và phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng) sẽ có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu. Ngoài ra, khi được sử dụng trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

"**Bên**" có nghĩa là mỗi bên trong số Tổ Chức Phát Hành và TCBS với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.

"**Bên Bảo Lãnh**" có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0303576603 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2004 (như được sửa đổi tại từng thời điểm).

"**Các Điều Kiện Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

"**Đại Biểu**" có nghĩa như được quy định tại Mục 3.2 của Phụ Lục II.

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định tại Điều 2(a) và cũng là "Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu" được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đương Nhiệm**" có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

“Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

“Hội Nghị” có nghĩa như được quy định tại Mục 1.1 của Phụ Lục II.

“Hợp Đồng” có nghĩa là hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu này, cùng với các Phụ Lục.

“Sở Giao Dịch Chứng Khoán”, tùy hoàn cảnh áp dụng, có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào được công nhận tại Việt Nam mà (i) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ gửi các nội dung công bố thông tin theo quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật khác hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Tổ Chức Phát Hành, hoặc (ii) tại đó, Trái Phiếu được phép niêm yết để giao dịch tập trung theo lựa chọn của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

“TCBS” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“Thông Báo Lấy Ý Kiến” có nghĩa như được quy định tại Mục 6.6 của Phụ Lục II.

“Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị” có nghĩa như được quy định tại Mục 1.7 của Phụ Lục II.

“Tổ Chức Phát Hành” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“VIAC” có nghĩa như được quy định tại Điều 11.06.

“Yêu Cầu Lấy Ý Kiến” có nghĩa như được quy định tại Mục 6.2 của Phụ Lục II.

“Yêu Cầu Triệu Tập” có nghĩa như được quy định tại Mục 1.3 của Phụ Lục II.

1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải

(a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.01 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp văn cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.

(b) Tiêu đề của các Điều, khoản chỉ nhằm để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản của Hợp Đồng này.

(c) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến các Phụ Lục, Điều, khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản và đoạn của Hợp Đồng này.

(d) Các từ “của Hợp Đồng này”, “trong Hợp Đồng này”, và “theo Hợp Đồng này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng.

(e) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ đính, phụ lục, và các phụ mục khác đính kèm văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.

(f) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

(g) Dẫn chiếu đến “nghị quyết”, “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến nghị quyết, quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(i) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành, được thanh toán đầy đủ bởi Bên Mua Trái Phiếu và/hoặc Bên Nhận Chuyển Nhượng nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ.

(j) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

(k) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với nhiệm vụ chung là giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết, thỏa thuận và nghĩa vụ của mình đối với Trái Phiếu và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích quy định cụ thể trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu có liên quan (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”). Bằng Hợp Đồng này, TCBS đồng ý việc chỉ định này.

(b) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên

quan, công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu và các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

(c) Trong khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt.

(d) Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định khác đi tại Điều 2(g) dưới đây và Các Điều Kiện Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

(f) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, và Tổ Chức Phát Hành đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có khả năng phát sinh trong tương lai.

(g) Nếu:

(i) theo Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào của mình quy định tại bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc

(ii) xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế đó chưa hoàn tất,

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

ĐIỀU 3. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:

(i) ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (ii) thay mặt Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (iii) phù hợp với quy định tại Điều 5.02, giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; thông báo ngay cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm cam kết theo bất kỳ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu nào; báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp phát hiện và có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iv) triệu tập và tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này khi có yêu cầu hợp lệ của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc của Tổ Chức Phát Hành hoặc các bên khác trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 5.01), và nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký biên bản Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) nhận và thông báo ngay cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Bên Bảo Lãnh hoặc VSD (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (vi) nhận và gửi ngay cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Bên Bảo Lãnh thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (vii) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, hỗ trợ hoặc thay mặt Tổ Chức Phát Hành (trong phạm vi pháp luật cho phép) gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền nhằm mục đích chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại từng thời điểm cho VSD;
- (viii) thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, và Bên Bảo Lãnh thực hiện các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các quyết định/ngợi quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ix) tạo điều kiện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trên cơ sở có thu phí đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp

bản sao của các tài liệu đó cho nhà đầu tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 11.02 và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan và có thu phí đối với nhà đầu tư đó;

- (x) lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan;
- (xi) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Thỏa Thuận Bảo Lãnh; và
- (xii) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU

4.01 Giá Trị Phát Hành

Tổng mệnh giá Trái Phiếu được phát hành không vượt quá 1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng). Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm cụ thể sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

4.02 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu

(a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(b) Các Điều Kiện Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.03 Tính Chất Trái Phiếu

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, có bảo lãnh của bên thứ ba và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trái Phiếu có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Các Trái Phiếu có các quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào hơn so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

4.04 Giao Dịch Trái Phiếu

Trong khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, mọi giao dịch đối với Trái

Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký. Trong giai đoạn Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, và các quy chế có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan.

4.05 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các hình thức phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Hợp Đồng này và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng một hoặc kết hợp các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản giấy, hình thức bỏ phiếu điện tử, và các hình thức khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

(b) Trình tự và thủ tục tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này. Trình tự và thủ tục Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (nếu áp dụng) hoặc các hình thức khác sẽ theo quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc các quy chế khác có liên quan do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu công bố tại từng thời điểm và sẽ được gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu lấy ý kiến có liên quan với điều kiện là các quy chế đó phải đảm bảo thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá thời hạn Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Phụ Lục II.

ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện các công việc và nhiệm vụ được quy định trong Hợp Đồng này một cách cẩn trọng và phù hợp với thông lệ thị trường trong nước đã được công nhận áp dụng cho các công việc và nhiệm vụ tương tự như các công việc và nhiệm vụ của một tổ chức làm đại diện cho quyền lợi của các chủ sở hữu của loại chứng khoán tương tự như các Trái Phiếu tại Việt Nam.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong các Văn Khoản Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, kể cả các quyền và quyền hạn sau:

- (i) quyết định các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Khoản Trái Phiếu trừ các vấn đề mà các Văn Khoản Trái Phiếu quy định phải xin ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được đưa ra quyết định phù hợp với ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (ii) quyết định việc lựa chọn hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của Hợp Đồng này khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định hoặc chỉ thị cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc khi người có thẩm quyền yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không đưa ra phương thức lấy ý kiến cụ thể;
 - (iii) dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này; và
 - (iv) bằng chi phí của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm hỗ trợ việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện bất kỳ công việc hoặc nhiệm vụ nào.
- (c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia bất kỳ giao dịch nào khác với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép.
- (d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay bất kỳ vai trò tương tự nào) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải là Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.

5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, công nhận và đồng ý rằng:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ quy định nào của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quyết định, phán quyết của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào hay quy chế của VSD hoặc bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào;
- (iii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đối với bất kỳ cam kết nào của Tổ Chức Phát Hành khi có bằng chứng rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc vi phạm đó và việc thông báo về Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đó (tùy trường hợp áp dụng) không dẫn đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với các Tổ Chức/Cá Nhân khác (mà không phải là Tổ Chức Phát Hành). Nghĩa

vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành được quy định trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu được giới hạn trong phạm vi hiểu biết thông thường và trong khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iv) khi có chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được cam kết hoặc bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và
- (v) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

6.01 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng các cam đoan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành (trừ các cam đoan và bảo đảm có dẫn chiếu đến một ngày cụ thể thì cam đoan và bảo đảm đó chỉ được đưa ra vào ngày cụ thể đó):

- (i) Tổ Chức Phát Hành là một công ty cổ phần được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam;
- (ii) ngoại trừ các chấp thuận của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền mà Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải có để đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan, vào Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền để (A) chào bán các Trái Phiếu ra công chúng, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên (nếu có);
- (iii) ngoại trừ chấp thuận của hội đồng quản trị và/hoặc cơ quan quản lý nội bộ khác của Tổ Chức Phát Hành để hoàn tất việc đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan mà VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán đó và/hoặc Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền khác có thể yêu cầu tại từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành đã có được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu

lực của Tổ Chức Phát Hành để (A) chào bán các Trái Phiếu ra công chúng, đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên;

- (iv) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các điều khoản của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan có quy định khác về việc thi hành các nghĩa vụ đó; và
- (v) việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và việc Tổ Chức Phát Hành ký kết, chuyển giao và thực hiện Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo hoặc liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này (kể cả nghĩa vụ trả phí và chi phí cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu);
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối đa trong việc thực hiện các công việc và nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (iii) Tổ Chức Phát Hành sẽ có được và duy trì hiệu lực của tất cả phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận liên quan đến các Trái Phiếu phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các văn kiện công ty của Tổ Chức Phát Hành, và cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông tin chi tiết về các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iv) Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu) các thông tin sau, với điều kiện là việc cung cấp thông tin không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào, quyết định hoặc yêu cầu của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào:

- (A) (các) bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành và kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn như được quy định tại Điều Khoản 11(n) của Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (B) trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về (xx) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (yy) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành và (zz) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về sự thay đổi đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp các thay đổi đó đã được công bố thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật;
- (C) Báo Cáo Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (D) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (E) Một bản sao y được xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành đối với toàn bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Phát Hành;
- (F) tối thiểu 5 (năm) Ngày Làm Việc sau khi hoàn tất bất kỳ giao dịch tổ chức lại doanh nghiệp và/hoặc chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành thỏa mãn quy định tại Điều Khoản 11(h) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về việc hoàn tất giao dịch đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kèm theo các thông tin hoặc tài liệu liên quan (nếu có);
- (G) thông tin về bất kỳ vụ kiện tụng nào (xx) theo đánh giá của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi nhận được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (yy) theo đánh giá của Tổ Chức Phát Hành là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó; và
- (H) thông tin về bất kỳ sự kiện nào mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

Bất kể có quy định nào khác đi trong Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào (mà không phải là thông tin đã được công khai một cách hợp pháp) nhận được từ Tổ Chức Phát Hành theo đoạn (iv) này cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào không phải là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp (x) bắt buộc phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan hoặc yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, hoặc (y) được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước; và

- (v) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan về nghĩa vụ công bố thông tin được áp dụng đối với Tổ Chức Phát Hành.

6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam đoan và bảo đảm với Tổ Chức Phát Hành rằng các cam đoan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành (trừ các cam đoan và bảo đảm có dẫn chiếu đến một ngày cụ thể thì cam đoan và bảo đảm đó chỉ được đưa ra vào ngày cụ thể đó):

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một công ty được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, có đầy đủ quyền, thẩm quyền và quyền hạn nội bộ cần thiết và đã thực hiện tất cả các thủ tục nội bộ và đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết để (A) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và (B) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này. Các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ phê duyệt, giấy phép, đăng ký hay chấp thuận nào như vậy;
- (ii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này sẽ xác lập các nghĩa vụ pháp lý có giá trị ràng buộc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và có khả năng thi hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này; và
- (iii) việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký kết, chuyển giao hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện công ty của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ và giấy phép hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam kết không tự chấm dứt vai trò hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trừ trường hợp được quy định trong Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khoản phí liên quan đến các công việc và dịch vụ mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này với mức phí và theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại một thư thỏa thuận phí được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể cung cấp cho các Tổ Chức/Cá Nhân khác (không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Trái Phiếu, *với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi đối với các quyền mà Tổ Chức Phát Hành có được theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác*, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền ấn định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các Tổ Chức/Cá Nhân khác đó phải thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Mọi chi phí và phí tổn liên quan đến việc gửi thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và thực hiện các nhiệm vụ hay công việc khác phù hợp với Hợp Đồng này mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý trên thực tế sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn và bằng chứng hợp lệ có liên quan từ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, *với điều kiện là các khoản phí và chi phí này đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo bằng văn bản và nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành*. Để tránh nhầm lẫn, trong trường hợp Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, chi phí mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ hay công việc có liên quan sẽ do các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thỏa thuận giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.

ĐIỀU 8. BỒI HOÀN

(a) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bồi thường và bồi hoàn (tính theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu trên thực tế (trừ trường hợp và trong phạm vi thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm đó là phát sinh trực tiếp từ lỗi vô ý nghiêm trọng, lỗi cố ý và/hoặc bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng này của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) khi hành động theo chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

(b) Mỗi Bên phải bồi thường và bồi hoàn cho Bên còn lại mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, phí và phí tổn hợp lý, bao gồm cả phí luật sư và phí trọng tài (nếu có) dưới bất kỳ hình thức nào mà Bên còn lại phải gánh chịu trên thực tế phát sinh trực tiếp từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm nào của Bên phải bồi thường theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này.

(b) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ không có hiệu lực và không hợp lệ cho đến khi việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế có hiệu lực (trừ trường hợp thay thế theo quy định tại Điều 9.04).

(c) Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Bên Bảo Lãnh và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực kể từ ngày các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấm dứt hoạt động quy định tại Điều **Error! Reference source not found.**), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục III của Hợp Đồng này ("**Thỏa Thuận Tham Gia**").

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(f) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Bên Bảo Lãnh và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có hiệu lực và Thỏa Thuận Tham Gia được ký kết hợp lệ.

(g) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện các công việc và nhiệm vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này).

(h) Nếu xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này nhưng việc thay thế chưa hoàn tất thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu

Trái Phiếu có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối phù hợp với các quy định của Hợp Đồng này, Các Điều Khoản Trái Phiếu, và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm.

(b) Tổ Chức Phát Hành, hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một hoặc một vài tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm.

(c) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc sau khi nhận được đề xuất của các bên về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo đoạn (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

9.03 Thay Thế Bất Buộc

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như được quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) có sự thay đổi đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sự thay đổi này chưa được thi hành và chưa có hiệu lực vào ngày ký kết Hợp Đồng hoặc thỏa thuận tham gia có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) nhưng gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác; hoặc
- (iii) có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành theo đây đồng ý rằng ngay khi Tổ Chức Phát Hành có bằng chứng rõ ràng về việc vi phạm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo quy định tại

mục (i) của Điều 9.03(a) này, Tổ Chức Phát Hành sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành biết về việc sự kiện đó.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo đây đồng ý rằng, ngay khi bất kỳ sự kiện nào quy định tại các mục (ii) và (iii) của Điều 9.03(a) này xảy ra trên thực tế hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết về việc sự kiện đó đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế.

(b) Tổ Chức Phát Hành hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một hoặc một vài tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày ghi trên thông báo của Tổ Chức Phát Hành về việc vi phạm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và/hoặc ngày ghi trên thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm về việc xảy ra sự kiện quy định tại các mục (ii) và (iii) của Điều 9.03(a) (tùy từng trường hợp áp dụng). Nếu việc thay thế thuộc trường hợp quy định mục đoạn (iii) của Điều 9.03(a) thì việc đề xuất một hoặc một vài tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải hoàn tất trước thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền.

(c) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc sau khi nhận được đề xuất của các bên về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ phối hợp với các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo mục (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ quyết định nào về việc chấm dứt hoạt động của mình.

(b) Tổ Chức Phát Hành hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một hoặc một vài tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm về việc chấm dứt hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm.

(c) Ngay khi có thể sau khi nhận được đề xuất của nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Tổ Chức Phát Hành phải nỗ lực trên cơ sở hợp tác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ

định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo mục (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(d) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả và trong khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như thể sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.04 này chưa xảy ra.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

(a) Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây (tùy thuộc vào thời điểm nào xảy ra trước):

(i) không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành trước (A) ngày thứ 91 (chín mươi một) kể từ ngày có hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, hoặc ngày của thông báo phát hành trái phiếu ra công chúng (tùy từng trường hợp áp dụng); hoặc (B) ngày kết thúc một thời hạn chào bán Trái Phiếu dài hơn nếu được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận gia hạn; và

(ii) khi các Trái Phiếu đã được mua lại toàn bộ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ.

(b) Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi Bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 8, 10(b), 11.02, 11.04, 11.05 và 11.06 vẫn có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy

(a) Việc một Bên không thực hiện hay chậm thực hiện bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là Bên đó từ bỏ quyền đó hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ có liên quan. Việc một Bên từ bỏ quyền hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ phải được lập bằng văn bản và được ký bởi Bên đó.

(b) Các quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan có thể được thực hiện cùng nhau mà không loại trừ lẫn nhau trừ trường hợp việc thực hiện cùng nhau đó không được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.02 Bảo Mật

Mỗi Bên phải bảo đảm giữ bí mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ nội dung của Hợp Đồng này và việc thực hiện Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ trường hợp:

- (i) việc tiết lộ đó đã được Bên kia chấp thuận bằng văn bản;
- (ii) việc tiết lộ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, và Bên Bảo Lãnh;
- (iii) việc tiết lộ là bắt buộc theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy định của VSD và bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan nào, hoặc theo yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền;
- (iv) việc tiết lộ bởi Tổ Chức Phát Hành cho nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng vào Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch có liên quan đến Trái Phiếu với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) việc tiết lộ bởi một Bên cho Công Ty Con, công ty liên kết và cán bộ, nhân viên, kế toán, luật sư, đơn vị tư vấn và người đại diện tương ứng của Bên đó trong phạm vi mà các Tổ Chức/Cá Nhân này là những người cần được biết nội dung của Hợp Đồng này nhằm thực hiện nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này; hoặc
- (vi) thông tin đã trở nên công khai (ngoại trừ trường hợp là hậu quả của việc vi phạm Điều 11.02 này),

tuy nhiên, với điều kiện là việc tiết lộ thông tin trong các trường hợp trên không áp dụng đối với thư thỏa thuận phí quy định tại Điều 7(a), và trước khi tiết lộ thông tin theo các Điều 11.02(iv) và 11.02(v) trên đây, Bên tiết lộ thông tin phải thông báo cho các Tổ Chức/Cá Nhân tiếp nhận thông tin về điều khoản bảo mật này và tính chất mật của nội dung của Hợp Đồng này và đồng thời đảm bảo các Tổ Chức/Cá Nhân đó cam kết tuân thủ nghĩa vụ bảo mật phù hợp với quy định của Điều 11.02 này.

11.03 Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.04 Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp Đồng này sẽ theo phương thức quy định tại Điều Kiện 13 của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

11.05 Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

11.06 Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này (kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

11.07 Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi Các Bên. Các Bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật, (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận hoặc (iii) việc sửa đổi áp dụng đối với thư thỏa thuận phí quy định tại Điều 7(a) của Hợp Đồng này. Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước.

11.08 Hiệu Lực Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thì hành theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.09 Ngôn Ngữ Và Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 3 (ba) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giữ 1 (một) bản gốc, Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc (bao gồm 1 (một) bản sử dụng để nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu).

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống.
Phần chữ ký nằm ở trang tiếp theo.]*

PHỤ LỤC I

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

*[Các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu bắt đầu từ trang sau.
Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống.]*

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU (MMLB2126001)

1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1. Các điều khoản và điều kiện này ("**Các Điều Khoản Trái Phiếu**") điều chỉnh các trái phiếu MMLB2126001 ("**Trái Phiếu**") do Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife ("**Tổ Chức Phát Hành**") phát hành theo phương án phát hành trái phiếu được Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt theo Nghị Quyết số 217/2021/NQ-HDQT ngày 31 tháng 5 năm 2021 ("**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**"). Các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 17.1.
- 1.2. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc đăng ký và các công việc khác đối với Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Lý Đăng Ký**"). Căn cứ hợp đồng đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng số 01/2021/RA/MML-TCBS ngày 4 tháng 6 năm 2021 ("**Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký**") được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương ("**TCBS**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- 1.3. Trong suốt thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc lưu ký và các công việc khác đối với Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Tổ Chức Lưu Ký**"). Để làm rõ, khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, vai trò Tổ Chức Lưu Ký và Đại Lý Đăng Ký phải được thực hiện bởi cùng một tổ chức và, tại một thời điểm, Trái Phiếu sẽ chỉ được đăng ký, lưu ký tại tổ chức đó. Căn cứ hợp đồng dịch vụ lưu ký số 01/2021/CA/MML-TCBS ngày 1 tháng 6 năm 2021 ("**Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký**") được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Tổ Chức Lưu Ký ban đầu. Việc thay thế Tổ Chức Lưu Ký (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- 1.4. Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 01/2021/BHA/MML-TCBS ngày 1 tháng 6 năm 2021 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu. Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- 1.5. Các Điều Khoản Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác đối với Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp hợp lệ.

- 1.6. Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) chấp nhận việc lựa chọn TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, (ii) đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký có thể là cùng một tổ chức, (iii) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để, nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, ký kết các Văn Kiện Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iv) đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có thể xảy ra trong tương lai, (v) được xem là đã nghiên cứu, đồng ý và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (vi) có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ gắn với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

2. TÍNH CHẤT

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, có bảo lãnh của bên thứ ba và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành. Trái Phiếu có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Các Trái Phiếu có các quyền và lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào hơn so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành nhằm thực hiện việc thanh toán cho các đối tác trong giao dịch nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư.

4. HÌNH THỨC, MỆNH GIÁ, THỜI HẠN, QUYỀN SỞ HỮU, SỔ ĐĂNG KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG TRÁI PHIẾU

4.1. Hình Thức, Mệnh Giá Và Thời Hạn

- (a) Trái Phiếu được chào bán ra công chúng thông qua phương thức bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa. Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ (quyền sở hữu đối với Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký) và/hoặc dữ liệu điện tử với mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).
- (b) Số lượng Trái Phiếu được phát hành tối đa là 19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm) Trái Phiếu.
- (c) Thời hạn của Trái Phiếu sẽ bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào ngày tròn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành (“Ngày Đáo Hạn”).

4.2. Quyền Sở Hữu, Sổ Đăng Ký Và Chuyển Nhượng Trái Phiếu

- (a) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển nhượng, hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự, thương mại hợp pháp khác phù hợp với quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (b) Kể từ Ngày Phát Hành cho đến trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD hoặc khi Trái Phiếu được mua lại và hủy bỏ (tùy trường hợp nào đến trước):
 - (i) Đại Lý Đăng Ký sẽ lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (A) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
 - (B) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, thời hạn, mệnh giá, Lãi Suất, phương thức thanh toán lãi và gốc;
 - (C) Họ và tên, địa chỉ, số, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác) của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, mã số doanh nghiệp và/hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tài liệu tương đương) của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;
 - (D) Thông tin về Trái Phiếu do mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu;
 - (E) Chi tiết về tài khoản nhận gốc, lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thông báo hoặc đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với Đại Lý Đăng Ký và/hoặc Tổ Chức Lưu Ký tại từng thời điểm; và
 - (F) Các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
 - (ii) Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao thông qua chuyển nhượng và được đăng ký vào Sổ Đăng Ký theo thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký. Bên nhận chuyển nhượng bất kỳ Trái Phiếu nào chỉ được xem là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu đó khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng và việc sở hữu Trái Phiếu của bên nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ Đăng Ký. Bên chuyển nhượng chỉ chấm dứt tư cách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được chuyển nhượng nếu thông tin về bên chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký được xóa hoặc được cập nhật tương ứng với số Trái Phiếu còn lại mà bên chuyển nhượng sở hữu vào Sổ Đăng Ký.
- (c) Kể từ thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký, nội dung và hình thức của Sổ Đăng Ký và việc chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ tuân theo

(iii)

các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng). Việc tạm ngừng giao dịch Trái Phiếu (nếu có) nhằm phục vụ việc đăng ký Trái Phiếu tại VSD sẽ tuân theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của VSD.

- (d) Trừ trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan quy định khác, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được xem là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (e) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan và các Cơ Quan Nhà Nước khác có yêu cầu.
- (f) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được Đại Lý Đăng Ký chấp nhận, sẽ được Đại Lý Đăng Ký cấp 1 (một) bản trích lục hợp lệ Sổ Đăng Ký ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký. Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế có liên quan của VSD và Các Điều Khoản Trái Phiếu này (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSD).

5. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

- 5.1.** Trái Phiếu phải được đăng ký tại Đại Lý Đăng Ký và lưu ký tại Tổ Chức Lưu Ký theo quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 5.2.** Trái Phiếu sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 5.3.** Tổ Chức Phát Hành sẽ có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu với VSD theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, quy chế của VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký. Việc chuyển nhượng Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký hoặc lưu ký Trái Phiếu tại VSD (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/hướng dẫn của VSD và các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm đó.

6. BẢO LÃNH

Căn cứ Thỏa Thuận Bảo Lãnh, Bên Bảo Lãnh bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang tất cả nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo hoặc liên quan đến các Trái Phiếu vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Các điều khoản và điều kiện cụ thể của bảo lãnh đối với các Trái Phiếu được quy định trong Thỏa Thuận Bảo Lãnh.

7. LÃI TRÁI PHIẾU

7.1. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất (“**Lãi Suất**”) như sau:

- (i) đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 9,5%/năm (chín phẩy năm phần trăm một năm); và
- (ii) đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 3,9%/năm (ba phẩy chín phần trăm một năm).

Trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này,

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân với lãi trả sau, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng tiền Đồng do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ trong trường hợp Tổ Chức Lưu Ký không xác định được hay không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo các quy định liên quan tại Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký; và

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại Điều Kiện 7.1 này thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

7.2. Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

7.3. Lãi trên khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:

- (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và

- (ii) đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này, “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào tròn 6 (sáu) tháng và 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành và bất kỳ ngày tròn năm nào của các ngày như vậy trong bất kỳ năm dương lịch nào trong suốt thời hạn Trái Phiếu.

- 7.4. Trong trường hợp tiền lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu không phải là một số nguyên thì tiền lãi trên mỗi Trái Phiếu đó sẽ được làm tròn đến hàng chữ số thứ 3 (ba) ở phần thập phân và tổng số tiền lãi phát sinh trên các Trái Phiếu mà mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị.

8. THANH TOÁN

8.1. Thanh Toán Gốc, Lãi Và Các Khoản Tiền Khác Theo Trái Phiếu

- (a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và quy chế có liên quan của VSD và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD).
- (b) Phụ thuộc vào Điều Khoản 8.3, gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán (thông qua Tổ Chức Lưu Ký) vào ngày đến hạn có liên quan bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (tài khoản này được quy định cụ thể hơn tại Điều Khoản 8.2).
- (c) Thông qua Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) trong các trường hợp mua lại vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng). Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, và lãi (bao gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu và lãi quá hạn, nếu có) sẽ được tính theo Điều Khoản 7, Điều Khoản 8.3(b) và/hoặc Điều Khoản 8.4(b) (tùy trường hợp áp dụng). Khi thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu cùng với thanh toán gốc theo Điều Khoản 8.1(c) này, Tổ Chức Phát Hành được xem là đã hoàn thành việc thanh toán lãi quy định tại Điều Khoản 8.1(d).
- (d) Thông qua Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tương ứng tại Điều Khoản 7 cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.

Tổ Chức Phát Hành được xem là hoàn thành việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo Trái Phiếu khi Tổ Chức Lưu Ký đã nhận được toàn bộ khoản tiền đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký.

- (e) Các khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu tương ứng của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó và theo thứ tự sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):
- (i) thứ nhất, thanh toán tiền lãi phát sinh trên lãi Trái Phiếu bị quá hạn;
 - (ii) thứ hai, thanh toán tiền lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu bị quá hạn;
 - (iii) thứ ba, thanh toán tiền lãi Trái Phiếu; và
 - (iv) thứ tư, thanh toán tiền gốc Trái Phiếu.

8.2. Tài Khoản Đăng Ký

Tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tài khoản ngân hàng bằng tiền Đồng được duy trì bởi hoặc nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký cùng với tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Tổ Chức Lưu Ký hoặc tài khoản khác (theo thông báo của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu với thông tin chi tiết được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng.

8.3. Thanh Toán Vào Ngày Làm Việc

- (a) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3(b), Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (b) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên khoản gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

8.4. Các Quy Định Khác

- (a) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Điều Khoản 8.4(b).
- (b) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi liên quan được

quy định tại Điều Khoản 7.1. Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, (i) phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Phát Hành có thể thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan, và (ii) sẽ không có khoản lãi nào phát sinh trên lãi chậm trả trong bất kỳ trường hợp nào.

- (c) Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (d) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký hoặc danh sách tổng hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSD tại Thời Điểm Khóa Sổ để thực hiện một đợt thanh toán mới được nhận khoản tiền thanh toán tương ứng trong đợt thanh toán đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu của đợt thanh toán có liên quan đó.

9. MUA LẠI, MUA VÀ HỦY BỎ

9.1. Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

9.2. Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2 khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12.1.

9.3. Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành theo các điều khoản và điều kiện sau:
 - (i) Tổ Chức Phát Hành công bố, công khai kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") đến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), Tổ Chức Lưu Ký và Đại Lý Đăng Ký chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại

Trước Hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**"), Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng. Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn;

- (ii) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu); và
 - (iii) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Tổ Chức Lưu Ký quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Tổ Chức Lưu Ký trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào.
- (b) Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSD và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) nêu trên (trong phạm vi quy định tại đoạn (a) không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

9.4. Mua Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điều 9.3 **Error! Reference source not found.** và các hình thức mua lại trước hạn khác phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào từ sau khi Trái Phiếu được giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

9.5. Hủy Bỏ

Trái Phiếu sau khi được Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liền trước, mọi nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

9.6. Xử Lý Phần Lẻ Trái Phiếu

Trong mọi trường hợp mua lại Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành có quyền hoặc phải mua lại từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền chỉ định một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhất định để mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

10. HỘI NGHỊ CÁC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- (a) (i) Tổ Chức Lưu Ký (khi Tổ Chức Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành có yêu cầu sửa đổi nội dung của Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký mà việc sửa đổi đó gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào và khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thấy các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cần thiết phải đưa ra quyết định, chỉ thị), (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định, chỉ thị theo các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan), (iii) Tổ Chức Phát Hành, hoặc (iv) một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập (A) hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") hoặc (B) tổ chức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản theo các hình thức phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng một hoặc kết hợp các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản giấy, hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) (gọi chung là "**Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**").
- (b) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp như hội nghị qua điện thoại (teleconference), hội nghị trực tuyến (video conference) hoặc các hình thức khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thỏa thuận bằng văn bản. Việc triệu tập và tiến hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (c) Sau khi nhận được yêu cầu triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc yêu cầu tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ theo quy định tại Điều Kiện 10(a) nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện các công việc cần thiết để triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo trình tự và thủ tục được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các quy định của Điều Kiện 10 này.

(d) Một Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bất kỳ chỉ được xem là được triệu tập hợp lệ nếu có sự tham dự của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu Trái Phiếu với tỷ lệ tương ứng như sau:

- (i) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập liên quan đến hoặc đề thông qua (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và
- (ii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập liên quan đến hoặc đề thông qua (các) Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) trở lên tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị.

(e) Ngoại trừ Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, nghị quyết hoặc quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) của tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

Mọi Vấn Đề Loại Trừ phải được quyết định bởi một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Tỷ lệ cần thiết để thông qua Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được xác định trong định nghĩa "Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối" tại Điều Khoản 17.1.

Nghị quyết được thông qua bằng hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tiến hành phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(f) Nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (kể cả Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối) được thông qua hợp lệ sẽ có giá trị ràng buộc tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Bất kỳ nghị quyết nào của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10 này mà:

- (i) có quyết định mâu thuẫn hoặc không nhất quán với bất kỳ quy định nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác;
- (ii) đòi hỏi hoặc dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc
- (iii) làm phát sinh thêm hoặc làm tăng thêm nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào so với trước khi thông qua nghị quyết đó,

sẽ chỉ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận bằng văn bản.

Để tránh nhầm lẫn, Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua hợp lệ nhằm xác định Sự Kiện Vi Phạm hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu do xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12 sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà không cần chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

- (g) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được tham dự và biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó hoặc đưa ra ý kiến trong lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.
- (h) Bất kể có quy định nào khác đi trong Các Văn Kiện Trái Phiếu, nghị quyết được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó chấp thuận (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không đáp ứng quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, có thể triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo trình tự và thủ tục được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các quy định của Điều Khoản 10 này đối với các vấn đề đã được đưa ra thảo luận tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước đó nhưng chưa có nghị quyết nào được thông qua liên quan đến vấn đề đó theo quy định tại Điều Khoản 10 này.

11. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ tuân thủ các nghĩa vụ dưới đây tại mọi thời điểm từ Ngày Phát Hành đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào:

(a) Tư Cách Pháp Lý

Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mỗi Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý là một công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, trừ các trường hợp được phép theo quy định tại các Điều Khoản 11(g) và 11(h).

(b) Tuân Thủ Luật

Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành tuân thủ bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(c) Sửa Đổi Điều Lệ

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, trừ khi được yêu cầu khác đi bởi các quy định bắt buộc của bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nào hoặc trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết thông thường của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản, không có sửa đổi nào đối với điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ thời điểm nào sẽ được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến các quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán

Tổ Chức Phát Hành sẽ ngay lập tức thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và kiểm soát, hệ thống quản lý thông tin, và sổ sách kế toán và các chứng từ khác, mà cùng với nhau đủ để thể hiện một cách khách quan, chính xác và đúng đắn điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với CMKTVN và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(e) Bảo Hiểm

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, nếu có thể mua được tại Việt Nam, mua bảo hiểm và duy trì bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm có uy tín và lành mạnh về tài chính, đối với tất cả các tài sản và công việc kinh doanh quan trọng của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành khỏi các tổn thất lớn.

(f) Thuế

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, thanh toán và hoàn thành hợp lệ và đúng hạn mọi khoản thuế ấn định cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con có liên quan đó hoặc ấn định lên tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng liên quan đến thuế.

(g) Không Giải Thể

Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm rằng sẽ không có bất kỳ quyết định giải thể nào (được quy định tại Khoản 1 Điều 208 của Luật Doanh Nghiệp) được thông qua đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành trừ khi việc giải thể là vì mục đích, hoặc là kết quả, của việc tổ chức lại doanh nghiệp được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(h) Tổ Chức Lại Doanh Nghiệp Và Chuyển Nhượng Tài Sản

Tổ Chức Phát Hành không được:

- (i) cam kết hoặc cho phép bất kỳ giao dịch sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hay tổ chức lại doanh nghiệp theo hình thức khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành;
- (ii) chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành với tổng giá trị chuyển nhượng trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Tổ Chức Phát Hành (tính trên cơ sở hợp nhất) hoặc Công Ty Con Chính đó (tính trên cơ sở hợp nhất) theo Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Tổ Chức Phát Hành/Công Ty Con Chính cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào; hoặc
- (iii) giảm tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) của Tổ Chức Phát Hành trong Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành xuống dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty Con Chính đó,

trừ trường hợp các hành động nêu trên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (A) cho dù Tổ Chức Phát Hành bị chấm dứt tồn tại hay không và (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu;
- (B) cho dù Công Ty Con Chính đó bị chấm dứt tồn tại hay không với điều kiện là (xx) (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ có liên quan của Công Ty Con Chính đó, và (yy) (I) Công Ty Con Chính đó hoặc (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan đồng ý bảo lãnh, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (II) được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận;
- (C) không gây ra một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành;
- (D) khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng tài sản được dùng để (xx) nhận chuyển nhượng hoặc mua các tài sản sẽ được sử dụng trong hoạt động kinh doanh thông thường của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc tăng quy mô vốn hoạt động hoặc thực hiện các chương trình dự án đầu tư của Tổ Chức Phát hành hay Công Ty Con Chính, hoặc (yy) thanh toán bất kỳ khoản nợ nào mà có thứ tự ưu tiên thanh toán không thấp hơn nghĩa vụ thanh toán Trái Phiếu, trong thời hạn 364 (ba trăm sáu mươi tư) ngày kể từ ngày chuyển nhượng;
- (E) được chấp thuận bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (F) được chấp thuận bởi một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
- (G) việc chuyển nhượng tài sản là cổ phần/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành hoặc một Công Ty Con Chính trong một Công Ty Con khác ("**Công Ty Mục Tiêu**") được thực hiện giữa một bên là Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính đó và bên còn lại là (các) Công Ty Con khác (mà không phải là Công Ty Mục Tiêu) mà không làm giảm tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) của Tổ Chức Phát Hành hoặc của Công Ty Con Chính đó trong Công Ty Mục Tiêu xuống dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty Mục Tiêu đó.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau khi cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua các chấp thuận nội bộ về việc thực hiện bất kỳ hành động nào được quy định tại các đoạn (i), (ii), và (iii) và thuộc bất kỳ trường hợp nào được quy định tại các đoạn (A) đến (G) nêu trên kèm theo thời gian dự kiến thực hiện và các tài liệu hoặc thông tin thể hiện các giao dịch đó được phép thực hiện theo các quy định nêu trên.

(i) Các Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, xin được, duy trì hiệu lực (kể cả gia hạn hoặc xin cấp mới) và tuân thủ các Chấp Thuận cần thiết và quan trọng cho (i) hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, và (ii) việc tuân thủ tất cả các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu (để tránh nhầm lẫn, nếu xảy ra bất kỳ sự kiện không tuân thủ nào đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật trong phạm vi liên quan đến Chấp Thuận thì sẽ áp dụng quy định tại Điều Khoản 11(i) này mà không phải quy định tại Điều Khoản 11(b) để xử lý).

(j) Thông Báo Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng

Nếu một sự kiện xảy ra mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được sự tồn tại của sự kiện đó trong đó nêu các chi tiết hợp lý của sự kiện đó.

(k) Vi Trí Ngang Bằng

Các Trái Phiếu sẽ tạo thành các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và không được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành và, tại mọi thời điểm, được xếp *ít nhất là ngang bằng* với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và không được bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành trong hiện tại cũng như trong tương lai.

(l) Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa để đảm bảo rằng các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, ký kết các Giao Dịch Với Người Có Liên Quan theo các điều kiện thương

mại thông thường, chỉ trên cơ sở bình đẳng và phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(m) Công Bố Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải công bố theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu/thông tin sau đây:

- (i) Báo Cáo Tài Chính năm của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (ii) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (iii) Thông tin về bất kỳ thay đổi nào về (A) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành, và (C) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày diễn ra thay đổi đó; và
- (iv) Danh sách Công Ty Con Chính được cập nhật định kỳ hàng năm vào mỗi thời điểm cung cấp Báo Cáo Tài Chính năm có liên quan tại đoạn (i) bên trên. Vào ngày ký của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, danh sách Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ % EBITDA/EBITDA của Tổ Chức Phát Hành (năm 2020) ($\geq 20\%$)	Tỷ lệ sở hữu bởi Tổ Chức Phát Hành (trực tiếp hoặc gián tiếp) (%)
1	Công Ty TNHH MNS Feed	87%	99,99%
2	Công Ty Cổ Phần Việt – Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc	67%	75,15%
3	Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế	19%	99,99%

(n) Sử Dụng Số Tiền Thu Được

Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ sử dụng số tiền thu được từ Trái Phiếu cho mục đích quy định tại Điều Khoản 3. Vì mục đích của quy định này, Tổ Chức Phát Hành sẽ bảo đảm rằng:

- (i) cho đến khi Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tròn mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 6 (sáu) tháng đó kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này; và
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn kể từ ngày gần nhất Tổ Chức Phát Hành cung cấp báo cáo theo quy định tại đoạn (i) nêu trên cho đến ngày sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

(o) Cam Kết Khác

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có đủ nguồn tiền để thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi Trái Phiếu nào khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong một hoặc một số Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành để chấp thuận việc phân chia lợi nhuận của các Công Ty Con đó (trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng cho phép) để Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc thanh toán khoản gốc và lãi Trái Phiếu đã đến hạn.

(p) Đáp Ứng Điều Khoản Chào Bán Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng, tại Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng các điều kiện để chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức chào bán ra công chúng tại thị trường Việt Nam theo các quy định có liên quan của Luật Chứng Khoán, Nghị Định 155 và Thông Tư 118, bao gồm, nhưng không giới hạn, việc Tổ Chức Phát Hành không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 (một) năm.

12. SỰ VI PHẠM

12.1. Sự Kiện Vi Phạm

Nếu (i) có bất kỳ sự kiện nào dưới đây đã xảy ra và đang tiếp diễn và (ii) đã có một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được thông qua hợp lệ xác định sự kiện đó đã xảy ra và cấu thành một vi phạm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và do đó Trái Phiếu cần bị tuyên bố đến hạn để Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (điều kiện nêu tại mục (ii) này không áp dụng đối với bất kỳ sự kiện nào quy định tại đoạn (a) và đoạn (b) dưới đây) thì sự kiện đó được xem là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

(a) Không Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Phát Hành khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.

(b) Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định có liên quan nào của pháp luật Việt Nam về chào bán trái phiếu ra công chúng (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.

(c) Vi Phạm Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ bất kỳ cam kết nào được quy định tại Điều Khoản 11 sau khi Trái Phiếu đã được phát hành và việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan, *tuy nhiên với điều kiện là việc không tuân thủ các cam kết quy định tại các điều kiện sau:*

- (i) Điều Khoản 11(b) (Tuân Thủ Luật);
- (ii) Điều Khoản 11(d) (Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán);
- (iii) Điều Khoản 11(e) (Bảo Hiểm);
- (iv) Điều Khoản 11(f) (Thuế);
- (v) Điều Khoản 11(i) (Các Chấp Thuận); và
- (vi) Điều Khoản 11(l) (Giao Dịch Với Người Có Liên Quan),

sẽ chỉ được xem là Sự Kiện Vi Phạm nếu gây ra, hoặc có thể được dự tính một cách hợp lý và rõ ràng là sẽ gây ra, một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành. Cho dù có quy định tại câu liên trước, việc Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ các cam kết nêu trên là kết quả của hoặc có liên quan đến việc thực hiện các hành động phù hợp với các Điều Khoản 11(g) và 11(h) sẽ không được xem là Sự Kiện Vi Phạm trong bất kỳ trường hợp nào và theo bất kỳ cách thức nào.

(d) Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Khoản Nợ đó.

Vì mục đích của quy định này, “**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến:

- (A) các khoản tiền vay;
- (B) giấy nhận nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ hoặc các chứng khoán nợ tương tự khác;
- (C) thư tín dụng chấp nhận thanh toán (acceptance credit);
- (D) các khoản phải thu đã bán hoặc chiết khấu (trừ trường hợp được bán hoặc chiết khấu trên cơ sở không truy đòi);
- (E) chi phí mua bất kỳ tài sản nào phải thanh toán trước hoặc sau thời điểm người có nghĩa vụ thanh toán mua hoặc sở hữu tài sản đó nếu khoản thanh toán trước hoặc khoản tiền trả chậm chủ yếu được thu xếp như một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (F) bất kỳ hợp đồng thuê tài sản nào được ký kết chủ yếu như là một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (G) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ hay hoán đổi lãi suất nào, giao dịch về mức trần hoặc mức sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào được ký kết nhằm tránh bị ảnh hưởng bởi hoặc nhằm thu lợi từ việc biến động lãi suất hoặc giá (trừ trường hợp đối với một khoản tiền không được thanh toán, khoản tiền đó sẽ được tính bằng cách sử dụng giá trị được điều chỉnh theo giá trị thị trường của bất kỳ giao dịch phái sinh nào);
- (H) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có giá trị về mặt thương mại như là một khoản vay hoặc hoạt động huy động vốn;
- (I) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng nào đối với bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu, thư tín dụng hoặc bất kỳ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc

- (J) bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc biện pháp đảm bảo có tính chất tương tự nào cho tổn thất tài chính của một Tổ Chức/Cá Nhân nào liên quan đến bất kỳ mục nào nêu tại các đoạn từ (A) đến (I) nêu trên.
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.

(e) Mất Khả Năng Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh toán của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con) theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(f) Quốc Hữu Hóa

Bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là (i) tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc (ii) vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(g) Bất Hợp Pháp

Việc Tổ Chức Phát Hành thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Khoản Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

12.2. Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm

- (a) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra, bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
- (b) Ngay sau khi nhận được thông báo từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(a), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn ("**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**") và khi đó tất cả tiền gốc, lãi và các khoản

thanh toán khác theo Trái Phiếu sẽ lập tức đến hạn và phải được thanh toán trong thời hạn quy định tại Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn. Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nêu rõ Sự Kiện Vi Phạm dẫn đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng và ngày Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền liên quan đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu ("**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**"). Để làm rõ:

- (i) nếu Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSD tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn và Ngày Thanh Toán Cuối Cùng sẽ là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) kể từ ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
 - (ii) nếu Trái Phiếu đã lưu ký tại VSD tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ấn định phù hợp với quy chế thực hiện quyền của VSD. Trong trường hợp này, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đến VSD để thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền có liên quan.
- (c) Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Cuối Cùng (trừ trường hợp Trái Phiếu đã niêm yết tại thời điểm mua lại và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại thời điểm đó có quy định khác).
- (d) Nếu đến hết Ngày Thanh Toán Cuối Cùng mà Tổ Chức Phát Hành vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c) và phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2(e) dưới đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Bên Bảo Lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, các điều khoản của Thỏa Thuận Bảo Lãnh và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; *tuy nhiên, với điều kiện là việc yêu cầu Bên Bảo Lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chỉ trong phạm vi các khoản nợ gốc chưa thanh toán của các Trái Phiếu, bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán và các khoản thanh toán khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.*
- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị buộc phải tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc hành động nào khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này trừ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ thị hoặc được yêu cầu thực hiện các thủ tục hoặc hành động khác đó theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, và chỉ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bồi hoàn và/hoặc đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ trách nhiệm mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc có thể phải chịu khi thực hiện theo Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối đó.

- (f) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu (kể cả quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán).

13. THÔNG BÁO VÀ ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

13.1. Thông Báo

- (a) Trừ trường hợp có quy định khác tại các Văn Kiện Trái Phiếu, mọi thông báo và thư từ liên lạc gửi cho hoặc gửi từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được xem là được gửi hợp lệ bằng một hoặc các hình thức sau: (i) giao tận tay, (ii) gửi bằng thư bảo đảm, (iii) gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, (iv) gửi qua thư điện tử, (v) gửi qua tin nhắn điện thoại, (vi) gửi qua fax (và bản gốc phải được gửi bằng đường bưu điện trong thời hạn 2 (hai) Ngày Làm Việc sau đó) đến địa chỉ và số fax được quy định tại Điều Kiện 13.1(c) dưới đây hoặc (vii) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, phương thức thông báo tại các mục (iv) và (v) trong câu liên trước chỉ áp dụng đối với các thông báo và thư từ liên lạc gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Bất kỳ thông báo hoặc thư từ liên lạc nào như vậy sẽ được xem là đã nhận được:
- (i) nếu được giao tận tay, tại thời điểm giao;
 - (ii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iii) nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư từ liên lạc có liên quan;
 - (iv) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
 - (v) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn của người gửi);
 - (vi) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác; hoặc

- (vii) nếu được công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Trái Phiếu được niêm yết (nếu áp dụng) thời điểm tròn 24 (hai mươi bốn) giờ từ thời điểm công bố.
- (c) Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng. Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu là các địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax tương ứng được quy định tại Điều Khoản 13.2.

13.2. Địa Chỉ Đăng Ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác được bên tương ứng thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13.1:

Đối với Tổ Chức Phát Hành:

Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 6256 3862
Fax: 028 3827 4115
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://masanmeatlife.com.vn>

Đối với Đại Lý Đăng Ký ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 – 24 - 3944 6368
Số fax: 84 – 24 - 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Tổ Chức Lưu Ký ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 – 24 - 3944 6368
Số fax: 84 – 24 - 3944 6583

Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại
Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 – 24 - 3944 6368
Số fax: 84 – 24 - 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

14. SỬA ĐỔI

- (a) Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận và phải được Tổ Chức Phát Hành đồng ý bằng văn bản. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu này để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các sai sót về lỗi chính tả, kỹ thuật soạn thảo văn bản và dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ sửa đổi nào như vậy sẽ chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và việc sửa đổi đó sẽ được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có thể nhưng không muộn hơn 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ khi việc sửa đổi được hoàn tất.
- (b) Việc sửa đổi, bổ sung mỗi Văn Kiện Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo phương thức quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu đó.

15. LUẬT ÁP DỤNG

Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

16. TRỌNG TÀI

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này (kể cả tranh chấp liên quan đến việc tính toán bất kỳ khoản tiền nào theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

17. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

17.1. Định Nghĩa

Khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này:

“**Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể**” có nghĩa, liên quan đến Tổ Chức Phát Hành, là việc xảy ra một sự kiện mà có thể được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dự tính một cách hợp lý là sẽ dẫn đến việc giảm EBITDA hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính có liên quan ở mức bằng hoặc cao hơn 20% (hai mươi phần trăm) EBITDA hợp nhất tương ứng của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính trước đó (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành).

“**Bản Cáo Bạch**” có nghĩa là bản cáo bạch được Tổ Chức Phát Hành lập theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho mục đích chào bán các Trái Phiếu ra công chúng.

“**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa,

- (i) đối với Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận và khoản lỗ) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) và bản thuyết minh của các báo cáo được lập phù hợp với CMKTVN; và
- (ii) đối với Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm hoặc bán niên được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận và khoản lỗ) riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) được lập phù hợp với CMKTVN và bản thuyết minh của các báo cáo (nếu có).

“**Bên Bảo Lãnh**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0303576603 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2004, như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm, và có địa chỉ đăng ký tại Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.1.

“**Chấp Thuận**” có nghĩa là (i) chấp thuận, giấy phép, cho phép, đồng ý, phê duyệt hoặc chấp thuận thuộc bất kỳ loại nào khác do bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào cấp hoặc (ii) đăng ký, báo cáo với hay thông báo cho bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào có thẩm quyền.

“**Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là chủ sở hữu của Trái Phiếu và là Tổ Chức/Cá Nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký. Để tránh nhầm lẫn, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, việc xác định “Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” phải tuân theo quy định của các Văn

Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

“**CMKTVN**” có nghĩa là các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty hoạt động tại Việt Nam.

“**Công Ty Con**” có nghĩa, đối với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào, là bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh nào khác của Tổ Chức/Cá Nhân đó mà Tổ Chức/Cá Nhân đó trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát (cho dù trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều công ty hoặc thực thể kinh doanh khác) hơn năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc quyền sở hữu khác có quyền biểu quyết để bổ nhiệm giám đốc, người quản lý hoặc người đại diện của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó hoặc bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh khác nào mà tại bất kỳ thời điểm nào sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó hoặc theo quy định của bất kỳ luật có liên quan nào khác, các quy chế hoặc chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung tại từng thời điểm thì các sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó phải được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó.

“**Công Ty Con Chính**” có nghĩa là bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành có EBITDA trong Năm Tài Chính liền trước chiếm từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với EBITDA của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính liền trước đó (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Con liên quan).

“**Công Ty Mục Tiêu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 11(h)(G).

“**Cơ Quan Nhà Nước**” bao gồm chính phủ Việt Nam hoặc các tổ chức hoặc cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam, cơ quan chịu sự quản lý một phần của chính phủ hoặc cơ quan tư pháp hoặc cơ quan lập pháp có liên quan.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.4.

“**Đại Lý Đăng Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

“**EBITDA**” có nghĩa, liên quan đến một công ty, là lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao của công ty đó trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất của công ty đó và được tính như sau:

$$\text{EBITDA} = A - B - C + D$$

trong đó,

A, B, C lần lượt là “*lợi nhuận gộp*”, “*chi phí bán hàng*” và “*chi phí quản lý doanh nghiệp*” như được trình bày tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và

D là “*khấu hao và phân bổ tài sản cố định, giá trị phân bổ của giá trị lợi thế thương mại, phân bổ của chi phí trả trước dài hạn*” như được trình bày tại thuyết minh tài sản cố định hữu hình, thuyết minh tài sản cố định hữu hình thuê tài chính, thuyết minh tài sản cố định vô hình, thuyết minh lợi thế thương mại và thuyết minh chi phí trả trước dài hạn của Báo Cáo Tài Chính hợp nhất trong kỳ kế toán tương ứng.

“**Giao Dịch Với Người Có Liên Quan**” nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được quy định tại Khoản 1 Điều 67, Khoản 1 Điều 86 và Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp.

“**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.4.

“**Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“**Khoản Nợ**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1(d)(i).

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Luật Chứng Khoán**” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm.

“**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**Năm Tài Chính**” có nghĩa là giai đoạn tính từ và bao gồm ngày 1 tháng 1 của một năm dương lịch cho đến và bao gồm ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch đó.

“**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 4.1(e).

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**”, liên quan đến việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

(i) trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD:

(A) Ngày Làm Việc thứ mười một (11) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày thực hiện quyền khác có liên quan, tùy trường hợp áp dụng (áp dụng

cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (i)(B) và (i)(C) dưới đây);

- (B) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
- (C) ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn hoặc ngày được quy định trong Thông Báo Chào Mua; hoặc

(ii) trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD:

- (A) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (ii)(B), (ii)(C) hoặc (ii)(D) dưới đây);
- (B) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong phạm vi phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của VSD nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c);
- (C) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của VSD và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
- (D) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của VSD để chốt danh sách đó trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“Ngày Xác Định Lãi Suất”, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

“Ngày Làm Việc” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ chính thức nào (kể cả ngày nghỉ bù) tại Việt Nam.

“Ngày Phát Hành” có nghĩa là ngày hoàn thành việc phát hành Trái Phiếu và được xác định tại báo cáo kết quả phát hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo quy định tại Luật Chứng Khoán.

“Ngày Mua Lại Trước Hạn” có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu theo các sự kiện mua lại trước hạn quy định tại Điều Khoản 9.

“Ngày Thanh Toán Cuối Cùng” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.3.

“Nghị Định 155” nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.

“Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) của tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

“Phương Án Phát Hành Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“Sổ Đăng Ký” có nghĩa là sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Trong các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này về tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc về việc xác định Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ tương ứng khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán theo Trái Phiếu (kể cả thanh toán khi mua lại) sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, dẫn chiếu đến “Sổ Đăng Ký” còn bao gồm cả danh sách tổng hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) được VSD lập và gửi cho Tổ Chức Phát Hành theo quy chế thực hiện quyền có liên quan của VSD cho lần thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ tương ứng.

“Sở Giao Dịch Chứng Khoán” có nghĩa là có nghĩa là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam mà tại đó Trái Phiếu được phép niêm yết.

“Sự Kiện Vi Phạm” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1.

“TCBS” có nghĩa là như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“Thỏa Thuận Bảo Lãnh” có nghĩa là thỏa thuận bảo lãnh thanh toán số 01/2021/BLTT/MSN-TCBS ngày 4 tháng 6 năm 2021 được ký kết giữa Bên Bảo Lãnh và Đại Diện Sở Hữu Trái Phiếu và các thỏa thuận bảo lãnh thanh toán bổ sung, thay thế phát sinh sau Ngày Phát Hành.

“Thời Điểm Khóa Sổ” có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, thời điểm 18:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD, thời điểm mà VSD thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“Thời Hạn Đăng Ký Bán” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(i).

“Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“Thông Báo Chào Mua” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(i).

“**Thông Tư 118**” có nghĩa là Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

“**Tổ Chức/Cá Nhân**” có nghĩa là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2015.

“**Tổ Chức Lưu Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3.

“**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(iii).

“**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015 (như được sửa đổi tại từng thời điểm), và trong trường hợp các Điều trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì sẽ bao gồm cả bất kỳ văn bản nào mà sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các Điều đó.

“**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là mỗi trong số các văn kiện sau:

- (i) Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (ii) Thỏa Thuận Bảo Lãnh;
- (iii) Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký;
- (iv) Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký; và
- (v) Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

“**Vấn Đề Loại Trừ**” có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào dưới đây:

- (i) điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào;
- (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán gốc Trái Phiếu;
- (iii) điều chỉnh Lãi Suất;
- (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán đối với Trái Phiếu;
- (v) thay đổi điều kiện tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ;

- (vi) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vii) thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (viii) sửa đổi định nghĩa về Vấn Đề Loại Trừ; hoặc
- (ix) bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác.

“VIAC” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 16.

“Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

“VSD” có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam, tùy từng trường hợp áp dụng.

17.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

- (a) Các tiêu đề của bất kỳ Điều Khoản hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Khoản hay đoạn đó.
- (b) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này đến các Điều Khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các điều kiện và đoạn của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (c) Các cụm từ “của Các Điều Khoản Trái Phiếu này”, “trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và “theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Các Điều Khoản Trái Phiếu này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (d) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.
- (e) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà có thể được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.
- (f) Đề cập đến một chủ thể (kể cả Đại Lý Đăng Ký hoặc Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chủ thể nhận chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.

- (g) Dẫn chiếu đến “nghị quyết”, “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến nghị quyết, quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, việc xác định thời hạn sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (j) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành hợp lệ và được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (k) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.
- (l) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều Khoản 17.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (m) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

PHỤ LỤC II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

1. Triệu Tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- 1.1 Trình tự triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị**") quy định từ Mục 1 đến Mục 5 được áp dụng nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký với VSD.
- 1.2 Hội Nghị sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.
- 1.3 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định.
- 1.4 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Đăng Ký xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.
- 1.5 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập Hội Nghị và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị, các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.
- 1.6 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 1.7 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập Hội Nghị về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (bảo đảm đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Mục 1.6 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai

mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Mục 3.2 của Phụ Lục II này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục II này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.
- 2.3 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Mục 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Mục 2.2 trên hoặc kiến nghị không phải là vấn đề cần Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo Các Điều Kiện Trái Phiếu. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp của Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 3.2 Chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Bên Bảo Lãnh (gọi chung là "**Đại Biểu**") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị. Tuy nhiên, chỉ có Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thẻ Thúc Tiến Hành Hội Nghị

- 4.1 Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị, với điều kiện là nếu Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân tham dự thông qua người đại diện, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.

- 4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).
- 4.3 Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 4.4 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.
- 4.5 Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.
- 4.6 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.
- 4.7 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Mục 4.2 của Phụ Lục II này và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.8 Cho dù có các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Mục 2.2 của Phụ Lục II này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
- (ii) thông tin về Trái Phiếu;
- (iii) thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
- (iv) chương trình và nội dung Hội Nghị;
- (v) chủ toạ và thư ký;
- (vi) tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- (vii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- (viii) tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành và không tán thành; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và
- (ix) các quyết định đã được thông qua.

5.2 Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Mục 5.1 của Phụ Lục II này mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Mục 4.2(ii) của Phụ Lục II này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Mục 4.8 của Phụ Lục II này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3 Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

6. Tổ Chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Nếu Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Với VSD

- 6.1 Việc thực hiện Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- 6.2 Khi có nhu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, các đối tượng được quy định tại Điều Khoản 10(a) của Các Điều Khoản Trái Phiếu có yêu cầu Lấy Ý Kiến phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp) ("**Phiếu Lấy Ý Kiến**").
- 6.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.
- 6.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung Phiếu Lấy Ý Kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.
- 6.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 6.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc chi trả chi phí tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (bảo đảm đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Mục 6.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Mục 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có Phiếu Lấy Ý Kiến và dự thảo quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền gia hạn thời gian lấy ý kiến trong trường hợp đã kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến mà chưa đủ Phiếu Lấy Ý Kiến cần thiết để thông qua một, một số hoặc toàn bộ nội dung xin ý kiến nhưng trong mọi trường hợp thời gian gia hạn lấy ý kiến không được vượt

quá 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến và phải thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn này.

- 6.7 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền đưa ra ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.
- 6.8 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký; tuy nhiên, chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.9 Phiếu Lấy Ý Kiến đã được trả lời phải được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành (theo chọn lựa của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.10 Phiếu Lấy Ý Kiến được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu Lấy Ý Kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:
 - (i) được gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc
 - (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong Phiếu Lấy Ý Kiến đó, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành.
- 6.11 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành kiểm phiếu tại các thời điểm như sau, tùy từng trường hợp áp dụng:
 - (a)
 - (i) Khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết để thông qua quyết định theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (để làm rõ, trong trường hợp có nhiều nội dung lấy ý kiến thì số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến cần thiết là số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết đối với vấn đề cần tỷ lệ thông qua cao nhất), hoặc (ii) khi hết thời hạn Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Mục 6.6 thì:
 - (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Mục 6.12; và
 - (B) Trong trường hợp một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được thông qua bởi những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu cần thiết theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, căn cứ vào biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ký và ban hành nghị quyết đối với một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được chấp thuận (nếu có).

- (b) Đến thời điểm cuối cùng nhận ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) không gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (ii) khi kết thúc thời gian gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (iii) khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đủ Phiếu Lấy Ý Kiến của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, ký và ban hành nghị quyết đối với các nội dung và vấn đề được đưa ra lấy ý kiến đã được thông qua hợp lệ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu trên cơ sở biên bản kiểm phiếu đã lập, trừ nội dung đã được chấp thuận tại Mục 6.11(a)(ii) (nếu có).

6.12 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (ii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
- (iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành và không tán thành đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
- (iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
- (v) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đại diện của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

6.13 Tỷ lệ cần thiết để thông qua một quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

6.14 Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào cùng ngày lập biên bản kiểm phiếu.

7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký Tại VSD

- 7.1 Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng)).
- 7.2 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với VSD để nhận danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

8. Các Quy Định Chung

- 8.1. Thời điểm xác định số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc 45 (bốn mươi lăm) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc Hội Nghị.
- 8.2. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được tán thành bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá số Trái Phiếu đang lưu hành của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.
- 8.3. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký trên cơ sở có thu phí.
- 8.4. Mọi chi phí, phí tổn thực tế (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là Tổ Chức Phát Hành) hoặc mọi chi phí, phí tổn hợp lý (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành gánh chịu.

PHỤ LỤC III

MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY (“Thỏa Thuận Tham Gia”) được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

- (1) **[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** (“**Tổ Chức Phát Hành**”)

Mã số doanh nghiệp : [●]

Địa chỉ đăng ký : [●]

- (2) **[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**”)¹

Mã số doanh nghiệp : [●]

Địa chỉ đăng ký : [●]

- (3) **[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**”)

Mã số doanh nghiệp : [●]

Địa chỉ đăng ký : [●]

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

XÉT RẰNG,

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm 2021 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm (“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”) và đồng ý thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm ngay trước ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này) để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

¹ Không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 9.04.

- (B) Theo quy định tại Điều 9.01(d) của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành.

DO VẬY, NAY, các bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1 Bằng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và (ii) do vậy, sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 1.2 Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Vì mục đích được quy định tại Điều Kiện 13.2 của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 11.04 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, địa chỉ, số fax và người nhận của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế]

Địa chỉ: [●]

Số fax: [●]

Người nhận: [●]

3. Các Quy Định Khác

- 3.1 Thỏa Thuận Tham Gia này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và được xem là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh cho Thỏa Thuận Tham Gia này như thể được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3 Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- 3.4 Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành 4 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ 2 (hai) bản gốc.

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia này.

[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành] với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm]² với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm



Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

² Không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 9.04.

